

MỤC LỤC

TT	NỘI DUNG - TÁC GIẢ	TRANG
1	Báo cáo đề dẫn Hội thảo <i>Ts. Đỗ Minh Tuấn</i> <i>Phó Hiệu trưởng Phụ trách trường</i>	1
2	Sự phát triển tư duy về phương thức lãnh đạo đối với nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa từ đại hội VI đến đại hội XIII của đảng - một số vấn đề đặt ra hiện nay <i>Ths. Phạm Hữu Kiên - Phó Hiệu trưởng</i>	11
3	Tăng cường vai trò, trách nhiệm Viện Kiểm sát nhân dân nhằm đáp ứng yêu cầu của nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam trong giai đoạn hiện nay <i>Ths. Vũ Thị Đoan</i> <i>Viện Trưởng Viện Kiểm sát nhân dân Tp. Hạ Long</i>	21
4	Xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam và thực tiễn tại Quảng Ninh <i>Ths. Hoàng Đại Dương</i> <i>Phòng Lý luận chính trị và Lịch sử Đảng, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy</i>	28
5	Thực tiễn ban hành và áp dụng pháp luật tại tỉnh Quảng Ninh góp phần xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam hiện nay <i>Ths. Lê Thị Huệ - Sở Tư pháp tỉnh</i> <i>Học viên lớp Trung cấp chính trị C282</i>	35
6	Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư và một số vấn đề đặt ra trong việc xây dựng, hoàn thiện nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam <i>Ths. Nguyễn Đức Phương</i> <i>Giảng viên Khoa Nhà nước và Pháp luật</i>	40
7	Nghiên cứu, vận dụng quan điểm đại hội XIII của Đảng về xây dựng nhà nước pháp quyền vào giảng dạy môn “Nội dung cơ bản về nhà nước và pháp luật Việt Nam” <i>ThS. Phan Thị Hải Yến</i> <i>Trưởng khoa Nhà nước và pháp luật</i>	50

HỘI THẢO KHOA HỌC “XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM VÀ THỰC TIỄN VẬN DỤNG TẠI QUẢNG NINH”

8	Thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hữu nghị hợp tác và phát triển để xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam <i>ThS. Nguyễn Minh Hải - Phó trưởng khoa Nhà nước và Pháp luật</i>	61
9	Đấu tranh phản bác quan điểm sai trái của các thế lực thù địch về nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay <i>Ths. Trần Thị Thu Trang</i> <i>Phó trưởng Khoa Nhà nước và Pháp luật</i>	66
10	Hoàn thiện cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước, giải pháp quan trọng xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam <i>Ths. Nguyễn Hải Ninh - Phó Trưởng phòng Đào tạo</i>	72
11	Một số giải pháp đổi mới phương thức lãnh đạo của Tỉnh ủy Quảng Ninh đối với Ủy ban nhân dân tỉnh hiện nay <i>Th.s Phạm Hữu Kiên - Phó Hiệu trưởng</i>	78
12	Vận dụng tư tưởng về nhà nước pháp quyền của Chủ tịch Hồ Chí Minh vào thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương <i>Ths. Vy Thị Lê</i> <i>Trưởng khoa Nhà nước và Pháp luật</i> <i>Trường chính trị Hoàng Văn Thụ, tỉnh Lạng Sơn</i>	86
13	Cải cách hành chính với việc xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam - thực tiễn tại Quảng Ninh <i>ThS. Nguyễn Minh Hải</i> <i>Phó trưởng khoa Nhà nước và Pháp luật</i>	94
14	Trách nhiệm của các chủ thể trong tham gia xây dựng nhà nước pháp quyền Việt Nam <i>Lê Mạnh Sơn</i> <i>Nguyên Trưởng khoa Nhà nước và pháp luật</i>	101
15	Bác bỏ luận điệu sai trái phủ nhận vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam trong lãnh đạo, xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam <i>Th.s Nguyễn Thị Thu Hiền - Phó trưởng khoa Xây dựng Đảng</i>	104

HỘI THẢO KHOA HỌC “XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM VÀ THỰC TIỄN VẬN DỤNG TẠI QUẢNG NINH”

16	Một số tiêu chí đảm bảo nhà nước pháp quyền <i>ThS. Nguyễn Thị Ngọc Lan</i> <i>Giảng viên Khoa Nhà nước và Pháp luật</i>	110
17	Quảng Ninh - nỗ lực xây dựng chính quyền liên chính, phục vụ nhằm hiện thực hóa mục tiêu xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN <i>Ths. Tô Thị Thanh Lê</i> <i>Giảng viên Khoa Nhà nước và pháp luật</i>	114
18	Quan điểm của Đảng về xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân và vì Nhân dân <i>Ths. Đặng Thị Kiều Liên</i> <i>Giảng viên khoa Nhà nước và pháp luật</i>	121
19	Tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước và vận dụng trong xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay <i>Ths. Nguyễn Thị Thanh Thùy</i> <i>Phó trưởng khoa Lý luận cơ sở</i>	127
20	Xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền XHCN - góc nhìn từ bài viết “Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên CNXH ở Việt Nam” của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng <i>Ths. Nguyễn Đức Phương</i> <i>Giảng viên Khoa Nhà nước và Pháp luật</i>	134
21	Vị trí của quyền con người trong xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam hiện nay <i>ThS. Ngô Thị Ninh Dung</i> <i>Giảng viên Khoa Xây dựng Đảng</i>	140
22	Xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân theo quan điểm Đại hội XIII của Đảng <i>TS. Phạm Thị Lệ Ngọc - Giảng viên Khoa Lý luận cơ sở</i>	149
23	Tư tưởng Hồ Chí Minh về tổ chức bộ máy nhà nước và việc vận dụng trong xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa hiện nay <i>Ths. Trần Thị Thu Trang</i> <i>Phó trưởng Khoa Nhà nước và Pháp luật</i>	156

HỘI THẢO KHOA HỌC “XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM VÀ THỰC TIỄN VẬN DỤNG TẠI QUẢNG NINH”

24	Nhiệm vụ của nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam theo tinh thần của Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng <i>ThS. Nguyễn Thị Ngọc Lan</i> <i>Giảng viên Khoa Nhà nước và pháp luật</i>	161
25	Tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa <i>Ths. Tô Thị Thanh Lê</i> <i>Giảng viên Khoa Nhà nước và pháp luật</i>	170
26	Tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước của dân, do dân, vì dân và vận dụng xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay <i>Ths. Phạm Thị Vân Anh</i> <i>Giảng viên Khoa Lý luận cơ sở</i>	178
27	Quan điểm xây dựng nhà nước vì nhân dân, phục vụ nhân dân trong bài viết của Tổng bí thư Nguyễn Phú Trọng <i>Ths. Đàm Thị Thu</i> <i>Giảng viên Khoa Lý luận cơ sở</i>	187
28	Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng nhà nước dân chủ mới vào xây dựng nhà nước pháp quyền ở Việt Nam hiện nay <i>Ths. Đặng Thị Kiều Liên</i> <i>Giảng viên Khoa Nhà nước và pháp luật</i>	192
29	Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh trong việc xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam hiện nay <i>Ths. Đào Thị Mai Hương</i> <i>Phó Trưởng khoa Xây dựng Đảng</i>	199
30	Tư tưởng cốt lõi về nhà nước pháp quyền của chủ nghĩa Mác - Lênin và sự vận dụng trong xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam hiện nay <i>Ths. Nguyễn Đức Phương</i> <i>Giảng viên Khoa Nhà nước và Pháp luật</i>	205
31	Giá trị học thuyết pháp trị của Thương Ưởng đối với công cuộc xây dựng nhà nước pháp quyền ở nước ta hiện nay <i>Ths. Đặng Thành Dương - Giảng viên Khoa Xây dựng Đảng</i>	215

HỘI THẢO KHOA HỌC “XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM VÀ THỰC TIỄN VẬN DỤNG TẠI QUẢNG NINH”

32	Xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa - yếu tố quan trọng bảo đảm quyền con người ở Việt Nam <i>Ths. Hoàng Thị Thu Hiền</i> <i>Giảng viên Khoa Xây dựng Đảng</i>	219
33	Tiếp tục xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa kiến tạo phát triển, liêm chính, hành động theo quan điểm đại hội XIII của Đảng <i>Ths. Ngô Thị Tâm - Giảng viên khoa xây dựng Đảng</i>	225
34	Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng nhà nước pháp quyền và vận dụng trong giai đoạn hiện nay <i>Ths. Đàm Thị Thu</i> <i>Giảng viên Khoa Lý luận cơ sở</i>	232
35	Luận điểm nhà nước quản lý xã hội trong tư tưởng xây dựng nhà nước pháp quyền của Chủ tịch Hồ Chí Minh <i>ThS. Nguyễn Thế Vinh</i> <i>Phó Trưởng phòng Quản lý đào tạo và nghiên cứu khoa học</i>	237
36	Sự phát triển nhận thức của Đảng về xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam <i>Ths. Nguyễn Thị Nhị</i> <i>Giảng viên khoa Xây dựng Đảng</i>	244
37	Quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân <i>Ths. Chu Lữ Hồng Trang - Giảng viên khoa Xây dựng đảng</i>	248
38	Giải pháp hoàn thiện cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước, góp phần xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam hiện nay <i>ThS. Phan Hữu Chánh</i> <i>Trưởng khoa Nhà nước và pháp luật</i> <i>Trường Chính trị Nguyễn Chí Thanh tỉnh Thừa Thiên Huế</i>	253
39	Bảo vệ nền tảng tư tưởng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, xuyên tạc về thành tựu cũng như định hướng xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam. <i>Dương Hồng Thái - Học viên lớp TCLLCT - C282</i>	265

HỘI THẢO KHOA HỌC “XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM VÀ THỰC TIỄN VẬN DỤNG TẠI QUẢNG NINH”

40	Chống quan liêu một giải pháp quan trọng để xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa <i>Ths. Tạ Văn Tú</i> <i>Phó Trưởng phòng Đào tạo</i>	271
41		
42	Xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa trong thời đại cách mạng công nghiệp lần thứ tư <i>Nguyễn Trung Trường</i> <i>Phó Trưởng phòng Tổ chức Hành chính - TTTL</i>	275
43	Cải tiến bộ máy nhà nước - giải pháp quan trọng trong xây dựng nhà nước pháp quyền ở Việt Nam hiện nay <i>ThS. Phạm Khánh Phương</i> <i>Phòng QLDT&NCKH</i>	279
44	Quyền lực nhân dân ngày càng được bổ sung, hoàn thiện và phát triển trong quá trình xây dựng nhà nước pháp quyền ở Việt Nam <i>Ths. Đặng Thị Kiều Liên</i> <i>Giảng viên Khoa Nhà nước và pháp luật</i>	284
45	Nhận thức chung về nhà nước pháp quyền và vận dụng xây dựng nhà nước pháp quyền ở Việt Nam hiện nay <i>Ths. Bùi Thị Huyền</i> <i>Giảng viên khoa LLCS</i>	289
46	Quan điểm của V.I.Lênin về nhà nước trong tác phẩm “Nhà nước và cách mạng” - Ý nghĩa đối với xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam <i>Ths. Trần Thị Thu Trang</i> <i>Phó trưởng khoa Nhà nước và Pháp luật</i>	296
47	Nâng cao chất lượng phản biện xã hội của MTT, góp phần xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam <i>Ths. Nguyễn Thị Hương Giang</i> <i>Phó trưởng khoa Xây dựng Đảng</i>	304

BÁO CÁO ĐỀ DẪN HỘI THẢO
“XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN XHCN VIỆT NAM VÀ
THỰC TIỄN VẬN DỤNG TẠI QUẢNG NINH”

Ts. Đỗ Minh Tuấn

Phó Hiệu trưởng phụ trách Trường Đào tạo cán bộ Nguyễn Văn Cừ

Xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân là nhiệm vụ trọng tâm của đổi mới hệ thống chính trị. Qua hơn 35 năm tiến hành công cuộc đổi mới, nhận thức về mô hình tổ chức quyền lực nhà nước, đã có sự phát triển về chất để chỉ đạo quá trình xây dựng và hoàn thiện bộ máy nhà nước. Từ Nhà nước hành chính, quan liêu bao cấp, tổ chức và hoạt động theo mô hình tập quyền XHCN, sang tổ chức quyền lực nhà nước theo mô hình Nhà nước pháp quyền XHCN với những nguyên tắc tổ chức và hoạt động mới, là một bước đột phá về nhận thức tư duy, lý luận để từng bước chỉ đạo quá trình cải cách bộ máy nhà nước, xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân. Ngay từ đầu, *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* năm 1991, đến Hiến pháp năm 1992 được sửa đổi, bổ sung năm 2001; Hiến pháp năm 2013 và nhiều văn bản quy phạm pháp luật của Nhà nước về xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN đã nâng cao nhận thức, năng lực, hiệu quả quản lý, điều hành và năng lực kiến tạo phát triển của Nhà nước. Qua các kỳ Đại hội, đặc biệt Đại hội XIII của Đảng tiếp tục đề cập và khẳng định: “*Tiếp tục xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN kiến tạo phát triển, liêm chính, hành động; đẩy mạnh phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, tạo đột phá trong cải cách hành chính*”

Trước tình hình thế giới đang trải qua những biến động to lớn, diễn biến phức tạp của đại dịch COVID-19; sự phát triển mạnh mẽ của ông nghệ số, tạo ra cả thời cơ và thách thức đối với mọi quốc gia. Ở trong nước, sau hơn 35 năm đổi

mới, thế và lực của nước ta ngày càng được nâng cao. Tuy nhiên, vẫn còn một số khó khăn, như nền kinh tế phát triển chưa bền vững, nguy cơ tụt hậu, rơi vào bẫy thu nhập trung bình vẫn còn lớn. Đứng trước bối cảnh tình hình trong nước và thế giới nói trên; đồng thời, để khắc phục những yếu kém, hạn chế, việc đề ra các định hướng tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN ở nước ta trong thời gian tới là hết sức quan trọng.

Có thể nói, việc xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN là nhiệm vụ lịch sử cao cả, là nhiệm vụ trọng tâm của đổi mới, hoàn thiện hệ thống chính trị (theo tinh thần Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng đã đề ra), vì đất nước giàu mạnh, vì hạnh phúc của nhân dân, vì lợi ích của toàn dân tộc.

Trong những ngày tháng 9 lịch sử. Nhân kỷ niệm 77 năm cách mạng tháng 8 và Quốc khánh nước Cộng hòa XHCN Việt Nam. Trong bối cảnh Đảng và Nhà nước ta đang triển khai nhiều biện pháp tiếp tục đổi mới cơ cấu, tổ chức bộ máy nhà nước, xây dựng nhà nước pháp quyền, tiếp tục tiến hành sửa đổi các luật tổ chức trong thời gian tới đáp ứng các yêu cầu, đòi hỏi của công cuộc đổi mới và hội nhập. Trường ĐTCB Nguyễn Văn Cừ tỉnh Quảng Ninh tổ chức Hội thảo khoa học với chủ đề ***“Xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam và thực tiễn vận dụng tại Quảng Ninh”***.

Mục đích của Hội thảo là nhằm tuyên truyền sâu rộng đến cán bộ, giảng viên, giáo viên, nghiên viên và học viên nhà trường nhận thức về thực trạng xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền XHCN ở Việt Nam hiện nay; tầm quan trọng cần tiếp tục thực hiện đồng bộ các giải pháp để xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân

Thông qua hội thảo nhằm giáo dục truyền thống yêu nước, ý chí tự lực, tự cường, khát vọng tự do, bình đẳng của dân tộc; nâng cao nhận thức của đội ngũ giảng viên, đảng viên về những tư tưởng mang tầm vóc thời đại về nhà nước pháp quyền, quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân, bảo đảm quyền con người, quyền tự do dân chủ của nhân dân; nâng cao nhận thức của đảng viên, giảng viên, học

viên về những giá trị cốt lõi của nhà nước pháp quyền để định hướng hanh động cho phù hợp, tiến tới thực hiện mục tiêu xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam.

Đồng thời phát huy tinh thần học tập, nghiên cứu, triển khai nội dung và giá trị của nhà nước pháp quyền vào bài giảng của giảng viên, tạo không khí phấn khởi, tin tưởng trong cán bộ, đảng viên, giảng viên và học viên về định hướng xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân, thi đua thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng bộ trường Đào tạo cán bộ Nguyễn Văn Cừ lần thứ II, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh lần thứ XV và Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng.

Thưa các quý vị đại biểu, Thưa toàn thể các đồng chí!

Xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam là một đề tài rộng mà chúng ta khó có thể trao đổi, thảo luận một cách thấu đáo trong khuôn khổ một hội thảo khoa học này. Do đó, tôi xin trân trọng đề nghị các quý vị đại biểu tập trung thảo luận về một số vấn đề lớn sau đây:

Thứ nhất, nghiên cứu về tư tưởng nhà nước pháp quyền qua các thời kỳ lịch sử, những giá trị lý luận và thực tiễn áp dụng tư tưởng đó trong công cuộc xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.

Thứ hai, trao đổi, nghiên cứu về đặc điểm và những giá trị cốt lõi của Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam; Đánh giá thành tựu và hạn chế trong việc xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam

Thứ ba, tư tưởng về nhà nước pháp quyền theo quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh; Vấn đề xây dựng nhà nước pháp quyền được đề cập qua các kỳ Đại hội của Đảng.

Thứ tư, việc vận dụng quan điểm, nội dung xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam trong công cuộc xây dựng, phát triển tỉnh Quảng Ninh hiện nay.

HỘI THẢO KHOA HỌC “XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM VÀ THỰC TIỄN VẬN DỤNG TẠI QUẢNG NINH”

Thứ năm, việc vận dụng quan điểm, nội dung về xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam vào giảng dạy, nghiên cứu khoa học và các nội dung công tác khác tại Trường Đào tạo cán bộ Nguyễn Văn Cừ tỉnh Quảng Ninh.

Thứ sáu, về bảo vệ nền tảng tư tưởng, đấu tranh, phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, xuyên tạc về thành tựu cũng như định hướng xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN ở Việt Nam.

Trên đây là những vấn đề có tính đề dẫn cho cuộc Hội thảo **“Xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam và thực tiễn vận dụng tại Quảng Ninh”**

Chúng tôi hy vọng rằng những vấn đề này sẽ được các quý vị đại biểu, các nhà khoa học, các nhà hoạt động thực tiễn tham gia Hội thảo thảo luận và trao đổi thẳng thắn, nhiệt tình để có thể thu nhận được những thông tin, những kiến nghị bổ ích.

Thay mặt Ban Giám hiệu nhà trường, tôi xin kính chúc các quý vị đại biểu, các đồng chí sức khỏe, hạnh phúc và bình an.

Chúc Hội thảo của chúng ta thành công tốt đẹp.

Xin trân trọng cảm ơn!

SỰ PHÁT TRIỂN TƯ DUY VỀ PHƯƠNG THỨC LÃNH ĐẠO ĐỐI VỚI NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA TỪ ĐẠI HỘI VI ĐẾN ĐẠI HỘI XIII CỦA ĐẢNG - MỘT SỐ VẤN ĐỀ ĐẶT RA HIỆN NAY

Ths. Phạm Hữu Kiên

Phó Hiệu trưởng

Tháng Tám năm 1945, cuộc đấu tranh giành chính quyền cách mạng do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo đã thành công. Nước Việt Nam dân chủ cộng hòa - nhà nước dân chủ nhân dân đầu tiên ở Đông Nam á ra đời. Đảng Cộng sản Việt Nam trở thành đảng cầm quyền. Nhiệm vụ mới đặt ra cho Đảng là phải không ngừng củng cố, xây dựng chính quyền vững mạnh để thực hiện thắng lợi mục tiêu mang lại ấm no, tự do, hạnh phúc cho nhân dân. Để hoàn thành nhiệm vụ này một trong những yêu cầu đặt ra là phải không ngừng đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với nhà nước cho phù hợp với mỗi thời kỳ cách mạng. Trong thời kỳ đổi mới xây dựng đất nước (từ năm 1986-nay), bối cảnh quốc tế, trong nước có nhiều yếu tố tác động, đòi hỏi Đảng ta phải nhận diện, dự báo, không ngừng nâng cao nhận thức tư duy về phương thức lãnh đạo, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của Nhà nước, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong thời kỳ mới.

1. Quá trình phát triển tư duy, nhận thức về phương thức lãnh đạo đối với nhà nước từ Đại hội VI đến Đại hội XIII của Đảng

Đại hội VI (12-1986) đã đề ra đường lối đổi mới toàn diện đất nước, trong đó có nội dung quan trọng là đổi mới nội dung và phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước; xác định rõ hơn chức năng, nhiệm vụ của Nhà nước trong điều kiện chuyển đổi tư duy từ cơ chế tập trung quan liêu bao cấp chuyển sang hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa. Sự đổi mới căn bản đó, đòi hỏi Nhà nước ta phải thực hiện tốt chức năng thể chế hóa đường lối của Đảng; xây dựng và tổ chức thực hiện có hiệu quả chiến lược, kế hoạch kinh tế - xã hội; giữ vững kỷ cương pháp luật, trật tự xã hội; bảo đảm quốc phòng và an ninh; phát hiện và xử lý những

biểu hiện mất cân đối trong phát triển đất nước; thực hiện quy chế làm việc khoa học, có hiệu suất cao; xây dựng bộ máy gọn nhẹ...

Đại hội VII của Đảng (6-1991) đã đề ra *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*, trong đó nêu rõ quan điểm cần thiết đổi mới hệ thống tổ chức nhà nước, cải cách bộ máy hành chính, kiện toàn các cơ quan luật pháp để thực hiện có hiệu quả chức năng quản lý của Nhà nước. Cương lĩnh xác định "Tổ chức và hoạt động của bộ máy quản lý nhà nước theo nguyên tắc tập trung dân chủ, thống nhất quyền lực, có sự phân công, phân cấp, đồng thời bảo đảm sự chỉ đạo thống nhất của Trung ương...Nhà nước Việt Nam thống nhất ba quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp, với sự phân công rành mạch ba quyền đó". Đại hội VII cũng đã chủ trương cải tiến tổ chức và hoạt động của Quốc hội và Hội đồng nhân dân, sửa đổi cơ cấu tổ chức và phương thức hoạt động của Chính phủ, coi trọng bàn bạc tập thể, đồng thời đề cao trách nhiệm và quyền hạn cá nhân của người đứng đầu Chính phủ, đứng đầu bộ, ngành trong quản lý và điều hành. Tăng cường hiệu lực của các cơ quan bảo vệ pháp luật. Đổi mới hệ thống tổ chức và hoạt động của Viện kiểm sát nhân dân các cấp và Tòa án nhân dân các cấp.

Theo đó, Nghị quyết Hội nghị Trung ương 2 (12-1991), khóa VII, nhấn mạnh: "Đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước là điều kiện quan trọng nhất để tiến hành đổi mới tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước, làm cho sự lãnh đạo của Đảng có chất lượng và có hiệu quả hơn, đồng thời làm cho sự quản lý và điều hành của nhà nước có hiệu quả, pháp luật được tôn trọng, quyền làm chủ của nhân dân được phát huy". Đảng lãnh đạo Nhà nước chứ không làm thay Nhà nước. Cần phân định rõ chức năng, nhiệm vụ và giải quyết tốt mối quan hệ giữa Đảng và Nhà nước. Nhà nước thể chế hóa đường lối, chính sách của Đảng. Thực hiện quan điểm chỉ đạo đó, ngày 15/4/1992, Quốc hội khóa VIII đã thông qua Hiến pháp sửa đổi, quy định những vấn đề cơ bản nhất về tổ chức và hoạt

động của bộ máy nhà nước: Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ, Tòa án nhân dân và Viện kiểm sát nhân dân.

Tại Đại hội VIII (1996), Đảng ta xác định xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa như một giải pháp quan trọng nhằm tiếp tục cải cách, đổi mới nhà nước, xây dựng và hoàn thiện nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Đến Đại hội IX, qua tổng kết thực tiễn, Đảng đã xác định chủ trương “xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa dưới sự lãnh đạo của Đảng” là một nhiệm vụ có tính chiến lược và xuyên suốt, trong “đẩy mạnh cải cách tổ chức và hoạt động của nhà nước, phát huy dân chủ, tăng cường pháp chế”. Nghị quyết Trung ương 3 (6-1997), khóa VIII, đã khẳng định những thành tựu quan trọng về xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và những đổi mới về nội dung và phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước, để vừa bảo đảm tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, vừa phát huy trách nhiệm, tính chủ động của các cơ quan nhà nước. *Tuy nhiên*, trước thực tế là tổ chức bộ máy nhà nước còn cồng kềnh và chưa thật sự trong sạch, vững mạnh, Nghị quyết đã đề ra yêu cầu cần nắm vững và thực hiện tốt ba nội dung trọng yếu về sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước là:

- Lãnh đạo các cơ quan nhà nước kịp thời thể chế hóa đường lối của Đảng thành pháp luật.

- Tăng cường quản lý cán bộ, đảng viên trong bộ máy nhà nước; xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức trong sạch, vững mạnh, thực sự vừa là người lãnh đạo, vừa là người đầy tớ trung thành của nhân dân.

- Tăng cường kiểm tra tổ chức đảng và đảng viên trong việc thực hiện các nghị quyết của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

Nghị quyết Hội nghị Trung ương 7 (khóa VIII), chủ trương tiếp tục hoàn thiện bộ máy nhà nước trong tổng thể bộ máy của hệ thống chính trị. Coi cải cách hành chính là nhiệm vụ thường xuyên, ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác cải cách hành chính.

Đến Đại hội IX, Đảng tiếp tục khẳng định nội dung đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước: "Đảng lãnh đạo Nhà nước thông qua việc đề ra đường lối, chủ trương, các chính sách lớn, định hướng cho sự phát triển và kiểm tra việc tổ chức thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng và Hiến pháp, pháp luật của Nhà nước...". Việc khẳng định Nhà nước ta là nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân và vì dân, dưới sự lãnh đạo của Đảng tại Đại hội IX của Đảng, Hiến pháp năm 1992 và Hiến pháp năm 1992 sửa đổi, bổ sung đã thể hiện bước phát triển mới về quan điểm chính trị của Đảng ta; đồng thời cũng là sự đổi mới có tính nguyên tắc trong quan hệ giữa Đảng với Nhà nước nói chung và phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống tổ chức bộ máy nhà nước nói riêng. Từ đó đặt ra nhiều vấn đề cần tiếp tục hoàn chỉnh cả về phía Đảng và cả phía Nhà nước.

Tại Đại hội X, Đảng nêu rõ: "Khẩn trương xây dựng, hoàn thiện hệ thống văn bản quy định cụ thể về nguyên tắc, nội dung và cơ chế Đảng lãnh đạo đối với Nhà nước trong từng lĩnh vực: lập pháp, hành pháp, tư pháp và từng cấp, từng loại hình tổ chức nhà nước". Đó chính là sự đổi mới nhằm phát triển và tiếp tục hoàn thiện phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước.

Trên cơ sở bài học kinh nghiệm hơn 80 năm lãnh đạo, đặc biệt từ những bài học kinh nghiệm 25 năm đổi mới, Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011) tiếp tục khẳng định: Nhà nước ta là Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân...Nhà nước phục vụ nhân dân, gắn bó mật thiết với nhân dân, thực hiện đầy đủ quyền dân chủ của nhân dân, tôn trọng, lắng nghe ý kiến của nhân dân và chịu sự giám sát của nhân dân; có cơ chế và biện pháp kiểm soát, ngăn ngừa và trừng trị tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí, vô trách nhiệm, lạm quyền, xâm phạm quyền dân chủ của công dân; giữ nghiêm kỷ cương xã hội, nghiêm trị mọi hành động xâm phạm lợi ích của Tổ quốc và của nhân dân". Tiếp tục triển khai Nghị quyết Đại hội XI, Hội nghị lần thứ 7 (khóa XI), Ban Chấp

hành Trung ương một lần nữa khẳng định: “Đổi mới, hoàn thiện hệ thống chính trị phải bám sát, cụ thể hóa, thể chế hóa các quan điểm của Cương lĩnh, Điều lệ, văn kiện Đại hội XI của Đảng, đồng bộ với nội dung sửa đổi Hiến pháp 1992; bảo đảm tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước, phát huy quyền làm chủ của nhân dân...”.

Đại hội XII của Đảng (tháng 2/2016) trên cơ sở tổng kết 30 năm đổi mới, đã đưa ra những nhận định, đánh giá, quan điểm, định hướng rất quan trọng trong việc đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Đại hội xác định: “Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa do Đảng lãnh đạo là nhiệm vụ trọng tâm của đổi mới hệ thống chính trị”. Trên cơ sở đó, Đại hội định hướng đổi mới phương thức lãnh đạo đối với Nhà nước với những giải pháp cụ thể: (1) Đảng lãnh đạo Nhà nước bằng các chủ trương, chính sách lớn, lãnh đạo thể chế hóa các quan điểm, đường lối, chủ trương của Đảng thành chính sách, pháp luật; (2) Lãnh đạo xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức đủ phẩm chất và năng lực, lãnh đạo tổ chức thực hiện có hiệu quả các chủ trương, chính sách và hệ thống pháp luật; (3) Chú trọng lãnh đạo đổi mới, nâng cao chất lượng lập pháp, cải cách hành chính và cải cách tư pháp; các tổ chức của Đảng và đảng viên phải gương mẫu tuân thủ Hiến pháp và pháp luật. (4) Xác định rõ nội dung, phương thức lãnh đạo bằng những quy chế, quy định, quy trình cụ thể; (5) Coi trọng xây dựng văn hóa trong các tổ chức đảng, cơ quan nhà nước, trong hệ thống chính trị mà nội dung quan trọng là tiếp tục đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; (6) Đẩy mạnh đấu tranh, phòng, chống tham nhũng, lãng phí...

Đại hội XIII của Đảng (tháng 1-2/2021) trên cơ sở tổng kết 35 năm đổi mới, 30 năm thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, 10 năm thực hiện Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) đã xác định: Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân do Đảng lãnh đạo là nhiệm vụ

trọng tâm của đổi mới hệ thống chính trị. Một trong những quan điểm rất mới về đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước là Đảng ta coi xây dựng hệ thống chính trị (trong đó có nhà nước) là một trong những nhiệm vụ gắn chặt với công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, được triển khai đồng bộ trên các mặt chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức và cán bộ. Xác định rõ: “Đảng lãnh đạo Nhà nước bằng Cương lĩnh, chiến lược, các chủ trương, chính sách lớn, bằng công tác tổ chức, cán bộ, bằng kiểm tra, giám sát; lãnh đạo thể chế hoá các quan điểm, đường lối, chủ trương của Đảng thành chính sách, pháp luật; lãnh đạo xây dựng tổ chức bộ máy, đội ngũ cán bộ, công chức đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ; lãnh đạo tổ chức thực hiện có hiệu quả các chủ trương, chính sách, Hiến pháp và pháp luật; chú trọng lãnh đạo đổi mới, nâng cao chất lượng lập pháp, cải cách hành chính và cải cách tư pháp. Các tổ chức của Đảng và đảng viên, nhất là tổ chức, đảng viên hoạt động trong các cơ quan nhà nước vừa phải gương mẫu tuân thủ Hiến pháp và pháp luật, vừa phải nêu cao vai trò tiên phong trong thực hiện chủ trương, đường lối, các quy định của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước”.

Sự phát triển tư duy, nhận thức trên đây về phương thức lãnh đạo đối với Nhà nước của Đảng ta đã đáp ứng kịp thời những yêu cầu, đòi hỏi của nhiệm vụ cách mạng trong suốt quá trình 35 năm đổi mới xây dựng đất nước. Qua đó, đã không ngừng giữ vững và tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước; không ngừng củng cố, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân ngày càng trong sạch, vững mạnh.

2. Một số vấn đề đặt ra nhằm tiếp tục hoàn thiện phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước

Trên cơ sở sự phát triển tư duy lý luận, không ngừng hoàn thiện phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ cách mạng trong thời kỳ đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới xây dựng đất nước, chúng ta cần quan tâm có nhận thức thống nhất về một số vấn đề cụ thể sau:

Một là, tiếp tục đổi mới, nhận thức về Đảng và Nhà nước.

Đảng ta là đảng cầm quyền, là lực lượng lãnh đạo toàn xã hội, nhưng không phải là cơ quan quyền lực nhà nước; quyền lực của Đảng khác với quyền lực nhà nước. Sự khác nhau đó quy định những điểm khác biệt về chức năng, nhiệm vụ, phương thức hoạt động giữa Đảng và Nhà nước, giữa Đảng. Nếu không phân biệt rõ ràng, thấu đáo những khác biệt đó và đặc biệt là không kiên quyết, mạnh dạn chuyển biến từ đổi mới nhận thức sang đổi mới tổ chức và hoạt động của Đảng và Nhà nước thì không tránh khỏi tình trạng đã xảy ra là "Nhà nước hóa Đảng" và "hình thức hóa Nhà nước" làm cho Đảng trở nên hành chính hóa, quan liêu hóa kiểu nhà nước và nhà nước thì không có thực quyền, vừa thụ động vừa trì trệ, xơ cứng trong quản lý. Thước đo hiệu quả sự lãnh đạo của Đảng phải được thể hiện ở sức mạnh, hiệu lực thực tế của Nhà nước. Để quản lý, Nhà nước buộc phải dùng đến sức mạnh của tổ chức và hành chính cũng như sức mạnh cưỡng chế của luật pháp.

Đảng lãnh đạo Nhà nước bằng đường lối, nghị quyết, bằng công tác tổ chức cán bộ và kiểm tra việc Nhà nước thực hiện chấp hành đường lối, nghị quyết như thế nào, thông qua tổ chức đảng trong các cơ quan nhà nước và thông qua các cơ quan chuyên trách của hệ thống đảng. Là lực lượng lãnh đạo chính trị, Đảng quyết định những vấn đề chính trị thuộc về chiến lược phát triển, về đường lối, chủ trương, quan điểm, nguyên tắc đối với tổ chức và hoạt động của Nhà nước nhưng Nhà nước lại tổ chức quyền lực, thực thi vai trò, chức năng quản lý mọi mặt đời sống xã hội bằng pháp luật. Do đó, Đảng không can thiệp sâu vào hoạt động quản lý của các cơ quan nhà nước có tính chất đặc thù của khoa học quản lý. Đảng cũng không thể lấn sân, bao biện, làm thay những công việc của chính quyền các cấp trong hệ thống quản lý hành chính...Điều đó chẳng những không hạ thấp và làm suy giảm vai trò lãnh đạo của Đảng, mà trái lại, còn làm tăng thêm sức mạnh bảo vệ và tự bảo vệ của Đảng, tránh cho Đảng rơi vào tình trạng độc đoán, lạm quyền, vi phạm pháp luật và vi phạm dân chủ.

Hai là, phân định rõ mục tiêu lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước và mục tiêu hoạt động của Nhà nước.

Mục tiêu lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước là phát huy vai trò của Nhà nước trong việc thể chế hóa, tổ chức thực hiện có hiệu quả những quan điểm chỉ đạo của Đảng đối với sự phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh, quốc phòng, đối ngoại. Mục tiêu quản lý của Nhà nước là biến toàn bộ quan điểm chỉ đạo của Đảng trên các phương diện tương ứng nói trên trở thành hiện thực.

Mục tiêu lãnh đạo của Đảng và mục tiêu quản lý của Nhà nước có nội dung tương tự như nhau, nhưng nội dung phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước và nội dung quản lý của Nhà nước nhằm đạt mục tiêu đó lại có nhiều điểm khác nhau. Điều đó được bộc lộ ở sự khác biệt giữa nhiệm vụ của Đảng với nhiệm vụ của Nhà nước. Với tư cách là đảng cầm quyền, Đảng đề ra các chủ trương, đường lối, quan điểm có tính chiến lược và lãnh đạo việc tuyên truyền, cổ động quần chúng thực hiện; mặt khác, Đảng lãnh đạo các cơ quan nhà nước thể chế hóa, tổ chức thực hiện các đường lối, chủ trương, quan điểm, chính sách đó. Đảng không trực tiếp giải quyết các công việc của Nhà nước

Nhà nước bằng quyền lực của mình có nhiệm vụ "bảo đảm và không ngừng phát huy quyền làm chủ về mọi mặt của nhân dân, nghiêm trị mọi hành động xâm phạm lợi ích của Tổ quốc và của nhân dân, xây dựng đất nước giàu mạnh, thực hiện công bằng xã hội, mọi người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện".

Ba là, hệ thống tổ chức bộ máy của Đảng khác với hệ thống tổ chức bộ máy của Nhà nước.

Hiện nay, cả hai hệ thống này đều đang đứng trước yêu cầu bức xúc phải đổi mới theo yêu cầu dân chủ - pháp quyền, trong sạch, vững mạnh, chống quan liêu tham nhũng, lãng phí, tiêu cực có hiệu quả. Đảng đổi mới cơ chế lãnh đạo của mình đối với Nhà nước trên cơ sở tự chỉnh đốn Đảng, thực hiện dân chủ trong Đảng, "phải kiện toàn tổ chức bộ máy của Đảng ở tất cả các cấp từ Trung ương

đến cơ sở" theo hướng tinh gọn và tinh nhuệ, thể hiện thật rõ tính đặc thù của lãnh đạo chính trị. Sử dụng các chuyên gia giỏi vào công việc được chuyên môn hóa là một trong những cách tốt nhất để khắc phục tình trạng "thừa" bộ máy mà "thiếu" hoạt động, như tình hình đã xảy ra.

Đòi hỏi bức xúc hiện nay đối với Nhà nước trên con đường tiến tới Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa là tạo lập một hệ thống pháp luật đồng bộ, cải cách bộ máy hành chính nhà nước bảo đảm trong sạch, vững mạnh, hiệu lực và hiệu quả với đội ngũ công chức được đào tạo cơ bản, tinh thông chuyên môn nghiệp vụ, tận tụy mẫn cán, am hiểu pháp luật và tôn trọng pháp luật, có chế độ công vụ, kỷ luật và đạo đức công chức được đề cao.

Bốn là, phương pháp lãnh đạo của Đảng khác với phương pháp quản lý của Nhà nước; đào tạo, huấn luyện và bố trí, sử dụng cán bộ đảng khác với đào tạo, bồi dưỡng và bố trí, sử dụng cán bộ, công chức nhà nước.

Để bảo đảm thực hiện có hiệu quả phương thức lãnh đạo của Đảng cần đổi mới tổ chức bộ máy đảng và nhà nước cùng đội ngũ cán bộ, công chức, nâng cao mặt bằng dân trí, nhất là tri thức pháp luật; nâng cao vai trò của các cơ quan có chức năng thể chế hóa đường lối, quan điểm của Đảng, tổ chức thực hiện pháp luật; nâng cao chất lượng của các ban đảng có chức năng tư vấn trong việc chỉ đạo của Đảng đối với các cơ quan nhà nước tương ứng.

Năm là, đề cao tính tiên phong, gương mẫu của cán bộ, đảng viên, củng cố, xây dựng niềm tin của nhân dân đối với Đảng và Nhà nước.

Tiếp tục xây dựng, chỉnh đốn Đảng trong tình hình mới, nâng cao năng lực lãnh đạo, chất lượng và hiệu quả thực tế của các nghị quyết, xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên thực sự là đội ngũ tiên phong trong sự nghiệp mới, mỗi cán bộ, đảng viên thực sự là hạt nhân lãnh đạo, là tấm gương có sức lôi cuốn, tập hợp nhân dân trong tiến trình thực hiện các mục tiêu của đổi mới kinh tế, cải cách hành chính, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, trong cải cách tư pháp, trong thực hiện huy động sức mạnh của khối đoàn kết toàn dân. Phát huy truyền thống

người đảng viên cộng sản đã đi đầu, hy sinh trong sự nghiệp cách mạng giành độc lập dân tộc trước đây, cũng vẫn và mãi mãi là người đi đầu trong mọi lĩnh vực của sự nghiệp đổi mới, xây dựng phát triển đất nước, hội nhập kinh tế quốc tế hiện nay.

Lãnh đạo chính trị của Đảng là lãnh đạo toàn diện ở tầm quan điểm, đường lối, nguyên tắc, phương hướng, chủ trương lớn, những vấn đề nhạy cảm, do đó, nó đòi hỏi trình độ khoa học, tư tưởng, trí tuệ cao, nhạy bén, sâu sắc, luôn vươn kịp tới trình độ hiện đại của thời đại./.

TĂNG CƯỜNG VAI TRÒ, TRÁCH NHIỆM VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN NHẪM ĐÁP ỨNG YÊU CẦU CỦA NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN XHCN VIỆT NAM TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

Vũ Thị Doan

Viện Trưởng Viện Kiểm sát nhân dân Tp. Hạ Long

Một trong những nhiệm vụ đặc biệt quan trọng mà Đảng ta đã xác định trong Văn kiện Đại hội XIII là nghiên cứu, xây dựng và tổ chức thực hiện **Chiến lược xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam đến năm 2030, định hướng đến năm 2045** và **Chiến lược cải cách tư pháp đáp ứng yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền** với mục tiêu “*Xây dựng nền tư pháp Việt Nam chuyên nghiệp, hiện đại, công bằng, nghiêm minh, liêm chính, phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân. Hoạt động tư pháp có trọng trách bảo vệ công lý, bảo vệ con người, quyền công dân, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích nhà nước, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của tổ chức, cá nhân*”.

Viện kiểm sát nhân dân (VKSND)- với tư cách là một thiết chế quan trọng trong tổ chức bộ máy nhà nước - có trách nhiệm nghiên cứu, đề xuất các nội dung liên quan đến đổi mới tổ chức và hoạt động của VKSND trong Chiến lược xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam và cải cách tư pháp trong giai đoạn mới. Theo đó, Ngành Kiểm sát nhân dân đã chủ động tổ chức nhiều hoạt động nghiên cứu, tổng kết các vấn đề lý luận, thực tiễn, liên hệ kinh nghiệm thực tế một số quốc gia trên thế giới về tổ chức, hoạt động của VKSND, nhất là vai trò của VKSND trong cơ chế **phân công, phối hợp và kiểm soát quyền lực nhà nước**.

Quá trình nghiên cứu, tổng hợp, đánh giá đang được tích cực thực hiện, trong đó hầu hết các nghiên cứu, đánh giá đều cho thấy vị trí, vai trò quan trọng, không thể thiếu của VKSND trong hệ thống các cơ quan tham gia vào cơ chế phân công, phối hợp và kiểm soát quyền lực nhà nước, đồng thời đưa ra một số **đề xuất** tăng cường vai trò, trách nhiệm của VKSND nhằm đáp ứng yêu cầu xây dựng nhà nước pháp quyền trong giai đoạn mới ở Việt Nam theo các hướng sau đây:

1. Về cơ chế bảo đảm tăng cường kiểm soát quyền lực nhà nước đối với các cơ quan tư pháp

VKSND là một trong các chủ thể quan trọng giúp Đảng, Nhà nước thực hiện kiểm soát quyền lực tư pháp thông qua việc tiếp tục khẳng định, chỉ đạo tăng cường chất lượng, hiệu quả công tác thực hành quyền công tố, kiểm sát các hoạt động tư pháp và điều tra các tội xâm phạm hoạt động tư pháp, tội phạm tham nhũng, chức vụ thuộc thẩm quyền, theo đó:

- Một là: Nghiên cứu quy định giới hạn truy tố, chuyển từ cơ chế “truy tố bắt buộc” sang cơ chế “truy tố có điều kiện”, trên cơ sở xem xét, đánh giá, cân nhắc thận trọng các lợi ích (trước hết là vì lợi ích công) để quyết định việc truy tố.

Đây là nội dung quan trọng trong phân hóa tội phạm khi xử lý hình sự, vừa bảo đảm chính sách nghiêm trị người chủ mưu cầm đầu, ngoan cố chống đối, cố ý, gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng, đồng thời, thực hiện khoan hồng đối với người tự thú, khai báo thành khẩn, tích cực hợp tác, tố giác đồng phạm, tự nguyện bồi thường thiệt hại; hoặc xử lý linh hoạt trong các trường hợp đặc biệt nhằm thực hiện chính sách dân tộc, chính sách tôn giáo, chính sách ngoại giao, đồng thời cũng nhằm tránh hình sự hóa các quan hệ dân sự, kinh tế hoặc ngược lại và tạo hành lang pháp lý cho sự đổi mới, phát triển và hội nhập quốc tế; mặt khác, đây cũng là cơ chế tốt để bảo đảm chống oan, sai, chống bỏ lọt tội phạm và làm oan người vô tội.

- Hai là: Nghiên cứu tăng thẩm quyền cho Cơ quan điều tra của VKSND có thẩm quyền điều tra đối với các tội phạm tham nhũng, chức vụ liên quan đến hoạt động tư pháp mà người phạm tội không phải là cán bộ tư pháp.

Hoạt động điều tra của Cơ quan điều tra VKSND tới cao thời gian qua đã góp phần tích cực hỗ trợ và bảo đảm thực hiện tốt chức năng thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp của ngành KSND. Tuy nhiên, với phạm vi thẩm quyền chỉ điều tra đối với một số loại tội xâm phạm hoạt động tư pháp và tội tham nhũng, chức vụ xảy ra trong hoạt động tư pháp mà người phạm tội là cán bộ các cơ quan tư pháp còn hạn hẹp, chưa bảo đảm hỗ trợ đầy đủ, hiệu quả, phù hợp với yêu cầu thực hiện chức năng thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt

động tư pháp của VKSND. Vì vậy, tiếp thu kinh nghiệm của Trung Quốc, Liên bang Đức, Hàn Quốc, *cần nghiên cứu mở rộng phạm vi thẩm quyền điều tra của CQĐT VKSND có thẩm quyền điều tra cả tội các phạm tham nhũng, chức vụ liên quan đến hoạt động tư pháp mà người phạm tội không phải là cán bộ tư pháp.* Giải pháp này nhằm tăng cường hơn nữa vai trò của VKSND trong bảo đảm cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước trong hoạt động tư pháp.

2. Về tăng cường vai trò, trách nhiệm của VKSND trong việc phối hợp giữa các cơ quan trong đấu tranh phòng, chống tội phạm

Trong công cuộc bảo vệ pháp luật và pháp chế, các cơ quan pháp luật, các cơ quan tư pháp phải giữ vai trò nòng cốt. Hệ thống các cơ quan bảo vệ pháp luật có Tòa án, Công an, Viện kiểm sát, Thi hành án, Kiểm lâm, Biên phòng, Hải quan. Mỗi cơ quan, mỗi ngành đều có vị trí, vai trò, chức năng, nhiệm vụ riêng và trên thực tế đã chủ động tích cực hoàn thành nhiệm vụ được giao, đã có sự phối hợp chặt chẽ và có hiệu quả trong quá trình thực thi chức năng, nhiệm vụ. Tuy vậy, *cho đến nay, Hiến pháp và pháp luật chưa có quy định về vai trò chủ trì sự phối hợp, trong lĩnh vực bảo vệ pháp luật, đấu tranh phòng, chống tội phạm.*

Do vậy, cần nghiên cứu việc giao cho VKSND thực hiện trách nhiệm là cơ quan chủ trì trong công tác phối hợp, kiểm tra, giám sát hoạt động đấu tranh, phòng chống tội phạm.

3. Về tăng cường trách nhiệm của Viện kiểm sát nhân dân trong bảo vệ lợi ích của Nhà nước, lợi ích công cộng (chế định tố tụng công ích)

Việc bảo vệ lợi ích của nhà nước, lợi ích công cộng ở nước ta do nhiều chủ thể trong hệ thống chính trị có trách nhiệm thực hiện, trong đó có VKSND thông qua việc thực hiện quyền năng pháp lý trong các lĩnh vực công tác của mình. Theo quy định của Hiến pháp và pháp luật hiện hành, *VKSND có nhiệm vụ bảo vệ pháp luật, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích của nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân, góp phần bảo đảm pháp luật được chấp hành nghiêm chỉnh và thống nhất.* Hiện nay, vai trò, trách nhiệm của VKSND trong thực hiện nhiệm vụ nêu trên đã được thể hiện

rõ trong lĩnh vực thực hành quyền công tố, kiểm sát việc giải quyết các vụ án hình sự liên quan đến lợi ích của nhà nước, lợi ích công cộng.

Tuy nhiên, trong lĩnh vực phi hình sự, cơ chế đề VKSND phát huy hiệu quả vai trò “bảo vệ pháp luật, lợi ích nhà nước, lợi ích công cộng” còn có những hạn chế nhất định. Từ năm 2002, Hiến pháp và pháp luật không giao cho VKSND thực hiện chức năng kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong lĩnh vực hành chính, kinh tế, xã hội (*gọi tắt là công tác kiểm sát chung*) đã đã tạo “*khoảng trống*” trong thực hiện cơ chế giám sát bên ngoài đối với các cơ quan hành pháp trong việc ban hành văn bản pháp quy và xử lý vi phạm hành chính. Trong lĩnh vực dân sự, hành chính, vai trò bảo vệ lợi ích nhà nước, lợi ích công cộng của VKSND chưa được thực hiện đầy đủ, nhất là từ khi Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2004 và Luật Tố tụng Hành chính năm 2010 ra đời, không còn quy định về thẩm quyền khởi tố vụ án dân sự, hành chính của VKSND như trước đây và cũng không giao cho cơ quan nào thực hiện. Việc bảo vệ lợi ích nhà nước, lợi ích công cộng chủ yếu được thực hiện thông qua quyền khởi kiện của cơ quan, tổ chức trong phạm vi thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình. Tuy nhiên, thực tiễn có trường hợp cơ quan quản lý hành chính nhà nước không thực hiện đầy đủ chức trách, nhiệm vụ dẫn đến gây tổn hại hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến lợi ích của Nhà nước, lợi ích công cộng nhưng do người dân và các cơ quan, tổ chức không có lợi ích liên quan trực tiếp nên không khởi kiện và cũng không thể khởi kiện.

Mặt khác, trong quá trình hội nhập quốc tế cũng gia tăng mạnh các loại tội phạm, tranh chấp, khiếu kiện, nhất là các tranh chấp, khiếu kiện có yếu tố nước ngoài..., những hành vi xâm phạm đến lợi ích của nhà nước, lợi ích công cộng, lợi ích người yếu thế..., trong khi đó, các cơ quan có thẩm quyền khởi kiện chưa thực hiện đầy đủ trách nhiệm được giao nên Tòa án không có cơ sở để xét xử các hành vi vi phạm làm tổn hại đến lợi ích nhà nước, lợi ích công cộng. Từ đó, đặt ra yêu cầu cấp thiết là cần có một cơ chế đặc thù, một cơ quan nhà nước chuyên trách và đội ngũ công chức chuyên nghiệp có kiến thức pháp luật, có kinh nghiệm trong lĩnh vực tố tụng, có thể đại diện cho nhà nước, cộng đồng và người yếu thế phát động thủ tục tại Tòa án để bảo vệ lợi ích cho các chủ thể này, theo đó:

Thứ nhất, cần tăng cường vai trò, trách nhiệm của VKSND trong tố tụng dân sự

- Về thẩm quyền khởi kiện vụ án dân sự của VKSND: Bổ sung thẩm quyền của VKSND về khởi kiện vụ án dân sự theo hướng: *Viện kiểm sát nhân dân trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ phát hiện thấy hành vi xâm hại quyền và lợi ích hợp pháp của nhà nước, lợi ích công cộng, quyền và lợi ích của công dân mà không có cá nhân, cơ quan, tổ chức theo quy định của tố tụng dân sự khởi kiện thì VKSND có thể khởi kiện ra trước Tòa án nhân dân. Khi VKS khởi kiện vụ án dân sự, bị đơn không có quyền phản tố.*

Ví dụ: Trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ, VKSND phát hiện thấy hành vi xâm hại lợi ích của nhà nước, lợi ích công cộng, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân như: làm ô nhiễm môi trường, xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của người tiêu dùng trong lĩnh vực an toàn thực phẩm, dược phẩm,...thì VKS công khai thông báo, nếu sau thời gian công khai thông báo mà cá nhân, cơ quan, tổ chức quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự không khởi kiện thì VKSND có thể khởi kiện ra trước Tòa án nhân dân.

Thứ hai, cần tăng cường vai trò, trách nhiệm của VKSND trong tố tụng hành chính

- Về thẩm quyền khởi kiện vụ án hành chính của VKSND cần bổ sung vào Luật Tố tụng hành chính theo hướng: *VKSND trong quá trình thực hiện chức năng nhiệm vụ phát hiện thấy Cơ quan quản lý hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường sinh thái; bảo vệ tài nguyên; bảo vệ an toàn thực phẩm, dược phẩm; quản lý tài sản nhà nước; chuyển nhượng quyền sử dụng đất công không thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ dẫn đến lợi ích của nhà nước, lợi ích công cộng bị xâm phạm thì Viện kiểm sát cần phải có kiến nghị kiểm sát gửi cơ quan hành chính có liên quan. Trường hợp cơ quan hành chính vẫn không thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, Viện kiểm sát nhân dân có thể khởi kiện vụ án hành chính ra trước Tòa án nhân dân.*

Ví dụ: Trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ, VKSND phát hiện thấy cơ quan hành chính có chức năng quản lý, giám sát trong lĩnh vực bảo vệ môi trường, bảo vệ tài nguyên, đất đai, tài sản của nhà nước,... không thực hiện

đúng hoặc không thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình, gây thiệt hại cho lợi ích của nhà nước, lợi ích công cộng thì trước hết, VKS kiến nghị cơ quan hành chính nhà nước khắc phục vi phạm. Sau khi nhận được kiến nghị kiểm sát, trong thời hạn 01 tháng các cơ quan bị kiến nghị phải thực hiện sửa sai và có báo cáo bằng văn bản. Trong trường hợp cơ quan hành chính có liên quan không sửa sai, khiến cho lợi ích của nhà nước, lợi ích công cộng tiếp tục bị xâm hại, VKS có thể khởi kiện vụ án hành chính ra TAND, thì trong trường hợp này **bị đơn** là cơ quan hành chính nhà nước (hoặc tổ chức được ủy quyền theo quy định của pháp luật) có nhiệm vụ quản lý, giám sát tài nguyên, tài sản của nhà nước đó;

Thứ ba, cần tăng cường vai trò, trách nhiệm của VKSND trong kiểm soát việc ban hành văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) và xử lý vi phạm hành chính

Khi phân công thực hiện quyền lực nhà nước, một vấn đề tất yếu đòi hỏi đặt ra là phải có việc kiểm tra và giám sát đối với các chủ thể được ủy quyền, để đảm bảo hạn chế các vi phạm pháp luật và tránh việc lạm dụng quyền lực nhà nước. Trong hoạt động ban hành VBQPPL và xử lý vi phạm hành chính cũng không ngoại lệ. Việc kiểm tra, giám sát các hoạt động này để bảo đảm hệ thống VBQPPL, các Quyết định xử lý vi phạm hành chính do các cơ quan có thẩm quyền ban hành phải thống nhất với Hiến pháp và các văn bản Luật. Nếu xảy ra việc ban hành VBQPPL trái với quy định của Luật và Hiến pháp thì phải được phát hiện ngay, hạn chế tối đa gây hậu quả, tác động xấu tới xã hội và phải kịp thời phát hiện, hủy bỏ. *Vì thế, cần bổ sung quy định cơ chế giám sát việc tuân thủ pháp luật trong việc ban hành VBQPPL và việc xử lý vi phạm hành chính; theo đó có thể giao cho VKSND hoặc một cơ quan nhà nước khác có thẩm quyền phù hợp nhằm bảo đảm thực hiện hiệu quả nhiệm vụ này.*

Hơn nữa, việc nghiên cứu, giao cho VKSND thực hiện kiểm sát VBQPPL và kiểm sát xử lý vi phạm hành chính cũng phù hợp với thực tiễn 42 năm thực hiện hiệu quả công tác này của VKSND từ thời kỳ Hiến pháp năm 1959 cho đến Hiến pháp năm 1992, phù hợp với vai trò của VKSND trong thực hiện nhiệm vụ bảo vệ pháp luật, bảo vệ quyền con người, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

Như vậy, có thể thấy việc tăng cường vai trò, trách nhiệm trên cơ sở bám sát những nội dung mới của Văn kiện Đại hội XIII của Đảng để góp phần tích cực trong thực hiện thắng lợi **Chiến lược xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chiến lược cải cách tư pháp trong giai đoạn mới** là nhiệm vụ tất yếu, đòi hỏi sự tổng kết, đánh giá hết sức khách quan, đề xuất được nhiều biện pháp, cách thức thực hiện phù hợp với thực tế điều kiện hiện nay.

Ngành KSND nói chung, VKSND tỉnh Quảng Ninh nói riêng đã và đang tích cực nghiên cứu, tổng kết thực tiễn, đối chiếu với những kinh nghiệm trong nước và quốc tế được rút ra trong nhiều năm qua, tiếp tục đề xuất những nội dung mới, khẳng định được vị trí, vai trò quan trọng của VKSND trong bộ máy nhà nước, góp phần vận hành trơn tru cơ chế **phân công, phối hợp và kiểm soát quyền lực nhà nước ở Việt Nam** trong giai đoạn xây dựng và phát triển mới./.

**XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA
VIỆT NAM VÀ THỰC TIỄN Ở QUẢNG NINH**

Hoàng Đại Dương

Phòng Lý luận chính trị và Lịch sử Đảng,

Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy

Đặt vấn đề: Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa là một thành tố trung tâm của hệ thống chính trị nước ta. Xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân là nhiệm vụ trọng tâm của đổi mới hệ thống chính trị. Đồng thời, tiếp tục xây dựng và đổi mới đồng bộ các thành tố khác của hệ thống chính trị cũng là điều kiện để tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Kế thừa tinh thần các kỳ Đại hội trước, Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng đã đề ra những nhiệm vụ chiến lược để phát triển đất nước, trong đó có nhiệm vụ then chốt là tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Vì vậy, cần có những giải pháp mang tính tổng thể, đột phá để thực hiện thắng lợi mục tiêu, nhiệm vụ đó, nhằm nâng cao năng lực, hiệu lực, hiệu quả hoạt động của Nhà nước, đáp ứng yêu cầu trong giai đoạn cách mạng mới. Một trong những chủ trương then chốt được Đại hội lần thứ XIII của Đảng đề ra là: “Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của Nhân dân, do Nhân dân và vì Nhân dân do Đảng lãnh đạo là nhiệm vụ trọng tâm của đổi mới hệ thống chính trị. Nâng cao năng lực, hiệu lực, hiệu quả hoạt động của Nhà nước. Xác định rõ hơn vai trò, vị trí, chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp trên cơ sở các nguyên tắc pháp quyền, bảo đảm quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công rành mạch, phối hợp chặt chẽ và tăng cường kiểm soát quyền lực nhà nước. Xây dựng hệ thống pháp luật đầy đủ, kịp thời, đồng bộ, thống nhất, khả thi, công khai, minh bạch, ổn định, lấy quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của người dân, doanh nghiệp làm trọng tâm thúc đẩy đổi mới sáng tạo, bảo đảm yêu cầu phát triển nhanh, bền vững”; “xây dựng Nhà nước tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; gắn với tinh giản biên chế, nâng cao chất lượng và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên, nhất là đội ngũ cán bộ cấp

chiến lược, người đứng đầu đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ, gắn bó mật thiết với nhân dân”... Dự hội thảo hôm nay, qua thực tiễn tôi nhận thấy ở Quảng Ninh đã thực hiện một số nội dung sau:

Thứ nhất, bảo đảm tính đồng bộ về hệ thống pháp luật, chính sách.

Hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách phải đầy đủ, đồng bộ, thực sự hiệu lực, hiệu quả. Do vậy, phải không ngừng hoàn thiện và nâng cao chất lượng thể chế, hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách. Tính đồng bộ của hệ thống pháp luật, chính sách thể hiện ở hệ thống pháp luật đầy đủ, cụ thể, minh bạch làm cơ sở để xây dựng và hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển đất nước trên tất cả các lĩnh vực, phù hợp với nền kinh tế thị trường đầy đủ, hiện đại, hội nhập....

Tập trung sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện hệ thống luật pháp, chính sách, chiến lược, quy hoạch, nâng cao chất lượng, hiệu quả quản trị quốc gia. Tiếp tục đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác xây dựng và thi hành pháp luật, bảo đảm tiến độ, chất lượng, đầy đủ, đồng bộ, khả thi, chi phí tuân thủ thấp, hiện đại, hội nhập, có sức cạnh tranh quốc tế. Tiếp tục hoàn thiện thể chế về sở hữu, phát triển các thành phần kinh tế, các loại hình doanh nghiệp, kinh tế hợp tác, hợp tác xã, các yếu tố, các loại thị trường. Xây dựng khung khổ luật pháp, môi trường thuận lợi thúc đẩy phát triển, khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, phát triển kinh tế số...; qua việc thực hiện các dự án đầu tư lớn tại tỉnh như cảng tàu khách quốc tế, sân bay Vân Đồn, cao tốc Hạ Long - Hải Phòng là cơ sở để chính phủ ban hành Nghị định số 15/2015/NĐ/CP ngày 14/02/2015 về đầu tư theo hình thức đối tác công tư góp phần tạo nguồn lực lớn của xã hội vào thực hiện một trong 3 đột phá chiến lược của Đảng bộ tỉnh là đầu tư hoàn thiện hạ tầng, trong đó tập trung “đẩy nhanh tốc độ phát triển và hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng KT-XH đồng bộ, hiện đại; thúc đẩy liên kết vùng”...

Thứ hai, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và năng lực kiến tạo phát triển.

Tiếp tục kiện toàn tổ chức bộ máy quản lý nhà nước các cấp theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả. Phân định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của từng cơ quan, tổ chức, khắc phục tình trạng chồng chéo, trùng lặp hoặc bỏ sót chức

năng, nhiệm vụ giữa các cơ quan, tổ chức. Đẩy mạnh tinh giản biên chế, cải cách quản lý biên chế theo vị trí việc làm, chức danh và chức vụ lãnh đạo; xây dựng và ban hành chế độ tiền lương mới bảo đảm tương quan hợp lý với tiền lương trên thị trường lao động. Đẩy mạnh và hoàn thiện cơ chế phân cấp, phân quyền, bảo đảm quản lý thống nhất, hiệu lực, hiệu quả hoạt động; đồng thời phát huy tính chủ động, sáng tạo, đề cao tinh thần trách nhiệm của từng cấp, từng ngành gắn với cơ chế kiểm soát quyền lực hiệu quả.

Xây dựng nền hành chính hiện đại, chuyên nghiệp, kỷ cương, công khai, minh bạch. Tiếp tục cắt giảm thực chất thủ tục hành chính, đẩy mạnh công tác chọn lọc, quy hoạch, đào tạo cán bộ, công chức có đức, có tài, có bản lĩnh chính trị dựa trên cơ chế cạnh tranh về tuyển dụng, chế độ đãi ngộ, đề bạt và đánh giá công bằng. Xây dựng cơ chế khuyến khích và có cơ chế bảo vệ cán bộ đổi mới, sáng tạo, dám nghĩ, dám nói, dám làm, dám đột phá, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung.

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan nhà nước, thúc đẩy việc xử lý hồ sơ công việc trên môi trường mạng hướng tới cơ quan nhà nước “không giấy tờ”. Hoàn thiện các hệ thống thông tin một cửa điện tử, cổng dịch vụ công các cấp kết nối với Cổng Dịch vụ công Quốc gia.

Thứ ba, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền hợp lý, hiệu quả, đồng thời tăng cường kiểm tra, giám sát, kiểm soát quyền lực bằng pháp luật.

Cần có sự phân quyền hợp lý: xác định rõ chức năng, nhiệm vụ, trách nhiệm giữa Trung ương và địa phương; giữa bộ, ngành với địa phương và giữa các bộ, ngành với nhau nhằm xác lập rõ ràng trách nhiệm giải trình của các cấp chính quyền và công chức quản lý, tránh tình trạng một việc phải xin ý kiến nhiều cơ quan, ban ngành, dễ dẫn đến những quyết định thiếu chính xác, bỏ lỡ thời cơ không chỉ đối với doanh nghiệp mà cả đối với địa phương, bộ, ngành và quốc gia. Xác lập chế độ ủy quyền giữa cấp trên và cấp dưới cùng các điều kiện thực hiện chế độ ủy quyền và trách nhiệm báo cáo, giải trình; tránh trùng lặp giữa việc do Trung ương làm với việc của địa phương làm và công việc giữa các cấp chính quyền trong phạm vi một địa phương với nhau nhằm tránh đùn đẩy trách nhiệm,

chồng chéo, trùng lặp, cản trở trong hoạt động. Mạnh dạn thí điểm về cơ chế, chính sách đặc thù đối với một số địa phương được Bộ Chính trị đã ban hành nghị quyết riêng. Phân cấp, phân quyền minh bạch, xác định rõ trách nhiệm, nghĩa vụ của các chủ thể thực hiện các nhiệm vụ. Từ thực tiễn tổ chức quyền lực nhà nước ở địa phương trong hoàn thiện nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam có nhiều vấn đề đặt ra cần giải quyết. Với góc nhìn, kinh nghiệm thực tế của Quảng Ninh cho thấy: Cần giải quyết tốt hơn nữa mối quan hệ cơ bản giữa chính quyền Trung ương và chính quyền địa phương, tiếp tục phân cấp, phân quyền mạnh mẽ của Trung ương cho địa phương và giữa các cấp chính quyền địa phương. Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền nhiều hơn cho địa phương không chỉ phù hợp với xu hướng đề cao tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của chính quyền địa phương, nhất là cung ứng dịch vụ công và huy động nguồn lực cho phát triển. Về nguyên tắc, cái gì sát với nhu cầu của người dân, với thị trường thì nên phân cấp, phân quyền mạnh mẽ hơn cho địa phương. Ví dụ như việc Quảng Ninh chủ động trong việc đề xuất xây dựng đường cao tốc Hải Phòng - Hạ Long, Hạ Long - Vân Đồn, Vân Đồn - Móng Cái ... là minh chứng cụ thể cho việc phân cấp phân quyền cho địa phương, như bài phát biểu của Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính tại lễ khánh thành cao tốc Vân Đồn - Móng Cái “Hôm nay chúng ta khánh thành đoạn cuối cùng, nhưng ngược thời gian nhớ lại cách đây 10 năm, chúng ta đã gặp rất nhiều khó khăn trong công tác quy hoạch, lập dự án, thẩm định, phê duyệt và tổ chức thi công. Vướng mắc là do thể chế, cơ chế chính sách chưa hoàn thiện, vừa làm vừa rút kinh nghiệm, vừa xây dựng để đề xuất Trung ương. Việc triển khai dự án cũng có rất nhiều ý kiến khác nhau của các cơ quan, nhà tư vấn mới đi đến thống nhất. Rồi đường quốc lộ quốc gia nhưng do địa phương, doanh nghiệp đầu tư thì theo Luật Ngân sách, Luật Đầu tư công là không cho phép. Tiếp đó là vấn đề nhà nước và doanh nghiệp đầu tư nhưng vấn đề khai thác và quản lý, sử dụng, thu phí thế nào cũng là vấn đề khó khăn phải vượt qua... Tuy nhiên, quan trọng nhất là những khó khăn đó đã được tỉnh Quảng Ninh nghiên cứu, đề xuất và Chính phủ, các bộ ngành, trung ương, các nhà tư vấn, nhà đầu tư, nhà thầu, Hội đồng thẩm định nhà nước cùng nhau chung tay tháo gỡ, vận dụng sáng tạo, linh hoạt, hiệu quả các văn bản pháp luật hiện hành. Việc khánh

thành cao tốc Vân Đồn - Móng Cái có nhiều ý nghĩa, bài học kinh nghiệm trong đó đồng chí Thủ tướng có nêu bài học tạo nguồn lực “ Nguồn lực bắt nguồn từ tư duy, động lực bắt nguồn từ sự đổi mới, sức mạnh bắt nguồn từ lòng dân; Trung ương mạnh dạn phân cấp phân quyền cho địa phương. Đồng thời, phải thiết kế các công cụ giám sát kiểm tra, đôn đốc và thực hiện quản lý nhà nước một cách nghiêm túc, chống tham nhũng tiêu cực lãng phí trong triển khai các dự án; Các địa phương phải tự lực, tự cường, tự vươn lên từ bàn tay khối óc, chân trời, cửa biển của mình, dám nghĩ, dám làm không trông chờ ỷ lại, xóa bỏ cơ chế xin cho, xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ, tích cực hội nhập quốc tế sâu rộng, thực chất hiệu quả...; các tỉnh có liên quan, phối hợp cùng chung tay chúng sức để thực hiện các dự án hạ tầng.

Thứ tư, đổi mới mạnh mẽ tư duy về cải cách hành chính, trọng tâm là các thủ tục hành chính.

Xây dựng và hoàn thiện nền hành chính phục vụ và thực sự hướng đến phục vụ người dân và cộng đồng doanh nghiệp, lấy mức độ hài lòng của họ làm cơ sở đánh giá hiệu quả của cải cách hành chính. Cải cách thủ tục hành chính một cách quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả, bãi bỏ các rào cản hạn chế quyền tự do sản xuất - kinh doanh, cải thiện và nâng cao chất lượng môi trường kinh doanh, bảo đảm cạnh tranh lành mạnh, bình đẳng, minh bạch. Đồng thời, đảo đảm đầy đủ quyền tự do, an toàn trong hoạt động sản xuất - kinh doanh; huy động, phân bổ, sử dụng hiệu quả các nguồn lực theo nguyên tắc thị trường. Nội dung này ở Quảng Ninh được thực hiện như phát biểu của đồng chí Nguyễn Xuân Ký - Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch HĐND tỉnh tại Hội nghị phân tích chuyên sâu chỉ số cải cách hành chính, chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính được tổ chức ngày 20/7, đó là: tỉnh sẽ thực hiện “6 dám” để không ngừng nâng cao chất lượng, hiệu quả cao trong cải cách hành chính: dám nghĩ, dám nói, dám làm, dám chịu trách nhiệm, dám đổi mới sáng tạo và dám đương đầu với khó khăn thử thách. Đây là những nội dung được đúc kết từ kinh nghiệm trong suốt hơn 10 năm tỉnh Quảng Ninh thực hiện cải cách hành chính.

Tỉnh Quảng Ninh đang ngày càng xây dựng nền hành chính hiện đại, chuyên nghiệp, kỷ cương, năng động, công khai, minh bạch, hiệu lực, hiệu quả, tạo thuận

lợi cho người dân và doanh nghiệp gắn với định vị thương hiệu tỉnh, giữ vững vị trí nhóm đầu về các chỉ số cải cách hành chính (PAR Index), chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính (SIPAS) và chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI).

Tỉnh đã chỉ đạo triển khai quyết liệt, đồng bộ 6 nội dung cải cách hành chính để quyết tâm xây dựng Quảng Ninh trở thành tỉnh dịch vụ, công nghiệp hiện đại, sớm trở thành thành phố trực thuộc Trung ương, là một trong những trung tâm phát triển năng động, toàn diện của phía Bắc; đáp ứng niềm mong mỏi, kỳ vọng của nhân dân và cộng đồng doanh nghiệp. Trong năm 2021 và 6 tháng đầu năm 2022, các cơ quan, đơn vị, địa phương quan tâm triển khai thực hiện đồng bộ các nội dung cải cách hành chính thông qua việc kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật để kịp thời tham mưu sửa đổi nội dung các văn bản không phù hợp, kịp thời phát hiện những văn bản mâu thuẫn, chồng chéo, bất cập, hết hiệu lực để đề xuất bãi bỏ, sửa đổi, bổ sung. Sau khi thực hiện rà soát, đến nay, toàn tỉnh còn tổng số 1.803 thủ tục hành chính. Tại các trung tâm phục vụ hành chính công, bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã, tỷ lệ hồ sơ được giải quyết đúng hạn và trước hạn đều đạt trên 98%. Riêng tại trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh, trên 53,5% số hồ sơ được tiếp nhận, giải quyết trực tuyến.

Kết quả đánh giá mức độ hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của tỉnh Quảng Ninh năm 2021 đạt tỷ lệ tương đối cao, trung bình đạt 94,07% và là năm thứ 3 liên tiếp tỉnh Quảng Ninh dẫn đầu bảng xếp hạng đánh giá đối với các tỉnh, thành phố trong cả nước. Trong đó, có 5/5 tiêu chí có tỷ lệ đánh giá hài lòng trên 90%. Cụ thể, tỷ lệ hài lòng về kết quả giải quyết thủ tục hành chính đạt 94,90%; về thủ tục hành chính đạt 94,78%; về công chức tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính là 94,75%; tiếp cận dịch vụ đạt 94,64%; việc tiếp nhận, xử lý góp ý, phản ánh, kiến nghị của người dân, tổ chức là 91,26%. Trong thời gian tới, các cơ quan, đơn vị, địa phương của Quảng Ninh tiếp tục chấn chỉnh, nâng cao chất lượng, hiệu quả giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh; nâng cao hiệu quả, tiến độ giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính; rà soát, tự kiểm tra đột xuất để kịp thời phát hiện cán bộ, công chức, viên chức không xử lý hoặc chậm xử lý, xử lý hồ sơ không đúng trình tự, thủ tục theo quy định, có hành vi nhũng

nhiều để xử lý nghiêm. Tỉnh Quảng Ninh tiếp tục công khai đầy đủ, kịp thời, dễ tiếp cận đối với các thủ tục hành chính được thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết tại bộ phận một cửa, trên Cổng thông tin điện tử tỉnh, trên Trang thông tin điện tử cơ quan, đơn vị; vận hành có hiệu quả mô hình trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh và Trung tâm Hành chính công các địa phương. Bên cạnh đó, tỉnh tăng cường tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn đến tổ chức, cá nhân thực hiện truy cập nộp hồ sơ, nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo hình thức trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 trên Cổng dịch vụ công của tỉnh, Cổng Dịch vụ công quốc gia; hướng tới thay đổi thói quen sử dụng dịch vụ công trực tiếp của công dân, nhằm tiết kiệm thời gian, công sức, chi phí đi lại cho người sử dụng, góp phần cải cách thủ tục hành chính, giảm phiền hà, sách nhiễu, chống tiêu cực trong việc tiếp xúc với nhân dân, doanh nghiệp...

Trên đây, là tham luận của tôi tại hội thảo xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam và thực tiễn ở Quảng Ninh, trân trọng cảm ơn các đồng chí đã chú ý lắng nghe.

**THỰC TIỄN BAN HÀNH VÀ ÁP DỤNG PHÁP LUẬT TẠI TỈNH
QUẢNG NINH GÓP PHẦN XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN
XHCN VIỆT NAM HIỆN NAY**

Ths. Lê Thị Huệ

Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ninh

Học viên Lớp Trung cấp chính trị C282

Trong 10 năm gần đây Quảng Ninh vươn lên, đã và đang trở thành một trong những tỉnh đi đầu trong công cuộc đổi mới sáng tạo của vùng Đồng bằng Bắc Bộ, một cực tăng trưởng của khu vực phía Bắc. Kinh tế liên tục tăng trưởng cao và ổn định, cơ cấu chuyển dịch tích cực theo hướng bền vững, chuyển đổi phương thức phát triển từ nâu sang xanh; kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế với bảo đảm an sinh, phúc lợi, tiến bộ, công bằng xã hội và bảo vệ môi trường. Công tác xây dựng Đảng, hệ thống chính trị gắn với xây dựng tổ chức bộ máy tinh gọn, hoạt động hiệu lực hiệu quả và xây dựng đội ngũ cán bộ công chức có đủ phẩm chất, năng lực, uy tín, ngang tầm nhiệm vụ. Đến nay, Quảng Ninh đã mang trong mình một diện mạo hoàn toàn mới từ đô thị đến nông thôn, miền núi đều ghi nhận những đổi thay mạnh mẽ, thu nhập và cuộc sống người dân đã được chuyển biến một cách thực chất.

Đạt được những thành tựu như hiện tại đó là cả quá trình lãnh đạo qua các nhiệm kỳ kế tiếp nhau đã thể hiện rõ tinh thần kế thừa, đổi mới và phát triển, đoàn kết nhất trí, dám nghĩ, dám làm, sự vận dụng sáng tạo các nghị quyết, chỉ thị của đảng, quan điểm phát triển đất nước trong tình hình mới, mạnh dạn đột phá đi tiên phong trong đổi mới phương thức lãnh đạo, tinh gọn tổ chức bộ máy; nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị; tích cực cải cách hành chính để phát huy có hiệu quả những tiềm năng, lợi thế cho phát triển;

Với phương châm Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân là nhà nước mà ở đó mọi quyền lực Chính trị - quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân, là Nhà nước được tổ chức và hoạt động trên cơ

sở Hiến pháp và pháp luật. Tỉnh Quảng Ninh luôn xác định xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật đồng bộ, thống nhất, khả thi, công khai, minh bạch là một trong ba khâu đột phá chiến lược, Trong giai đoạn 2017 - 2021, số lượng văn bản quy phạm pháp luật do HĐND và UBND các cấp ban hành tăng cả về số lượng và chất lượng, cụ thể: HĐND và UBND tỉnh đã ban hành 377 văn bản (trong đó: Nghị quyết 135, Quyết định 242); UBND các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh ban hành 263 văn bản (trong đó: Nghị quyết 75, Quyết định 188); UBND cấp xã ban hành 1.148 văn bản (trong đó: Nghị quyết 992, Quyết định 156). Những văn bản này đã góp phần tạo nên một hệ thống văn bản quy phạm pháp luật của Tỉnh khá ổn định, điều chỉnh hầu hết các quan hệ xã hội trong các lĩnh vực của đời sống xã hội; góp phần tích cực vào việc phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, giữ gìn an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội, bảo vệ và phát huy các quyền tự do, dân chủ của công dân; đã dần đáp ứng các tiêu chí về tính đồng bộ, thống nhất, khả thi, công khai, minh bạch, đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước của địa phương.

Bên cạnh đó, Quảng Ninh cũng là một trong những địa phương tích cực tham gia công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Trung ương, với nhiều ý kiến xuất phát từ thực tiễn áp dụng pháp luật, phản ánh tồn tại, vướng mắc trong quá trình thực thi pháp luật tại địa phương, Tỉnh đã có những đề xuất, kiến nghị được Trung ương xem xét, tiếp thu. Đến nay Quảng Ninh đã xây dựng được một hệ thống văn bản quy phạm pháp luật khá hoàn thiện phục vụ cho hoạt động quản lý điều hành xã hội bằng pháp luật ở địa phương, tạo hành lang pháp lý thống nhất, đồng bộ cho sự phát triển kinh tế - xã hội của Tỉnh, góp phần quan trọng thúc đẩy cải cách hành chính, cải cách tư pháp ở địa phương.

Công tác xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật ngoài việc quy định chi tiết văn bản pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên giao thẩm quyền cho địa phương ban hành, HĐND tỉnh còn chú trọng xây dựng các chính sách, biện pháp nhằm phát triển kinh tế xã hội, chính sách nhằm cụ thể hóa các chủ trương, Đề án,

Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XV, với nhiều nội dung đặc thù. Nổi bật là nghị quyết ban hành chính sách thu hút, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao tại các trường đại học, cao đẳng trên địa bàn tỉnh; Chương trình tổng thể phát triển bền vững kinh tế - xã hội gắn với bảo đảm vững chắc quốc phòng - an ninh ở các xã, thôn, bản vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, biên giới, hải đảo trên địa bàn tỉnh; chính sách hỗ trợ đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, bản, khu phố chịu tác động do sắp xếp, sáp nhập thôn, bản, khu phố; đặc biệt trong năm 2021 và năm 2022 trước tình hình dịch bệnh Covid-19, HĐND tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 36/2021/NQ-HĐND về một số giải pháp cấp bách, chính sách đặc thù phòng, chống dịch bệnh Covid-19, trong đó đưa ra nhiều chính sách hỗ trợ cho người dân, người lao động miễn học phí cho trẻ em mầm non, học sinh phổ thông.v.v.; Nghị quyết về hỗ trợ học phí cho trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, học viên giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh năm học 2022 – 2023 những nghị quyết trên thể hiện rõ chính sách an sinh xã hội vì lợi ích của người dân vì nhân dân phục vụ, vì sự phát triển của đất nước, phát huy dân chủ bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân.

Bên cạnh công tác xây dựng và hoàn thiện, công tác tổ chức thi hành pháp luật cũng được các cấp các ngành triển khai thực hiện đồng bộ hiệu quả. Trong 5 năm liền tiêu chí về “*Xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật tại tỉnh Quảng Ninh*” trong bộ tiêu chí chấm điểm cải cách hành chính (PAR Index) đều đạt tối đa; 5 năm liền Quảng Ninh nằm trong top đầu các tỉnh, thành phố về chỉ số cải cách hành chính (4 năm liền đứng thứ nhất, 1 năm đứng thứ 2). Trong 6 nhiệm vụ về cải cách hành chính, Quảng Ninh cũng là tỉnh đi đầu trong *Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước*, chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan hành chính nhà nước các cấp được rà soát và quy định cụ thể, rõ ràng tránh chồng chéo; mạnh dạn đề xuất thí điểm thực hiện mô hình Trung tâm dịch vụ hành chính công tại cả 3 cấp; mô hình tổ chức chính quyền tại nông thôn, hải đảo trong đó có nhất thể hóa bí thư đồng thời là chủ tịch tại 3 địa phương cấp

huyện, 119 xã, phường; thành lập Ban Quản lý Khu kinh tế Vân Đồn thuộc UBND tỉnh, Ban xúc tiến Hỗ trợ đầu tư tỉnh, thành lập Trung tâm truyền thông tỉnh trên cơ sở hợp nhất các cơ quan báo chí của tỉnh, cùng với đó, tỉnh Quảng Ninh cũng là một trong những địa phương đẩy mạnh phân cấp, ủy quyền nhằm tạo sự chủ động, linh hoạt, nâng cao trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục hành chính cho người dân và doanh nghiệp. Những mô hình thí điểm, mô hình tổ chức mới của cơ quan nhà nước và sự chủ động trong phân cấp, ủy quyền tại Quảng Ninh sẽ là tiền đề để trung ương đánh giá, tổng kết để đưa ra những quyết sách đúng đắn trong việc tiếp tục đổi mới tổ chức, hoạt động của bộ máy nhà nước trong tiến trình xây dựng nhà nước pháp quyền của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân.

Để nâng cao tính phục vụ, trong quá trình xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam cần tập trung vào những nội dung cơ bản sau:

Thứ nhất: Cần hoàn thiện cơ bản mô hình Nhà nước pháp quyền XHCN thực sự của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân do Đảng lãnh đạo; lấy phát triển con người làm trung tâm; tôn trọng, bảo đảm, bảo vệ quyền con người, quyền công dân; bảo đảm chủ quyền nhân dân; thượng tôn Hiến pháp và pháp luật; có hệ thống pháp luật đầy đủ, đồng bộ, thống nhất, khả thi, công khai, minh bạch, ổn định, dễ tiếp cận, có hiệu lực cao, đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế. Sớm hoàn thành Đề án và trình Trung ương ban hành "Chiến lược xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa (XHCN) Việt Nam đến năm 2030, định hướng đến năm 2045".

Thứ 2: Những mô hình tổ chức bộ máy tại Quảng Ninh cần có lộ trình cụ thể để đánh giá, tổng kết đưa ra bài học kinh nghiệm để áp dụng vào trong thực tiễn tránh thời gian kéo dài, không phát huy hiệu quả.

Thứ 3: Trong quá trình xây dựng và hoàn thiện pháp luật cần tiếp tục rà soát để đẩy mạnh phân cấp phân quyền đảm bảo quyền lực nhà nước là thống nhất nhưng nhiệm vụ cụ thể do cấp chính quyền nào thực hiện hiệu quả thì phân

cấp phân quyền thực hiện tránh ôm đồm, hình thức, không thực chất đối với nhiệm vụ.

Thứ 4: Chính quyền địa phương cần chủ động rà soát văn bản pháp luật của cấp trên để xác định những vấn đề cấp trên giao quy định chi tiết để kịp thời ban hành văn bản, tránh tình trạng chậm ban hành văn bản quy định chi tiết dẫn đến trường hợp văn bản cấp trên đã có hiệu lực thi hành nhưng chưa tổ chức thực hiện được vì địa phương chưa có quy định cụ thể ảnh hưởng đến hiệu lực hiệu quả và tính đồng bộ của hệ thống pháp luật.

Trong xã hội đương đại, xu hướng chuyển đổi từ mô hình “quản lý”, “cai trị”, sang mô hình “quản trị”, “phục vụ” ngày càng phổ biến trong khu vực công, phù hợp với yêu cầu dân chủ hóa đời sống kinh tế- xã hội. Vì thế xây dựng nền hành chính phục vụ hoàn toàn phù hợp với xu hướng của thời đại để Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của dân, do dân và vì dân.

**CUỘC CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP LẦN THỨ TƯ VÀ MỘT SỐ
VẤN ĐỀ ĐẶT RA TRONG VIỆC XÂY DỰNG, HOÀN THIỆN NHÀ
NƯỚC PHÁP QUYỀN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Ths. Nguyễn Đức Phương

Giảng viên Khoa Nhà nước và Pháp luật

**1. CUỘC CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP LẦN THỨ TƯ VÀ CHÍNH
SÁCH CỦA NHÀ NƯỚC VIỆT NAM**

Mỗi một cuộc cách mạng công nghiệp là một lần thay đổi căn bản. Sau mỗi cuộc cách mạng công nghiệp, xã hội biến chuyển sâu sắc trong đó có sự thay đổi lớn và rõ rệt trong cách mà hệ thống giáo dục vận hành. Theo các chuyên gia, nhà khoa học, thế giới đã trải qua 3 cuộc cách mạng công nghiệp là cuộc cách mạng công nghiệp 1.0 gắn với quá trình cơ giới hóa sản xuất (mechanization) (diễn ra trong khoảng từ 1760 đến 1840 với sự khởi đầu bằng việc phát minh ra máy hơi nước), cách mạng công nghiệp 2.0 gắn liền với quá trình điện khí hóa và áp dụng dây chuyền sản xuất (diễn ra từ cuối thế kỷ 19 đến nửa đầu thế kỷ 20), cách mạng công nghiệp 3.0 gắn liền với việc điện tử hóa, số hóa quá trình sản xuất và phát minh ra Internet (diễn ra từ khoảng những năm 1960 đến thập niên đầu tiên của thế kỷ 21).

Hiện nay, thế giới đang ở chặng đường đầu tiên bước vào cuộc Cách mạng Công nghiệp lần thứ tư (cuộc cách mạng công nghiệp 4.0) với đặc trưng là tích hợp toàn bộ những thành tựu của 3 cuộc cách mạng trước đây nhưng nâng lên một bước phát triển mới về chất, gắn liền với các trụ cột về Trí thông minh nhân tạo (Artificial Intelligence), Người máy thông minh có thể tự học hỏi (Learning machines), Internet vạn vật kết nối (Internet of things), Công nghệ điện toán đám mây (Cloud computing) và Xử lý dữ liệu lớn (Big data). Cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 chính là sự lên ngôi của những công nghệ sinh học, công nghệ vật liệu, trạng thái số hóa và thông minh hóa các ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT).

Cách mạng công nghiệp 4.0 với việc ứng dụng ngày càng phổ biến hơn những công nghệ mới như chuỗi khối, trí thông minh nhân tạo, internet vạn vật, robot, điện toán đám mây, dữ liệu lớn (big data) cũng như các công nghệ khác đang liên tục được phát minh ra, mà cốt lõi là quá trình chuyển đổi số, đang làm thay đổi mọi mặt của đời sống kinh tế - xã hội. Với Việt Nam, có tới hơn 72 triệu người sử dụng Internet cùng trên một trăm triệu thuê bao thiết bị di động⁰, các mô hình kinh tế chia sẻ và thương mại điện tử đang bước vào giai đoạn phát triển bùng nổ. Cách mạng công nghiệp 4.0, vì thế, về nhiều mặt không còn xa lạ với Việt Nam mà đang tác động trực diện tới sinh hoạt thường nhật của người dân. Sự ứng dụng rộng rãi những thành tựu từ cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, nhất là sự gia tăng của nền kinh tế số, kinh tế sáng tạo, kinh tế chia sẻ, sự thông minh hóa quá trình sản xuất, phân phối, tiêu dùng sản phẩm, thông minh hóa quá trình quản trị xã hội, hình thành các mối quan hệ xã hội mới, những tương tác mới giữa doanh nghiệp với doanh nghiệp, giữa doanh nghiệp với người lao động và người tiêu dùng, giữa người dân và chính quyền đang thách thức những quan điểm pháp lý truyền thống, đòi hỏi hệ thống pháp luật cần phải có những điều chỉnh tương ứng.

Có rất nhiều những hiện tượng kinh tế - xã hội phát sinh từ cách mạng công nghiệp 4.0 minh chứng cho những tác động to lớn của cuộc cách mạng này đến hệ thống pháp luật. Chẳng hạn: Sự phát triển của trí tuệ nhân tạo, sử dụng người máy thông minh thế hệ mới thách thức quan niệm truyền thống về chủ thể của các quan hệ pháp luật cũng như các quy tắc về trách nhiệm pháp lý của các chủ thể có liên quan, các quy tắc điều chỉnh quan hệ lao động và việc giải quyết vấn đề an sinh xã hội. Sự lưu hành của các loại tiền ảo (Bitcoin, Litecoin...) thách thức quan niệm truyền thống về việc chỉ có các quốc gia có chủ quyền mới được phát hành tiền tệ. Sự hình thành của các nền kinh tế chia sẻ (Uber, Grab, AirBnB...) thách thức quan niệm về kinh doanh vận tải, kinh doanh dịch vụ lưu trú, về cách thức áp dụng pháp luật cạnh tranh... Thêm vào đó, chưa bao giờ vấn đề tội phạm công

nghe cao và việc bảo vệ bí mật đời tư, bảo vệ dữ liệu cá nhân, duy trì an ninh mạng lại trở nên cấp thiết như hiện nay. Hệ thống pháp luật hiện hành của các quốc gia, trên thực tế đều tỏ ra có những bất cập nhất định khi xử lý những vấn đề này. Đảm bảo sự thích ứng của pháp luật với những thay đổi từ quá trình tác động của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đang là yêu cầu cấp thiết mà nhà nước cần phải thực hiện để bảo vệ tốt hơn nữa quyền con người, quyền công dân, quyền của các chủ thể kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, thúc đẩy sự phát triển bền vững của nền kinh tế và đảm bảo công bằng xã hội, bảo vệ an ninh và chủ quyền quốc gia.

Nhận thức được xu thế và tầm quan trọng của các cuộc cách mạng CNTT, truyền thông, cách mạng công nghiệp 4.0, Nhà nước ta đã ban hành nhiều chính sách, pháp luật về hoạt động ứng dụng CNTT nhằm đưa Việt Nam sớm trở thành nước phát triển về CNTT. Tiêu biểu là **ngày 03/6/2020, Thủ tướng Chính phủ đã ký ban hành Quyết định số 749/QĐ-TTg phê duyệt “Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”**. Theo đó, Việt Nam trở thành quốc gia số, ổn định và thịnh vượng, tiên phong thử nghiệm các công nghệ và mô hình mới; đổi mới căn bản, toàn diện hoạt động quản lý, điều hành của Chính phủ, hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, phương thức sống, làm việc của người dân, phát triển môi trường số an toàn, nhân văn, rộng khắp. Quyết định nêu rõ Chương trình Chuyển đổi số quốc gia nhằm mục tiêu kép là vừa phát triển Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số, vừa hình thành các doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam có năng lực đi ra toàn cầu.

Tóm lại, chính sách của Nhà nước Việt Nam là khẩn trương hoàn thiện cơ chế, thể chế, chính sách, pháp luật theo kịp kinh tế số, công nghiệp thông minh, xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ, trong đó, CNTT và hạ tầng thông tin đóng vai trò hạ tầng của hạ tầng, phát triển nhanh nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu kinh tế số, xây dựng, phát triển nguồn nhân lực làm chủ hệ tri thức Việt số hóa, chủ động nắm bắt, khai thác có hiệu quả các cơ hội to lớn của cách mạng công nghiệp 4.0

mang lại, phát triển doanh nghiệp số được xác định là nhiệm vụ trung tâm, lâu dài để phát triển 3 trụ cột chiến lược là chính quyền số, xã hội số và kinh tế số ở Việt Nam

2. TÁC ĐỘNG CỦA CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP LẦN THỨ TƯ ĐẾN QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG, HOÀN THIỆN NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

2.1. Về nguyên tắc của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa

Trong điều kiện xã hội CNTT, công nghệ số, cách mạng công nghiệp 4.0, các nguyên tắc, yêu cầu của nhà nước pháp quyền càng cần phải được đảm bảo và kiểm soát việc thực hiện trong đời sống đầy biến động này. Công nghệ, kỹ thuật dù có hiện đại thì chúng ta cũng không thể hoàn toàn ủy thác, phó mặc, tin cậy một cách tự động hóa vào công nghệ, kỹ thuật. Cần nhận thức đầy đủ và bảo đảm trên thực tế việc thực hiện các nguyên tắc: thượng tôn hiến pháp, pháp luật, mọi cá nhân, tổ chức đều bình đẳng trước pháp luật và trước tòa án.

Một là, kiểm soát quyền lực, hoạt động của nhà nước và xã hội trong xã hội công nghệ thông tin, công nghệ số, cách mạng công nghiệp 4.0.

Ở đâu có hoạt động của con người thì ở đó phải có sự kiểm soát bằng những cơ chế, phương thức thích hợp. Kiểm soát trong điều kiện xã hội CNTT, công nghệ số, cách mạng công nghiệp 4.0 cần được bổ sung thêm nhiều nội dung và quy mô, phạm vi áp dụng, hình thành nên 1 kiểu/mô hình/cơ chế kiểm soát vừa truyền thống, vừa phi truyền thống. Trong xã hội CNTT, công nghệ số, vấn đề cần quan tâm là hoạt động thông qua các cơ chế hữu hiệu và kiểm soát, kiểm soát quyền lực nhà nước với những nội dung mới, phù hợp; kiểm soát tội phạm, kiểm soát xã hội; kiểm soát ứng dụng CNTT, công nghệ số, công nghệ sinh học, y học... Cần phải mở rộng phạm vi và gia tăng hệ thống chế tài bảo đảm tính hữu hiệu của các cơ chế kiểm soát nhà nước theo chiều dọc, chiều ngang, chiều nội bộ trong các thiết chế nhà nước; kiểm soát pháp luật từ đầu vào đến đầu ra.

Hai là, kiểm soát, bảo vệ hiến pháp - luật cơ bản nhất của quốc gia hiệu theo nghĩa đầy đủ nhất.

Theo đó, mục đích, yêu cầu, nội dung, phạm vi của kiểm soát, bảo vệ hiến pháp không chỉ dừng lại ở cách quan niệm truyền thống mặc dù đó là phần chính yếu là: kiểm soát tính hợp hiến và áp dụng các chế tài xử lý vi phạm hiến pháp. Điều này đặc biệt quan trọng như một nguyên tắc và bản sắc của nhà nước - xã hội pháp quyền, dân chủ, thượng tôn quyền, lợi ích của con người.

Kiểm soát hiến pháp và bảo vệ hiến pháp ngày nay còn kiểm soát việc thực hiện hiến pháp hóa, có nghĩa là kiểm soát việc triển khai thi hành hiến pháp, trước hết là hoạt động xây dựng các văn bản pháp luật phù hợp với các nguyên tắc, các quy định của hiến pháp, nếu không, các quy định của hiến pháp vẫn chỉ nằm trong văn bản. Kiểm soát sự phù hợp hiến pháp việc thực hiện, áp dụng, giải thích pháp luật. Kiểm soát việc rà soát, tổng rà soát hệ thống pháp luật để loại bỏ những quy định hay nguyên tắc trái hiến pháp. Bảo vệ, kiểm soát hiến pháp còn có mục đích bảo đảm không chỉ là hiệu lực pháp lý chính trị cao nhất của hiến pháp mà còn là hiệu lực trực tiếp của hiến pháp đối với các quy định, nguyên tắc của hiến pháp, trừ những quy định cần có sự điều chỉnh tiếp theo của chính phủ.

Ba là, gia tăng nhiệm vụ và tầm quan trọng của việc bảo vệ, bảo đảm, thúc đẩy các quyền, tự do, lợi ích của con người trong xã hội công nghệ thông tin toàn cầu.

Vấn đề quan trọng bậc nhất là vai trò, trách nhiệm, năng lực và kỹ năng của nhà nước về bảo vệ quyền con người trong xã hội CNTT, cách mạng công nghiệp 4.0, vấn đề cân bằng lợi ích cá nhân và sự an toàn xã hội. Trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, ranh giới giữa vật lý, kỹ thuật số và sinh học đang mờ đi, vấn đề quyền con người cần được đặc biệt quan tâm bảo vệ, bảo đảm hơn bao giờ hết. Bảo vệ dữ liệu cá nhân trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0 lại càng trở lên cấp thiết. Lợi dụng internet và sự yếu kém của hệ thống pháp luật, của chế độ kiểm soát pháp lý và kỹ thuật, nhiều cá nhân, tổ chức sẽ có những hành

vi xâm phạm quyền, lợi ích con người, xâm phạm trật tự, an toàn xã hội, an ninh quốc gia. Thách thức này đặt ra đối với vai trò, trách nhiệm của nhà nước và hệ thống pháp luật.

Các quy định pháp luật hiện hành về bảo vệ quyền riêng tư của cá nhân ở nước ta đã có, song vẫn mới chỉ kịp dừng lại ở quan niệm pháp lý truyền thống, chứ chưa đề cập yếu tố mới như chưa có sự phân biệt giữa môi trường trực tuyến và môi trường ngoại tuyến, môi trường ảo trên Internet trong không gian mạng. Khung pháp lý bảo vệ thông tin người dùng trên mạng Internet, về bảo vệ dữ liệu cá nhân trong môi trường Internet và kỹ thuật số hiện nay của nhiều nước trên thế giới trong đó có Việt Nam vẫn còn nhiều bất cập, lỗ hổng, cần phải khẩn trương hoàn thiện nhất là khi cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đang đến gần.

Bốn là, bất bình đẳng về thông tin là một kiểu lạm dụng quyền lực mới nhất trong xã hội công nghệ thông tin, truyền thông.

Trong xã hội CNTT sẽ có thêm nhiều vấn đề mới đối với bình đẳng trong xã hội. Ngoài việc tác động thứ hai của cách mạng CNTT đến đời sống xã hội, làm gia tăng sự bất bình đẳng xã hội như đã nêu ở trên, còn có sự bất bình đẳng khác là bất bình đẳng giữa những người có điều kiện nắm giữ, sử dụng, khai thác thông tin, và những người không có quyền, điều kiện, cơ hội đó. Bên cạnh đó, có nguy cơ, sự hiện hữu về một dạng thức lạm dụng quyền lực khác nhau - lạm dụng quyền lực CNTT của những cá nhân, tổ chức làm ảnh hưởng xấu đến quyền, lợi ích, danh dự, nhân phẩm, tính mạng, sức khỏe, sự phát triển của con người.

Nhiệm vụ bảo vệ, bảo đảm quyền con người của các nhóm xã hội dễ bị tổn thương ngày càng nặng nề, nhiều thách thức đối với nhà nước và xã hội. Bởi vì trong điều kiện xã hội CNTT, công nghệ số, đời sống của họ sẽ chịu nhiều tác động, cả thuận lợi và khó khăn. Nhiệm vụ của chính phủ là cần thực hiện đồng bộ nhiều chính sách, giải pháp tạo việc làm, thu nhập thông qua đào tạo nghề và hỗ trợ tín dụng cho các nhóm đối tượng xã hội dễ bị tổn thương, cho thanh niên nông thôn, miền núi, nông dân, người khuyết tật, người dân tộc thiểu số và lao động nữ.

2.2. Về vai trò, trách nhiệm của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa trong cuộc Cách mạng Công nghiệp lần thứ tư

Ở bất kỳ một mô hình tổ chức xã hội nào, Nhà nước, pháp luật cũng đều có vai trò to lớn, chi phối mọi lĩnh vực đời sống xã hội. Đồng thời Nhà nước, pháp luật - như một tất yếu - cũng chịu sự tác động của hàng loạt các yếu tố. Trong xã hội CNTT, công nghệ số, truyền thông và Internet, vai trò và áp lực đặt ra là vô cùng to lớn, mạnh mẽ đối với Nhà nước, pháp luật cũng như toàn xã hội. Xã hội CNTT, công nghệ số, ứng dụng Internet vào cuộc sống đã và đang tác động mạnh mẽ, toàn diện đến tất cả các lĩnh vực hoạt động của Nhà nước, xã hội, chính sách, pháp luật, chức năng nhà nước, phương thức quản lý, điều hành xã hội, giải quyết, ứng phó với các vấn đề xã hội; mối quan hệ giữa Nhà nước và cá nhân; dịch vụ pháp luật, ý thức pháp luật, văn hóa pháp luật, nghiên cứu, phổ biến, giáo dục, đào tạo pháp luật.

Trong xã hội CNTT, công nghệ số, Nhà nước pháp quyền không chỉ một chiều là ứng dụng những thành tựu của công nghệ, mà còn có vai trò, trách nhiệm to lớn trong việc xây dựng và phát triển xã hội CNTT, xã hội và nền kinh tế tri thức, kinh tế số. Vì vậy, vấn đề đặt ra là cần phải giải quyết một vấn đề then chốt, rộng lớn hơn đó là việc xác định vai trò của Nhà nước trong sự hình thành xã hội thông tin chứ không chỉ là chức năng của Nhà nước trong mối quan hệ với CNTT, truyền thông, công nghệ số. Đối với nhà nước pháp quyền, cần nhận thức và xác định nhiệm vụ xây dựng xã hội thông tin như là cơ sở của sự phát triển toàn diện về kinh tế, xã hội, chính trị, văn hóa và có chính sách quốc gia về xây dựng xã hội thông tin, áp dụng công nghệ số.

Nhà nước pháp quyền có trách nhiệm quan trọng trong việc hoạch định chính sách quốc gia về xây dựng kết cấu hạ tầng thông tin đầu tiên của xã hội CNTT, xã hội tri thức. Nếu không có chính sách và những quy định hợp lý, không có sự điều hành của Chính phủ đối với kết cấu hạ tầng thông tin thì xã hội thông tin, xã hội tri thức không thể hình thành được.

Nhà nước pháp quyền với vai trò kiến tạo và phát triển, cần phải bảo đảm và thúc đẩy để người dân được tự do, an toàn, phát huy được tiềm năng của mình trong điều kiện xã hội CNTT, cách mạng công nghiệp 4.0. Điều này đặt ra phải đổi mới cách tư duy trong xây dựng chính sách, pháp luật, cách thức quản lý, điều hành xã hội theo quan niệm truyền thống trước đây.

Cách thức quản lý xã hội của Nhà nước pháp quyền theo đó phải được thay đổi mạnh mẽ, không chỉ là đảm bảo thượng tôn Hiến pháp, pháp luật mà còn đảm bảo những điều kiện tốt nhất, an toàn nhất cho sự vận hành của xã hội thông tin, ứng dụng công nghệ số cùng những ứng dụng tiên bộ khác của công nghệ, kỹ thuật. Các cơ quan nhà nước và đội ngũ cán bộ, viên chức, công chức cần đổi mới tư duy, phương thức quản lý, hoạt động dựa trên nền tảng công nghệ kỹ thuật cao để phục vụ hiệu quả, nhanh chóng, tiết kiệm, đơn giản hóa thủ tục hành chính đối với doanh nghiệp, bảo đảm minh bạch hóa hoạt động của các cơ quan nhà nước.

Nhà nước pháp quyền đồng thời vừa phải nỗ lực nghiên cứu, xây dựng chính sách, pháp luật về phát triển, sử dụng CNTT, truyền thông, xây dựng khung khổ pháp lý cho xã hội thông tin, vừa phải bảo vệ, bảo đảm sự an toàn cho các cá nhân, tổ chức và cho chính Nhà nước trong bối cảnh xã hội thông tin toàn cầu. Phạm vi điều chỉnh, cách thức, phương pháp, mức độ điều chỉnh và cả kỹ thuật của điều chỉnh pháp luật buộc phải có nhiều thay đổi mới cho phù hợp, thích ứng tốt nhất trong bối cảnh mới của công nghệ, kỹ thuật và của xu hướng chính trị - pháp lý đương đại. Đơn cử, sẽ có những lĩnh vực pháp luật chỉ điều chỉnh về nguyên tắc, khung khổ pháp lý, có lĩnh vực lại cần ở mức độ cụ thể cao hơn, công tác giải thích, hướng dẫn áp dụng pháp luật cũng sẽ phải thay đổi để phù hợp. Phương pháp loại trừ sẽ phải thay thế cho phương pháp điều chỉnh truyền thống là liệt kê những điều được phép v.v.. Không chỉ đối với pháp luật nội dung, mà còn đối với cả lĩnh vực pháp luật thủ tục, quy trình cũng chịu sự tác động mạnh mẽ của cách mạng CNTT, công nghệ số.

Vai trò, trách nhiệm của Nhà nước pháp quyền cần phải được nhìn nhận trong bối cảnh mới, trong đó có cả sự đầu tư thỏa đáng và chấp nhận có thể gánh chịu sự rủi ro về tài chính. Nhà nước phải có năng lực nhận biết, đánh giá đúng các diễn biến của cuộc cách mạng CNTT trên toàn cầu, xây dựng hệ thống chính sách, pháp luật, các tiêu chuẩn đảm bảo sự kết nối hợp tác, cạnh tranh, thúc đẩy áp dụng các công nghệ mới và bảo vệ quyền con người, quyền lợi của người tiêu dùng.

Nhà nước pháp quyền trong xã hội CNTT, kỷ nguyên kỹ thuật số cần phải có những năng lực mới bên cạnh những năng lực truyền thống, đặc biệt là năng lực thiết lập sự cân bằng giữa cạnh tranh và điều chỉnh trật tự, an toàn cho mọi hoạt động xã hội trong đó có hoạt động xây dựng, áp dụng, phát triển CNTT, truyền thông, kỹ thuật số. Đồng thời phải có năng lực xây dựng, tổ chức thực hiện các chính sách, pháp luật để bảo vệ cuộc sống, tự do, sự phát triển và an toàn của con người khỏi các mối đe dọa trong thời hiện đại. Đồng thời trong xã hội CNTT, công nghệ số và cách mạng công nghiệp 4.0 đang phát triển như vũ bão, vai trò và trách nhiệm của Nhà nước ngày càng gia tăng để bảo vệ nền tảng đạo đức, các quyền và lợi ích của trẻ em và những nhóm người dễ bị tổn thương khác.

2.3. Về vấn đề xây dựng chính quyền số

Chính quyền số là cơ quan chính quyền đưa toàn bộ hoạt động của mình lên môi trường số, không chỉ là nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động, mà còn đổi mới mô hình hoạt động, thay đổi cách thức cung cấp dịch vụ dựa trên công nghệ số và dữ liệu, cho phép doanh nghiệp cùng tham gia vào quá trình cung cấp dịch vụ.

Mục đích và yêu cầu của xây dựng và phát triển Chính quyền số là để nâng cao chất lượng và sự tiếp cận các dịch vụ nhà nước, áp dụng các tiêu chuẩn phục vụ người dân và các doanh nghiệp, nâng cao tính minh bạch, tính mở về thông tin hoạt động của các cơ quan nhà nước và đảm bảo điều kiện tham gia của người dân, các tổ chức xã hội vào quá trình xây dựng các chính sách, pháp luật, các

quyết định hành chính của bộ máy công quyền. Đồng thời, Chính quyền số còn có vai trò to lớn nhằm nâng cao chất lượng, hoàn thiện hệ thống cung cấp và phân tích, đánh giá quyết định, đảm bảo sự kiểm soát các kết quả hoạt động của các cơ quan nhà nước.

Để thực hiện và vận hành thông suốt, hiệu quả Chính quyền số có nhiều việc phải làm, trong đó có nhiệm vụ xây dựng hệ thống các văn bản pháp luật về Chính quyền số, về áp dụng CNTT, xây dựng xã hội thông tin. Mục đích, yêu cầu của chính sách, pháp luật về Chính quyền số là để đảm bảo cho mọi người dân, mọi tổ chức được sử dụng các CNTT, truyền thông, tiếp cận bình đẳng về các nguồn thông tin, được tự do và an toàn trong xã hội CNTT. Hai điều kiện nền tảng để thiết lập và vận hành Chính quyền số là: hạ tầng CNTT và truyền thông; hệ thống các văn bản pháp luật, các thủ tục, các quy chuẩn, các cơ sở dữ liệu tích hợp đã được số hóa, các dịch vụ công trực tuyến và khả năng khai thác các dịch vụ trực tuyến (online) của người sử dụng (cán bộ, công chức, viên chức, người dân và doanh nghiệp).

*

Có thể nói rằng, cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đang từng ngày từng giờ tác động đến chúng ta, nó không chờ đợi chúng ta mà đang tiến lên như vũ bão và chúng ta không thể bỏ lỡ con tàu này. Việc tiếp tục xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa kiến tạo phát triển là xu hướng tất yếu, khách quan, đáp ứng đòi hỏi của thời kì Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và hội nhập quốc tế. Trong bối cảnh tình hình trên thế giới tiếp tục có những diễn biến nhanh, phức tạp, đất nước ta đứng trước vận hội và cả những thách thức không nhỏ, đòi hỏi cần tiếp tục đẩy mạnh công tác xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam để đưa đất nước phát triển nhanh, bền vững./.

**NGHIÊN CỨU, VẬN DỤNG QUAN ĐIỂM ĐẠI HỘI XIII CỦA ĐẢNG VỀ
XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN VÀO GIẢNG DẠY MÔN
“NỘI DUNG CƠ BẢN VỀ NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT VIỆT NAM”**

ThS. Phan Thị Hải Yến

Trưởng khoa Nhà nước và pháp luật

Thực hiện Quyết định số 292-QĐ/HVCTQG ngày 21/01/2021 của HVCTQG Hồ Chí Minh về ban hành Chương trình đào tạo cán bộ lãnh đạo, quản lý ở cơ sở (hệ Trung cấp lý luận chính trị) được khoa Nhà nước và pháp luật triển khai khẩn trương các phân môn, trong đó khoa tiên phong đi đầu môn “Nội dung cơ bản về nhà nước và pháp luật Việt Nam”. Khoa Nhà nước và pháp luật đã có sự sáng tạo, đổi mới phương pháp giảng dạy tích cực trong giảng dạy, đặc biệt quán triệt chỉ đạo đội ngũ giảng viên tích cực nghiên cứu, vận dụng quan điểm đại hội XIII của Đảng vào giảng dạy môn học này đảm bảo, kịp thời và hiệu quả.

Môn học “Nội dung cơ bản về nhà nước và pháp luật Việt Nam” có 4 chuyên đề, với tổng số 60 tiết. Là môn nhằm mục đích cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật nói chung và một số ngành luật nói riêng. Khi nghiên cứu môn học này, không những học viên nắm được những lý luận cơ bản về nhà nước và pháp luật mà còn có thể đánh giá được thực trạng công tác ban hành pháp luật, cải cách tư pháp, cải cách nền hành chính, giải pháp hoàn thiện hệ thống pháp luật, xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, đổi mới tổ chức hoạt động của chính quyền địa phương trong quá trình hoàn thiện xây dựng nhà nước pháp quyền hiện nay.

Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa (XHCH) Việt Nam là Nhà nước của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân, tất cả quyền lực nhà nước thuộc về Nhân dân; quyền lực nhà nước là thống nhất có sự phân công, phối hợp và kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp; phát huy quyền làm chủ của Nhân dân, tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm quyền con người, quyền công dân; Nhà nước tổ chức, hoạt động theo pháp

luật, quản lý xã hội bằng pháp luật nhằm phục vụ lợi ích của Nhân dân; do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo đồng thời chịu trách nhiệm trước Nhân dân và sự giám sát của Nhân dân

1. Quan điểm của Đảng ta về xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN ở Việt Nam

Việc xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa (XHCN) Việt Nam được Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ khoá VII (1994) lần đầu tiên Đảng ta chính thức sử dụng thuật ngữ “nhà nước pháp quyền” và nêu khá cụ thể, toàn diện những quan điểm, nguyên tắc, nội dung xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN của dân, do dân, vì dân ở Việt Nam: Tiếp tục xây dựng và từng bước hoàn thiện Nhà nước pháp quyền Việt Nam. Đó là Nhà nước của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân, quản lý mọi mặt đời sống xã hội bằng pháp luật, đưa đất nước phát triển theo định hướng XHCN. Nhà nước pháp quyền Việt Nam được xây dựng trên cơ sở tăng cường, mở rộng khối đại đoàn kết toàn dân, lấy liên minh giai cấp công nhân với nông dân và tầng lớp trí thức làm nền tảng, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo.

Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ Tám (khoá VII) đã đánh dấu một bước quan trọng trong việc cụ thể hoá quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về Nhà nước pháp quyền XHCN của dân, do dân, vì dân ở nước ta. Đây là hội nghị chuyên bàn về nhà nước “Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước Cộng hoà XHCN Việt Nam, trọng tâm là cải cách một bước nền hành chính”. Hội nghị đã nêu 5 quan điểm cơ bản cần nắm vững trong quá trình xây dựng và kiện toàn bộ máy nhà nước, cụ thể là:

Thứ nhất, xây dựng Nhà nước XHCN của dân, do dân và vì dân, lấy liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức làm nền tảng, do Đảng Cộng sản lãnh đạo. Thực hiện đầy đủ quyền dân chủ của Nhân dân, giữ nghiêm kỷ cương xã hội, chuyên chính với mọi hành động xâm phạm lợi ích của Tổ quốc và của Nhân dân;

Thứ hai, quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công và phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện ba quyền: lập pháp, hành pháp, tư pháp;

Thứ ba, quán triệt nguyên tắc tập trung dân chủ trong tổ chức và hoạt động của Nhà nước Cộng hoà XHCN Việt Nam;

Thứ tư, tăng cường pháp chế XHCN; xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam quản lý xã hội bằng pháp luật, đồng thời coi trọng giáo dục, nâng cao đạo đức XHCN;

Thứ năm, tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước.

Đại hội VIII của Đảng tiếp tục khẳng định 5 quan điểm cơ bản về xây dựng Nhà nước pháp quyền đã được Hội nghị Trung ương 8 (khoá VII) đề ra, đồng thời đặt ra các nhiệm vụ: đổi mới, nâng cao chất lượng công tác lập pháp và giám sát tối cao của Quốc hội đối với toàn bộ hoạt động của Nhà nước; cải cách nền hành chính nhà nước đồng bộ trên các mặt: cải cách thể chế hành chính, tổ chức bộ máy và xây dựng, kiện toàn đội ngũ cán bộ, công chức hành chính; cải cách tổ chức và hoạt động tư pháp; củng cố kiện toàn bộ máy các cơ quan tư pháp. Phân định lại thẩm quyền xét xử của Toà án nhân dân, từng bước mở rộng thẩm quyền xét xử sơ thẩm cho Toà án nhân dân cấp huyện. Đổi mới tổ chức, hoạt động của Viện Kiểm sát nhân dân, các cơ quan điều tra, cơ quan thi hành án và các cơ quan, tổ chức hỗ trợ tư pháp.

Đại hội IX (tháng 4/2002) và Đại hội X (tháng 4/2006) tiếp tục khẳng định nhiệm vụ xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa dưới sự lãnh đạo của Đảng, bảo đảm nguyên tắc tất cả quyền lực nhà nước đều thuộc về nhân dân; quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp giữa các cơ quan trong việc thực hiện quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp.

Đại hội XI (tháng 01/2011) đã làm sâu sắc thêm nhận thức về xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và khẳng định: Tiếp tục đẩy mạnh việc xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, bảo đảm Nhà

nước ta thực sự là của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân do Đảng lãnh đạo, thực hiện tốt chức năng quản lý kinh tế, quản lý xã hội, giải quyết đúng mối quan hệ giữa Nhà nước với các tổ chức khác trong hệ thống chính trị, với Nhân dân, với thị trường.

Đại hội XII (tháng 01/2016) tiếp tục khẳng định quan điểm nhất quán của Đảng về đẩy mạnh nhiệm vụ xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân trong giai đoạn phát triển mới: Xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa phải tiến hành đồng bộ cả lập pháp, hành pháp, tư pháp và được tiến hành đồng bộ với đổi mới hệ thống chính trị theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả; gắn với đổi mới kinh tế, văn hóa, xã hội. Hoàn thiện thể chế, chức năng, nhiệm vụ, phương thức và cơ chế vận hành, nâng cao hiệu lực, hiệu quả của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Đẩy mạnh hoàn thiện và nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của bộ máy nhà nước. Xác định rõ cơ chế phân công, phối hợp thực thi quyền lực nhà nước, nhất là cơ chế kiểm soát quyền lực giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp trên cơ sở quyền lực nhà nước là thống nhất.

Đại hội XIII (tháng 01/2021) khẳng định: *“Tiếp tục xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN kiến tạo phát triển, liêm chính, hành động; đẩy mạnh phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, tạo đột phá trong cải cách hành chính.* Nội dung cơ bản của những điểm mới:

- **Một là**, về chủ trương, văn kiện Đại hội XIII của Đảng nhấn mạnh, tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của Nhân dân, do Nhân dân và vì Nhân dân, do Đảng lãnh đạo là nhiệm vụ trọng tâm của đổi mới hệ thống chính trị. Nâng cao năng lực, hiệu lực, hiệu quả hoạt động của Nhà nước. Trong điều kiện mới, xác định rõ hơn vai trò, vị trí, chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp trên cơ sở các nguyên tắc pháp quyền, bảo đảm quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công rành mạch, phối hợp chặt chẽ

và tăng cường kiểm soát quyền lực nhà nước. Tiếp tục xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa kiến tạo phát triển, liêm chính, hành động; xác định rõ hơn vai trò, vị trí, chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của cơ quan nhà nước. Lấy quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của người dân, doanh nghiệp làm trọng tâm thúc đẩy đổi mới sáng tạo, bảo đảm yêu cầu phát triển nhanh, bền vững. Xây dựng hệ thống pháp luật đầy đủ, kịp thời, đồng bộ, thống nhất, khả thi, công khai, minh bạch, ổn định. Đẩy nhanh tiến độ ban hành các luật trực tiếp triển khai thi hành Hiến pháp 2013.

- **Hai là**, về Quốc hội, so với văn kiện Đại hội XII của Đảng, lần này nhấn mạnh: Tiếp tục đổi mới tổ chức và hoạt động của Quốc hội, tăng tính chuyên nghiệp, hiệu quả và dân chủ trong tổ chức và hoạt động của Quốc hội, trong thực hiện chức năng lập pháp, quyết định những vấn đề quan trọng của đất nước và giám sát tối cao. Bảo đảm Quốc hội thực sự là cơ quan đại biểu cao nhất của nhân dân, cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất. Nhấn mạnh, tiếp tục đổi mới quy trình lập pháp, tập trung xây dựng, hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; tôn trọng, bảo đảm, bảo vệ quyền con người, quyền công dân; hoàn thiện cơ chế bảo vệ Hiến pháp, cơ chế giám sát, lấy phiếu, bỏ phiếu tín nhiệm đối với những người giữ chức vụ do Quốc hội, Hội đồng nhân dân bầu hoặc phê chuẩn. Bảo đảm tiêu chuẩn, cơ cấu, nâng cao chất lượng đại biểu Quốc hội, tăng hợp lý số lượng đại biểu hoạt động chuyên trách; giảm số lượng đại biểu công tác ở các cơ quan hành pháp, tư pháp. Thiết lập đồng bộ, gắn kết cơ chế giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân.

- **Ba là**, về Chính phủ, văn kiện Đại hội XIII chỉ rõ: Tiếp tục đổi mới, hoàn thiện cơ cấu tổ chức của Chính phủ, các bộ, ngành theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, trên cơ sở tổ chức hợp lý các bộ đa ngành, đa lĩnh vực; phát huy đầy đủ vị trí, vai trò, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Chính phủ là cơ quan hành chính nhà nước cao nhất, thực hiện quyền hành pháp, tập trung vào quản lý vĩ mô, xây dựng thể chế, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch; tăng cường

năng lực dự báo và khả năng thích ứng chính sách trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Trong điều kiện mới: Xác định rõ hơn chức năng quản lý nhà nước, điều hành nền kinh tế bằng pháp luật, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch và các công cụ điều tiết trên cơ sở quy luật thị trường, đi đôi với tăng cường công tác giám sát, giảm các tác động tiêu cực của thị trường, không can thiệp, làm sai lệch các quan hệ thị trường và Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, xác định rõ trách nhiệm giữa Chính phủ với các bộ, ngành; giữa Chính phủ, các bộ, ngành với chính quyền địa phương, bảo đảm quản lý nhà nước thống nhất. Đồng thời, phát huy vai trò chủ động, sáng tạo, tinh thần trách nhiệm của từng cấp, từng ngành; khắc phục triệt để chồng chéo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn; tiếp tục sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp công lập theo hướng tinh gọn, bảo đảm chất lượng, hiệu quả. Nâng cao chất lượng dịch vụ công.

- **Bốn là**, về Tư pháp, nhấn mạnh, yêu cầu tiếp tục xây dựng nền tư pháp Việt Nam chuyên nghiệp, hiện đại, công bằng, nghiêm minh, liêm chính, phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân. Hoạt động tư pháp phải có trọng trách bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của tổ chức, cá nhân. Bổ sung nội dung: Nghiên cứu, ban hành Chiến lược xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam đến năm 2030, định hướng đến năm 2045, trong đó có Chiến lược cải cách tư pháp. Tiếp tục đổi mới tổ chức, nâng cao chất lượng, hiệu lực, hiệu quả hoạt động và uy tín của tòa án nhân dân, viện kiểm sát nhân dân, cơ quan điều tra, cơ quan thi hành án và các cơ quan, tổ chức tham gia vào quá trình tố tụng tư pháp; phòng ngừa và đấu tranh có hiệu quả với hoạt động của tội phạm và vi phạm pháp luật; giải quyết kịp thời, đúng pháp luật các loại tranh chấp, khiếu kiện theo luật định. Tăng cường khả năng tiếp cận pháp luật của người dân và doanh nghiệp.

- **Năm là**, về chính quyền địa phương, so với văn kiện Đại hội XII của Đảng, Đại hội XIII bổ sung, làm rõ hơn nội dung: Tiếp tục hoàn thiện tổ chức chính quyền địa phương phù hợp với địa bàn nông thôn, đô thị, hải đảo, đơn vị hành chính, kinh tế đặc biệt theo luật định; thực hiện và tổng kết việc thí điểm chính quyền đô thị nhằm xây dựng và vận hành các mô hình quản trị chính quyền đô thị theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Cải cách phân cấp ngân sách nhà nước theo hướng phân định rõ ngân sách Trung ương, ngân sách địa phương, bảo đảm vai trò chủ đạo của ngân sách Trung ương, nâng cao tính chủ động, tự chủ của ngân sách địa phương. Gắn kết và đổi mới tổ chức bộ máy và cơ chế hoạt động của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội ở các cấp.

- **Sáu là**, về xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, so với Đại hội XII của Đảng, Đại hội XIII bổ sung: Tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức có đủ phẩm chất, năng lực phục vụ nhân dân và sự phát triển của đất nước, có cơ chế lựa chọn, đào tạo, thu hút, trọng dụng nhân tài, khuyến khích, bảo vệ cán bộ dám nghĩ, dám làm, dám đột phá, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương đi đôi với cải cách tiền lương, chế độ, chính sách, đãi ngộ, tạo môi trường, điều kiện làm việc để thúc đẩy đổi mới sáng tạo, phục vụ phát triển. Đưa ra yêu cầu, có cơ chế sàng lọc, thay thế kịp thời những người không hoàn thành nhiệm vụ, vi phạm pháp luật, kỷ luật, đạo đức công vụ, đạo đức nghề nghiệp, không còn uy tín đối với Nhân dân.

Thúc đẩy xây dựng chính quyền điện tử, tăng cường sự kết nối, trao đổi thông tin thường xuyên giữa chính quyền các cấp, giữa chính quyền với người dân và doanh nghiệp. Tập trung chỉ đạo quyết liệt, đầu tư hợp lý nguồn lực và các điều kiện để thực hiện tốt các nhiệm vụ nâng cao hiệu lực, hiệu quả tổ chức thi hành pháp luật, thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật; cải cách thủ tục hành chính; kiện toàn tổ chức, tinh giảm hợp lý đầu mối, bỏ cấp trung gian, tinh giản biên chế. Gắn kết chặt chẽ giữa xây dựng pháp luật với tổ chức thi hành pháp luật.

2. Vận dụng quan điểm Đại hội XIII của Đảng về xây dựng Nhà nước pháp quyền vào môn “Nội dung cơ bản về nhà nước và pháp luật Việt Nam”

Quan điểm Đại hội XIII của Đảng về xây dựng Nhà nước pháp quyền là sự kế thừa, phát triển hoàn chỉnh hơn quan điểm các Đại hội trước về xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN ở Việt Nam. Chính vì vậy, khi giảng các bài trong môn “Nội dung những vấn đề cơ bản về nhà nước và pháp luật Việt Nam”, giảng viên cần vận dụng những nội dung cơ bản sau:

- **Một là**, về đặc trưng của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam là Nhà nước của Nhân dân, do Nhân dân và vì Nhân dân, tất cả quyền lực Nhà nước thuộc về Nhân dân, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo.

Trong điều kiện mới, xác định rõ hơn vai trò, vị trí, chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp trên cơ sở các nguyên tắc pháp quyền, bảo đảm quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công rành mạch, phối hợp chặt chẽ và tăng cường kiểm soát quyền lực nhà nước.

Xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa kiến tạo phát triển, liên chính, hành động; xác định rõ hơn vai trò, vị trí, chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của cơ quan nhà nước. Lấy quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của người dân, doanh nghiệp làm trọng tâm thúc đẩy đổi mới sáng tạo, bảo đảm yêu cầu phát triển nhanh, bền vững.

- **Hai là**, về tổ chức và hoạt động của Quốc hội.

Tiếp tục đổi mới tổ chức và hoạt động của Quốc hội, tăng tính chuyên nghiệp, hiệu quả và dân chủ trong tổ chức và hoạt động của Quốc hội, trong thực hiện chức năng lập pháp, quyết định những vấn đề quan trọng của đất nước và

giám sát tối cao. Bảo đảm Quốc hội thực sự là cơ quan đại biểu cao nhất của nhân dân, cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất.

Đổi mới quy trình lập pháp, tập trung xây dựng, hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; tôn trọng, bảo đảm, bảo vệ quyền con người, quyền công dân; hoàn thiện cơ chế bảo vệ Hiến pháp, cơ chế giám sát, lấy phiếu, bỏ phiếu tín nhiệm đối với những người giữ chức vụ do Quốc hội bầu hoặc phê chuẩn.

Bảo đảm tiêu chuẩn, cơ cấu, nâng cao chất lượng đại biểu Quốc hội, tăng hợp lý số lượng đại biểu hoạt động chuyên trách; giảm số lượng đại biểu công tác ở các cơ quan hành pháp, tư pháp.

- **Ba là**, về xây dựng Chính phủ.

Tiếp tục đổi mới, hoàn thiện cơ cấu tổ chức của Chính phủ, các bộ, ngành theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, trên cơ sở tổ chức hợp lý các bộ đa ngành, đa lĩnh vực; phát huy đầy đủ vị trí, vai trò, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Chính phủ là cơ quan hành chính nhà nước cao nhất, thực hiện quyền hành pháp, tập trung vào quản lý vĩ mô, xây dựng thể chế, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch; tăng cường năng lực dự báo và khả năng thích ứng chính sách trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, xác định rõ trách nhiệm giữa Chính phủ với các bộ, ngành; giữa Chính phủ, các bộ, ngành với chính quyền địa phương, bảo đảm quản lý nhà nước thống nhất.

- **Bốn là**, về xây dựng nền tư pháp Việt Nam.

Xây dựng nền tư pháp Việt Nam chuyên nghiệp, hiện đại, công bằng, nghiêm minh, liêm chính, phụng sự Tổ quốc, phục vụ Nhân dân.

Tiếp tục đổi mới tổ chức, nâng cao chất lượng, hiệu lực, hiệu quả hoạt động và uy tín của Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, cơ quan điều tra, cơ quan thi hành án và các cơ quan, tổ chức tham gia vào quá trình tố tụng tư pháp; phòng

ngừa và đấu tranh có hiệu quả với hoạt động của tội phạm và vi phạm pháp luật; giải quyết kịp thời, đúng pháp luật các loại tranh chấp, khiếu kiện theo luật định.

Tăng cường khả năng tiếp cận pháp luật của người dân và doanh nghiệp.

- **Năm là**, về xây dựng chính quyền địa phương.

Tiếp tục hoàn thiện tổ chức chính quyền địa phương phù hợp với địa bàn nông thôn, đô thị, hải đảo, đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt; thực hiện và tổng kết việc thí điểm chính quyền đô thị nhằm xây dựng và vận hành các mô hình quản trị chính quyền đô thị theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

Thúc đẩy xây dựng chính quyền điện tử, tăng cường sự kết nối, trao đổi thông tin thường xuyên giữa chính quyền các cấp, giữa chính quyền với người dân và doanh nghiệp.

Tập trung chỉ đạo quyết liệt, đầu tư hợp lý nguồn lực và các điều kiện để thực hiện tốt các nhiệm vụ nâng cao hiệu lực, hiệu quả tổ chức thi hành pháp luật, thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật; cải cách thủ tục hành chính; kiện toàn tổ chức, tinh giảm hợp lý đầu mối, bỏ cấp trung gian, tinh giản biên chế.

- **Sáu là**, về xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

Tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có đủ phẩm chất, năng lực phục vụ nhân dân và sự phát triển của đất nước, có cơ chế lựa chọn, đào tạo, thu hút, trọng dụng nhân tài, khuyến khích, bảo vệ cán bộ dám nghĩ, dám làm, dám đột phá, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung.

Tăng cường kỷ luật, kỷ cương đi đôi với cải cách tiền lương, chế độ, chính sách, đãi ngộ, tạo môi trường, điều kiện làm việc để thúc đẩy đổi mới sáng tạo, phục vụ phát triển.

Tóm lại, để giảng tốt môn “Nội dung những vấn đề cơ bản về nhà nước và pháp luật Việt Nam”, giảng viên phải nghiên cứu một cách có hệ thống quan điểm của Đảng về xây dựng Nhà nước pháp quyền, đặc biệt là những điểm mới của Đại hội XIII và vận dụng linh hoạt, sáng tạo, có hiệu quả vào bài giảng, đáp ứng yêu cầu thực tiễn hiện nay trong công tác giáo dục lý luận chính trị./.

Tài liệu tham khảo

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII, VIII, IX, X, XI, XII, XIII.
2. Học Viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh: Giáo trình Trung cấp lý luận chính trị; Nội dung cơ bản về Nhà nước và pháp luật Việt Nam; Nhà xuất bản Lý luận chính trị, Hà Nội - 2021.
3. Hiến pháp năm 2013;
4. Điểm mới trong Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Nxb Chính trị - Sự thật, năm 2021.

**THỰC HIỆN NHẤT QUÁN ĐƯỜNG LỐI ĐỐI NGOẠI ĐỘC LẬP,
TỰ CHỦ, HÒA BÌNH, HỮU NGHỊ, HỢP TÁC VÀ PHÁT TRIỂN ĐỂ
XÂY DỰNG VÀ HOÀN THIỆN NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN
XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

ThS. Nguyễn Minh Hải

Phó trưởng khoa Nhà nước và Pháp luật

Hiện nay, đất nước ta bước vào thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế với nhiều thời cơ, thuận lợi và khó khăn, thách thức đan xen. Trong bối cảnh đó, yêu cầu, nhiệm vụ tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa (XHCN) của Nhân dân, do Nhân dân và vì Nhân dân đặt ra rất cấp bách. Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng đã nhấn mạnh việc cần tiếp tục xây dựng, hoàn thiện nhà nước pháp quyền XHCN do Đảng lãnh đạo là nhiệm vụ trọng tâm của đổi mới hệ thống chính trị. Xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN phải tiến hành đồng bộ cả lập pháp, hành pháp, tư pháp và được tiến hành đồng bộ với đổi mới hệ thống chính trị theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả. Từ tinh thần Nghị quyết Đại hội, có thể rút ra những điểm chính cần vận dụng vào quá trình tiếp tục xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam là thực hiện đồng bộ các giải pháp trong đó có giải pháp đường lối đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta. Điều 12 Hiến pháp nước Cộng hòa XHCN Việt Nam năm 2013 đã khẳng định: “*Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển; đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ, chủ động và tích cực hội nhập, hợp tác quốc tế trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, bình đẳng, cùng có lợi; tuân thủ Hiến chương Liên hợp quốc và điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên; là bạn, đối tác tin cậy và thành viên có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế vì lợi ích quốc gia, dân tộc, góp phần vào sự*

nghiệp hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội trên thế giới”. Có thể thấy rằng, chính sách đối ngoại của Nhà nước Việt Nam đã thể hiện đầy đủ, súc tích, cô đọng rất nhiều nội hàm mới làm cơ sở chính trị - pháp lý cho công cuộc hội nhập quốc tế sâu rộng của đất nước ta trong giai đoạn phát triển mới.

Trong giai đoạn hiện nay, Đảng đã nêu rõ đối ngoại phải giữ vai trò tiên phong trong tạo dựng và gìn giữ môi trường hòa bình, ổn định, trong huy động các nguồn lực bên ngoài để phát triển, nâng cao uy tín, vị thế của đất nước. Đây không chỉ là nhận thức mới, mà còn là yêu cầu cao hơn đối với đối ngoại nói chung và đối ngoại đảng nói riêng trong giai đoạn phát triển mới của đất nước. Tại Hội nghị Đối ngoại toàn quốc (tháng 12/2021), Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã nêu rõ quan điểm: Chúng ta đã xây dựng nên một trường phái đối ngoại và ngoại giao rất đặc sắc và độc đáo của Thời đại Hồ Chí Minh, mang đậm bản sắc "cây tre Việt Nam", "gốc vững, thân chắc, cành uyển chuyển" ("Thân gầy guộc, lá mong manh, mà sao nên lũy, nên thành tre ơi!"), thấm đượm tâm hồn, cốt cách và khí phách của dân tộc Việt Nam. Đó là: Mềm mại, khôn khéo, nhưng rất kiên cường, quyết liệt; linh hoạt, sáng tạo nhưng rất bản lĩnh, kiên định, can trường trước mọi thử thách, khó khăn vì độc lập dân tộc, vì tự do, hạnh phúc của nhân dân. Đoàn kết, nhân ái, nhưng kiên quyết, kiên trì bảo vệ lợi ích quốc gia - dân tộc. Biết nhu, biết cương; biết thời, biết thế; biết mình, biết người; biết tiến, biết thoái, "tuỳ cơ ứng biến", "lạt mềm buộc chặt"!

Những năm gần đây, tình hình thế giới, khu vực tiếp tục diễn biến nhanh chóng, phức tạp. Đại dịch COVID-19, xung đột Nga-Ukraine, bất ổn vùng Vịnh... tiếp tục gây ra khủng hoảng toàn cầu, tác động sâu rộng về y tế, kinh tế, chính trị, an ninh, xã hội và tạo thách thức lớn đối với năng lực ứng phó của các nước. Các nước lớn đẩy mạnh các biện pháp thực hiện các mục tiêu chiến lược khiến cạnh tranh giữa các nước lớn diễn ra gay gắt, toàn diện trên các lĩnh vực với địa bàn cạnh tranh trọng tâm là khu vực châu Á - Thái Bình Dương. Cục diện trật tự thế giới đa cực, đa trung tâm được đẩy nhanh hơn. Tập hợp lực lượng diễn biến

đơn xen, đa dạng, phức tạp. Kinh tế thế giới duy trì xu thế phục hồi, song chưa bền vững, không đồng đều, tiềm ẩn nhiều yếu tố rủi ro. Các vấn đề an ninh phi truyền thống diễn biến ngày càng phức tạp. Các nhân tố đó tác động sâu sắc đến môi trường an ninh, phát triển của nước ta, đặt ra nhiều vấn đề mới đòi hỏi công tác đối ngoại phải thích ứng nhanh chóng, ứng phó hiệu quả với các thách thức, đồng thời tranh thủ các cơ hội mang lại, bảo đảm cao nhất lợi ích quốc gia, dân tộc.

Thực hiện đường lối đối ngoại của đất nước ta trong thời kỳ mới được coi là một nhiệm vụ chiến lược quan trọng của cách mạng Việt Nam hiện nay, để xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam và được thể hiện ở các nội dung cụ thể như sau:

Một là, xây dựng nền ngoại giao toàn diện, hiện đại với ba trụ cột là đối ngoại Đảng, ngoại giao Nhà nước, đối ngoại nhân dân. Bảo đảm sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp, tuyệt đối, toàn diện và thống nhất của Đảng, quản lý tập trung của Nhà nước đối với đối ngoại và hội nhập quốc tế.

Hai là, củng cố tin cậy chính trị, mở rộng và làm sâu sắc hơn quan hệ với các đối tác, nhất là các nước láng giềng (Campuchia, Lào, Trung Quốc), các đối tác chiến lược, đối tác toàn diện, đối tác quan trọng và các nước bạn bè truyền thống, trên tinh thần bình đẳng, cùng có lợi, tôn trọng lẫn nhau và phù hợp với luật pháp quốc tế.

Ba là, triển khai mạnh mẽ, hiệu quả, sáng tạo hơn nữa đối ngoại đa phương, chủ động, tích cực phát huy vai trò, đóng góp xây dựng, định hình các thể chế đa phương và trật tự kinh tế - chính trị quốc tế; đặc biệt là ASEAN, Liên hợp quốc, các cơ chế hợp tác liên nghị viện quốc tế và khu vực (như AIPA, IPU), APEC, hợp tác tiểu vùng Mê Công, cũng như trong các vấn đề quốc tế có tầm quan trọng chiến lược, phù hợp với yêu cầu, khả năng và điều kiện của Việt Nam.

Bốn là, tiếp tục kết hợp chặt chẽ giữa các trụ cột đối ngoại Đảng, ngoại giao Nhà nước, đối ngoại nhân dân và giữa đối ngoại với quốc phòng, an ninh để tạo

thế chân kiềng vững chắc, giữ vững chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, huy động nguồn lực bên ngoài cho phát triển đất nước.

Năm là, đẩy mạnh hội nhập quốc tế toàn diện và sâu rộng, với trọng tâm là hội nhập kinh tế quốc tế, đồng thời thúc đẩy và nâng cao chất lượng hội nhập quốc tế trong các lĩnh vực văn hoá, xã hội, môi trường, khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo, du lịch..., qua đó đưa đất nước phát triển nhanh và bền vững hơn.

Sáu là, triển khai đồng bộ, hiệu quả, sáng tạo ngoại giao kinh tế phục vụ phát triển, lấy địa phương, doanh nghiệp và người dân làm trung tâm phục vụ, kết hợp hiệu quả nguồn lực bên ngoài với các nguồn lực trong nước, góp phần thực hiện thắng lợi các chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Bảy là, nâng cao hiệu quả, đổi mới nội dung, phương thức của công tác ngoại giao văn hoá, thông tin đối ngoại, bảo hộ công dân, triển khai toàn diện và mạnh mẽ hơn công tác công tác người Việt Nam ở nước ngoài để tạo sự gắn kết chặt chẽ, phát huy được tối đa các nguồn lực, sức mạnh tổng hợp cho phát triển đất nước.

Tám là, mở rộng, nâng cao hiệu quả và đưa các mối quan hệ đối ngoại Đảng đi vào chiều sâu, tạo nền tảng chính trị cho quan hệ giữa nước ta với các nước; tạo lập sự đồng thuận và hậu thuẫn chính trị của các chính đảng và các lực lượng chính trị đối với sự nghiệp đổi mới.

Chín là, củng cố, nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại nhân dân, tạo nền tảng xã hội hữu nghị và hợp tác giữa nhân dân ta với nhân dân các nước. Tăng cường sự phối hợp giữa các tổ chức nhân dân với vai trò nòng cốt của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam và các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội khác trong hoạt động đối ngoại.

Mười là, kiện toàn và nâng cao hiệu quả của các cơ chế phối hợp liên ngành trong lĩnh vực đối ngoại. Nâng cao bản lĩnh, phẩm chất, năng lực, phong cách chuyên nghiệp, đổi mới sáng tạo của đội ngũ cán bộ làm công tác đối ngoại để đáp ứng tốt yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới.

Với thế và lực của đất nước không ngừng được củng cố qua hơn 35 năm đổi mới, với quyết tâm của cả hệ thống chính trị dưới sự lãnh đạo của Đảng, đường lối đối ngoại đó góp phần xây dựng hoàn thiện nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam, đưa đất nước ta trở thành nước đang phát triển có công nghiệp hiện đại, trở thành nước phát triển, có thu nhập cao vào năm 2045./.

**ĐẤU TRANH PHẢN BÁC QUAN ĐIỂM SAI TRÁI CỦA CÁC THỂ LỰC
THÙ ĐỊCH VỀ NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA
Ở VIỆT NAM HIỆN NAY**

Ths. Trần Thị Thu Trang

Phó trưởng Khoa Nhà nước và Pháp luật

Nhà nước pháp quyền là một mô hình, phương thức tổ chức nhà nước và xã hội dựa trên nền tảng dân chủ và tinh thần thượng tôn pháp luật. Tư tưởng pháp quyền này đã đi xuyên suốt tổ chức và hoạt động của Nhà nước Việt Nam độc lập. Trong “Việt Nam yêu cầu ca”, Chỉ tịch Hồ Chí Minh đã sớm chỉ ra: “*Bảy xin hiến pháp ban hành/ Trăm điều phải có thần linh pháp quyền*”. Trong suốt chiều dài lịch sử, Đảng ta cũng đã nhận thức được tính tất yếu khách quan, cấp thiết của việc xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa: *Từ Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ khóa VII (tháng 1/1994), Đảng ta đã chính thức nêu vấn đề xây dựng nhà nước pháp quyền thực sự của dân, do dân và vì dân. Trải qua các Hội nghị và các kỳ Đại hội của Đảng cho đến nay, nhận thức và quan điểm của Đảng về nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và việc xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ngày càng được bổ sung và có những bước phát triển quan trọng. Tại Đại hội XIII của Đảng đã xác định rõ mục tiêu, đó là: “xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa kiến tạo phát triển, liêm chính, hành động”. Đây là một trong những mục tiêu quan trọng trong xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa được Đảng ta chỉ rõ trong Đại hội XIII, điều này thể hiện rõ ý Đảng, lòng dân và yêu cầu “hiện thực hóa khát vọng phát triển đất nước Việt Nam hùng cường, thịnh vượng vào năm 2045”.*

Tuy nhiên, hiện nay, các thể lực thù địch, phản động và những phần tử cơ hội chính trị đang tăng cường tán phát các quan điểm sai trái, thù địch nhằm xuyên tạc quan điểm xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. Đặc biệt, lợi dụng việc xây dựng Đề án “Chiến lược xây dựng và hoàn thiện Nhà nước

pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam đến năm 2030, định hướng đến năm 2045”, đã xuất hiện một số thông tin cho rằng, việc thực hiện Đề án đó là không thực tế; cần phải bác bỏ. Họ cho rằng: Nhà nước pháp quyền là sản phẩm, thành tựu của chủ nghĩa tư bản, do đó không thể lấy thành tựu đó “gán ghép” vào chủ nghĩa xã hội; khi nhắc đến chủ nghĩa xã hội thì phải gắn liền với “chuyên chính vô sản”, “Đảng trị”, v.v. Do vậy, việc xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam tất yếu sẽ thất bại, hao tổn tài sản và nguồn lực của đất nước. Từ đó, họ lặp lại “điệp khúc”: chỉ khi nào “xóa bỏ” chế độ xã hội chủ nghĩa thì mới có thể xây dựng thành công nhà nước pháp quyền.

Cần phải khẳng định rằng, những luận điệu trên là phi lý, hoàn toàn sai cả về lý luận và thực tiễn về nhà nước pháp quyền nói chung, nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa nói riêng. Bởi trước hết, nhà nước pháp quyền là thành tựu của văn minh nhân loại, phản ánh trình độ phát triển cao về tổ chức, hoạt động nhà nước, về pháp luật và thực hiện pháp luật chứ không phải là sản phẩm, thành tựu của chủ nghĩa tư bản. Tư tưởng về nhà nước pháp quyền đã hình thành và thể hiện trong quan điểm của các nhà tư tưởng từ thời cổ đại. Ở phương Đông, tiêu biểu đó là tư tưởng pháp trị của các nhà pháp gia, như: Quản Trọng chủ trương đề cao “Luật, lệnh, hình, chính”, vua phải giữ pháp, “không vì vua muốn mà thay đổi lệnh, lệnh đáng tôn hơn vua”. Hàn Phi coi pháp là chuẩn mực cao nhất của việc cai trị đất nước, khi thi hành pháp luật thì không kể đến tình cảm riêng, không câu nệ chuyện thân sơ, sang hèn, tất cả đều bình đẳng trước pháp luật... Ở phương Tây, điển hình là: Xô-crát (469 - 399 Tr.CN), Arixtôt (384 - 322 Tr.CN), Xixêrôn (106 - 43 Tr.CN). Những tư tưởng này đã được các nhà tư tưởng chính trị và pháp lý tư bản sau này như: John Locke (1632 - 1704), Montesquieu (1698 - 1755), J.J.Rút-xô (1712 - 1778), I.Kant (1724 - 1804), Hêghen (1770 - 1831)... phát triển như một thế giới quan pháp lý mới. Cùng với các nhà lý luận nổi tiếng nói trên, nhiều nhà luật học, nhà tư tưởng vĩ đại khác cũng đã góp phần phát triển các tư tưởng về nhà nước pháp quyền và sau này C.Mác, Ph.Ăngghen và V.I.Lênin dù

không chính thức nói đến nhà nước pháp quyền như là một trong những nội dung chính yếu trong học thuyết của mình, nhưng các ông luôn quan tâm đến Nhà nước và cách mạng, Nhà nước và pháp luật.

Như vậy, tư tưởng về nhà nước pháp quyền có từ rất sớm, có trước chủ nghĩa tư bản; nó là sản phẩm của nhân loại chứ không phải là sản phẩm, thành tựu của chủ nghĩa tư bản.

Mặt khác, thực tiễn lịch sử nhân loại minh chứng, nhà nước pháp quyền ngoài các giá trị phổ biến còn bao hàm các giá trị đặc thù của mỗi quốc gia, dân tộc. Tính đặc thù của nhà nước pháp quyền được xác định bởi hàng loạt yếu tố. Các yếu tố này về thực chất là rất đa dạng, phong phú và phức tạp, được xác định bởi các điều kiện về lịch sử, truyền thống - văn hóa, tâm lý xã hội của mỗi dân tộc, các chế độ chính trị, chế độ kinh tế, văn hóa và môi trường địa lý. Vì thế, không thể có một nhà nước pháp quyền chung chung như một mô hình chung thống nhất cho mọi quốc gia, dân tộc. Mỗi quốc gia, dân tộc, tùy thuộc vào các đặc điểm lịch sử, chính trị, kinh tế - xã hội và trình độ phát triển mà xây dựng cho mình một mô hình nhà nước pháp quyền thích hợp.

Do vậy, nói nhà nước pháp quyền là sản phẩm, là thành tựu của chủ nghĩa tư bản là một quan điểm hoàn toàn sai lầm, *tự biện và duy ý chí*.

Thực tiễn ở Việt Nam cho thấy, xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa là một trong những nhiệm vụ đặc biệt quan trọng để hiện thực hóa các mục tiêu phát triển kinh tế-xã hội trong quá trình đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta, thực tế này phù hợp xu thế vận động và phát triển của nhà nước, pháp luật đương đại, đồng thời phù hợp thực tiễn Việt Nam. Khác với nhà nước pháp quyền tư sản, Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam đang xây dựng mang bản chất của chế độ xã hội chủ nghĩa, mà theo Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng, đó là “công cụ thể hiện và thực hiện quyền làm chủ của nhân dân, bảo đảm và bảo vệ lợi ích của đại đa số nhân dân. Thông qua thực thi pháp luật, Nhà nước

bảo đảm các điều kiện để nhân dân là chủ thể của quyền lực chính trị, thực hiện chuyên chính với mọi hành động xâm hại lợi ích của Tổ quốc và nhân dân”.

Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa do Đảng Cộng sản lãnh đạo nhằm phát huy quyền làm chủ của nhân dân đã tạo ra cơ chế vận hành hệ thống chính trị xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Để cơ chế này thực sự có hiệu quả đòi hỏi Nhà nước Việt Nam phải phát huy tốt vai trò của các chủ thể trong hệ thống này, đặc biệt vai trò của nhân dân. Cho nên, Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam phải thật sự là nhà nước dân chủ, “Nhà nước đại diện cho quyền làm chủ của nhân dân...; có cơ chế để nhân dân thực hiện quyền làm chủ trực tiếp và dân chủ đại diện trên các lĩnh vực của đời sống xã hội, tham gia quản lý xã hội”.

Sự vận hành của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam phải tuân thủ nghiêm túc “nguyên tắc pháp quyền”, giải quyết tốt mối quan hệ giữa “Nhà nước, thị trường và xã hội”, từ đó nhà nước tạo lập, dẫn dắt, kiến tạo môi trường (chính trị, pháp lý, xã hội) để các chủ thể kinh tế-xã hội hoạt động thuận lợi, cạnh tranh lành mạnh, phát huy tối đa năng lực, sức sáng tạo và nguồn lực, lợi thế của mình. Để thực hiện được định hướng này, Đại hội XIII của Đảng đã xác định rõ mục tiêu, đó là: “xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa kiến tạo phát triển, liêm chính, hành động”. Đây là một trong những mục tiêu quan trọng trong xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa được Đảng ta chỉ rõ trong Đại hội XIII, điều này thể hiện rõ ý Đảng, lòng dân và yêu cầu “hiện thực hóa khát vọng phát triển đất nước Việt Nam hùng cường, thịnh vượng vào năm 2045”.

Để phản bác quan điểm sai trái của các thế lực thù địch về nhà nước pháp quyền và xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, cần phải tiếp tục hoàn thiện hệ thống thể chế; tiếp tục hoàn thiện tổ chức và hoạt động của cơ quan nhà nước trong thực hiện quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp; hoàn thiện cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức:

Thứ nhất, về hoàn thiện hệ thống thể chế.

Trên phương diện khoa học pháp lý, thể chế của một quốc gia chính là hệ thống pháp luật, các thủ tục, chính sách, các văn bản quản lý nhà nước tạo ra “sự minh bạch hơn, tin cậy hơn, giảm các rủi ro trong quá trình tương tác với nhau”, điều này có ý nghĩa đặc biệt trong vận hành nền kinh tế, tổ chức, vận hành nhà nước và quản trị quốc gia.

Ở nước ta hiện nay, hoàn thiện hệ thống thể chế có tầm quan trọng trong quá trình phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đầy đủ, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, đổi mới hệ thống chính trị và hội nhập quốc tế sâu rộng, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu của cách mạng công nghiệp 4.0. Trong đó, hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường đầy đủ, đồng bộ, định hướng xã hội chủ nghĩa, cần phải “Giải quyết tốt hơn mối quan hệ giữa nhà nước, thị trường và xã hội; giữa nhà nước, doanh nghiệp và người dân. Khắc phục những điểm nghẽn cản trở sự phát triển của đất nước, nhất là về thể chế, chính sách”. Đây thật sự trở thành một trong những đột phá, có ý nghĩa then chốt trong xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam hiện nay.

Thứ hai, về hoàn thiện tổ chức và hoạt động của các cơ quan nhà nước:

1) Đối với cơ quan thực hiện quyền lập pháp: nâng cao chất lượng hoạt động lập pháp và giám sát tối cao là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu trong hoàn thiện tổ chức và hoạt động của Quốc hội hiện nay. Theo đó, Quốc hội cần “Đẩy nhanh tốc độ và nâng cao chất lượng ban hành các văn bản pháp luật... Ưu tiên xây dựng mới, bổ sung các đạo luật ở các lĩnh vực trọng điểm có ý nghĩa then chốt, có tính khả thi cao, tạo sự bứt phá về phát triển kinh tế-xã hội”. Nhiệm vụ này góp phần vào quá trình xây dựng, hoàn thiện đồng bộ, đầy đủ hệ thống thể chế phục vụ tốt cho thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế-xã hội trong bối cảnh mới của đất nước. Bên cạnh đó, Quốc hội cần phải “Tiếp tục đổi mới, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động giám sát, nhất là giám sát chuyên đề, hoạt động chất vấn... Chú trọng giám sát việc thực hiện các kết luận, kiến nghị sau giám sát”

2) Đối với cơ quan nhà nước thực hiện quyền hành pháp: nâng cao hiệu lực, hiệu quả trong tổ chức và hoạt động của các cơ quan nhà nước thực hiện quyền hành pháp sẽ tận dụng được thời cơ, vượt qua thách thức để thúc đẩy phát triển kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội. Vì thế, Chính phủ, các cơ quan thuộc Chính phủ và chính quyền các cấp cần “xây dựng tổ chức, bộ máy và cán bộ thật sự trong sạch, vững mạnh... Chú trọng hơn nữa đến việc cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành”; bên cạnh đó phải đẩy mạnh phân cấp, phân quyền giữa các cấp, kết hợp chặt chẽ với kiểm tra, giám sát giữa các chủ thể trong và ngoài hệ thống nhằm “bảo đảm cả hệ thống tổ chức bộ máy luôn luôn vận hành một cách đồng bộ, thống nhất.

3) Đối với cơ quan nhà nước trong thực hiện quyền tư pháp: xây dựng nền tư pháp liên chính, độc lập, dân chủ, hiện đại bảo vệ công lý, quyền con người, quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ thể pháp luật là một trong những tiêu chí quan trọng để đánh giá hiệu quả hoạt động của nhà nước pháp quyền.

Thứ ba, tiếp tục hoàn thiện cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước hiệu quả.

Hoàn thiện cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước hiệu quả không chỉ giúp cho việc tổ chức và thực hiện quyền lực nhà nước hiệu lực, hiệu quả, an toàn, đồng thời ngăn chặn sự tùy tiện của nhà nước, đẩy lùi hiện tượng “tha hóa” quyền lực nhà nước, bảo vệ chủ quyền nhân dân. Thực tiễn Việt Nam hiện nay, cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước cần phải hoàn thiện hơn nữa để tạo ra được “cái phanh” an toàn kiểm chế bánh xe quyền lực nhà nước.

**HOÀN THIỆN CƠ CHẾ KIỂM SOÁT QUYỀN LỰC NHÀ NƯỚC,
GIẢI PHÁP QUAN TRỌNG XÂY DỰNG VÀ HOÀN THIỆN
NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Ths. Nguyễn Hải Ninh

Phó Trưởng phòng Đào tạo

Trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng ta luôn đặc biệt quan tâm đến việc trao quyền lực và kiểm soát chặt chẽ quyền lực nhà nước. Đặc biệt là từ Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI. Trong Cương lĩnh chính trị (bổ sung, phát triển năm 2011), Đảng ta đã nhấn mạnh "Nhà nước ta là Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân. Tất cả quyền lực Nhà nước thuộc về Nhân dân"; "Nhà nước phục vụ Nhân dân, gắn bó mật thiết với Nhân dân, thực hiện đầy đủ quyền dân chủ của Nhân dân, tôn trọng, lắng nghe ý kiến của Nhân dân và chịu sự giám sát của Nhân dân; có cơ chế và biện pháp kiểm soát, ngăn chặn và trừng trị tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí, vô trách nhiệm, lạm quyền, xâm phạm quyền dân chủ của công dân". Hiến pháp năm 2013 quy định nguyên tắc “Quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp, kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp”.

1. Thực trạng cơ chế pháp lý kiểm soát quyền lực nhà nước

Trên cơ sở quy định của Cương lĩnh Chính trị và Hiến pháp năm 2013, nhiều văn bản luật được ban hành thời gian qua cụ thể hóa nguyên tắc hiến định về kiểm soát quyền lực nhà nước. Theo đó, thể chế và các thiết chế kiểm soát quyền lực nhà nước ngày càng được hoàn thiện. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng nhận định: “Cơ chế phân công, phối hợp và kiểm soát quyền lực giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp ngày càng rõ hơn và có nhiều chuyển biến tích cực”. Hoạt động xây dựng pháp luật, giám sát tối cao và quyết định những vấn đề quan trọng

của đất nước của Quốc hội có nhiều đổi mới, chất lượng và hiệu quả được nâng cao. “Hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp có nhiều đổi mới”. Cùng với hoạt động kiểm soát quyền lực nhà nước của Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp, kiểm soát quyền lực nhà nước còn được thực hiện bởi các thiết chế thanh tra trong bộ máy hành pháp, các cơ quan tiến hành tố tụng thông qua hoạt động điều tra, truy tố, xét xử các vụ án kinh tế, tham nhũng nghiêm trọng, phức tạp. Văn kiện Đại hội Đảng lần thứ XIII khẳng định: “Hoạt động thanh tra hành chính và chuyên ngành được tăng cường và đạt kết quả tích cực”; đồng thời, “tổ chức bộ máy của Toà án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, cơ quan điều tra, cơ quan bảo trợ tư pháp tiếp tục được kiện toàn, chất lượng hoạt động có tiến bộ...”. Do vậy, thời gian qua, công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng “với quyết tâm chính trị rất cao, không có vùng cấm, không có ngoại lệ, đạt nhiều kết quả rất quan trọng, được cán bộ, đảng viên và nhân dân đồng tình, ủng hộ. Tham nhũng từng bước được kiềm chế, ngăn chặn và có chiều hướng giảm, “tạo hiệu ứng lan toả mạnh mẽ trong toàn xã hội, được nhân dân đồng tình, đánh giá cao, các tổ chức quốc tế ghi nhận”.

Đảng cầm quyền kiểm soát quyền lực nhà nước bằng việc định ra chủ trương, đường lối và lãnh đạo, kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện chủ trương, đường lối đó. Văn kiện Đại hội lần thứ XIII của Đảng khẳng định: “Bộ Chính trị, Ban Bí thư đã chỉ đạo từng bước hoàn thiện thể chế về công tác cán bộ; xây dựng, bổ sung, sửa đổi và ban hành mới nhiều quy định, quy chế về đánh giá, quy hoạch, luân chuyển, bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử và kiểm soát quyền lực, chống chạy chức, chạy quyền; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền đi đôi với tăng cường kiểm tra, giám sát, kiểm soát quyền lực”. Do đó, “việc chống chạy chức, chạy quyền được coi trọng, đã có tác động cảnh báo, răn đe và ngăn chặn”.

Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, truyền thông báo chí “tiếp tục đổi mới nội dung và phương thức hoạt động, vận động đông đảo nhân dân tham gia các phong trào thi đua yêu nước, phát huy ngày càng tốt hơn vai trò chăm lo, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính

đảng của đoàn viên, hội viên và nhân dân; chủ động tham gia giám sát và phản biện xã hội”. Quyền làm chủ của nhân dân không ngừng được “chú trọng thực hiện dân chủ cả trực tiếp và đại diện, nhất là ở cơ sở, bảo đảm công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình; người đứng đầu ở nhiều cấp uỷ đảng, chính quyền đã tăng cường tiếp xúc, đối thoại, lắng nghe, tiếp thu, giải quyết những bức xúc và nguyện vọng chính đáng của nhân dân”.

Quá trình thực hiện cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước luôn bảo đảm “sự phối hợp giữa kiểm tra, giám sát của Đảng với thanh tra, kiểm toán nhà nước và điều tra, truy tố, xét xử ngày càng chặt chẽ, đồng bộ, hiệu quả hơn, hạn chế sự chồng chéo trong thực hiện chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền; kịp thời phát hiện những sơ hở, thiếu sót trong lãnh đạo, quản lý để đề xuất bổ sung, sửa đổi các văn bản có liên quan cho phù hợp”. Sự phối hợp đó góp phần thực hiện có hiệu quả cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước.

2. Hạn chế, nguyên nhân cơ chế pháp lý kiểm soát quyền lực nhà nước

Bên cạnh những kết quả đạt được, cơ chế pháp lý kiểm soát quyền lực nhà nước còn bộc lộ một số hạn chế sau:

“Việc thể chế hoá, cụ thể hoá chủ trương của Đảng về một số nội dung trong công tác cán bộ còn chậm, có nội dung chưa thống nhất giữa pháp luật của Nhà nước và quy định của Đảng”; việc điều tra, phát hiện, xử lý những vụ án tham nhũng “vẫn còn hạn chế, nhất là việc tự kiểm tra, tự phát hiện và xử lý tham nhũng, lãng phí trong nội bộ cơ quan, đơn vị còn yếu”; vẫn còn tình trạng lợi ích cục bộ, sách nhiễu người dân, doanh nghiệp trong giải quyết thủ tục hành chính ... việc công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình còn hạn chế”; công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng chưa đủ sức răn đe, ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái; Một bộ phận đảng viên, cán bộ lãnh đạo quản lý có dấu hiệu vi phạm điều lệ đảng, vi phạm pháp luật nhưng chưa được xử lý kịp thời và công khai. “Công tác kiểm tra ở một số nơi thiếu trọng tâm, trọng điểm; việc tự kiểm tra, phát hiện và xử lý vi phạm của nhiều cấp uỷ, tổ chức đảng vẫn là khâu yếu”. Vai trò lãnh đạo, cầm

quyền của Đảng và chức năng quản lý nhà nước của Nhà nước chưa được phân định rõ. Hệ thống chính trị chồng chéo, có hiện tượng chồng chéo về chức năng, nhiệm vụ giữa cơ quan Đảng và Nhà nước, “phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị còn chậm đổi mới, có mặt còn lúng túng. Cơ chế kiểm soát quyền lực trong Đảng và Nhà nước chưa đầy đủ, đồng bộ; hiệu lực, hiệu quả chưa cao; “cơ chế kiểm soát quyền lực chưa hoàn thiện”...

Những nguyên nhân dẫn tới bất cập nêu trên là:

- Do chưa có sự thống nhất trong nhận thức về yêu cầu hoàn thiện và thực hiện cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước;
- Những sửa đổi, hoàn thiện pháp luật về kiểm soát quyền lực nhà nước chưa mang tính tổng thể. Do vậy, cơ chế pháp lý kiểm soát quyền lực nhà nước thiếu tính đồng bộ;
- Bên cạnh đó, hoạt động nghiên cứu, tổng kết thực tiễn về hoạt động của các thiết chế thực hiện nhiệm vụ kiểm soát quyền lực nhà nước chưa được quan tâm kịp thời để có những kiến nghị lập pháp phù hợp.

3. Giải pháp tiếp tục hoàn thiện cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước

Một là, bảo đảm sự thống nhất trong nhận thức của đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức và các tầng lớp nhân dân về mục đích, yêu cầu của việc hoàn thiện cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước; cần nâng cao nhận thức cho đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức và các tầng lớp nhân dân nhằm tạo ra sự đồng thuận trong xã hội về sự cần thiết, khách quan phải hoàn thiện cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước trong điều kiện mới.

Hai là, Nâng cao năng lực thể chế hóa quan điểm của Đảng về kiểm soát quyền lực nhà nước trong hoạt động xây dựng pháp luật.

Ba là, hoàn thiện thiết chế phân công, phối hợp và kiểm soát quyền lực nhà nước. Các thiết chế phân công, phối hợp và kiểm soát quyền lực nhà nước ở Việt Nam bao gồm các cơ quan lập pháp, các cơ quan hành pháp, cơ quan tư pháp, các cơ quan nhà nước chuyên trách và các thiết chế phi nhà nước.

Bốn là, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của cơ quan điều tra, truy tố, xét xử và cơ quan hỗ trợ tư pháp trong cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước. Đặc biệt kiện toàn tổ chức bộ máy, nâng cao năng lực của các cơ quan tiến hành tố tụng trong hoạt động điều tra, truy tố, xét xử các vụ án kinh tế, tham nhũng, chức vụ.

Năm là, phát huy vai trò của Đảng cầm quyền trong hoạt động kiểm soát quyền lực nhà nước. Phát huy vai trò và năng lực kiểm tra, giám sát của Ủy ban kiểm tra các cấp đối với đảng viên, nhất là các đảng viên là cán bộ lãnh đạo quản lý trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao; kịp thời phát hiện, chấn chỉnh những biểu hiện lệch lạc trong thực hiện quy định Điều lệ Đảng, các quy chế, quy định của Đảng. Các tổ chức đảng có thẩm quyền phải xử lý nghiêm minh, kịp thời và công khai đối với những đảng viên, nhất là đảng viên giữ các chức vụ lãnh đạo, quản lý trong cơ quan nhà nước có hành vi vi phạm pháp luật.

Sáu là, hoàn thiện quy định pháp luật nâng cao vị trí, vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức xã hội, xã hội nghề nghiệp trong hoạt động kiểm soát quyền lực nhà nước.

Bảy là, phát huy vai trò và bảo đảm quyền giám sát trực tiếp của nhân dân, góp phần thực hiện có hiệu quả cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước. Cần quán triệt sâu sắc quan điểm “dân làm chủ”, thật sự tin tưởng, tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân; tiếp tục thực hiện đúng đắn, hiệu quả dân chủ trực tiếp, dân chủ đại diện, đặc biệt là dân chủ ở cơ sở; thực hiện tốt có hiệu quả phương châm “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng.

Tám là, tạo điều kiện thuận lợi để báo chí tham gia kiểm soát quyền lực nhà nước. Ở Việt Nam, các cơ quan báo chí là một kênh giám sát quyền lực nhà nước khá hiệu quả. Thời gian qua, nhiều vụ án tham nhũng được đưa ra xét xử là nhờ báo chí. Mặc dù còn có những tranh luận về một số vụ tiêu cực liên quan đến một số ít nhà báo, nhưng cần khẳng định rằng, trong thời gian tới, báo chí vẫn sẽ đóng một vai trò quan trọng trong quá trình giám sát việc thực thi quyền lực nhà nước.

Do đó, cần tạo điều kiện thuận lợi hơn nữa để báo chí tích cực tham gia vào quá trình phản biện chính sách, chỉ ra các hành vi lạm quyền, tham nhũng của các quan chức nhà nước.

Như vậy, hoàn thiện cơ chế pháp lý kiểm soát quyền lực nhà nước là một trong những nội dung quan trọng ở Việt Nam hiện nay nhằm phát huy dân chủ XHCN và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam, qua đó đẩy lùi tham nhũng, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và bảo đảm Nhà nước Việt Nam thực sự là Nhà nước của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân./

**MỘT SỐ GIẢI PHÁP ĐỔI MỚI PHƯƠNG THỨC LÃNH ĐẠO CỦA TỈNH
ỦY QUẢNG NINH ĐỐI VỚI ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HIỆN NAY**

Th.s Phạm Hữu Kiên

Phó Hiệu trưởng

Đảng ta đã và đang nhất quán xác định: “Xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân do Đảng lãnh đạo là nhiệm vụ trọng tâm của đổi mới hệ thống chính trị”. Điều 4 Hiến pháp năm 2013 cũng khẳng định: Đảng Cộng sản Việt Nam là lực lượng lãnh đạo Nhà nước và xã hội. Các tổ chức của Đảng và đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật. Chính vì vậy, xác định rõ nội dung, phương thức lãnh đạo của cấp ủy đối với chính quyền là một trong những yêu cầu rất quan trọng để thực hiện tốt quan điểm, quy định trên đây của Đảng và Nhà nước ta.

1. Thực tiễn phương thức lãnh đạo của Tỉnh ủy đối với Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh

Trong thời gian qua, Tỉnh ủy Quảng Ninh đã có nhiều cố gắng, nỗ lực, không ngừng đổi mới phương thức, nâng cao hiệu quả lãnh đạo đối với Ủy ban nhân dân tỉnh, đảm bảo đúng định hướng trong việc thực hiện các quan điểm về xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân, góp phần quyết định quan trọng đến thành công trong phát triển kinh tế- xã hội, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân.

Một là: Trên cơ sở nghiên cứu chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, Tỉnh ủy cụ thể hoá thành nghị quyết, chỉ thị phù hợp với tình hình địa phương. Căn cứ vào các chỉ thị, nghị quyết đó, Ban Cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành chương trình hành động, kế hoạch, quyết định, phân công các sở, ban ngành, địa phương tổ chức thực hiện.

Hai là: Tỉnh uỷ đề ra các nhiệm vụ, giải pháp xây dựng hoàn thiện tổ chức bộ máy Ủy ban nhân dân tỉnh và các sở, ban, ngành của Tỉnh. Tập trung lãnh đạo xác định rõ chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền của các cơ quan; tập trung lãnh đạo đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu quả quản lý của các cơ quan chính quyền địa phương.

Ba là: Tỉnh uỷ ban hành các quy chế, quy định về công tác cán bộ, trực tiếp quản lý công tác quy hoạch, đào tạo, bố trí, sử dụng cán bộ, từ đó cử các đồng chí cán bộ có uy tín, phẩm chất, năng lực công tác nắm giữ những vị trí quan trọng trong Ủy ban nhân dân tỉnh, và các sở, ban, ngành Tỉnh. Trong đó các đồng chí Phó Bí thư Thường trực Tỉnh uỷ giữ chức vụ Trưởng đoàn đại biểu Quốc hội, Đồng chí Bí thư Tỉnh uỷ kiêm nhiệm chức danh Chủ tịch Hội đồng nhân dân; 01 đồng chí Phó Bí thư Tỉnh uỷ đảm nhiệm chức danh Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; một số đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh uỷ giữ các chức vụ: Trưởng các ban của Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân...

Bốn là: Tỉnh uỷ thường xuyên kiểm tra, giám sát Ban Cán sự Đảng Ủy ban nhân dân Ủy ban nhân dân tỉnh, các tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên công tác tại Ủy ban nhân dân, các sở, ban, ngành tỉnh trong việc chấp hành, triển khai thực hiện các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Tỉnh uỷ. Duy trì chế độ giao ban tập thể Thường trực Tỉnh uỷ theo tuần và họp Ban Thường vụ Tỉnh uỷ theo tháng để nghe và cho ý kiến về những vấn đề quan trọng để Ủy ban nhân dân triển khai thực hiện.

Năm là: Tỉnh uỷ đề ra các biện pháp để nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của các tổ chức cơ sở đảng, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên trong Ủy ban nhân dân và các sở, ban, ngành tỉnh. Lãnh đạo thường xuyên đổi mới nội dung, hình thức, nâng cao chất lượng sinh hoạt cấp uỷ, sinh hoạt chi bộ, phát huy vai trò hạt nhân chính trị ở các cơ quan, đơn vị cấp Tỉnh.

Sáu là: Bằng công tác tư tưởng của mình, Tỉnh uỷ quán triệt, tuyên truyền, vận động các tầng lớp nhân dân tích cực tham gia giám sát hoạt động của Hội

đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân Tỉnh; đấu tranh, ngăn chặn các hiện tượng tham nhũng, lãng phí, quan liêu, hách dịch, cửa quyền của cán bộ công chức, tham gia xây dựng chính quyền địa phương trong sạch vững mạnh.

Từ sự lãnh đạo đúng đắn phương thức lãnh đạo của Tỉnh ủy đối với Ủy ban nhân dân tỉnh, trong những năm qua tỉnh Quảng Ninh đã đạt được nhiều thành tựu đáng phấn khởi trên các mặt kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh, quốc phòng. Tiềm năng, thế mạnh của địa phương được khơi dậy và phát huy. Tỉnh tập trung triển khai thực hiện có hiệu quả các giải pháp chuyển đổi phương thức phát triển từ “nâu” sang “xanh”, thực hiện thành công ba đột phá chiến lược, đưa Quảng Ninh phát triển nhanh, bền vững, trở thành tỉnh dịch vụ, công nghiệp theo hướng hiện đại, trung tâm du lịch quốc tế, một cực tăng trưởng kinh tế toàn diện của phía Bắc với nhiều dấu ấn nổi bật. Kinh tế liên tục tăng trưởng cao và ổn định, tốc độ tăng trưởng bình quân 5 năm 2011 - 2015 là 9,2%, giai đoạn 2016 - 2020 đạt 10,7%. Chất lượng tăng trưởng được cải thiện đáng kể, năng suất lao động bình quân tăng từ 85,6 triệu đồng/người năm 2010 lên 165,5 triệu đồng/người năm 2015 và 292,9 triệu đồng/người năm 2020. Quy mô, tiềm lực của nền kinh tế tăng lên rõ rệt; năm 2020 đạt 219.378 tỷ đồng (gấp 4,3 lần năm 2010, gấp 1,9 lần năm 2015). Cơ cấu kinh tế chuyển dịch tích cực theo hướng bền vững. Đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được chăm lo. Toàn tỉnh có 09/13 địa phương cấp huyện, 98/98 xã đạt chuẩn nông thôn mới (trong đó có 62 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu). Tỷ lệ hộ nghèo toàn tỉnh theo tiêu chí đa chiều bền vững đến hết năm 2021 chỉ còn 0,1%. Xây dựng khu vực phòng thủ vững chắc về quốc phòng, an ninh, phòng tuyến hợp tác và cạnh tranh; xây dựng biên giới hoà bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển.

Bên cạnh những kết quả nêu trên, thực tiễn sự lãnh đạo của Tỉnh ủy đối với Ủy ban nhân dân tỉnh cũng còn một số vấn đề cần được làm rõ và hoàn thiện như:

Thứ nhất: Không phải lúc nào các nghị quyết của Tỉnh ủy cũng được Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai, tổ chức thực hiện một cách có hiệu quả và đúng quan

điểm của Tỉnh ủy nếu thiếu sự kiểm tra, giám sát của Tỉnh ủy và các cơ quan tham mưu của mình. Song nếu Tỉnh ủy “sa đà” vào hoạt động chuyên môn thuộc chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân tỉnh thì sẽ dẫn đến tình trạng làm thay, bao biện nhiệm vụ chính quyền, tạo nên tâm lý ỷ lại, hạn chế tính năng động của cơ quan chính quyền địa phương.

Thứ hai: Tỉnh ủy, Ủy ban nhân tỉnh đều có chung mục tiêu về phát triển kinh tế- xã hội, an ninh, quốc phòng trên địa bàn tỉnh. Tuy nhiên, các mục tiêu Tỉnh ủy xác định mang tính định hướng, còn Ủy ban nhân tỉnh căn cứ các mục tiêu đó cụ thể hóa thành chương trình hành động, kế hoạch thực hiện, trong đó phải định lượng rõ mục tiêu cần đạt và các nguồn lực để đảm bảo cho việc thực hiện mục tiêu đó. Chính vì thế, cách thức thực hiện mục tiêu của Tỉnh ủy và Ủy ban nhân tỉnh có sự khác nhau. Tỉnh ủy thì phải xác định mục tiêu cho đúng và đi sâu kiểm tra, uốn nắn việc thực hiện; Ủy ban nhân tỉnh thì phải đưa ra những giải pháp cụ thể và sử dụng quyền lực hành chính để thực thi những giải pháp đó. Đây là tiêu chí để không lẫn lộn, chòng chéo giữa chức năng lãnh đạo của Tỉnh ủy và chức năng quản lý của Ủy ban nhân tỉnh. Các cấp ủy không trực tiếp làm thay công việc thuộc phạm vi quản lý của chính quyền, nhưng cần tạo điều kiện cho Ủy ban nhân tỉnh trình bày các giải pháp thực hiện chủ trương, nghị quyết của Tỉnh ủy; gợi mở các vấn đề quan trọng thuộc chức năng quản lý của chính quyền để Ủy ban nhân tỉnh chủ động quyết định và chịu trách nhiệm. Mặt khác, Ủy ban nhân tỉnh phải biết hạn chế đưa vào các cuộc họp Ban Thường vụ, Ban Chấp hành đảng bộ tỉnh công việc thuộc thẩm quyền quyết định, quản lý của mình để xin ý kiến, tránh cho Tỉnh ủy sa vào công việc sự vụ của chính quyền.

- *Thứ ba:* Thực tiễn đòi hỏi bộ máy chính quyền cả nước nói chung, Quảng Ninh nói riêng cần phải tăng cường hơn nữa cải cách hành chính, đảm bảo minh bạch hoá mọi hoạt động của chính quyền; hạn chế một cách tối đa các hiện tượng tham nhũng, quan liêu, sách nhiễu nhân dân.

- *Thứ tư:* Đối với công tác cán bộ, Đảng ta xác định rõ công Đảng lãnh đạo, quản lý toàn diện đội ngũ cán bộ và công tác cán bộ. Tuy nhiên những năm gần đây, thực hiện thí điểm công tác thi, bổ nhiệm một số chức danh lãnh đạo quản lý; có thời điểm, có lúc, có nơi, Ban Thường vụ cấp ủy trực tiếp là Hội đồng giám khảo. Trên cơ sở kết quả chấm điểm của Hội đồng giám khảo, Chủ tịch Ủy ban nhân dân ban hành quyết định bổ nhiệm cán bộ. Vấn đề này cũng đặt ra đối với việc thực hiện thẩm quyền, trách nhiệm của đồng chí Chủ tịch Ủy ban nhân dân đối với công tác bố trí, sắp xếp đội ngũ cán bộ thuộc quyền, từ đó có thể có những tác động không tích cực đối với ...

2. Một số giải pháp chủ yếu đổi mới phương thức lãnh đạo của Tỉnh ủy Quảng Ninh đối với Ủy ban nhân dân tỉnh hiện nay

Một là: Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân tỉnh cần thường xuyên rà soát, hoàn chỉnh quy chế làm việc của mình nhằm tránh những chồng chéo, trùng lặp trong chức năng, nhiệm vụ, tăng cường được sự lãnh đạo của Tỉnh ủy và quản lý, điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh; quy định rõ vấn đề gì cấp ủy cần bàn và quyết định, vấn đề gì do cơ quan chính quyền quyết định và chịu trách nhiệm. Đây là vấn đề hết sức quan trọng để đảm bảo tính chủ động trong thực hiện chương trình công tác của Tỉnh ủy cũng như của Ủy ban nhân dân tỉnh, giúp cho Ủy ban nhân dân tỉnh xác định rõ trách nhiệm của mình trong việc lựa chọn những vấn đề trình Tỉnh ủy cho ý kiến, từ đó chủ động chuẩn bị chu đáo nội dung, góp phần nâng cao chất lượng các hội nghị của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

Hai là: Nâng cao chất lượng xây dựng chương trình công tác toàn khóa, chương trình công tác năm của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Tỉnh ủy và lịch công tác hằng tuần của Thường trực Tỉnh ủy. Chương trình công tác phải thể hiện được rõ trong suốt nhiệm kỳ, Ban Chấp hành đảng bộ Tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh ủy cần nghe và cho ý kiến về những vấn đề gì, cơ quan nào chịu trách nhiệm chủ trì chuẩn bị nội dung. Các cuộc họp của Ban Thường vụ Tỉnh ủy cũng như Tỉnh ủy không thảo luận, bàn sâu công việc thuộc phạm vi quản lý, điều hành của Ủy

ban nhân dân tỉnh; mà dành thời gian đi sâu kiểm điểm vai trò, trách nhiệm của từng cấp ủy viên trong việc thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của Tỉnh ủy, các lĩnh vực, công tác được phân công. Đồng thời Tỉnh ủy chỉ đạo các cơ quan tham mưu cải tiến nội dung báo cáo phục vụ yêu cầu lãnh đạo của Tỉnh ủy và quản lý, điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh. Tất nhiên, không thể chia cắt một cách máy móc, cứng nhắc giữa vai trò lãnh đạo và quản lý.

Ba là: Tỉnh ủy cần quan tâm hơn nữa trong việc củng cố, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của các tổ chức cơ sở đảng, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên trong các cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh. Đây là công việc hết sức quan trọng, góp phần làm cho các chỉ thị, nghị quyết của Tỉnh ủy được triển khai thực hiện một cách đầy đủ và triệt để nhất. Trước mắt, tập trung chỉ đạo tổ chức thực hiện tốt các Nghị quyết Trung ương 4 (khoá XI XII, XIII) về công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, gắn với đẩy mạnh đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực.

Bốn là: Trong công tác tổ chức, cán bộ, Tỉnh ủy cần nâng cao chất lượng công tác đánh giá cán bộ đối với những đồng chí cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý đang công tác ở các cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh. Đánh giá cán bộ là khâu mà xưa nay vẫn được coi là yếu, thiếu khách quan, công bằng. Và cũng từ đánh giá không đúng về cán bộ cũng dẫn đến hệ quả là bố trí cán bộ không đúng, từ đó làm giảm hiệu quả, chất lượng lãnh đạo của Tỉnh ủy đối với Ủy ban nhân dân tỉnh.

Năm là: Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của Tỉnh ủy đối với việc quán triệt, triển khai, thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp phát triển các lĩnh vực đời sống xã hội mà các nghị quyết, chỉ thị của Tỉnh ủy đã đề ra, thông qua kiểm tra, giám sát kịp thời phát hiện, chỉ đạo nhân rộng những cách làm hay, có hiệu quả cao, đồng thời uốn nắn những nhận thức sai lệch, chấn chỉnh những việc làm không đúng với quan điểm lãnh đạo của Tỉnh ủy. Chú trọng quan tâm công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước, từ đó

tổng kết, rút kinh nghiệm, đề ra các nhiệm vụ, giải pháp xây dựng bộ máy chính quyền tinh, gọn, hoạt động hiệu quả. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát đối với cán bộ, đảng viên trong thực thi công vụ, phát hiện, ngăn ngừa, đấu tranh loại bỏ các hành vi tham nhũng, lãng phí, quan liêu, hách dịch, cửa quyền, sách nhiễu nhân dân....

Trên đây là những nhiệm vụ, giải pháp hết sức cơ bản nhằm đổi mới phương thức lãnh đạo của Tỉnh uỷ Quảng Ninh đối với Ủy ban nhân dân tỉnh, trong quá trình thực hiện cần phải thường xuyên tổng kết, đánh giá, rút kinh nghiệm, kịp thời điều chỉnh để đảm bảo giải quyết một cách hiệu quả nhất mối quan hệ công tác giữa Tỉnh uỷ và Ủy ban nhân dân tỉnh, góp phần nâng cao vai trò lãnh đạo của Tỉnh uỷ Quảng Ninh đối với Ủy ban nhân dân tỉnh giai đoạn hiện nay./.

KẾT LUẬN

Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước nhằm tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng và phát huy hiệu lực, hiệu quả của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, là vấn đề hệ trọng, lớn và khó. Việc nghiên cứu, tổng kết kinh nghiệm thực tiễn trong quá trình cải cách, đổi mới để bổ sung, hoàn thiện hơn nữa cả nhận thức lý luận lẫn tổ chức thực hiện những quan điểm đó chắc chắn sẽ mang lại cho Đảng và Nhà nước ta những năng lực mới đáp ứng nhu cầu trong giai đoạn đổi mới hiện nay.

Xác định rõ nội dung, hình thức, biện pháp lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước có ý nghĩa quyết định đến mức độ phát huy vai trò của Nhà nước trong việc thể chế hoá, hiện thực hoá các mục tiêu, lý tưởng của Đảng, thông qua đó không ngừng củng cố vai trò lãnh đạo toàn diện của Đảng đối với các lĩnh vực đời sống xã hội. Đổi mới phương thức lãnh đạo, nâng cao hiệu quả lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước là vấn đề rất khó khăn và phức tạp, đòi hỏi phải có quyết tâm chính trị rất cao, đồng thời phải bám sát tình thực tiễn ở từng địa phương, từng giai đoạn, từng thời điểm nhất định.

Đối với tỉnh Quảng Ninh, để đổi mới phương thức lãnh đạo, nâng cao hiệu quả lãnh đạo của Tỉnh ủy đối với UBND tỉnh, phát huy thật tốt vai trò chủ động, sáng tạo, vai trò quản lý của chính quyền địa phương đối với các lĩnh vực đời sống xã hội cũng là một trong những giải pháp có vai trò quyết định đến việc thực hiện thắng lợi mục tiêu xây dựng tỉnh Quảng Ninh cơ bản trở thành tỉnh công nghiệp theo hướng hiện đại vào 2015./.

**VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG VỀ NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN CỦA
CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH VÀO THỰC TIỄN PHÁT TRIỂN KINH TẾ -
XÃ HỘI Ở ĐỊA PHƯƠNG**

Ths. Vy Thị Lê

Trưởng khoa Nhà nước và Pháp luật

Trường chính trị Hoàng Văn Thụ, tỉnh Lạng Sơn

Tư tưởng về Nhà nước pháp quyền Việt Nam đã được khẳng định lần đầu tiên trong bản “*Tuyên ngôn độc lập*” ngày 02-9-1945, thể hiện rõ nét trong Hiến pháp năm 1946, bản Hiến pháp đầu tiên của nước Việt Nam mới. Hiến pháp tuyên bố thành quả của Cách mạng tháng Tám đã giành lại chủ quyền cho đất nước, tự do cho nhân dân và lập ra nền Dân chủ Cộng hòa. Quyền tự do dân chủ của công dân Việt Nam xác lập trong Hiến pháp chính là xác lập Nhà nước pháp quyền Việt Nam ngay từ khi đất nước giáng độc lập. Từ đó đến nay Nhà nước pháp quyền Việt Nam tiếp tục được khẳng định, phát triển và quy định đầy đủ hơn, cụ thể hơn trong các bản Hiến pháp Việt Nam sau này.

Trong công cuộc đổi mới đất nước hiện nay tư tưởng Nhà nước pháp quyền vẫn luôn được Đảng và Nhà nước ta xác định là cơ sở pháp lý về phát triển kinh tế, xã hội và văn hóa của cả nước và ở từng địa phương. Nhằm tiếp tục tìm hiểu sâu sắc hơn nữa về nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam và việc vận dụng vào thực tiễn ở địa phương, tại Hội thảo khoa học lần này tác giả mong muốn góp phần làm rõ và nhận thức sâu sắc hơn nội dung: “*Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước pháp quyền của Chủ tịch Hồ Chí Minh vào thực tiễn phát triển kinh tế, xã hội và văn hóa ở địa phương*”. Nhằm hoàn thiện pháp luật, xây dựng và phát triển kinh tế đất nước.

1. Tư tưởng về Nhà nước pháp quyền theo tư tưởng Hồ Chí Minh

Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã có nhận thức rất sớm về Nhà nước và pháp luật. Năm 1919, tại Pháp, Nguyễn Ái Quốc đã viết bản “*Yêu Sách của nhân dân An Nam*” gửi tới Hội nghị Vécxây. Trong đó, Người yêu cầu thực dân Pháp

(yêu sách thứ 7 trong 8 điểm yêu sách) trong bản “*Việt Nam yêu cầu ca*” thay thế chế độ ra các sắc lệnh bằng chế độ tạo ra các đạo luật, phải ban hành Hiến pháp, quản lý Nhà nước bằng luật pháp theo tinh thần “*Trăm điều phải có thần linh pháp quyền*”. Tư tưởng về “*thần linh pháp quyền*” của Nguyễn Ái Quốc là tư tưởng về xây dựng một Nhà nước hợp hiến, theo tinh thần pháp quyền và thượng tôn pháp luật, đã được hiện thực hóa trong “*Tuyên ngôn độc lập*” và trong Hiến pháp năm 1946 và đã đặt nền tảng cho quan điểm về xây dựng nhà nước pháp quyền ở Việt Nam hiện nay.

Hồ Chí Minh không đề cập đến khái niệm nhà nước pháp quyền nói chung và nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa nói riêng, nhưng về nội dung khoa học của nhà nước pháp quyền thì những tư tưởng, quan điểm của Người về nhà nước, pháp luật kiểu mới, nhà nước xã hội chủ nghĩa đã thể hiện khá đầy đủ sâu sắc những đặc trưng, nội dung cơ bản của nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Tư tưởng của Người về nhà nước pháp quyền thể hiện trình độ kết hợp nhuần nhuyễn quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin với việc kế thừa, tiếp thu có chọn lọc kho tàng tri thức, kinh nghiệm, tinh hoa văn hóa trí tuệ của nhân loại và vận dụng sáng tạo vào điều kiện hoàn cảnh lịch sử cụ thể của Việt Nam.

Trên cơ sở tiếp thu có chọn lọc tư tưởng, quan điểm về nhà nước pháp quyền trong lịch sử tư tưởng nhân loại, những giá trị phổ biến trong nội dung tư tưởng về nhà nước pháp quyền trên thế giới cũng như nền tảng tư tưởng, lý luận và quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, nhận thức và thực tiễn xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam và những nội dung, yêu cầu của nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã được thể hiện rõ trong Hiến pháp năm 2013 (Điều 2) đã khẳng định: “*Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân*”. Từ đó, có thể về nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam như sau: “*Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt*

Nam là nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân, thực hiện nguyên tắc pháp quyền, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo nhằm bảo đảm quyền con người, quyền công dân”.

Nội dung Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam đó là: Nhà nước thực sự của dân, do dân, vì dân, bảo đảm chủ quyền của nhân dân, mọi quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân; Nhà nước tôn trọng, bảo đảm quyền con người, quyền công dân; Nhà nước hợp hiến, hợp pháp, tổ chức, hoạt động theo pháp luật và thực hiện quản lý xã hội bằng pháp luật kết hợp chặt chẽ với giáo dục đạo đức; Nhà nước có pháp luật dân chủ, thể hiện ý chí và lợi ích của nhân dân; Nhà nước có trách nhiệm và chịu trách nhiệm trước nhân dân, công dân phải làm tròn nghĩa vụ đối với Nhà nước và xã hội; Nhà nước trong sạch, ngăn chặn, loại trừ được quan liêu, tham nhũng, lãng phí và các hiện tượng tiêu cực khác trong bộ máy nhà nước. Cán bộ công chức nhà nước là đầy tớ trung thành, là công bộc của nhân dân; có biện pháp kiểm tra, giám sát hoạt động của bộ máy nhà nước, cán bộ, công chức nhà nước.

Hiện nay, việc xây dựng Nhà nước thực sự của dân, do dân, vì dân, bảo đảm chủ quyền của nhân dân chính là hoàn thiện Nhà nước pháp quyền theo tư tưởng Hồ Chí Minh. Chỉ có xây dựng được Nhà nước thực sự của dân, do dân, vì dân thì kinh tế, xã hội và văn hóa mới ổn định và phát triển.

2. Thực tiễn vận dụng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong phát triển kinh tế - xã hội hiện nay

Từ thực tiễn và yêu cầu khách quan của sự nghiệp đổi mới. Cơ sở hình thành quan điểm về Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam bắt nguồn từ thực tiễn khách quan của sự nghiệp đổi mới đó là: Yêu cầu xây dựng phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; yêu cầu xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa; yêu cầu bảo đảm, bảo vệ quyền con người, quyền công dân; yêu cầu tổ chức hoạt động của nhà nước theo pháp luật và quản lý xã hội bằng

pháp luật. Những yêu cầu này khẳng định tính khách quan, cấp bách của việc xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam hiện nay.

Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng tiếp tục khẳng định: *“Bản chất của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nhà nước của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân”*.

* Kết quả đạt được:

Sau 35 năm đổi mới, kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội XII đã nhận định: *“Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa có nhiều tiến bộ, tổ chức bộ máy nhà nước tiếp tục được hoàn thiện, hoạt động hiệu lực và hiệu quả hơn; bảo đảm thực hiện đồng bộ các quyền lập pháp hành pháp và tư pháp”*. *“Bộ máy nhà nước bước đầu được sắp xếp lại theo hướng tinh gọn gắn với tinh giản biên chế, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Hoạt động của Quốc Hội trong việc thực hiện quyền lập hiến, lập pháp, quyết định những vấn đề quan trọng của đất nước và giám sát tối cao có nhiều đổi mới, chất lượng và hiệu quả được nâng cao. Vai trò, trách nhiệm của đại biểu Quốc Hội thể hiện rõ hơn”*.

Trong quá trình thực hiện Nhà nước pháp quyền ở nước ta đạt được kết quả như: tạo lập quan hệ giữa Nhà nước và công dân là quan hệ bình đẳng qua lại về quyền và nghĩa vụ pháp lý; tính dân chủ, nhân quyền bên cạnh tính hợp hiến và pháp trị; từng bước làm rõ khía cạnh quyền lực trong hoạt động của Nhà nước pháp quyền. Đặc điểm quan trọng của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam, là đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt Nam.

Về lý luận: Tại Cương lĩnh (bổ sung và phát triển 2011), tiếp tục tổng kết thực tiễn, phát triển lý luận sau 20 năm thực hiện Cương lĩnh 1991. Khẳng định, Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân và vì dân, là một trong 8 đặc trưng của xã hội xã hội chủ nghĩa mà chúng ta xây dựng, đó là: *“Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân do Đảng Cộng sản lãnh đạo”*. So với các giai đoạn trước, đến Cương lĩnh 2011, bước phát triển mới về nhận thức, quan điểm lý luận về Nhà nước pháp quyền xã hội chủ

nghĩa, xác định quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp giữa các cơ quan trong thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp, mà còn mở rộng hơn về việc kiểm soát quyền lực. Tư tưởng này tiếp tục được cụ thể hóa trong Hiến pháp năm 2013, đặc biệt là tư tưởng Nhà nước phục vụ nhân dân, gần bó mật thiết với nhân dân, thực hiện đầy đủ quyền dân chủ của nhân dân, tôn trọng, lắng nghe ý kiến của nhân dân và chịu sự giám sát của nhân dân; có cơ chế, biện pháp kiểm soát, ngăn ngừa tệ quan liêu, tham nhũng..

Công cuộc đổi mới của Việt Nam tiếp tục đi vào chiều sâu, đất nước ta đã thu được nhiều thành tựu to lớn và có ý nghĩa lịch sử. Hiện nay, nền kinh tế thị trường định hướng XHCN được phát triển theo hướng hiện đại, hội nhập sâu rộng, trên nhiều lĩnh vực tiếp cận với các chuẩn mực quốc tế. Bởi vậy, những kết quả có được nêu trên một phần quan trọng là Việt Nam đã giải quyết thành công nhiều vấn đề, giải quyết tốt các mối quan hệ lớn trong quá trình đổi mới, trong đó có quan hệ giữa đổi mới, ổn định và phát triển; giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị; giữa phát triển kinh tế thị trường và định hướng xã hội chủ nghĩa; giữa đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng với xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân và vì dân... Nhờ đó, đem lại những kết quả to lớn, sự thống nhất cao, trong xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. Bước vào giai đoạn mới, sau thành công của Đại hội XIII của Đảng, vấn đề về xây dựng Đảng, Nhà nước và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, hoạt động hiệu lực, hiệu quả có vị trí hết sức quan trọng, đặc biệt là hướng tới những mốc quan trọng của đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, việc xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

Về thực tiễn: Thể chế về Nhà nước pháp quyền XHCN được bổ sung, hoàn thiện. Nguyên tắc tổ chức quyền lực nhà nước được quy định đầy đủ hơn trong Hiến pháp năm 2013. Nguyên tắc kiểm soát quyền lực đã được thể chế hóa, tiếp tục tăng cường cơ chế kiểm soát quyền lực giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp. Pháp luật về cán bộ, công chức

và viên chức đã được sửa đổi, bổ sung, đáp ứng yêu cầu quản lý cán bộ, công chức, viên chức trong tình hình mới.

Thực hiện cải cách hành chính, xây dựng hệ thống các cơ quan hành chính nhà nước từ Trung ương tới cơ sở thông suốt, trong sạch, vững mạnh, hiện đại, hiệu lực, hiệu quả, tăng tính dân chủ và pháp quyền trong hoạt động điều hành của Chính phủ và của các cơ quan hành chính nhà nước. Bảo đảm thực hiện trên thực tế quyền dân chủ của nhân dân, bảo vệ quyền con người, gắn quyền con người với quyền và lợi ích của dân tộc, của đất nước. Nghị quyết số 76/NQ-CP, ngày 15/7/2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030 đã đưa ra từng nội dung cải cách hành chính gắn với mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể và có gắn chặt chẽ với quá trình xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn tới.

Cải cách hành chính là nhân tố quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, của địa phương góp phần nâng cao vị thế quốc tế, năng lực cạnh tranh quốc gia trong xu thế toàn cầu hoá và đẩy mạnh hội nhập quốc tế. Đặc biệt là lĩnh vực kinh tế, Việt Nam đã thực hiện, tham gia sâu rộng nhiều cam kết quốc tế, là thành viên có trách nhiệm, tin cậy của cộng đồng quốc tế. Quyền con người, quyền công dân tiếp tục được cụ thể hóa bằng hệ thống luật pháp và đảm bảo thực thi trên thực tế.

* Một số hạn chế:

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Đảng ta khẳng định chỉ rõ hạn chế trong xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa: *“Xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa có mặt chưa đáp ứng tốt yêu cầu phát triển kinh tế xã hội và quản lý đất nước trong tình hình mới”*.

- Về phát huy dân chủ, bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân, thực hiện bảo vệ, bảo đảm quyền con người, quyền công dân vẫn còn nhiều hạn chế, nhất là trong tổ chức thực hiện kiểm tra giám sát, xử lý vi phạm. Bộ máy nhà nước ở một số nơi chưa thật sự vì dân còn quan liêu xa dân, phiền hà, sách nhiễu dân, thủ tục

hành chính còn rườm rà, thiếu công khai cho dân biết, một số cán bộ còn thiếu trách nhiệm, thiếu năng lực, làm việc tùy tiện, vi phạm quyền con người, quyền công dân.

- Cải cách bộ máy nhà nước, đặc biệt là cải cách hành chính chưa đáp ứng yêu cầu. Hiệu lực hiệu quả quản lý điều hành của nhà nước chưa cao. Tính chủ động, ý thức trách nhiệm của từng địa phương chưa được phát huy đầy đủ.

- Việc thực hiện chính sách, pháp luật, chủ trương phát triển kinh tế - xã hội đi đôi với giữ vững kỷ cương kỉ luật còn nhiều bất cập, chưa bảo đảm quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân. Các quy định về sở hữu, phát triển các thành phần kinh tế chưa đầy đủ...

3. Giải pháp vận dụng có hiệu quả Nhà nước pháp quyền vào thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương trong thời gian tới

Việc xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân và vì nhân dân không những chỉ đòi hỏi sự thay đổi của cơ cấu tổ chức hoạt động của các cơ quan nhà nước ở Trung ương, mà còn cả sự thay đổi tổ chức hoạt động của các cơ quan chính quyền ở địa phương. Đặc biệt ở các địa phương là các tỉnh phía Bắc đang trong tiến trình phát triển kinh tế - xã hội, hội nhập, như các tỉnh Quảng Ninh, Hải Phòng, Bắc Giang, Lạng Sơn, Thái Nguyên, Cao Bằng, Bắc cạn, Hà Giang, Tuyên Quang...

Hiện nay, một số tỉnh có lợi thế về phát triển kinh tế cửa khẩu; có tiềm năng, thế mạnh về phát triển dịch vụ vận tải và logistics, du lịch, nông nghiệp, lâm nghiệp. Trong bối cảnh kết nối giao thông ngày càng thuận tiện hơn, các tỉnh, thành phố trong vùng trung du, miền núi phía bắc, vùng đồng bằng sông Hồng như Thái Nguyên, Bắc Giang, Hải Phòng, Quảng Ninh... đang công nghiệp hóa, hiện đại hóa và phát triển kinh tế nhanh, có cơ hội liên kết phát triển mạnh mẽ với các địa phương trong vùng và khu vực, nhất là các địa phương trên tuyến hành lang kinh tế Nam Ninh - Lạng Sơn - Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh. Đối với các địa phương lân cận, hoặc tiến tới là việc kết nối với Cao Bằng theo tuyến cao

tốc Đồng Đăng - Trà Lĩnh, sẽ giúp các địa phương phát triển du lịch, dịch vụ logistics và vận tải, tạo cơ hội phát triển các khu công nghiệp, các lĩnh vực du lịch, thương mại, hình thành các tuyến hành lang kinh tế liên tỉnh.

Để thực hiện được phát triển kinh tế - xã hội, các địa phương cần phải đề ra các giải pháp thực hiện có hiệu quả Nhà nước pháp quyền XHCN ở các địa phương như sau:

Một là, tiếp tục đổi mới tổ chức và hoạt động của cơ quan chính quyền ở địa phương. Cụ thể là đổi mới phương thức, nâng cao chất lượng hiệu quả hoạt động của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân, phát huy dân chủ, tăng tính chuyên nghiệp, năng động của chính quyền địa phương và các cơ quan chuyên môn của các tỉnh, tạo sự liên kết chặt chẽ, hợp tác để phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất, tổ chức bộ máy quản lý nhà nước giữa các tỉnh.

Hai là, đẩy mạnh cải cách hành chính nhà nước gắn với nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ, công chức, xây dựng nền hành chính phục vụ nhân dân, dân chủ, pháp quyền, chuyên nghiệp, hiện đại, trong sạch vững mạnh công khai minh bạch thông qua hệ thống cửa khẩu số, chính quyền số hiện nay.

Ba là, hoàn thiện thể chế kinh tế, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh thúc đẩy kinh tế - xã hội của các tỉnh phát triển mạnh mẽ trong thời gian tới, phấn đấu thực hiện có hiệu quả chuyển đổi số, xây dựng chính quyền số phục vụ người dân, doanh nghiệp, tạo mặt bằng sạch và xây dựng cơ chế ưu đãi đầu tư, thúc đẩy các phương thức liên kết doanh nghiệp nâng cao chất lượng điều hành kinh tế tạo thuận lợi cho phát triển cộng đồng doanh nghiệp ở các tỉnh trong thời gian tới.

**CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH VỚI VIỆC
XÂY DỰNG VÀ HOÀN THIỆN NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN
XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM - THỰC TIỄN TẠI QUẢNG NINH**

ThS. Nguyễn Minh Hải

Phó trưởng khoa Nhà nước và Pháp luật

Ở Việt Nam, khái niệm “Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa” lần đầu tiên được nêu ra tại Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá VII (ngày 29/11/1991) và tiếp tục được khẳng định tại Hội nghị toàn quốc giữa nhiệm kỳ khoá VII của Đảng năm 1994 cũng như trong các văn kiện khác của Đảng. Tiếp theo là tại các Đại hội lần thứ X và XI của Đảng đã có bước phát triển về chất trong nhận thức về xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng khẳng định: “Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân do Đảng lãnh đạo là nhiệm vụ trọng tâm của đổi mới hệ thống chính trị” (trang 174 - tập 1). Thể chế hoá quan điểm xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Đảng, Điều 2 Hiến pháp năm 2013 khẳng định: “1. Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân; 2. Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam do Nhân dân làm chủ, tất cả quyền lực nhà nước thuộc về Nhân dân mà nền tảng là liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức; 3. Quyền lực nhà nước là thống nhất có sự phân công, phối hợp, kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp”.

Xuất phát từ bản chất Nhà nước của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân, Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam cần được xây dựng trên cơ sở đáp ứng các nguyên tắc: (1) Quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp, kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp; (2) Thượng tôn Hiến pháp và pháp luật, mọi chủ thể

trong xã hội đều phải tôn trọng và nghiêm chỉnh thực hiện pháp luật mà Hiến pháp là đạo luật tối cao, bộ luật gốc mang tính nền tảng; (3) Khẳng định và bảo vệ quyền con người, quyền công dân, tôn trọng sự bình đẳng của mọi cá nhân trong thụ hưởng và phát triển quyền, không có sự phân biệt đối xử, trước tiên và chủ yếu trong việc tham gia vào công tác quản lý nhà nước và xã hội; (4) Đảng Cộng sản Việt Nam hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật; (5) Bảo vệ công lý, quyền con người, quyền công dân. Quyền và nghĩa vụ của công dân được pháp luật thừa nhận, tôn trọng và bảo đảm thực hiện, thúc đẩy trong khuôn khổ luật pháp.

Bản chất của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nhà nước đặt dưới sự điều chỉnh tối cao của pháp luật. Do đó, pháp luật trong nhà nước pháp quyền phải bảo đảm tính công khai, minh bạch, khả thi và hiệu quả, bảo đảm nguyên tắc bình đẳng trước pháp luật và bảo vệ quyền con người.

Ở Việt Nam, công cuộc đổi mới toàn diện đất nước được bắt đầu từ năm 1986, tính đến nay đã hơn 35 năm. Trong khoảng thời gian đó, đồng thời với việc đổi mới về kinh tế thì cải cách hành chính (CCHC) cũng được tiến hành. CCHC đang thể hiện rõ vai trò quan trọng của mình trong việc đẩy nhanh sự phát triển đất nước. Ở Việt Nam là phải tiến hành một cuộc CCHC *có tính chất cách mạng* từ nền hành chính quản lý (cai trị) sang nền hành chính phục vụ, lấy thước đo sự hài lòng của người dân và doanh nghiệp làm thước đo cho hoạt động của nền hành chính nhà nước, và CCHC là một trong những phương hướng quan trọng để xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân. Nghị quyết 76/NQ-CP, ngày 15 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ về Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030 khẳng định: “Tiếp tục xây dựng nền hành chính dân chủ, chuyên nghiệp, hiện đại, tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, có năng lực kiến tạo phát triển, liêm chính, phục vụ nhân dân, trên cơ sở những quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng về đẩy mạnh toàn

diện, đồng bộ công cuộc đổi mới, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân trong giai đoạn 2021 – 2030”.

Việc xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và cải cách hành chính mà Đảng, Nhà nước và toàn dân ta đang thực hiện là quá trình vừa xây dựng, vừa tìm tòi, tích lũy từ thực tiễn cho đến tư duy lý luận, đầy khó khăn và phức tạp. Trên cơ sở những đặc trưng cơ bản của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam có thể thấy những mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp, đặc biệt những nội dung của cải cách hành chính trong suốt thời gian vừa qua đã cho thấy mối quan hệ chặt chẽ, tương hỗ với nhau.

Từ mục tiêu của cải cách hành chính nhà nước trong từng thời kỳ, và đặc biệt là mục tiêu của Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030 đã thể hiện những vấn đề cơ bản mà nền hành chính phải đạt được trong quá trình xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Có thể thấy rõ mối liên hệ giữa cải cách hành chính và xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam có đặc trưng cơ bản nhất của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam là Nhà nước được tổ chức và hoạt động theo Hiến pháp và pháp luật, quản lý xã hội bằng Hiến pháp và pháp luật; bảo đảm tính tối cao của Hiến pháp và yêu cầu thượng tôn pháp luật trong đời sống nhà nước và xã hội. Trong mối quan hệ này, mục tiêu của cải cách hành chính là góp phần thúc đẩy hoàn thiện hệ thống thể chế, pháp luật và nâng cao hiệu lực, hiệu quả thi hành pháp luật trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

Quảng Ninh đang ngày càng xây dựng nền hành chính hiện đại, chuyên nghiệp, kỷ cương, năng động, công khai, minh bạch, hiệu lực, hiệu quả, tạo thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp gắn với định vị thương hiệu tỉnh, giữ vững vị trí nhóm đầu về các chỉ số cải cách hành chính (PAR Index), chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính (SIPAS) và chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI). Tỉnh đã chỉ đạo triển khai

quyết liệt, đồng bộ 6 nội dung cải cách hành chính để quyết tâm xây dựng Quảng Ninh trở thành tỉnh dịch vụ, công nghiệp hiện đại, sớm trở thành thành phố trực thuộc Trung ương, là một trong những trung tâm phát triển năng động, toàn diện của phía Bắc; đáp ứng niềm mong mỏi, kỳ vọng của nhân dân và cộng đồng doanh nghiệp.

Từ những quan điểm chỉ đạo đó, trong những năm qua Quảng Ninh tiến hành đột phá CCHC và đã đạt được những thành tựu quan trọng để góp phần xây dựng nhà nước pháp quyền đó là:

Thứ nhất, công tác CCHC luôn được tỉnh Quảng Ninh quan tâm, chỉ đạo quyết liệt. Trên cơ sở chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Tỉnh đã ban hành các quyết định, kế hoạch cụ thể triển khai tại Tỉnh, đồng thời, chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh chủ động, căn cứ vào tình hình thực tế tại đơn vị, địa phương xây dựng các nội dung triển khai đảm bảo chỉ đạo và phù hợp với tình hình thực tiễn của đơn vị.

Thứ hai, chất lượng giải quyết thủ tục hành chính được nâng cao rõ rệt thông qua việc kiểm soát, ban hành, rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính. Các TTHC đều được các đơn vị, địa phương niêm yết công khai tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Hành chính công các huyện, thị, thành phố, trụ sở các cơ quan, đơn vị tiếp nhận, giải quyết TTHC, công khai trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh và tích hợp trên Cổng dịch vụ công trực tuyến kết nối với Cổng dịch vụ công quốc gia. Tất cả các TTHC đưa vào giải quyết tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Hành chính công cấp huyện, Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hiện đại cấp xã đều được xây dựng quy trình nội bộ giải quyết, đảm bảo phân rõ người, rõ trách nhiệm, rõ việc, rõ thời gian giải quyết; gắn với rà soát, cắt giảm thời gian giải quyết so với thời gian quy định. Qua đó, năm 2021, Sở Tư pháp đã cắt giảm thời gian của 93 TTHC; Sở NN&PTNT cắt giảm thời gian của 108 TTHC, Sở Công Thương cắt giảm thời gian 128 TTHC... Những kiến nghị, phản ánh của người dân, doanh nghiệp về TTHC đều được xem xét, giải quyết kịp thời.

Thứ ba, bộ máy hành chính từ Tỉnh đến cơ sở đã phân định rõ nhiệm vụ, quyền hạn, cơ bản đã khắc phục tình trạng chồng chéo, bỏ trống chức năng, nhiệm vụ, phạm vi đối tượng quản lý, đã có sự phân định rõ hơn giữa cơ quan quản lý và đơn vị sự nghiệp. Hiệu lực, hiệu quả quản lý hành chính nhà nước của tỉnh được nâng lên, tính thống nhất, công khai, minh bạch của nền hành chính đã được cải thiện. Vai trò, chức năng của các cơ quan đã được điều chỉnh đảm bảo phù hợp. Phân công, phân cấp giữa đơn vị cấp tỉnh và địa phương, giữa các cấp ở địa phương đã có nhiều đổi mới, đặc biệt là phân cấp về tài chính, ngân sách, quản lý cán bộ, công chức, viên chức. Công tác cải cách tổ chức bộ máy của tỉnh Quảng Ninh trong thời gian qua đã có nhiều chuyển biến tích cực, Tỉnh đã triển khai thí điểm các mô hình mới và thành lập các tổ chức đặc thù đã được Trung ương đánh giá cao và các tỉnh đến học tập kinh nghiệm.

Thứ tư, công tác xây dựng và nâng cao chất lượng cán bộ, công chức, viên chức có nhiều đổi mới; đã hoàn thành việc phê duyệt đề án vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức, viên chức theo quy định; đã ban hành các quy định về tiêu chuẩn lãnh đạo, quản lý từ cấp phòng trở lên; đổi mới cơ chế tuyển dụng công chức, viên chức; tổ chức thi nâng ngạch theo nguyên tắc cạnh tranh; đã ban hành quy định riêng của tỉnh về chính sách hỗ trợ đối với các đối tượng thuộc diện tinh giản biên chế; công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cũng được đổi mới, phân công, phân cấp rõ ràng hơn.

Thứ năm, Quảng Ninh đã thực hiện có hiệu quả công tác cải cách tài chính công bằng việc giao cho các đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong sử dụng biên chế, kinh phí chi tiêu nội bộ. Qua đó, nhiều đơn vị đã siết chặt hơn việc quản lý tài sản công, tiết kiệm được kinh phí cho đơn vị, tăng thu nhập cho người lao động... Có thể nói, việc thực hiện cải cách tài chính công trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh là một chủ trương rất đúng đắn, phù hợp với nhu cầu thực tiễn trong thời kỳ đổi mới. Qua đó càng nâng cao trách nhiệm của thủ trưởng các đơn vị, tăng cường sự giám sát của cán bộ, công chức, viên chức trong việc sử dụng

biên chế, kinh phí để hoàn thành nhiệm vụ được giao. Đồng thời từng bước hạn chế tình trạng cấp trên can thiệp quá sâu vào công việc cấp dưới, cấp dưới trông chờ vào sự chỉ đạo cụ thể của cấp trên; chủ động phân bổ tài chính theo nhu cầu. Hiệu quả còn thể hiện rõ là thu nhập của người lao động từng bước được cải thiện; thúc đẩy cải cách thủ tục hành chính trong khâu phân bổ, chấp hành và quyết toán ngân sách Nhà nước...

Thứ sáu, Quảng Ninh đang tích cực chuyển đổi số nhằm trở thành mô hình mẫu về chuyển đổi số toàn diện, từng bước thúc đẩy tăng trưởng và cơ cấu kinh tế gắn với thực hiện các đột phá chiến lược, góp phần đưa tỉnh trở thành một trong những địa phương trong cả nước đi đầu về chuyển đổi số ở cả ba lĩnh vực là chính quyền số, kinh tế số, xã hội số. Từ nền tảng của chính quyền điện tử, tỉnh Quảng Ninh đã phê duyệt và bắt tay vào triển khai Đề án xây dựng thành phố thông minh. Đến nay, những tiện ích nền tảng của thành phố thông minh đã thành hình và từng bước hoàn thiện. Thành quả bước đầu chính là việc xây dựng và vận hành mô hình Trung tâm Điều hành thông minh tỉnh Quảng Ninh trong năm 2019 và đây được coi là “bộ não số” của mô hình thành phố thông minh mà tỉnh đang hướng đến. Quảng Ninh cũng là địa phương đầu tiên trong cả nước gửi-nhận được văn bản điện tử có sử dụng chữ ký số liên thông bốn cấp và là địa phương sớm tích hợp Cổng dịch vụ công của tỉnh lên Cổng dịch vụ công quốc gia. Nhờ đó, lãnh đạo tỉnh có thể nắm bắt quy trình, tiến độ giải quyết thủ tục hành chính cho người dân và doanh nghiệp từ cấp xã trở lên, thậm chí cả tên của công chức được giao xử lý thủ tục đó, đồng thời công khai, minh bạch tất cả những thông tin, văn bản của chính quyền các cấp lên Cổng thông tin điện tử từ cấp tỉnh cho đến xã, phường; sử dụng cả các mạng xã hội, fanpage để thông tin, trao đổi trực tiếp với người dân, doanh nghiệp.

Với những chuyển biến mạnh mẽ, đột phá, đi đầu cả nước trong những lĩnh vực trọng yếu nhất, Quảng Ninh đã mang lại cho mình hình ảnh của một địa phương năng động với môi trường đầu tư - kinh doanh, chất lượng điều hành của bộ máy chính quyền tốt nhất cả nước. Trong 5 năm liên tiếp 2017, 2018, 2019, 2020, 2021

Quảng Ninh giữ vững vị trí dẫn đầu toàn quốc trong bảng xếp hạng năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), Chỉ số Cải cách hành chính PAR INDEX, Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS) năm 2019, 2020, đứng đầu toàn quốc (năm 2021 đứng thứ 2), Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI) cũng tăng ngoạn mục, từ vị trí thứ 62 năm 2016 vươn lên đứng thứ 3 toàn quốc năm 2019 và đứng thứ 1 năm 2020, càng khẳng định thương hiệu, hình ảnh, văn hóa “*đồng hành - cam kết - thực thi*” của tỉnh Quảng Ninh đối với doanh nghiệp.

Như vậy, việc cải cách hành chính ở Quảng Ninh trong thời gian vừa qua và trong tương lai đi theo hướng làm cho bộ máy hành chính tinh gọn hơn, hoạt động hiệu lực hiệu quả hơn, phục vụ nhân dân ngày một đúng pháp luật, tốt hơn và tiết kiệm nhất, dần từng bước chuyển nền hành chính quản lý (cai trị) thành các cơ quan phục vụ Nhân dân, làm các dịch vụ hành chính đối với Nhân dân, công dân là khách hàng của nền hành chính, là người đánh giá khách quan nhất về mọi hoạt động của bộ máy nhà nước, bộ máy hành chính.

Tất cả những mục tiêu đó của cải cách hành chính cũng là nhằm góp phần xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa với bản chất của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân./.

** Nguồn Báo cáo tổng kết 10 năm CCHC tỉnh Quảng Ninh (2011-2020)
và báo cáo cải cách hành chính năm 2021 của Tỉnh Quảng Ninh.*

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CHỦ THỂ TRONG THAM GIA XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN VIỆT NAM

Lê Mạnh Sơn

Nguyên Trưởng khoa Nhà nước và pháp luật

Theo cách hiểu thông thường, phần lớn mọi người đều nhận thức rằng: nhà nước pháp quyền gồm 2 yếu tố: *có nhà nước và có pháp luật*.

Trên cơ sở quyền lực nhà nước, Bộ máy nhà nước tạo ra và thực hiện pháp luật, nhằm bảo vệ lợi ích của nhà nước, hay chính là bảo vệ lợi ích của bộ phận xã hội đang nắm giữ quyền lực nhà nước.

Tuy nhiên, trong hệ thống chế định pháp luật luôn chỉ ra những nội dung cụ thể, đó là: Quyền và trách nhiệm của nhà nước (thông qua nhiệm vụ, quyền hạn của các bộ phận trong bộ máy nhà nước, gồm cả quyền lập pháp, quyền hành pháp và quyền tư pháp); Quyền và nghĩa vụ, trách nhiệm của cá nhân, pháp nhân trong xã hội.

Như vậy, pháp luật luôn là yếu tố gắn kết mối quan hệ Nhà nước và Công dân. Điều đó có nghĩa là: nhà nước pháp quyền luôn có các yếu tố gắn chặt với nhau:

Một là, nhà nước, công dân và pháp luật;

Hai là, nhà nước ban hành pháp luật; đồng thời có trách nhiệm thực thi nghiêm chỉnh pháp luật;

Ba là, công dân và nhà nước đều có quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm với nhau trên cơ sở pháp luật; đồng thời cùng có trách nhiệm trong xây dựng, thực hiện và hoàn thiện pháp luật.

Chính vì thế, có thể nói nhà nước pháp quyền luôn có cơ sở đảm bảo sự bình đẳng trước pháp luật: *công dân với công dân, cũng như công dân với nhà nước.*

Các chủ thể có trách nhiệm tham gia xây dựng nhà nước pháp quyền Việt Nam, bao gồm các chủ thể trong hệ thống chính trị và các chủ thể trong hệ thống chính trị: *(ban hành, thực thi và hoàn thiện hệ thống chế định PL),*

Thứ nhất, các chủ thể trong hệ thống chính trị, gồm: Hệ thống cơ quan quyền lực Nhà nước (Quốc hội và HĐND các cấp); Hệ thống cơ quan HCNN (Chính phủ và UBND các cấp); Hệ thống cơ quan Tư pháp (Toà án các cấp); Các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị-xã hội và các đoàn thể quần chúng.

Thứ hai, các chủ thể là toàn thể cá nhân, pháp nhân trong xã hội, gồm: Tất cả công dân và những cá nhân đang cư trú hợp pháp trong đất nước Việt Nam; Tất cả các tổ chức kinh tế, dịch vụ ... và các tổ chức khác đang hoạt động hợp pháp trên lãnh thổ Việt Nam.

Thứ ba, trách nhiệm tham gia cụ thể của các chủ thể, gồm: Các chủ thể trong Hệ thống chính trị (*ban hành, thực thi và hoàn thiện hệ thống chế định pháp luật*).

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ cụ thể của từng tổ chức, thực hiện việc tham gia xây dựng và quyết định những chế định cụ thể, tương ứng với đòi hỏi của thực tế xã hội kết hợp với nhu cầu thiết lập và duy trì trật tự xã hội.

Tổ chức thực thi chức năng, nhiệm vụ phù hợp với các chế định cụ thể hiện hành, đảm bảo duy trì trật tự xã hội, trên cơ sở tôn trọng và đảm bảo các quyền, lợi ích hợp pháp của mọi cá nhân, pháp nhân trong xã hội.

Phát hiện những yếu tố bất cập phát sinh trong thực tiễn đời sống cũng như trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ có mâu thuẫn với chế định hiện hành, nhằm kịp thời sửa đổi hoặc đề nghị sửa đổi, theo thẩm quyền.

Đối với chủ thể là toàn thể cá nhân, pháp nhân trong xã hội, thì trong chế độ xã hội mà pháp luật thật sự được tôn trọng; quyền con người, quyền công dân được ghi nhận và thực hiện đúng, đủ và được đảm bảo. Bộ máy Nhà nước thực sự “của dân, do dân và vì dân”, thì nhà nước (với đúng nghĩa) thực sự là bộ máy quản lý, đảm bảo duy trì trật tự xã hội.

Như thế, công dân là một chủ thể quan trọng tham gia xây dựng, giám sát việc thực thi và kiến nghị chỉnh sửa nhằm góp phần hoàn thiện hệ thống pháp luật.

Công dân - với tư cách cá nhân, cũng như với trách nhiệm thành viên trong pháp nhân, không chỉ là chủ thể thụ hưởng quyền hay thực hiện nghĩa vụ đơn thuần.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng nói: Sau khi Cách mạng Tháng Tám thành công, nhà nước cách mạng được thành lập, Người nhấn mạnh: *“Bao nhiêu lợi ích đều vì dân. Bao nhiêu quyền hạn đều của dân. Công việc đổi mới, xây dựng là trách nhiệm của dân. Sự nghiệp kháng chiến, kiến quốc là công việc của dân. Chính quyền từ xã đến Chính phủ Trung ương do dân cử ra. Đoàn thể từ Trung ương đến xã do dân tổ chức nên. Nói tóm lại, quyền hành và lực lượng đều ở nơi dân”*(1). Như vậy, quyền hành và lực lượng đều ở nơi dân. Để làm tròn trách nhiệm công dân trong tham gia xây dựng pháp luật, giám sát việc thực thi pháp luật, hoặc tham gia kiến nghị việc sửa đổi, bổ sung các chế định pháp luật hiện hành ... với hai hình thức: trực tiếp hoặc thông qua tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức đoàn thể quần chúng mà mình là thành viên.

Tóm lại: 3 yếu tố *“Nhân dân, Nhà nước, Pháp luật”* luôn gắn kết với nhau. Nhân dân và nhà nước đều có trách nhiệm trong việc hoàn thiện, cũng như đảm bảo việc thực thi nghiêm chỉnh hệ thống các chế định pháp luật hiện hành. Nhân dân luôn có trách nhiệm giám sát việc thực thi pháp luật của cán bộ, công chức, viên chức (với cả 3 quyền của quyền lực nhà nước).

Đó vừa là trách nhiệm, cũng đồng thời là quyền hợp pháp của công dân. cán bộ, công chức, viên chức và các cơ quan nhà nước phải tôn trọng, không được cản trở, phải được bảo đảm đúng quy định pháp luật. Điều đó, thực sự có ý nghĩa quyết định đến việc xây dựng và duy trì, giữ vững Nhà nước pháp quyền./.

Ghi chú:

(1) Hồ Chí Minh: Toàn tập, Sđd, t.6, tr.232.

BÁC BỎ LUẬN ĐIỀU SAI TRÁI PHỦ NHẬN VAI TRÒ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM TRONG LÃNH ĐẠO, XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Th.s Nguyễn Thị Thu Hiền

Phó trưởng khoa Xây dựng Đảng

Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nhà nước do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo. Đây là nguyên tắc Hiến định mang tính giai cấp sâu sắc, nguyên tắc bảo đảm sự thành công của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Hiện nay, các thế lực thù địch đưa ra các luận điệu hòng bác bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng ta đối với Nhà nước. Chúng lên tiếng cho rằng ở Việt Nam không có “pháp trị” chỉ có “đảng trị” hay Đảng Cộng sản Việt Nam đang vô hiệu hoá vai trò nhà nước. Đây là thủ đoạn nham hiểm của các thế lực phản động cần phải được loại bỏ.

1. Vai trò lãnh đạo, cầm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam có cơ sở lịch sử, chính trị - tư tưởng và pháp lý rõ ràng, vững chắc.

Về mặt lịch sử, hơn 90 năm qua, kể từ khi thành lập đến nay, Đảng Cộng sản Việt Nam do Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập và rèn luyện là lực lượng duy nhất tổ chức vận động, lãnh đạo, đồng thời là người đi tiên phong, không sợ hy sinh gian khổ trong sự nghiệp cách mạng đấu tranh giành độc lập dân tộc, kháng chiến chống thực dân, đế quốc xâm lược. Công cuộc đổi mới đất nước do Đảng ta khởi xướng, lãnh đạo hơn 35 năm qua tạo nên vị thế mới của Việt Nam trong cộng đồng quốc tế. Vì lẽ đó, Đảng Cộng sản Việt Nam xác lập được vị trí lãnh đạo Nhà nước và xã hội thông qua uy tín của Đảng và niềm tin của nhân dân.

Về chính trị - tư tưởng, Đảng Cộng sản Việt Nam lấy Chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng; mục tiêu của Đảng là xây dựng một xã hội "dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh". Mục tiêu đó phản ánh chân thực và khách quan khát vọng nhân dân ta và phù hợp với xu thế phát triển lịch sử.

Về pháp lý, vai trò lãnh đạo của Đảng được quy định tại các Hiến pháp từ Hiến pháp năm 1946, đến nay là Hiến pháp năm 2013, được các đại biểu Quốc hội - đại diện cho nhân dân biểu quyết thông qua. Hiến pháp là đạo luật cơ bản, là căn cứ xây dựng toàn bộ hệ thống pháp luật, điều chỉnh các mối quan hệ giữa nhà nước với các tổ chức chính trị, kinh tế, xã hội và công dân. Do đó, việc Hiến pháp khẳng định về mặt nguyên tắc Đảng "là lực lượng lãnh đạo Nhà nước và xã hội. Mọi tổ chức của Đảng hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật" không phải do Đảng tự đề xướng, mà là có tính chất bắt buộc đối với chính đảng duy nhất lãnh đạo và cầm quyền, thuộc phạm vi điều chỉnh của Hiến pháp và pháp luật. Vi phạm nguyên tắc này là vi phạm pháp luật, phải bị xem xét, xử lý theo quy định của pháp luật. Việc Hiến pháp quy định vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với Nhà nước và xã hội là điều hoàn toàn phù hợp quyền dân tộc tự quyết, được ghi nhận trong Hiến chương Liên hợp quốc. Như vậy, vai trò lãnh đạo Nhà nước và xã hội của Đảng là đương nhiên và hợp pháp.

Đồng thời, vai trò lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước và xã hội không chỉ được quy định trong Hiến pháp, mà còn được cụ thể hóa trong các văn bản pháp luật về tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước, các tổ chức xã hội, tổ chức kinh tế hoặc điều lệ của các cơ quan, tổ chức tùy theo mối quan hệ cụ thể. Như vậy, có thể nói, vai trò lãnh đạo của Đảng được xây dựng trên cơ sở pháp lý đồng bộ (hệ thống các văn bản pháp luật) và đồng thuận (điều lệ, quy định) của các tổ chức có liên quan, không phải do Điều lệ Đảng "đơn phương" quy định. Đây là một yếu tố quan trọng bảo đảm tính chính danh đầy đủ của quy định tại Điều 4 Hiến pháp và Điều lệ Đảng, điều lệ các tổ chức chính trị - xã hội và tổ chức xã hội về mối quan hệ của Đảng với các tổ chức khác.

Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo Nhà nước và xã hội với vai trò là một đảng duy nhất cầm quyền, hoạt động trong khuôn khổ hiến pháp và pháp luật, chịu sự giám sát của Nhân dân, chịu trách nhiệm trước Nhân dân về quyết định của mình. Là đảng duy nhất cầm quyền, nhưng Đảng không đứng trên pháp luật,

đứng ngoài Hiến pháp, các tổ chức đảng và đảng viên hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật. Việc xử lý cán bộ, đảng viên, kể cả cán bộ cao cấp của Đảng và Nhà nước thời gian qua đã cho thấy không có “ngoại lệ”, “vùng cấm”, Đảng luôn đặt mình trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật, do đó, nếu nói ở Việt Nam chỉ có “đảng trị” là không đúng thực tế, vô căn cứ.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa

Nhà nước vốn là “một trong những vấn đề phức tạp nhất, khó khăn nhất” nhưng “là một vấn đề rất cơ bản, rất mấu chốt trong toàn bộ chính trị”. Vì thế, trong đường lối lãnh đạo của mình ở từng thời kỳ cách mạng, Đảng Cộng sản Việt Nam đặc biệt coi trọng việc đề ra đường lối xây dựng và hoàn thiện Nhà nước - yếu tố trung tâm của hệ thống chính trị.

Sự lãnh đạo của Đảng với Nhà nước thể hiện: Đảng đề ra đường lối, chủ trương, chính sách, lãnh đạo Nhà nước thể chế hóa đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng thành Hiến pháp, pháp luật, chính sách cụ thể và lãnh đạo tổ chức nhân dân thực thi Hiến pháp, pháp luật, chính sách; lãnh đạo Nhà nước tổ chức bộ máy tinh gọn, hiệu quả, xây dựng đội ngũ cán bộ công chức; Đảng lãnh đạo Nhà nước bằng công tác kiểm tra việc quán triệt, tổ chức thực hiện đường lối của Đảng và pháp luật của Nhà nước; củng cố nâng cao chất lượng hoạt động của tổ chức đảng và đảng viên trong các cơ quan nhà nước làm tham mưu cho Đảng; phát huy vai trò Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể, các tổ chức xã hội và nhân dân trong việc tham gia xây dựng, kiểm tra, giám sát hoạt động của Nhà nước và bảo vệ Nhà nước. Bên cạnh nguyên tắc Đảng lãnh đạo, bộ máy Nhà nước hoạt động trên cơ sở những nguyên tắc cơ bản khác như: tập trung dân chủ, pháp chế xã hội chủ nghĩa, đặc biệt là nguyên tắc quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp và kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước trong thực hiện quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp. Điều này bác bỏ quan điểm xuyên tạc của các đối tượng thù địch cho rằng các cơ quan nhà nước được đặt ra chỉ để mị dân, không có thực quyền, không có “pháp trị”.

Đảng cầm quyền, không có nghĩa là quyền lực chính trị của Đảng trở thành quyền lực nhà nước. Quyền lực chính trị của Đảng cầm quyền và quyền lực nhà nước là hai phạm trù khác nhau, mặc dù liên quan mật thiết với nhau. Quyền lực chính trị của Đảng cầm quyền trong mối quan hệ với Nhà nước được thể hiện trên hai phương diện: quyền định hướng chính trị cho tổ chức và hoạt động của nhà nước và quyền sử dụng bộ máy nhà nước để thực hiện các mục tiêu chính trị của mình. Đảng cầm quyền không thực hiện quyền lực nhà nước và phải thông qua bộ máy nhà nước để thực hiện cương lĩnh chính trị, chủ trương, đường lối của mình. Đảng không làm thay công việc của Nhà nước. Do vậy để đảm đương sứ mệnh cầm quyền, Đảng phải chăm lo xây dựng, củng cố bộ máy nhà nước, bảo đảm cho bộ máy nhà nước thực hiện đúng các chức năng, nhiệm vụ theo luật định. Năng lực cầm quyền của Đảng được xác định bởi năng lực xây dựng và quyết định đường lối chính trị; năng lực của đội ngũ cán bộ, đảng viên được Đảng giới thiệu để bầu cử (bổ nhiệm) vào các vị trí lãnh đạo, quản lý trong bộ máy nhà nước và bởi năng lực kiểm tra, giám sát việc thực hiện đường lối chính trị của Đảng trong hoạt động nhà nước. Vì vậy, để thực hiện được vai trò cầm quyền của mình mà không làm thay công việc Nhà nước, Đảng tập trung trí tuệ và bộ máy của mình vào thực hiện tốt ba công tác cơ bản: Xây dựng và quyết định đường lối chính trị; đào tạo, rèn luyện một đội ngũ cán bộ đủ năng lực, trình độ và uy tín để thực hiện có hiệu quả đường lối chính trị của Đảng thông qua các hoạt động của nhà nước; kiểm soát được quá trình thực hiện đường lối chính trị trong thực tiễn. Như vậy, ba nhóm công tác cơ bản này về thực chất hợp thành nội dung cầm quyền của Đảng trong điều kiện xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân.

Qua hơn 35 năm tiến hành đổi mới, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa dưới sự lãnh đạo của Đảng, mô hình tổ chức quyền lực nhà nước đã có sự phát triển về chất. Từ Nhà nước hành chính, quan liêu bao cấp, tổ chức và hoạt động theo mô hình tập quyền xã hội chủ nghĩa sang tổ chức quyền lực nhà nước

theo mô hình Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa với những nguyên tắc tổ chức và hoạt động mới, là một bước đột phá trong quá trình cải cách bộ máy nhà nước, xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân; bộ máy nhà nước được sắp xếp ngày càng tinh gọn, hoạt động hiệu lực và hiệu quả hơn trước; cải cách hành chính, cải cách tư pháp trên một số lĩnh vực có bước tiến rõ rệt. Nền hành chính quốc gia đã được cải cách theo hướng phục vụ nhân dân, phục vụ doanh nghiệp. Tổ chức bộ máy của các cơ quan tư pháp, như tòa án nhân dân và viện kiểm sát nhân dân, cơ quan điều tra, cơ quan bảo trợ tư pháp tiếp tục được kiện toàn, chất lượng hoạt động có tiến bộ, bảo vệ tốt hơn lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân và doanh nghiệp; cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước ngày càng đầy đủ, rõ nét, góp phần đấu tranh có hiệu quả với những biểu hiện lạm dụng, tha hóa quyền lực trong bộ máy Đảng và Nhà nước, mà đặc biệt là tình trạng tham nhũng, tiêu cực, được nhân dân và dư luận xã hội đồng tình và ủng hộ; vai trò của pháp luật và thực thi pháp luật ngày càng được chú trọng trong tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước. Từ những thành tựu trên cho thấy, sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản duy nhất cầm quyền đối với Nhà nước là điều kiện có ý nghĩa tiên quyết đối với quá trình xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân ở nước ta. Do vậy, nhà nước pháp quyền dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam là một trong những đặc trưng cơ bản của nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

Hiện nay, các thế lực thù địch đang âm mưu "diễn biến hòa bình", sử dụng chiêu bài "dân chủ" và tự do, đa nguyên chính trị, đa đảng, bác bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng ta đối với Nhà nước, hòng từng bước làm thay đổi chế độ chính trị. Đây là thủ đoạn nham hiểm của các lực lượng chống đối Đảng Cộng sản lãnh đạo các nước xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu những năm 80 của thế kỷ trước, tiếc rằng có một số người vẫn cổ xúy cho thủ đoạn trên, mà không biết những hậu

quả khôn lường đối với đất nước, đối với xã hội, đối với người dân khi vai trò lãnh đạo của Đảng bị đặt ngoài Hiến pháp.

Thế giới chắc chưa quên sự kiện Đảng Cộng sản Liên Xô tan rã năm 1991, những người dân chủ cấp tiến hạ hê khi vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản bị đặt ngoài Hiến pháp, khi Điều 6 Hiến pháp Liên Xô năm 1977 (sửa đổi, bổ sung năm 1988) bị phá bỏ. Những ai đó nếu còn phản bác, phủ nhận vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam trong Hiến pháp, trong xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân, thiết nghĩ cần nhớ Điều 6, Hiến pháp Liên Xô năm 1977 (sửa đổi, bổ sung năm 1988) quy định về vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Liên Xô đã bị phá vỡ, để lại những hậu quả nặng nề như thế nào trong không gian hậu Xô viết cho đến ngày nay.

Sự lãnh đạo của Đảng hơn 90 năm qua, đặc biệt là trong công cuộc đổi mới hiện nay đã đưa đất nước ta đạt được những thành tựu có ý nghĩa lịch sử, tạo ra “cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín như ngày nay” chính là minh chứng bác bỏ các luận điệu xuyên tạc của các thế lực thù địch hòng phủ nhận vai trò lãnh đạo của Đảng với Nhà nước. Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân do Đảng lãnh đạo được Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII khẳng định “là nhiệm vụ trọng tâm của đổi mới hệ thống chính trị”. Chúng ta tin tưởng vào công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước trong điều kiện xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa do Đảng lãnh đạo - chính đảng được trang bị hệ thống lý luận sáng tạo của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, kiên quyết bác bỏ những luận điệu xuyên tạc phủ nhận vai trò lãnh đạo của Đảng đối với sự nghiệp xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

Tài liệu tham khảo

1. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Nxb. Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội, 2021.
2. V.I.Lênin : Toàn tập, Nxb. Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1977.

MỘT SỐ TIÊU CHÍ ĐẢM BẢO NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN

ThS. Nguyễn Thị Ngọc Lan

Giảng viên Khoa Nhà nước và Pháp luật

Kể từ khi chính thức sử dụng thuật ngữ “nhà nước pháp quyền” lần đầu tiên tại Hội nghị lần thứ hai Ban chấp hành Trung ương Đảng khoá VII (1991) đến nay, đã có rất nhiều tài liệu, bài viết nghiên cứu về nhà nước pháp quyền. Tuy nhiên, có thể nhận thấy đứng dưới góc độ nghiên cứu, mỗi học giả, mỗi cơ sở đào tạo lại đưa ra những khái niệm khác nhau để cắt nghĩa thuật ngữ này. Để đưa ra một khái niệm chuẩn và thống nhất là điều không đơn giản, nhưng có thể xuất phát từ góc độ những tiêu chí cần phải có để xác lập nhà nước pháp quyền để đánh giá và tìm hiểu về mức độ xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.

1. Nhà nước pháp quyền trước hết phải tuân thủ pháp luật

Sự tôn trọng và thượng tôn pháp luật của mọi chủ thể là một yêu cầu quan trọng bậc nhất của nhà nước pháp quyền. Đặc điểm này có thể được diễn tả bằng cách nói khác tương đương: thực hiện pháp luật mang tính bắt buộc chung và không có ngoại lệ. Sở dĩ pháp luật trở thành nền tảng, thước đo cho mọi hoạt động của các chủ thể trong xã hội – không loại trừ một ai bởi vì pháp luật là các quy tắc ứng xử vững chắc hơn tất cả các quy định xã hội khác, kể cả đạo đức hay tập tục... Pháp quyền trước hết phải lấy pháp luật làm nền tảng, nhưng pháp luật ở đây phải được hiểu là pháp luật chuẩn theo ý nghĩa: công lý, bình đẳng, bác ái... Cũng như nhà nước, sự ra đời của pháp luật để phục vụ con người có suy nghĩ, có lý trí. Thừa ban đầu của sự ra đời pháp luật cũng như là nhà nước đều phải đại diện cho cái đúng, cái đạo đức, cái chung mà mọi người đều hướng đến.

Vì vậy, nhà nước pháp quyền trước hết tuân thủ pháp luật của mọi chủ thể, trong đó có cả những người nắm trong tay quyền lực nhà nước. Tuân thủ pháp luật tức là tuân thủ cái đúng, cái công bằng, cái bác ái mà mọi người đều phải chấp nhận.

2. Nhà nước pháp quyền là nhà nước thượng tôn pháp luật

Nếu chỉ đơn giản dừng lại ở việc tuân thủ pháp luật thực định một cách nghiêm túc thì không thể thể hiện đầy đủ các yêu cầu của nhà nước pháp quyền. Vì luật pháp do con người làm ra, con người có khuyết tật, thì luật pháp của nó cũng có khuyết tật. Không phải cứ làm ra luật và áp dụng luật là có pháp quyền, bởi một lẽ đơn giản rằng, nhiều khi chính đạo luật không phù hợp với pháp quyền. Một đạo luật phải hợp hiến, hợp pháp và đặc biệt không trái với luật tự nhiên thì ngay chính luật đó đã tạo ra tinh thần pháp quyền.

James Otis, luật sư Mỹ thế kỷ 18 đã cảnh báo: *“Luật tự nhiên không phải do con người tạo ra, mà con người cũng không có quyền sửa đổi luật đó. Con người chỉ có thể tuân theo và thi hành luật đó hoặc chống lại và vi phạm luật. Nhưng không bao giờ hành động chống lại hoặc vi phạm như vậy lại không bị trừng phạt; ngay cả trong cuộc đời này, sự trừng phạt có thể dưới hình thức khiến cho con người trở nên sa đoạ, hay cảm thấy mình, vì sự điên rồ và độc ác của mình, đã bị đào thải ra khỏi tập thể của những người tốt và đạo đức (và bị đẩy) xuống hang thú vật, hay là từ cương vị là người bạn, và có lẽ là người cha của đất nước đã biến thành loài hung bạo như sư tử, hùm beo”*.

Bởi vậy nếu một đạo luật mà có quy định nào đó chứa đựng nội dung hay tinh thần vi phạm nhân quyền thì các chủ thể, kể cả công dân có liên quan sẽ không phải thực hiện nó. Vì nếu thực hiện thì các chủ thể nói trên sẽ rơi vào tình trạng vi phạm nhân quyền. Khi đó, yêu cầu chủ thể có thẩm quyền được pháp luật giao phó, thông qua một quy trình xem xét lại tính đúng đắn của pháp luật, để pháp luật phù hợp với luật tự nhiên, đảm bảo quyền con người, quyền công dân cũng như chính tính yêu cầu tuân thủ và thực hiện của nó.

3. Nhà nước pháp quyền yêu cầu quy trình tố tụng chuẩn, hợp lý, hợp pháp của các cơ quan nhà nước

Không phải cứ làm ra đạo luật rồi các cơ quan áp dụng pháp luật là có pháp quyền, vì khi các đạo luật không hợp hiến, hợp pháp, trái với luật tự nhiên thì

ngay chính luật pháp, tự nhiên nó đã không tạo ra tinh thần pháp quyền. Một quyết định của cơ quan công quyền, một hành vi của Chính phủ, dù căn cứ vào một đạo luật cũng có thể không chính đáng, nếu chính đạo luật không chính đáng. Nếu muốn xét một hành vi của cơ quan công quyền có chính đáng hay không thì phải xét qua một quá trình gồm hai phần: một phần là tính hợp lý hay chính đáng về nội dung và phần thứ hai là tính chính đáng của quyền lực nhà nước về mặt thủ tục. Bởi vậy hình thành luật nội dung để xem xét đánh giá hành vi chủ thể đúng hay không và luật hình thức (luật thủ tục) để quy định về trình tự đánh giá xem xét đó, đảm bảo cho các chủ thể khi rơi vào cùng một tình huống pháp luật đều được xem xét qua một quy trình kỹ lưỡng, rõ ràng, minh bạch và công bằng.

Có nghĩa là, ngoài việc phù hợp với quy trình đã được quy định trong văn bản luật, việc ban hành hay thực hiện pháp luật còn phải đảm bảo tính hợp lý, xuất phát từ nhu cầu chính đáng của thực tiễn. Tuy nhiên cũng có những trường hợp, quyết định hành chính của chính quyền xuất phát từ tính hợp lý và chính đáng nhưng có thể khác với nội dung luật pháp. Thí dụ như quy định thu hồi số tiền thuế mà người chịu thuế tránh được trước kia do lợi dụng một vài sơ hở trong luật thuế.

Kể từ khi thực hiện công cuộc đổi mới, xây dựng và phát triển nền kinh tế thị trường, Việt Nam đã đạt được nhiều kết quả trong việc xây dựng một hệ thống pháp luật với rất nhiều đạo luật bao quát hầu hết các lĩnh vực của đời sống xã hội. Nhưng cũng có nhiều ý kiến cho rằng: “*Có nơi ở Việt Nam chưa tuân theo luật, nên tạo thành 2 hệ thống luật pháp (dual legal system): một hệ thống pháp luật chính thức, gồm những văn bản và một hệ thống luật không chính thức hình thành bằng sự thực thi luật lệ trong thực tế (real laws) như cách nói của một số nhà nghiên cứu*”. Loại hệ thống luật không chính thức này không phải chỉ có ở Việt Nam, mà có ở nhiều nước châu Á khác. Ở Việt Nam, có không ít người không tin tưởng hoàn toàn vào hệ thống chính thức. Khi có việc, vẫn tìm hiểu hệ thống luật lệ không chính thức để mong muốn sự trôi chảy, thành công trong giải quyết

công việc, không tìm tới trợ giúp pháp luật chính thức. Chính suy nghĩ và ý thức pháp luật đó dẫn đến việc người dân không tin tưởng pháp luật, một số cá nhân và cơ quan quan công quyền đặt quyền lực của mình cao hơn pháp luật làm ảnh hưởng nghiêm trọng tới yêu cầu thực thi pháp luật và thượng tôn pháp luật của nhà nước pháp quyền.

Như vậy có thể thấy rằng nhà nước pháp quyền là một hình mẫu nhà nước mà bất kì quốc gia dân chủ nào cũng muốn hướng tới. Đó là nhà nước đề cao tính tuân thủ pháp luật, thượng tôn pháp luật, yêu cầu tất cả các cơ quan nhà nước đặc biệt là cơ quan tư pháp phải đảm bảo quy trình tố tụng trong quá trình thực thi nhiệm vụ của mình. Để xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam thực sự của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân đòi hỏi sự nỗ lực của toàn thể nhân dân và hệ thống chính trị. Nhà nước pháp quyền không phải là “*sự đòi hỏi cần phải xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa không phải là ý muốn kỳ quặc của ai đó mà là mệnh lệnh khách quan của thời đại*”.

**QUẢNG NINH - NỖ LỰC XÂY DỰNG CHÍNH QUYỀN LIÊM CHÍNH,
PHỤC VỤ NHẪM HIỆN THỰC HÓA MỤC TIÊU XÂY DỰNG
NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA**

Ths. Tô Thị Thanh Lê

Giảng viên Khoa Nhà nước và pháp luật

Lý luận và lịch sử về nhà nước và pháp luật cho thấy, nhà nước pháp quyền là một trong những giá trị chung của nhân loại tiến bộ, đề cao pháp luật, thể hiện ước muốn, khát vọng của con người về một xã hội dân chủ và bình đẳng. Sự ra đời của mô hình nhà nước này từ nhận thức lý luận đến thực tiễn đã có những tác động tích cực, to lớn không thể phủ nhận với đời sống con người. Nhiều quốc gia tùy theo hoàn cảnh lịch sử cụ thể đã kế thừa, vận dụng để xây dựng mô hình nhà nước pháp quyền ở những mức độ khác nhau.

Nhà nước vốn là “một trong những vấn đề phức tạp nhất, khó khăn nhất” nhưng “là một vấn đề rất cơ bản, rất mấu chốt trong toàn bộ chính trị”. Vì thế, trong đường lối lãnh đạo của mình ở từng thời kỳ cách mạng, Đảng Cộng sản Việt Nam đặc biệt coi trọng việc đề ra đường lối xây dựng và hoàn thiện Nhà nước - yếu tố trung tâm của hệ thống chính trị.

Hồ Chí Minh luôn nhấn mạnh “Nước ta là một nước dân chủ, địa vị cao nhất là dân vì dân là chủ”; “Chế độ ta là chế độ dân chủ, tức là nhân dân là chủ”. Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, một nhà nước của dân, không chỉ do dân lập ra thông qua bầu cử dân chủ mà còn là nhà nước chịu sự kiểm tra, giám sát, định đoạt của nhân dân. Người khẳng định: “Chế độ ta là chế độ dân chủ, Chính phủ là đầy tớ của nhân dân. Nhân dân có quyền đôn đốc phê bình Chính phủ. Chính phủ thì việc to nhỏ đều nhằm mục đích phục vụ nhân dân”.

Như vậy, tư tưởng của chủ tịch Hồ Chí Minh về xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam chính là việc xây dựng một nhà nước phục vụ nhân dân; bộ máy nhà nước được thiết lập là bộ máy thừa hành ý chí, nguyện vọng của nhân dân, đội ngũ cán bộ, công chức nhà nước không thể là các ông quan cách

mạng mà là công bộc của nhân dân. Tư tưởng ấy đã được cụ thể hóa trong các văn kiện của Đảng ta. Trong những năm sắp tới, Đại hội XIII của Đảng đã nhấn mạnh: “Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân do Đảng lãnh đạo là nhiệm vụ trọng tâm của đổi mới hệ thống chính trị”. Thực tiễn xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của Nhân dân, do Nhân dân và vì Nhân dân đã minh chứng rõ nét việc khẳng định nhà nước pháp quyền là nhà nước phục vụ. Điều này thể hiện xu thế vận động và phát triển tất yếu của nhà nước pháp quyền đương đại, dù cho mỗi nhà nước pháp quyền tồn tại trong mỗi chính thể khác nhau. Tuy nhiên, nếu rời xa tính “phục vụ” thì Nhà nước pháp quyền không có “lý do gì” để tồn tại trong xã hội đương đại hiện nay, bởi bản chất của Nhà nước pháp quyền là hướng đến phục vụ và bảo vệ tốt cho con người, hạn chế những nguy cơ đe dọa đến sự phát triển toàn diện của con người và xã hội.

Chính vì thế, Nhà nước pháp quyền thực chất phải là nhà nước phục vụ, điều này được thể hiện rõ nét trong mô hình Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Ở đó thể hiện tính phục vụ ưu trội hơn tính cai trị. Điều này xuất phát từ bản chất của nhà nước xã hội chủ nghĩa và mục tiêu hướng đến của nhà nước xã hội chủ nghĩa, đó là lợi ích giữa giai cấp công nhân với nhân dân lao động và cả dân tộc thống nhất với nhau, cùng với đó, mục tiêu hướng đến của nhà nước này là phục vụ tốt nhất cho nhân dân, vì mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”.

Đại hội XIII của Đảng khẳng định: “bản chất của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam là Nhà nước của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân”. Quan điểm trên được thể hiện xuyên suốt, có tính nguyên tắc trong tổ chức và hoạt động của các cơ quan trong bộ máy nhà nước, do đó, xây dựng nền hành chính nhà nước phục vụ nhân dân là một trong những định hướng (mục tiêu) nhằm tiếp tục xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam. Nền hành

chính nhà nước phục vụ nhân dân là nền hành chính vì lợi ích của nhân dân, “lấy quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của người dân... làm trọng tâm thúc đẩy đổi mới sáng tạo, bảo đảm yêu cầu phát triển nhanh, bền vững”.

Để xây dựng nền hành chính nhà nước liêm chính, phục vụ nhân dân, từ đó góp phần hiện thực hóa mục tiêu xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân; trong những năm qua tỉnh Quảng Ninh đã có nhiều chủ trương, biện pháp, cách làm tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành, tổ chức thực hiện nhiều mô hình đổi mới, sáng tạo, thực chất và hiệu quả trong nhiều nội dung công tác. Từ đó, hình ảnh về một chính quyền tỉnh kiến tạo, ngày một liêm chính, hành động tích cực, phục vụ tối đa lợi ích của người dân, doanh nghiệp dần được hình thành, góp phần đưa tỉnh chinh phục nhiều thành tựu nổi bật, đáng ghi nhận.

Công tác cải cách hành chính, cải cách thể chế luôn được tỉnh xác định là “chìa khoá” chính để khơi thông những điểm nghẽn trong quá trình xây dựng và vận hành chính quyền kiến tạo, liêm chính, hành động và phục vụ của Quảng Ninh. Thời gian qua, tỉnh đã chủ động, tích cực nghiên cứu, đề xuất với Trung ương hoàn thiện thể chế, cơ chế chính sách thông qua các đề án lớn; mạnh dạn vận dụng hình thức PPP trong đầu tư xây dựng, vận hành các công trình, dự án lớn của tỉnh như đường cao tốc, sân bay, hạ tầng du lịch..., tạo đột phá về hạ tầng kinh tế - xã hội theo hướng đồng bộ, hiện đại, đưa hạ tầng giao thông, viễn thông, năng lượng... trở thành một trong những lợi thế cạnh tranh của tỉnh.

Đến nay, Quảng Ninh đã và đang được Trung ương đánh giá là một tỉnh năng động, mạnh dạn đi đầu trong thực hiện sắp xếp tổ chức, bộ máy, tinh giản biên chế, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Nhiều mô hình thí điểm về tổ chức bộ máy đã được tỉnh mạnh dạn thực hiện trên cơ sở vận dụng sáng tạo, linh hoạt quy định của Trung ương vào điều kiện thực tiễn địa phương. Tổ chức bộ máy các cơ quan được kiện toàn, tinh gọn, giảm cấp trung gian, đội ngũ cán bộ, công chức từng bước được cơ cấu lại và nâng cao chất lượng theo vị trí việc làm, nâng cao kỷ luật

kỷ cương, hành chính, từng bước giúp chính quyền tỉnh đạt được hiệu lực, hiệu quả thực chất trong hoạt động.

Tỉnh luôn chú trọng lãnh đạo, chỉ đạo đầy mạnh, nâng cao chất lượng công tác cải cách hành chính, trọng tâm là cải cách thủ tục hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh; xây dựng chính quyền liêm chính, phục vụ. Để hiện thực hóa quyết tâm, chính quyền từ tỉnh đến cơ sở tập trung thực hiện cải cách quyết liệt thủ tục hành chính; thực hiện có hiệu quả nguyên tắc “5 tại chỗ” tại Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh, trung tâm hành chính công cấp huyện; cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã. Đến nay, trung bình các thủ tục hành chính đưa vào Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh đã được cắt giảm 45% thời gian giải quyết so với quy định của Trung ương; 74% số thủ tục hành chính được giải quyết theo quy trình “5 tại chỗ” ở cấp tỉnh và 90 đến 100% ở cấp huyện.

Riêng năm 2021, thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính trong bối cảnh diễn biến phức tạp, khó lường của đại dịch Covid-19; trên cơ sở bám sát chỉ đạo của Trung ương, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ, ngành Trung ương; Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh Quảng Ninh đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, chung sức, đồng lòng, kiên trì nỗ lực, vượt qua mọi khó khăn, thử thách, hoàn thành toàn diện “mục tiêu kép” năm 2021, vừa phòng, chống, kiểm soát dịch bệnh hiệu quả; bảo vệ sức khỏe, tính mạng của Nhân dân; vừa bảo đảm an sinh, an dân, an ninh, trật tự xã hội, ổn định phát triển kinh tế, giữ vững đà tăng trưởng hai con số. Năm 2021 là năm thứ 6 liên tiếp Quảng Ninh giữ vững đà tăng trưởng hai con số, GRDP của tỉnh ước đạt 10,28%, gấp nhiều lần tốc độ trung bình của cả nước. Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn ước đạt trên 51.000 tỷ đồng, vượt chỉ tiêu Trung ương giao và dự toán đầu năm. Đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân tiếp tục được cải thiện, nâng lên. Quốc phòng - an ninh, chủ quyền biên giới quốc gia được giữ vững.

Xây dựng chính quyền điện tử, thành phố thông minh, tiến tới chính quyền số là mục tiêu lớn của Quảng Ninh. Ý chí, quyết tâm chính trị của tỉnh trong việc kiến tạo một nền hành chính hiện đại, chuyên nghiệp, minh bạch và hiệu quả, phục vụ đắc lực cho phát triển kinh tế - xã hội, thu hút đầu tư, đồng thời tạo sự hài lòng cho người dân và doanh nghiệp chính là cơ sở để lãnh đạo tỉnh thực hiện những bước tiến táo bạo trong hành trình tin học hóa và thực hiện chuyển đổi số để hướng đến chính quyền số. Trên tinh thần đó, tỉnh đã chỉ đạo các sở, ngành liên quan nghiên cứu, xây dựng Đề án Chuyển đổi số toàn diện tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030. Những mục tiêu trọng tâm của đề án như: Xây dựng, hình thành nền tảng chính quyền số nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả của bộ máy hành chính tỉnh Quảng Ninh và chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp; tăng cường kết nối, sự tham gia và phát huy quyền làm chủ, trí tuệ, sức mạnh của nhân dân trong hoạch định chính sách, phát triển kinh tế xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh; phát triển kinh tế xã hội trên nền tảng dữ liệu số và dữ liệu mở hướng tới nền Kinh tế số và Xã hội số; đảm bảo an toàn thông tin và an ninh mạng;...

Thành quả của sự cầu thị, nỗ lực và đổi mới không ngừng trong việc xây dựng chính quyền liêm chính, hành động, phục vụ của Quảng Ninh trong thời gian qua được thể hiện rõ nét, khách quan nhất qua sự ghi nhận của người dân, cộng đồng doanh nghiệp đối với các cấp chính quyền, bộ máy điều hành của tỉnh: Quảng Ninh là địa phương duy nhất trong 5 năm liên tiếp (từ 2017 đến 2021) dẫn đầu về chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI). Năm 2021, Quảng Ninh xếp thứ 2 trong bảng Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX) và lần thứ 3 liên tiếp xếp thứ 1 trong bảng Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS). Kết quả này minh chứng cho sự thống nhất, đoàn kết, tư duy đột phá trong quản lý, điều hành của các cấp chính quyền từ tỉnh đến cơ sở, đồng thời càng khẳng định thương hiệu, hình ảnh, văn hóa “đồng hành - cam kết - thực thi” của tỉnh Quảng Ninh đối với người dân và doanh nghiệp.

Tại Hội nghị Phân tích chuyên sâu chỉ số Cải cách hành chính, chỉ số Hải lòng về sự phục vụ hành chính của Quảng Ninh được diễn ra tại Thành phố Hạ Long trong chiều ngày 20/7/2022, đồng chí Nguyễn Xuân Ký - Bí thư Tỉnh ủy Quảng Ninh nhấn mạnh: Để Quảng Ninh tiếp tục duy trì ngọn lửa cải cách, xây dựng một nền hành hiện đại, tinh giản, phục vụ tốt cho người dân và doanh nghiệp thì cần phải thực hiện sáu dám. Đó là: “Dám nghĩ; dám nói; dám làm; dám chịu trách nhiệm; dám đổi mới, sáng tạo; dám đương đầu với khó khăn, thử thách, quyết liệt trong hành động vì lợi ích chung”.

Tỉnh ủy Quảng Ninh nhận định việc tạo niềm tin cho người dân cốt lõi phải từ yếu tố con người, trong đó đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức từ cấp cơ sở đến cấp tỉnh phải ngày càng gần dân, sát dân, trọng dân và có thái độ, tinh thần phục vụ vì nhân dân. Do đó, tỉnh luôn quan tâm đến việc xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, đưa ra nhiều chính sách, nội dung mới nhằm nâng cao hơn nữa chất lượng nguồn nhân lực nói chung và chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức nói riêng: (1) Đổi mới mạnh mẽ các khâu trong công tác cán bộ, hoàn thành việc xây dựng vị trí việc làm; nâng cao chất lượng về mọi mặt của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, nhất là đội ngũ lãnh đạo, quản lý các cấp; đề cao đạo đức công chức và kỷ luật công vụ; liêm chính, tận tụy phục vụ nhân dân tạo môi trường thuận lợi cho sản xuất kinh doanh; (2) Rà soát, bổ sung quy định rõ và đề cao trách nhiệm của người đứng đầu các cấp, các ngành, các địa phương, cơ quan, đơn vị; tăng cường cơ chế giao, khoán việc, quy trách nhiệm đến cùng, gắn công việc của mỗi người với mục tiêu của cơ quan, lấy kết quả, hiệu quả hoạt động của từng cơ quan đơn vị để đánh giá lãnh đạo, quản lý... Qua đó đã nâng cao hiệu quả của khu vực công. Rà soát, bổ sung quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý từng cấp trên cơ sở đánh giá chặt chẽ, thực chất, coi trọng sản phẩm, kết quả cụ thể; (3) Đổi mới công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ theo chức danh, theo vị trí việc làm, nhất là cấp cơ sở, cấp phòng và cán bộ, công chức cấp xã. Siết chặt kỷ luật, kỷ cương đi đôi với tạo môi trường,

điều kiện đổi mới, sáng tạo, khuyến khích cán bộ dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung; ngăn chặn, xử lý nghiêm các hành vi nhũng nhiễu doanh nghiệp, người dân. Mở rộng đối tượng thi tuyển chức danh cán bộ lãnh đạo quản lý; đổi mới công tác tuyển dụng, đề bạt cán bộ, công chức theo nguyên tắc cạnh tranh, công khai, minh bạch; kiểm soát quyền lực và chống chạy chức, chạy quyền trong công tác cán bộ.

Những kết quả đã đạt được của Quảng Ninh trong quá trình xây dựng chính quyền liên chính, phục vụ, hoạt động ngày càng hiệu lực, hiệu quả đã được Trung ương, các địa phương và nhân dân trong tỉnh đánh giá cao. Tỉnh Quảng Ninh xác định: trong những năm tới với những cách làm và nỗ lực riêng của mình, Quảng Ninh sẽ thực hiện thắng lợi mục tiêu, nhiệm vụ mà Nghị quyết Đại hội đảng bộ tỉnh lần thứ XV đặt ra: “Xây dựng, chỉnh đốn Đảng, hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của các cấp ủy, tổ chức đảng và đội ngũ cán bộ, đảng viên. Xây dựng chính quyền liên chính, phục vụ thực sự “của dân, do dân, vì dân”, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có đủ phẩm chất, năng lực, uy tín đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới. Quyết liệt phòng, chống tham nhũng, lãng phí. Phát huy dân chủ, sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân, củng cố lòng tin của Nhân dân với Đảng, Nhà nước và chế độ xã hội chủ nghĩa...”.

Quá trình nỗ lực xây dựng chính quyền liên chính, phục vụ nhằm thực hiện thắng lợi mục tiêu, nhiệm vụ mà Đại hội đảng bộ tỉnh Quảng Ninh lần thứ XV đặt ra cũng chính là quá trình Quảng Ninh đã nỗ lực góp phần hiện thực hóa công cuộc xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân theo tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh và quan điểm xuyên suốt của Đảng ta./.

**QUAN ĐIỂM CỦA ĐẢNG VỀ XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN
XÃ HỘI CHỦ NGHĨA CỦA NHÂN DÂN, DO NHÂN DÂN VÀ VÌ NHÂN DÂN**

Ths. Đặng Thị Kiều Liên

Giảng viên khoa Nhà nước và pháp luật

Tiếp thu, vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào thực tiễn cách mạng Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta luôn coi trọng, đề cao việc xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN của Nhân dân, do Nhân dân và vì Nhân dân, được thể hiện rõ nét trong các Văn kiện Hội nghị thành lập Đảng, Đại hội Đảng lần thứ I, đặc biệt, được cụ thể hóa trong bản Tuyên ngôn Độc lập, khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (năm 1945). Đó là một Nhà nước với tinh thần xuyên suốt là: “Bao nhiêu lợi ích đều vì dân. Bao nhiêu quyền hạn đều của dân”⁽¹⁾; “Nước ta là một nước *dân chủ*. Mọi công việc đều vì lợi ích của dân mà làm”⁽²⁾; “Chế độ ta là chế độ dân chủ. Tức là nhân dân làm chủ”⁽³⁾. Tư tưởng này cũng được thể chế hóa trong Hiến pháp năm 1946 - bản Hiến pháp đầu tiên của Nhà nước ta với việc hiến định quyền lực nhà nước là của nhân dân, do nhân dân, để phụng sự lợi ích của nhân dân. Theo đó, bộ máy nhà nước được thiết lập là bộ máy thừa hành ý chí, nguyện vọng của nhân dân; đội ngũ cán bộ, công chức nhà nước không thể là “các ông quan cách mạng” mà là “công bộc của nhân dân”, chăm lo cho sự ấm no, hạnh phúc của nhân dân; pháp luật không phải là để trừng trị con người mà là công cụ để bảo vệ, thực hiện lợi ích vì con người.

Quan điểm về xây dựng và hoàn thiện nhà nước tổ chức và hoạt động theo pháp luật trong các văn kiện Đại hội II, III, IV, V, nhất là Đại hội VI, VII của Đảng được đề cập, phát triển và thể chế hóa trong các bản Hiến pháp các năm: 1959, 1980, 1992, cho dù thuật ngữ “nhà nước pháp quyền” chưa được sử dụng. Đất nước bước vào giai đoạn đổi mới, mở cửa, hội nhập quốc tế, nhận thức và tư duy lý luận của Đảng ta đã có bước phát triển mới trong xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, theo đó, tại Hội nghị Trung ương 2 khóa VII (tháng 11-1991), lần đầu tiên thuật ngữ “Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa” chính thức

được Đảng ta đề cập và được khẳng định rõ hơn tại Hội nghị toàn quốc giữa nhiệm kỳ khóa VII (năm 1994), đồng thời, tiếp tục được bổ sung, phát triển qua các kỳ đại hội Đảng tiếp theo. Đây là cơ sở chính trị để Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992 (sửa đổi, bổ sung năm 2001), thể chế hóa tại Điều 2: “Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân mà nền tảng là liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức. Quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công và phối hợp giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp”.

Tiếp đó, thể chế hóa *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* (Bổ sung, phát triển năm 2011) với quan điểm kế thừa, phát triển, Điều 2, Hiến pháp năm 2013 khẳng định: “1. Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân; 2. Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam do Nhân dân làm chủ; tất cả quyền lực nhà nước thuộc về Nhân dân mà nền tảng là liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức; 3. Quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp, kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp”. Như vậy, có thể thấy rằng, trên phương diện lập hiến, Hiến pháp năm 2013 đã quy định một cách toàn diện những vấn đề căn cốt của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam về bản chất, nguyên tắc, tổ chức, hoạt động, chủ thể thực hiện quyền lực nhà nước; phân quyền giữa các cơ quan quyền lực nhà nước, vị trí của pháp luật đối với Nhà nước và xã hội Việt Nam; vấn đề quyền con người, quyền công dân; vai trò lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

Đất nước ta sau hơn 35 năm đổi mới đã đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử; nhưng cũng đối mặt với không ít khó khăn, thách thức đan xen. Điều đó đặt ra những yêu cầu mới đối với công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc

nói chung, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa nói riêng. Đại hội XIII của Đảng chỉ rõ: “Xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa trong sạch, vững mạnh, tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, vì nhân dân phục vụ và vì sự phát triển của đất nước. Tăng cường công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình, kiểm soát quyền lực gắn với siết chặt kỷ luật, kỷ cương trong hoạt động của Nhà nước và của cán bộ, công chức, viên chức. Tiếp tục đẩy mạnh đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu, tội phạm và tệ nạn xã hội”⁽⁴⁾.

Đại hội XIII của Đảng trên cơ sở tổng kết lý luận, thực tiễn đã bổ sung, phát triển tư duy về phát triển Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Những bổ sung, phát triển ấy một lần nữa khẳng định: Mặc dù, trong mỗi giai đoạn lịch sử có những thay đổi về mô hình bộ máy nhà nước, nhưng xuyên suốt mạch phát triển là nhận thức và hành động nhất quán về xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa thật sự của Nhân dân, do Nhân dân và vì Nhân dân trong điều kiện mới.

Mới đây, trong bài viết “Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam”, Tổng bí thư Nguyễn Phú Trọng cũng đã khẳng định “một trong những đặc điểm của xã hội chủ nghĩa mà nhân dân Việt Nam đang phấn đấu xây dựng là có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân do Đảng Cộng sản lãnh đạo”.

Thực tiễn tiến hành công cuộc đổi mới và xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa những năm qua đã cho chúng ta rút ra những bài học quý báu, làm tiền đề cho việc tiếp tục nghiên cứu, đúc kết thực tiễn, làm sâu sắc hơn lý luận về Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa; bổ sung, làm giàu thêm lý luận về tổ chức quyền lực trong Nhà nước xã hội chủ nghĩa.

Trước hết, cần kiên trì học thuyết Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh về tổ chức quyền lực nhà nước: kiên trì mục tiêu Nhà nước xã hội chủ nghĩa thật sự của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân, mang lại lợi ích, tự do, dân chủ, công

bằng, bình đẳng và cuộc sống hạnh phúc cho người dân. Đó cũng là chuẩn mực cao quý để đánh giá bản chất vì con người của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Đây là điều mà ngay từ những năm 20 của thế kỷ trước, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói đến khi đề ra yêu cầu xây dựng Nhà nước, xây dựng xã hội trên nguyên tắc pháp quyền. Theo đó, mọi hành vi, mọi hoạt động ở mọi nơi, mọi lúc của bộ máy nhà nước, của từng công chức đều phải thể hiện được “... thần linh pháp quyền”⁽⁵⁾; ý thức pháp luật, tinh thần trách nhiệm, kỷ cương, kỷ luật phải là yếu tố chi phối toàn bộ hoạt động của bộ máy công quyền; môi trường pháp chế phải trở thành yếu tố tự nhiên của xã hội.

Thứ hai, bám sát thực tiễn, giải quyết những vấn đề thực tiễn: kết hợp chặt chẽ giữa lý luận và thực tiễn; bảo đảm mọi lý luận đều có khởi nguồn và là nhu cầu giải quyết các vấn đề thực tiễn. Càng giải quyết đúng đắn các đòi hỏi của thực tiễn thì tính pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhà nước càng nhiều, lý luận về Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa càng khẳng định sức sống của mình.

Thứ ba, cần tiến hành từng bước vững chắc, với lộ trình phù hợp để bảo đảm chắc chắn thành công. Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa là vấn đề mới, chưa có tiền lệ, liên quan đến thể chế quản lý từ Trung ương đến địa phương, trong tất cả các lĩnh vực của đời sống kinh tế-xã hội. Vì vậy, không thể nóng vội, “rũ tung” vấn đề rồi sắp xếp lại, mà phải tìm cho được khâu đột phá; vừa làm, vừa rút kinh nghiệm để triển khai ở các khâu khác. Cụ thể, chúng ta dành ưu tiên cho việc hoàn thiện pháp luật, cải cách hành chính, nâng cao chất lượng tranh tụng của Tòa án và thành quả triển khai ở các lĩnh vực này đã tạo tiền đề thuận lợi để tiến hành những bước tiếp theo.

Với việc xác định xây dựng pháp luật là khâu đột phá và tập trung nguồn lực triển khai, trong thời gian không dài, hệ thống pháp luật của nước ta đã hình thành, điều chỉnh ngày càng sâu rộng các quan hệ phát sinh trong xã hội và đang bước vào giai đoạn hoàn thiện. Các chính sách của Nhà nước trên các lĩnh vực khác nhau của đời sống kinh tế-xã hội đã được điều chỉnh ngày càng đầy đủ trong các đạo luật

chuyên ngành. Năm 1991, nước ta mới có 92 luật, sắc lệnh, pháp lệnh (trong đó có 35 luật) chủ yếu tập trung điều chỉnh các lĩnh vực về tổ chức bộ máy, an ninh, quốc phòng, kinh tế... thì đến năm 2011, nước ta đã có 330 luật, pháp lệnh, điều chỉnh tương đối đầy đủ các lĩnh vực của đời sống xã hội, nhất là các luật, pháp lệnh liên quan đến chế độ kinh tế, văn hoá, giáo dục, khoa học, công nghệ, quyền và nghĩa vụ của công dân... Cải cách hành chính, trước hết là cải cách thủ tục hành chính đã góp phần từng bước xây dựng nền hành chính tuân thủ pháp luật, trong sạch, trách nhiệm, gần dân, tinh gọn với các nội dung cơ bản là cải cách thể chế, cải cách tổ chức bộ máy hành chính; đổi mới, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức và cải cách tài chính công. Mục tiêu của Chương trình là xây dựng một nền hành chính dân chủ, trong sạch, vững mạnh, chuyên nghiệp, hiện đại, hoạt động có hiệu lực, hiệu quả theo các nguyên tắc pháp quyền xã hội chủ nghĩa dưới sự lãnh đạo của Đảng, đáp ứng yêu cầu quản lý nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa...

Thứ tư, tăng cường và nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng đối với công cuộc xây dựng Nhà nước pháp quyền. Nhà nước, quyền lực nhà nước là các phạm trù chính trị - pháp lý. Lãnh đạo xây dựng Nhà nước, tổ chức quyền lực nhà nước là sứ mệnh chính trị của Đảng nhằm giữ vững bản chất của Nhà nước XHCN, bảo đảm thực hiện đúng đắn vai trò của Nhà nước trong nền kinh tế thị trường định hướng XHCN; tiếp tục xây dựng và hoàn thiện nền dân chủ XHCN, bảo đảm tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân, mọi đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đều vì lợi ích của nhân dân.

Thứ năm, học tập có chọn lọc kinh nghiệm của các nước. Nhà nước pháp quyền là một giá trị tư tưởng được tích lũy trong lịch sử nhân loại, gắn liền với tư tưởng phát triển dân chủ, ngăn ngừa, loại trừ chuyên quyền, độc đoán, vô chính phủ, vô pháp luật. Tuy nhiên, việc vận dụng tư tưởng này cần được thực hiện phù hợp với điều kiện chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa, lịch sử của mỗi quốc gia, dân tộc. Đây cũng là vấn đề liên quan đến bài học bám sát thực tiễn nêu trên. Hiện

nay, có một số người không thích nói đến “thực tế Việt Nam”, “đặc thù Việt Nam”, coi đó là sự nguy hiểm cản trở hội nhập quốc tế. Họ cho rằng, cần lấy mô hình thành công của các nước tiên tiến để “áp dụng trọn gói” khi xây dựng các thiết chế nhà nước của Việt Nam. Tuy nhiên, xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN là một sự nghiệp lớn, là một trong những vấn đề hệ trọng liên quan đến sự phát triển của đất nước, đến cuộc sống của nhân dân; vì vậy, không thể nôn nóng, chủ quan, khinh suất hoặc sao chép kinh nghiệm nước ngoài.

Xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN không chỉ là công việc của Nhà nước mà là sự nghiệp của toàn Đảng, toàn dân. Bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc; bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ XHCN; giữ vững hòa bình, ổn định chính trị, bảo đảm an ninh quốc gia và trật tự, an toàn xã hội là vấn đề cốt tử, là tiền đề quan trọng để xây dựng thành công Nhà nước pháp quyền XHCN ở Việt Nam. Đây là một sự nghiệp lớn, là quá trình lâu dài, nhưng phải tiến hành với nhịp độ khẩn trương, đòi hỏi sự phấn đấu nỗ lực của cả hệ thống chính trị, của toàn thể cán bộ, công chức và nhân dân, trong đó lực lượng vũ trang nhân dân có vai trò hết sức quan trọng./.

Tài liệu tham khảo:

- (1), (2) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, t. 6, tr. 232, 397
- (3) Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t. 13, tr. 10
- (4) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sđd*, t. I, tr. 118
- (5) Hồ Chí Minh - *Toàn tập*, Tập 1, Nxb CTQG, H. 2000, tr. 439.

**TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ NHÀ NƯỚC VÀ VẬN DỤNG
TRONG XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA
Ở VIỆT NAM HIỆN NAY**

Ths. Nguyễn Thị Thanh Thùy

Phó trưởng khoa Lý luận cơ sở

Tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước chứa đựng những giá trị to lớn cả về phương diện lý luận và thực tiễn đối với cách mạng Việt Nam nói chung, xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở nước ta nói riêng. Thực tế cách mạng Việt Nam đã chứng minh sự lựa chọn của Chủ tịch Hồ Chí Minh về đường lối xây dựng nhà nước ta là hoàn toàn đúng đắn. Dưới sự lãnh đạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh, cách mạng Việt Nam đã vượt qua các chặng đường khó khăn đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác mà dấu mốc quan trọng là thắng lợi của cuộc tổng khởi nghĩa tháng Tám 1945 đem lại là chính quyền về tay nhân dân, nhà nước là của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Việc nghiên cứu, học tập, tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh đã đặt ra từ lâu đối với Đảng và nhân dân ta. Nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng nhà nước của dân, do dân, vì dân có ý nghĩa rất quan trọng trong công cuộc cải cách, hoàn thiện nhà nước trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước hiện nay.

1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước

Trên con đường đi tìm con đường giải phóng cho dân tộc, Nguyễn Ái Quốc đã tiếp cận với nhiều mô hình nhà nước khác nhau trên thế giới và Người nhận thấy ở các nước tư bản nhà nước - “tất cả đều là công cụ nằm trong tay giai cấp áp bức tư sản nhằm mục đích áp bức bóc lột nhân dân đến tận xương tủy”. Với lòng yêu nước thiết tha và mong muốn cháy bỏng giành lại độc lập cho dân tộc, ấm no cho nhân dân, Hồ Chí Minh luôn trăn trở suy nghĩ về sự nghiệp xây dựng một nhà nước kiểu mới tiến bộ hơn thay thế cho nhà nước phong kiến thối nát ở nước ta và là người đầu tiên khẳng định là phải xây dựng một nhà nước thật sự

của Việt Nam. Quan điểm về nhà nước của Hồ Chí Minh được thể hiện ở nhiều khía cạnh:

- Về nhà nước của dân, do dân, vì dân

Nhà nước kiểu mới ở Việt Nam theo quan điểm của Người phải là nhà nước của cả dân tộc, tiêu biểu cho khối đại đoàn kết toàn dân, tập hợp được đội ngũ cán bộ công chức có đủ phẩm chất chính trị, đạo đức, tài năng tham gia vào công cuộc xây dựng, kiến thiết nước nhà. Đó là “nhà nước dân chủ, quyền hành và lực lượng đều ở nơi dân”, “Ở nước ta chính quyền là của nhân dân, do nhân dân làm chủ” Nhà nước là người thay mặt nhân dân, đem lại quyền lợi chính đáng cho nhân dân lao động và toàn dân tộc, phải thực hiện tốt bổn phận người đại diện cho nhân dân, quyền hành của nhà nước là do nhân dân giao phó. Do đó, với tư cách là chủ, làm chủ, Chủ tịch Hồ Chí Minh cho rằng: “Nhân dân có quyền bãi miễn đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân nếu những đại biểu ấy tỏ ra không xứng đáng với sự tín nhiệm của nhân dân. Nguyên tắc ấy bảo đảm quyền kiểm soát của nhân dân đối với đại biểu của mình”. Trong quá trình xây dựng nhà nước dân chủ, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn yêu cầu nhà nước phải luôn thực hiện công tác tự phê bình và phê bình, lắng nghe ý kiến, tâm tư nguyện vọng của dân để công tác quản lý nhà nước ngày càng tốt hơn. Nhà nước phải dựa vào dân và thực hiện “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra”. Mọi hoạt động của nhà nước phải nhằm mục tiêu phục vụ cho nhân dân lao động: “Làm cho dân có ăn. Làm cho dân có mặc. Làm cho dân có chỗ ở. Làm cho dân có học hành” và “Việc gì có lợi cho dân phải hết sức làm. Việc gì có hại cho dân phải hết sức tránh”.

- Về bản chất của nhà nước

Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định nhà nước ta mang bản chất của giai cấp công nhân, “nhà nước ta là nhà nước dân chủ nhân dân, dựa trên nền tảng liên minh công nông, do giai cấp công nhân lãnh đạo”. Người chỉ ra, sở dĩ nhà nước mang bản chất giai cấp công nhân là vì đây là giai cấp có đặc tính cách mạng: “Đặc tính cách mạng của giai cấp công nhân là: kiên quyết, triệt để, tập thể, có tổ chức, có kỷ luật. Lại vì là

giai cấp tiên tiến nhất trong sức sản xuất, gánh trách nhiệm đánh đổ chế độ tư bản và đế quốc, để xây dựng một xã hội mới, giai cấp công nhân có thể thấm nhuần một tư tưởng cách mạng nhất, tức là chủ nghĩa Mác – Lênin. Đồng thời, tinh thần đấu tranh của họ ảnh hưởng và giáo dục các tầng lớp khác. Vì vậy, về mặt chính trị, tư tưởng, tổ chức và hành động, giai cấp công nhân đều giữ vai trò lãnh đạo”

- *Về quản lý xã hội bằng Hiến pháp và pháp luật.*

Chủ tịch Hồ Chí Minh có nhận thức rất sớm về vai trò của pháp luật trong điều hành và quản lý xã hội của nhà nước. Ngay khi viết *Bản yêu sách An Nam*, Người đã nêu lên bốn điều liên quan đến pháp quyền và trong tác phẩm *Việt Nam yêu cầu ca*, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhấn mạnh:

“*Bây xin Hiến pháp ban hành
Trăm điều phải có thần linh pháp quyền*”

Khi nói về sự cần thiết phải xây dựng hệ thống pháp luật để bảo vệ chính quyền non trẻ và lợi ích của nhân dân Hồ Chí Minh yêu cầu: “Cách mạng tháng Tám thành công ta lập ra Chính phủ mới với pháp luật mới của nhân dân để chống kẻ địch trong và ngoài, và để giữ gìn quyền lợi của nhân dân”. Tư tưởng về nhà nước pháp quyền của Hồ Chí Minh đã xuyên suốt việc tổ chức hoạt động của nhà nước Việt Nam. Chủ tịch Hồ Chí Minh quan niệm rằng “Pháp luật của ta thật sự dân chủ, vì nó bảo đảm quyền tự do, dân chủ rộng rãi cho nhân dân lao động”. Người coi pháp quyền như là phương tiện hiệu quả để xây dựng và củng cố nhà nước, quản lý xã hội, làm cho đất nước phát triển phồn vinh. Có pháp luật tốt tạo điều kiện cho nhà nước quản lý và điều hành xã hội tốt, thực hiện và mở rộng dân chủ trong nhân dân. Theo Hồ Chí Minh một xã hội có trật tự kỷ cương, một nhà nước mạnh, hiệu quả phải quản lý xã hội bằng Hiến pháp, pháp luật, kết hợp giáo dục đạo đức nâng cao trình độ giác ngộ cho nhân dân. Do đó Chủ tịch Hồ Chí Minh rất quan tâm đến việc phải sớm ban hành được Hiến pháp và pháp luật, khi chưa xong, chưa kịp có thể áp dụng những điều luật cũ có thể áp dụng được như về mặt điều hành kinh tế, hình sự. Đồng thời trong quá trình xây dựng luật Người

cũng chỉ ra cần quan tâm kế thừa những bộ luật trước đó và nâng cao nó cho phù hợp với xã hội mới và có thể tham khảo cả pháp luật của những nước tư bản có tính chất điển hình để áp dụng phù hợp với điều kiện nước ta.

Trong quá trình thực thi pháp luật Hồ Chí Minh đặc biệt nhấn mạnh đến việc phải bảo đảm tính khách quan, công bằng, bình đẳng. Luật pháp cho mọi người cùng thực hiện, luật pháp không phải chỉ bênh vực cho các tổ chức, cơ quan của nhà nước mà còn bênh vực quyền lợi của người lao động. Người đòi hỏi pháp luật phải thẳng tay trừng trị kẻ bất liêm, bất kể kẻ đó có địa vị nào, làm nghề nghiệp gì. Pháp luật là căn cứ để tổ chức và hoạt động của nhà nước, là cơ sở pháp lý cho đời sống xã hội, là phương tiện để nhân dân giám sát, kiểm tra hoạt động của nhà nước.

- Về tổ chức bộ máy và cán bộ công chức nhà nước.

Yêu cầu xây dựng, tổ chức bộ máy nhà nước được Chủ tịch Hồ Chí Minh đặt ra từ ngay sau thắng lợi của Cách mạng tháng Tám-1945, mà trước hết là tổng tuyển cử để nhân dân bầu ra Quốc hội – cơ quan quyền lực cao nhất của nhà nước. Sau khi có Quốc hội thành lập ra một Chính phủ hợp hiến thay thế cho Chính phủ lâm thời trước đó. Một chính phủ đại diện cho tư tưởng đại đoàn kết toàn dân, phù hợp với truyền thống của dân tộc ta với hoàn cảnh chính trị, kinh tế - xã hội của Việt Nam lúc đó.

Để xây dựng một nhà nước mạnh, thực hiện tốt các nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc- bảo vệ nền dân chủ, tự do, độc lập của dân tộc. Chủ tịch Hồ Chí Minh có quan điểm phải xây dựng và bồi dưỡng một đội ngũ cán bộ công chức làm việc trong các cơ quan quyền lực của nhà nước từ trung ương đến địa phương, phải thực sự là “công bộc” của nhân dân lao động. Người cán bộ phải gương mẫu làm trước để dân biết, dân làm theo. Người yêu cầu cán bộ công chức phải gương mẫu trong các hoạt động, phải biết hy sinh cho quyền lợi của nhân dân, xứng đáng là người đầy tớ tuyệt đối trung thành của nhân dân. Phải “thực hành cần, kiệm, liêm, chính, chí công, vô tư. Gương mẫu về mọi mặt: đoàn kết, công tác, học tập, lao động. Luôn luôn giữ vững tác phong khiêm tốn, chất phác hoà mình với quần chúng thành một khối”. Khi nói tới tư cách công bộc của cán bộ nhà nước đối với

nhân dân, Hồ Chí Minh khẳng định, mục đích hoạt động của họ là vì lợi ích chung. Hồ Chí Minh đòi hỏi rất cao đối với cán bộ nhà nước. Họ cần phải có rất nhiều phẩm chất, song tựu trung họ phải thực sự vì dân mà làm việc, họ phải ghi sâu những chữ *công bình chính trực* vào lòng; phải có một tinh thần chí công vô tư; nếu muốn *danh, lợi* thì danh làm sao cho dân tộc mình có *danh* với thế giới, và lợi làm thế nào cho tranh được lợi với thế giới - đó là *danh chính* và *lợi chính*

2. Xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam hiện nay theo tư tưởng Hồ Chí Minh

Trên cơ sở nắm vững chủ nghĩa Mác-Lênin và vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề nhà nước, trong thời kỳ đổi mới quan điểm của Đảng ta về nhà nước pháp quyền ngày càng được hoàn chỉnh với việc đẩy mạnh cải cách, mở cửa, hội nhập quốc tế, hướng đến việc xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa được thể hiện trong các văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc và Hội nghị Trung ương Đảng. Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011), Đảng ta đã xác định mô hình xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng thông qua tám đặc trưng cơ bản, trong đó đặc trưng thứ bảy được xác định là “xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân”. Tại Đại hội XII của Đảng trong nghị quyết nhấn mạnh: ““Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa do Đảng lãnh đạo là nhiệm vụ trọng tâm của đổi mới hệ thống chính trị,...” Đồng thời, tại Điều 2 Hiến pháp năm 2013 đã chế hóa quan điểm xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Đảng: “(1). Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân; (2). Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam do Nhân dân làm chủ, tất cả quyền lực nhà nước thuộc về Nhân dân mà nền tảng là liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức; (3). Quyền lực nhà nước là thống nhất có sự phân công, phối hợp, kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp”.

Đại hội XIII của Đảng nhận định: “Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa có nhiều tiến bộ, tổ chức bộ máy nhà nước tiếp tục được hoàn thiện, hoạt động hiệu lực và hiệu quả hơn; bảo đảm thực hiện đồng bộ các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp”; nội dung, phương thức xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa từng bước được điều chỉnh phù hợp với yêu cầu phát triển đất nước và thông lệ quốc tế. Tuy nhiên, “Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa có mặt chưa đáp ứng tốt yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và quản lý đất nước trong tình hình mới”. Đây chính là lý do để đáp ứng yêu cầu của thực tiễn xây dựng và phát triển đất nước trong những năm sắp tới, Đại hội XIII của Đảng đã nhấn mạnh: “Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân do Đảng lãnh đạo là nhiệm vụ trọng tâm của đổi mới hệ thống chính trị”.

Với nghiên cứu của cá nhân, để xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam hiện nay trên cơ sở vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước cần thực hiện một số nhiệm vụ sau:

Thứ nhất, quán triệt và thực hiện hiệu quả mối quan hệ giữa thực hành dân chủ và tăng cường pháp chế, bảo đảm kỷ cương xã hội, bảo đảm quyền làm chủ thực sự của nhân dân. Thực hiện pháp chế nghiêm minh là yếu tố bảo đảm, bảo vệ quyền dân chủ của nhân dân được thực hành thực chất trong thực tiễn; đồng thời, thực hành dân chủ của nhân dân được mở rộng và phát huy sẽ càng làm cho pháp chế được tăng cường và kỷ cương trong xã hội được tôn trọng. Thực hiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm quyền dân chủ của nhân dân trên mọi mặt đời sống xã hội.

Thứ hai, nắm vững và giải quyết tốt mối quan hệ giữa Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ. Đảng thực hiện sự lãnh đạo về chính trị đối với tổ chức và hoạt động của Nhà nước, không nhà nước hóa, hành chính hóa, không bao biện, không làm thay những công việc của Nhà nước. Đảng đề ra chủ trương, đường lối theo nguyên tắc tập trung dân chủ. Nhà nước cụ thể hóa, thể chế hóa các nhiệm vụ do Đảng đề ra. Đảng thực hiện sự lãnh đạo và tổ chức để người dân

làm chủ, bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân. Nhà nước quản lý giữ vai trò làm phương tiện hay điều kiện để thực hiện quyền làm chủ của nhân dân trong công việc quản lý đất nước và xã hội. Chỉ trong điều kiện thực hiện tốt mối quan hệ này mới bảo đảm Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam là Nhà nước của dân, do dân, vì dân, bảo đảm cho hệ thống chính trị có đủ khả năng đưa đất nước ta từng bước vượt qua nguy cơ, thách thức, vững vàng đi theo con đường cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Thứ ba, tiếp tục xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật và tổ chức thực hiện pháp luật. đây chính là yêu cầu xuất phát từ tinh thần thượng tôn Hiến pháp, pháp luật trong nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, bảo đảm phát huy quyền làm chủ của nhân dân, xây dựng và phát triển nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa và khắc phục những hạn chế, bất cập của hệ thống pháp luật hiện hành. Vì hệ thống pháp luật được xây dựng ngày càng đầy đủ, hoàn thiện; Thực hành dân chủ ngày càng tốt hơn nhưng thực tế, hệ thống pháp luật chưa đồng bộ, vẫn có tình trạng chồng chéo; tình trạng vi phạm quyền làm chủ của nhân dân vẫn diễn ra ở nhiều nơi, thậm chí có nơi còn nghiêm trọng, kéo dài, làm giảm niềm tin của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước.

Thứ tư, xây dựng một đội ngũ cán bộ, công chức đáp ứng về năng lực, phẩm chất, đạo đức, vừa là người lãnh đạo, vừa là người đầy tớ trung thành của nhân dân. “Cán bộ là gốc của mọi công việc”, muốn thế, cán bộ vừa phải giỏi công tác chuyên môn vừa phải nêu cao phẩm chất đạo đức và tinh thần phụng sự Tổ quốc, phụng sự nhân dân. Do đó, trong tình hình mới để đáp ứng yêu cầu phát triển của đất nước cần phải chú trọng hơn nữa tất cả các khâu của công tác cán bộ từ công tác tuyển dụng; bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ và lý luận chính trị, quản lý nhà nước; đánh giá và bố trí cán bộ đúng người đúng việc; tăng cường sự giám sát của nhân dân để hạn chế các tiêu cực trong quá trình thực hiện công việc mà nhân dân giao phó cũng như trau dồi đạo đức có được uy tín và sự tin tưởng của nhân dân.

**XÂY DỰNG VÀ HOÀN THIỆN NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN XHCN
- GÓC NHÌN TỪ BÀI VIẾT “MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC
TIỄN VỀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ CON ĐƯỜNG ĐI LÊN CHỦ NGHĨA
XÃ HỘI Ở VIỆT NAM” CỦA TỔNG BÍ THƯ NGUYỄN PHÚ TRỌNG**

Ths. Nguyễn Đức Phương

Giảng viên Khoa Nhà nước và Pháp luật

Trong không khí toàn Đảng, toàn dân, toàn quân phấn đấu thi đua thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, kỷ niệm 131 năm Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại, hướng tới bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng có bài viết quan trọng, sâu sắc, với luận cứ khoa học, thực tiễn vững chắc, nhất là từ thực tiễn cách mạng Việt Nam: Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, trong đó khẳng định xây dựng Nhà nước pháp quyền thực sự của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân là một nhiệm vụ trọng yếu, lâu dài của cách mạng Việt Nam.

Tư tưởng về nhà nước pháp quyền được các nhà tư tưởng, chính trị pháp lý như Giôn Lócơ (1632 - 1704), Môngtexkiơ (1689 - 1755), J.J. Rút-xô (1712 - 1778), T. Jép-phéc-xơn (1743 - 1826), tác giả Tuyên ngôn độc lập của Mỹ năm 1776... sáng lập, kế thừa và phát triển như một thế giới quan pháp lý mới, góp phần phát triển các tư tưởng về nhà nước pháp quyền, làm cơ sở lý luận xây dựng nhà nước tư sản cho đến ngày nay. So với nhà nước phong kiến cát cứ “ngàn năm trung cổ”, đây là những tư tưởng tiến bộ của nhân loại trong lịch sử hình thành và phát triển của nhà nước tư sản khi đó.

Trên cơ sở thế giới quan khoa học và lập trường tư tưởng cách mạng, chủ nghĩa Mác - Lênin chỉ rõ, nhà nước là một hiện tượng lịch sử - xã hội, có quá trình ra đời, hình thành và phát triển gắn liền với xã hội phân chia giai cấp và đấu tranh giai cấp. Nhà nước mang bản chất giai cấp, là bộ máy bạo lực của giai cấp thống

trị nhằm duy trì trật tự xã hội và điều hòa lợi ích trong xã hội theo trật tự mà giai cấp thống trị hướng đến. Vì vậy, “Nhà nước là một bộ máy dùng để duy trì sự thống trị của một giai cấp này đối với giai cấp khác”, “Ở khắp nơi, chức năng xã hội là cơ sở của sự thống trị chính trị; và sự thống trị chính trị cũng chỉ kéo dài chừng nào nó còn thực hiện chức năng xã hội đó của nó”.

Trong nhà nước xã hội chủ nghĩa, nhà nước là một công cụ, phương tiện, đồng thời, là một biểu hiện tập trung trình độ dân chủ của nhân dân lao động. Dân chủ trong xã hội xã hội chủ nghĩa chính là nhân dân tham gia vào mọi công việc của nhà nước. Toàn bộ việc quản lý nhà nước từ dưới lên phải do bản thân quần chúng tổ chức, quần chúng thực sự tham gia vào từng bước của cuộc sống và đóng vai trò tích cực trong việc quản lý.

Vì thế, trong quá trình lãnh đạo xây dựng Nhà nước Nga Xôviết, V.I. Lênin đã yêu cầu phải xây dựng bộ máy nhà nước gọn nhẹ, tinh giản, tổ chức khoa học, hoạt động hiệu quả và tiết kiệm theo nguyên tắc “thà ít mà tốt”, nghĩa là coi trọng chất lượng, không chạy đua theo số lượng; cán bộ, công chức phải có năng lực, bản lĩnh chính trị vững vàng; phải phấn đấu đạt “chất lượng kiểu mẫu thật sự”.

Trong di sản tư tưởng Hồ Chí Minh, vấn đề nhà nước giữ một vị trí đặc biệt quan trọng và có ý nghĩa to lớn đối với sự nghiệp xây dựng, củng cố một nhà nước của dân, do dân, vì dân. Người nhấn mạnh: “Nước ta là nước dân chủ, địa vị cao nhất là dân, vì dân là chủ”; “Chế độ ta là chế độ dân chủ, tức là nhân dân là chủ”. Toàn bộ quyền lực nhà nước đều bắt nguồn từ nhân dân, do nhân dân, nhằm phục vụ lợi ích của nhân dân. Bộ máy nhà nước được thiết lập là bộ máy thừa hành ý chí, nguyện vọng của nhân dân; đội ngũ cán bộ, công chức nhà nước không thể là “các ông quan cách mạng” mà là “công bộc của nhân dân”.

Nhà nước ta là nhà nước của dân, do chính nhân dân lập ra thông qua chế độ bầu cử dân chủ. Bầu cử dân chủ là phương thức thành lập bộ máy nhà nước đã được xác lập trong nền chính trị hiện đại, bảo đảm tính chính đáng của chính quyền khi tiếp nhận sự ủy quyền quyền lực từ nhân dân. Người quan niệm, pháp

luật không phải là để trừng trị con người mà là công cụ bảo vệ, thực hiện lợi ích của con người. Tư tưởng pháp quyền trong tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước của Người thấm đượm tình thương yêu nhân dân, chăm lo cho ấm no, hạnh phúc của nhân dân, lòng nhân ái, nghĩa đồng bào theo đạo lý truyền thống quý báu của dân tộc. Tư tưởng này mang đậm tính dân tộc và giá trị dân chủ sâu sắc và triệt để.

Sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945, Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời - đó là nhà nước công nông đầu tiên ở Đông Nam Á; “Cách mạng Tháng Tám đã lật đổ nền quân chủ mấy mươi thế kỷ, đã đánh tan xiềng xích thực dân gần một trăm năm, đã đưa chính quyền lại cho nhân dân, đã xây dựng nền tảng cho nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa độc lập, tự do, hạnh phúc. Đó là một cuộc thay đổi cực kỳ to lớn trong lịch sử nước nhà” .

Kể từ đó, tiếp thu, kế thừa những tư tưởng tiến bộ của nhân loại về mô hình nhà nước, quá trình nhận thức tư duy lý luận của Đảng qua các nhiệm kỳ đại hội, nhất là thời kỳ đổi mới từ Đại hội VI đến Đại hội XIII, không ngừng được phát triển và hoàn thiện. Những quan điểm, đường lối đó được Nhà nước cụ thể hóa trong các bản Hiến pháp năm 1946, 1959, 1980, 1992 và 2013.

Quá trình xây dựng và phát triển của Nhà nước trong mỗi giai đoạn lịch sử có những thay đổi về mô hình bộ máy, tuy nhiên, xuyên suốt mạch phát triển ấy đều dựa trên cơ sở nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng của Hồ Chí Minh về nhà nước pháp quyền của dân, do dân, vì dân.

Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ khóa VII (tháng 01/1994), lần đầu tiên, Đảng ta đã chính thức sử dụng thuật ngữ “Nhà nước pháp quyền Việt Nam”: Xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011), Đảng ta khẳng định một trong những đặc trưng của chế độ là “xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân”, chỉ rõ: “Nhà nước ta là Nhà nước pháp quyền xã hội chủ

nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân mà nền tảng là liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo. Quyền lực nhà nước là thống nhất; có sự phân công, phối hợp và kiểm soát giữa các cơ quan trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp. Nhà nước ban hành pháp luật; tổ chức, quản lý xã hội bằng pháp luật và không ngừng tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa” .

Quan điểm này được Hiến pháp năm 2013 tiếp tục ghi nhận, đồng thời chỉ rõ: “Nhà nước bảo đảm và phát huy quyền làm chủ của Nhân dân; công nhận, tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm quyền con người, quyền công dân; thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, mọi người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện”.

Làm sâu sắc những tư tưởng này, trong bài viết, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng nhấn mạnh: *“Xã hội xã hội chủ nghĩa là xã hội hướng tới các giá trị tiến bộ, nhân văn, dựa trên nền tảng lợi ích chung của toàn xã hội hài hòa với lợi ích chính đáng của con người, khác hẳn về chất so với các xã hội cạnh tranh để chiếm đoạt lợi ích riêng giữa các cá nhân và phe nhóm, do đó cần và có điều kiện để xây dựng và đồng thuận xã hội thay vì đối lập, đối kháng xã hội”*.

Trong chế độ chính trị xã hội chủ nghĩa, mối quan hệ giữa Đảng, Nhà nước và nhân dân là mối quan hệ giữa các chủ thể thống nhất về mục tiêu và lợi ích, mọi đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật và hoạt động của Nhà nước đều vì lợi ích của nhân dân, lấy hạnh phúc của nhân dân làm mục tiêu phấn đấu. Mô hình chính trị và cơ chế vận hành tổng quát là Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý và nhân dân làm chủ. Dân chủ là bản chất của chế độ xã hội chủ nghĩa, vừa là mục tiêu, vừa là động lực của công cuộc xây dựng xã hội chủ nghĩa; xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm quyền lực thực sự thuộc về nhân dân là một nhiệm vụ trọng yếu, lâu dài của cách mạng Việt Nam.

Chúng ta chủ trương không ngừng phát huy dân chủ, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa thực sự của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân trên cơ sở liên minh giữa công nhân, nông dân và trí thức do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo. Nhà nước đại diện cho quyền làm chủ của nhân dân, đồng thời là người tổ chức thực hiện đường lối của Đảng; có cơ chế để nhân dân thực hiện quyền làm chủ trực tiếp và dân chủ đại diện trên các lĩnh vực của đời sống xã hội, tham gia quản lý xã hội. Chúng ta nhận thức rằng, Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa về bản chất khác với nhà nước pháp quyền tư sản là ở chỗ: Pháp quyền dưới chế độ tư bản chủ nghĩa về thực chất là công cụ bảo vệ và phục vụ cho lợi ích của giai cấp tư sản, còn pháp quyền dưới chế độ xã hội chủ nghĩa là công cụ thể hiện và thực hiện quyền làm chủ của nhân dân, bảo đảm và bảo vệ lợi ích của đại đa số nhân dân.

Thông qua thực thi pháp luật, Nhà nước bảo đảm các điều kiện để nhân dân là chủ thể của quyền lực chính trị, thực hiện chuyên chính với mọi hành động xâm hại lợi ích của Tổ quốc và nhân dân. Đồng thời, chúng ta xác định: Đại đoàn kết toàn dân tộc là nguồn sức mạnh và là nhân tố có ý nghĩa quyết định bảo đảm thắng lợi bền vững của sự nghiệp cách mạng Việt Nam, không ngừng thúc đẩy sự bình đẳng và đoàn kết giữa các dân tộc, tôn giáo.

Trong quá trình đổi mới đất nước, Đảng ta luôn coi trọng đổi mới hệ thống chính trị mà trọng tâm là xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Thực tiễn qua 35 năm đổi mới, tư duy lý luận của Đảng về xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ngày càng đầy đủ và phát triển hơn, tạo cơ sở vững chắc cho việc xây dựng một nhà nước trong sạch, vững mạnh, đáp ứng được yêu cầu phát triển đất nước trên con đường đi lên chủ nghĩa xã hội.

Trong bài viết, Tổng Bí thư làm sâu sắc những quan điểm đã được thể hiện nhất quán trong các văn kiện của Đảng, vừa có những phát triển mới, vừa chỉ rõ vị trí, tầm quan trọng của nhiệm vụ xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa hiện nay. Đây là vấn đề lý luận và thực tiễn hết

sức mới mẻ, chưa có trong tiền lệ của cách mạng xã hội chủ nghĩa trên thế giới cũng như ở Việt Nam.

Vì vậy, tư tưởng trong bài viết là những chỉ dẫn để tổ chức thực hiện trong thực tiễn, đòi hỏi phải có sự nhận thức lý luận khoa học, cách mạng, phát huy cao độ thái độ, trách nhiệm chính trị và hành động cách mạng đúng đắn, giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa trong xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Đồng thời, đây là cơ sở để phòng ngừa những tư tưởng chủ quan, nóng vội, áp dụng một cách máy móc các mô hình nhà nước pháp quyền của các nước khác vào Việt Nam; đấu tranh, phản bác những quan điểm sai trái, thù địch phủ nhận đường lối, quan điểm của Đảng về Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và thực tiễn xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

Bài viết của Tổng Bí thư có ý nghĩa hết sức to lớn, làm sâu sắc, truyền cảm hứng, tạo sự thống nhất trong nhận thức, hành động về xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa thật sự của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân, nhất là trong thời điểm mỗi người dân đang nỗ lực thực hiện quyền làm chủ của mình bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026; góp phần tạo sự đồng thuận, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, đẩy mạnh sự nghiệp đổi mới, đưa đất nước bước vào giai đoạn phát triển mới theo tinh thần Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng.

VỊ TRÍ CỦA QUYỀN CON NGƯỜI TRONG XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM HIỆN NAY

ThS. Ngô Thị Ninh Dung

Giảng viên Khoa Xây dựng đảng

1. Nhận thức của Việt Nam về quyền con người

Lời mở đầu trong Tuyên ngôn thế giới về nhân quyền năm 1948, vai trò nâng đỡ và mối quan hệ chặt chẽ, không thể tách rời giữa nhà nước pháp quyền và các quyền con người đã được khẳng định như một nguyên tắc xuyên suốt và trở thành linh hồn của toàn bộ văn bản này: “*Xét vì điều cốt yếu là các quyền con người phải được bảo vệ bằng nhà nước pháp quyền...*” - Tuyên ngôn thế giới về Quyền con người [1].

Những tư tưởng về quyền con người đã được Nguyễn Ái Quốc sớm truyền bá trong cuộc đấu tranh nhằm thức tỉnh ý thức đoàn kết dân tộc, ý chí đấu tranh đòi độc lập dân tộc và các quyền cơ bản của người dân xứ thuộc địa. Trong Yêu sách của nhân dân An Nam (năm 1919), Nguyễn Ái Quốc đã đưa ra yêu sách đòi cải cách nền pháp lý ở Đông Dương bằng cách cho người bản xứ cũng được quyền hưởng đảm bảo về mặt pháp luật như người Âu Châu; xóa bỏ hoàn toàn các tòa án đặc biệt dùng làm công cụ khủng bố và áp bức. Thay chế độ ra các sắc lệnh bằng chế độ ra các đạo luật; Đảm bảo các quyền tự do báo chí, ngôn luận, lập hội, hội họp, cư trú và học tập cho người dân.[2]

Ngay từ khi thành lập (1930), Đảng Cộng sản Việt Nam đã quan tâm đến vấn đề bảo vệ quyền con người, thông qua các khẩu hiệu đấu tranh cho “Việt Nam tự do”, quyền “tự do tổ chức”; “nam nữ bình quyền”, quyền phổ cập giáo dục, quyền của người công nhân chỉ làm việc 8 giờ/ngày... Trong giai đoạn từ năm 1936 đến năm 1939, Đảng Cộng sản Đông Dương đã cùng các tầng lớp nhân dân đoàn kết tổ chức cuộc vận động vì các quyền dân sinh, dân chủ ở Việt Nam. Về mục tiêu của cuộc vận động, Đảng Cộng sản Đông Dương tuyên bố sẵn sàng liên hiệp để hành động với mọi giai cấp, tầng lớp để “bảo vệ hoà bình, đòi các quyền

tự do dân chủ, cơm áo cho quần chúng nhân dân”. Đường lối chiến lược và sách lược đấu tranh này đã nhanh chóng giành được sự ủng hộ tự giác, mạnh mẽ và sâu rộng của quảng đại quần chúng nhân dân. Nhận xét về cuộc vận động này, nhiều nhà nghiên cứu cho rằng với mục tiêu và đường lối chiến lược đúng đắn, cuộc đấu tranh này đã góp phần giáng ngũ chính trị ở một mức độ nhất định đối với quần chúng nhân dân, tạo ra bước chuẩn bị quan trọng cho thắng lợi của Cách mạng tháng Tám sau này.[3] Sau gần 100 năm người dân Việt Nam phải sống dưới xiềng xích thực dân, cuộc Cách mạng giành chính quyền tháng Tám năm 1945 - Cuộc hồi sinh vĩ đại của một dân tộc đoàn kết- là cơ hội đem lại những quyền con người cơ bản cho nhân dân Việt Nam. Quyền con người của một đất nước độc lập đã được thể hiện ngay tại Tuyên ngôn độc lập và Hiến pháp năm 1946, bản Hiến pháp đầu tiên của Việt Nam cũng như toàn cõi Á Đông: “Tất cả mọi người đều sinh ra có quyền bình đẳng. Tạo hóa cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được; trong những quyền ấy, có quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc”. [4] Trong *Luận cương cách mạng Việt Nam* thông qua tại Đại hội lần thứ II (1951), Đảng đã khẳng định rõ mục tiêu bảo đảm mọi công dân đều : “...được hưởng quyền con người, dân quyền và tài quyền[5]”.

Vấn đề bảo đảm quyền con người tiếp tục được Đảng và Nhà nước Việt Nam quan tâm, đặc biệt kể từ khi Đổi mới (1986). Đại hội VI của Đảng (1986) tuy chưa đề cập khái niệm quyền con người nhưng đã khẳng định yêu cầu với các cơ quan nhà nước “...phải tôn trọng và bảo đảm những quyền công dân mà Hiến pháp đã quy định[6]” và “...bảo đảm quyền dân chủ thật sự của Nhân dân lao động[7]”. Đến Đại hội VII (1991), lần đầu tiên khái niệm quyền con người chính thức được ghi nhận trong văn kiện Đảng: “Nhà nước định ra các đạo luật nhằm xác định các quyền công dân và quyền con người[8]”. Đại hội lần thứ IX (2001) lần đầu tiên khẳng định trách nhiệm của nhà nước và nghĩa vụ của quốc gia về quyền con người, cụ thể là: “Chăm lo cho con người, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mọi người, tôn trọng và thực hiện các điều ước quốc tế về quyền con

người mà Việt Nam đã ký kết hoặc tham gia[9]”. Đại hội X (2006) nhấn mạnh yêu cầu “Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của Nhân dân, do Nhân dân và vì Nhân dân là yêu cầu bức thiết của xã hội; Nhà nước phải thể chế hóa và tổ chức thực hiện có hiệu quả quyền công dân, quyền con người[10]”. Đại hội lần thứ XI (2011) đã thông qua *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* (bổ sung, phát triển năm 2011) trong đó nêu rõ: “Tôn trọng và bảo vệ quyền con người, gắn quyền con người với quyền và lợi ích của dân tộc, đất nước và quyền làm chủ của Nhân dân[11]”. Đại hội lần thứ XII (2016) nhấn mạnh: “Thực hiện quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân, theo tinh thần của Hiến pháp năm 2013... hoàn thiện hệ thống pháp luật, tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm quyền con người, quyền và nghĩa vụ của công dân[12]”. Đại hội lần thứ XIII của Đảng (2021) tiếp tục đặt ra yêu cầu “Đảng và Nhà nước ban hành đường lối, chủ trương, chính sách, pháp luật tạo nền tảng chính trị, pháp lý, tôn trọng, bảo đảm, bảo vệ quyền làm chủ của Nhân dân[13]”.

Từ những phân tích trên, có thể thấy, việc tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm quyền con người là quan điểm nhất quán, xuyên suốt của Đảng Cộng sản Việt Nam trong thời kỳ đổi mới, hội nhập quốc tế. Đây là cơ sở, nền tảng quan trọng để xây dựng và hoàn thiện chính sách, pháp luật, chỉ đạo mọi hoạt động của Nhà nước và xã hội trong bảo đảm quyền con người trong thực tế ở Việt Nam.

Trên cơ sở đường lối của Đảng, khái niệm “quyền con người” lần đầu tiên được hiến định tại Điều 50 Hiến pháp năm 1992 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2001. Trong Hiến pháp năm 2013, chế định về quyền con người, quyền công dân được sửa đổi một cách cơ bản theo hướng tiệm cận với các tiêu chuẩn quốc tế. Nhìn chung, khung khổ pháp luật về quyền con người ở Việt Nam đã liên tục được hoàn thiện và củng cố từ năm 1986, trong đó những thành tựu có tính bước ngoặt được thể hiện tập trung qua hai bản Hiến pháp năm 1992 đã được sửa đổi bổ sung năm 2001 và Hiến pháp năm 2013. Cho đến nay, khung khổ pháp luật về quyền con người của Việt Nam đã khá toàn diện và cơ bản tương thích với các

tiêu chuẩn quốc tế. Trong thực tế, kể từ khi Đổi mới, Việt Nam đã đạt được những thành tựu to lớn không thể phủ nhận trong việc bảo đảm quyền con người, đặc biệt là các quyền kinh tế, xã hội, văn hóa, được cộng đồng quốc tế đánh giá cao.

Mặc dù vậy, cũng cần thấy rằng, pháp luật của Việt Nam về quyền con người hiện vẫn còn một khoảng cách nhất định với luật nhân quyền quốc tế. Những khác biệt đó tạo ra những thách thức nhất định đối với việc bảo đảm quyền con người, mà cũng là những thách thức với việc xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN.

Từ những phân tích ở trên, có thể thấy rằng việc tiếp tục thúc đẩy xây dựng nhà nước pháp quyền và bảo đảm tốt hơn các quyền con người là yêu cầu cấp thiết của Việt Nam hiện nay. Đó là bởi cả pháp quyền và nhân quyền đều được xem là những giá trị mang tính cốt lõi của Liên hợp quốc, mà đã, đang và sẽ tiếp tục chi phối các mối quan hệ quốc tế trên tất cả các lĩnh vực chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa. Vì vậy, Việt Nam sẽ không thể hội nhập quốc tế hiệu quả nếu không thúc đẩy việc xây dựng nhà nước pháp quyền và bảo đảm các quyền con người theo các chuẩn mực quốc tế, mà được xem là những *tiêu chuẩn tối thiểu* với các quốc gia. Ở trong nước, cùng với việc mức sống ngày càng được nâng cao, những nhu cầu cơ bản như ăn, mặc, ở đã được đáp ứng và sự phát triển vượt bậc của công nghệ thông tin thì những yêu cầu và khả năng thể hiện yêu cầu của người dân về việc bảo đảm các quyền con người, cũng như bảo đảm các giá trị pháp quyền, cụ thể như công lý, công bằng, công khai, minh bạch trách nhiệm giải trình... của bộ máy nhà nước sẽ ngày càng cao và thường xuyên hơn. Kinh nghiệm của nhiều nước đã cho thấy, cùng với sự cải thiện về mức sống, nhu cầu của người dân về dân chủ, pháp quyền, nhân quyền sẽ tăng lên, và nếu như những yêu cầu đó không được đáp ứng một cách tương xứng thì có thể gây ra những bất ổn về mặt chính trị và xã hội. Điều này hoàn toàn phù hợp với quan điểm của chủ nghĩa Mác Lênin về sự tương xứng trong mối quan hệ giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng.

Ở đây, khi cơ sở hạ tầng là quan hệ sản xuất và đời sống xã hội đã thay đổi, thì kiến trúc thượng tầng là Nhà nước và pháp luật cũng cần phải thay đổi tương ứng.

2. Vị trí của quyền con người trong quá trình xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam

Ở nước ta, khái niệm “Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa”, lần đầu tiên, được nêu ra tại Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá VII (ngày 29-11-1991) và tiếp tục được khẳng định tại Hội nghị toàn quốc giữa nhiệm kỳ khóa VII của Đảng (năm 1994) cũng như trong các văn kiện khác của Đảng và Nhà nước. Với Hiến pháp năm 2013, bản chất và đặc điểm của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở nước ta đã được thể chế hóa rõ hơn. Về bản chất, đó là Nhà nước của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân (Điều 2 Hiến pháp năm 2013).

Vị trí của quyền con người trong nhà nước pháp quyền được thể hiện qua mối liên hệ gắn kết giữa nhân quyền và pháp quyền. Mối liên hệ đó thể hiện ngay trong Tuyên ngôn toàn thế giới về nhân quyền năm 1948, trong đó nêu rằng: *“Xét rằng điều cốt yếu là nhân quyền phải được một chế độ pháp quyền bảo vệ để con người khỏi bị dồn vào thế cùng, phải nổi dậy chống áp bức và bạo quyền”*[14]. Vấn đề này sau đó tiếp tục được đề cập trong Tuyên bố Thiên niên kỷ năm 2000 của Liên hợp quốc, qua cam kết của các quốc gia gồm Việt Nam, về *“...thúc đẩy sự tôn trọng pháp quyền trong các quan hệ ở cả cấp độ quốc gia và quốc tế...”*[15] để bảo đảm sự thừa nhận các quyền và tự do cơ bản của con người.

Như đã đề cập ở trên, pháp quyền là một nguyên tắc quản trị mà trong đó, mọi chủ thể, bao gồm nhà nước, đều phải tuân thủ pháp luật, và pháp luật đó *phải phù hợp các nguyên tắc và tiêu chuẩn nhân quyền quốc tế*[16]. Như vậy, định nghĩa này phản ánh mối quan hệ gắn bó giữa hai phạm trù, trong đó *quyền con người là trung tâm của khái niệm pháp quyền, vừa là một tiêu chí, vừa là một yêu cầu của chế độ pháp quyền*.

Tiếp đó, tại Hội nghị Thượng đỉnh thế giới năm 2005, các quốc gia thành viên cũng thừa nhận *pháp quyền và nhân quyền là những giá trị và nguyên tắc cốt lõi phổ quát của Liên hợp quốc*[17]. Đi sâu hơn về mối quan hệ đó, trong Tuyên bố thông qua tại Cuộc họp cấp cao của Đại hội đồng Liên hợp quốc về pháp quyền ở cấp độ quốc gia và quốc tế đã tái khẳng định: “*Quyền con người, pháp quyền và dân chủ có mối liên kết chặt chẽ, củng cố lẫn nhau và chúng đều thuộc về các giá trị và nguyên tắc phổ quát, cốt lõi, không thể chia cắt của Liên hợp quốc*”[18]. Tuyên bố cũng nêu rõ: “... sự tiến bộ của pháp quyền ở cấp độ quốc tế và quốc gia là điều cốt yếu cho tăng trưởng kinh tế bền vững và bao trùm, cho sự phát triển bền vững, xóa đói, giảm nghèo và việc hiện thực hoá đầy đủ các quyền và tự do cơ bản của con người, bao gồm cả quyền phát triển; và đến lượt nó, sự phát triển của các quyền đó lại củng cố pháp quyền...”[19]. Từ những nhận định như vậy, Tuyên bố khẳng định: “... *mối quan hệ tương hỗ [giữa pháp quyền và nhân quyền] cần được xem xét trong chương trình nghị sự phát triển quốc tế sau năm 2015*”[20]. Trong một văn kiện khác, Liên hợp quốc cũng khẳng định: “*Ở cấp độ quốc gia, pháp quyền là trọng tâm của khế ước xã hội giữa Nhà nước và các cá nhân dưới quyền tài phán của mình, có tác dụng đảm bảo rằng công lý thấm vào xã hội ở mọi cấp độ. Pháp quyền đảm bảo việc bảo vệ đầy đủ các quyền con người, mang lại cho công dân và cả những người không phải là công dân những cách thức hợp pháp để tìm công lý trong trường hợp là nạn nhân của sự lạm dụng quyền lực và cho phép giải quyết các tranh chấp một cách hòa bình và công bằng*”[21].

3. Phương hướng nâng cao hiệu quả bảo đảm quyền con người trong xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam

Những phân tích ở trên cho thấy, cần nhận thức rõ và sâu sắc hơn tầm quan trọng, ý nghĩa của việc xây dựng nhà nước pháp quyền và bảo đảm quyền con người trong giai đoạn tới, xem đó như là những nội dung cốt lõi trong quá trình hoàn thiện thể chế phát triển nói chung của đất nước, ít nhất là cân bằng với

thể chế phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Cũng cần nhận thức rõ rằng, việc bảo đảm quyền con người không chỉ như là một yêu cầu trọng tâm trong xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, mà còn là một yếu tố cốt lõi để bảo đảm sự ổn định chính trị dựa trên sự lãnh đạo của Đảng. Như vậy, cần xem những hạn chế trong bảo đảm quyền con người, quyền công dân cũng là một nguy cơ đối với sự tồn vong của chế độ, giống như tình trạng tham nhũng hay là sự chậm phát triển về mặt kinh tế.

Trên cơ sở đổi mới về nhận thức như trên, Nhà nước cần đẩy mạnh việc hoàn thiện hệ thống các quy định của pháp luật về quyền con người để phù hợp với luật nhân quyền quốc tế, không chỉ là phù hợp với các quy định chung trong các điều ước, mà còn với các khuyến nghị, quy tắc, tiêu chuẩn... về quyền con người do các cơ quan nhân quyền quốc tế ban hành. Bên cạnh đó, Nhà nước cần hoàn thiện cơ chế pháp lý thực hiện, giám sát thực hiện và xử lý các vi phạm quyền con người, để bảo đảm tất cả các quyền con người đều được tôn trọng, bảo vệ trong thực tế.

Trong việc hoàn thiện pháp luật về quyền con người, cần tiếp tục củng cố hệ thống các quyền con người, quyền công dân đã được hiến định theo hướng bảo đảm sự tương thích với các nguyên tắc, tiêu chuẩn pháp luật quốc tế về quyền con người. Điều này bao gồm việc bổ sung một số quyền hiến định là những quyền con người cơ bản mà đã được ghi nhận trong các điều ước quốc tế về nhân quyền mà Việt Nam đã tham gia; sửa đổi quy định của khoản 2 Điều 14 Hiến pháp năm 2013 về việc hạn chế quyền con người để phù hợp với tinh thần của luật nhân quyền quốc tế, và củng cố các quy định về quyền của các nhóm dễ bị tổn thương theo khuyến nghị trong lần Kiểm điểm định kỳ phổ quát về quyền con người (UPR) chu kỳ 3 năm 2019, bao gồm các nhóm phụ nữ, trẻ em, dân tộc thiểu số, lao động di trú, ...

Để hoàn thiện cơ chế pháp lý thực hiện, giám sát thực hiện và xử lý các vi phạm quyền con người, cần cụ thể hoá và bổ sung các quy định về nghĩa vụ,

trách nhiệm tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm quyền con người của các cơ quan nhà nước trung ương và ở địa phương, bao gồm việc nghiên cứu xây dựng các bộ tiêu chí tương ứng với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và nghĩa vụ của từng chủ thể công quyền để sử dụng làm cơ sở cho hoạt động giám sát, đánh giá việc tuân thủ, thực hiện quyền con người của các cơ quan nhà nước. Bên cạnh đó, Nhà nước cần xúc tiến thành lập các thiết chế giám sát nhân quyền bậc cao – bao gồm cơ quan nhân quyền quốc gia (như đã cam kết với Hội đồng Nhân quyền Liên hợp quốc), và xây dựng cơ chế bảo vệ hiến pháp (theo quy định của khoản 2 Điều 119 Hiến pháp năm 2013). Ngoài ra, trong bối cảnh hiện nay, cần nghiên cứu khả năng chấp nhận thẩm quyền của Ủy ban giám sát một số công ước quốc tế về quyền của phụ nữ, trẻ em, người khuyết tật... để nâng cao uy tín của Việt Nam với cộng đồng quốc tế và tăng cường ý thức trách nhiệm của các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện nghĩa vụ tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm quyền con người theo quy định của Hiến pháp năm 2013./.

Chú thích:

[1] Viện Thông tin khoa học - Trung tâm Nghiên cứu Quyền con người - Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh năm 1988 trang 1.

[2] Hồ Chí Minh: Bàn về Nhà nước và pháp luật, Nhà Xuất bản Chính trị quốc gia, 2005, tr. 72.

[3] Phạm Hồng Tung: Lịch sử cuộc vận động vì các quyền dân sinh, dân chủ ở Việt Nam (1936-1939), Nhà Xuất bản Chính trị quốc gia, 2008.

[4] Hồ Chí Minh: Bàn về Nhà nước và pháp luật, Nhà Xuất bản Chính trị quốc gia, 2005, tr. 315.

[5] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội 2001, t.12, tr.105.

[6] Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, H.1987, tr.112.

[7] Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI*, Tlđđ, tr.117.

[8] Đảng Cộng sản Việt Nam, *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*, Nxb.Sự thật, H.1991, tr.19.

[9] Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, H.2001, tr.134.

[10] Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Tlđđ, tr.72.

[11] Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Tlđđ, tr.76.

[12] Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, H.2016, tr.169.

[13] Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, H.2021, tr.173.

[14] The Universal Declaration of Human Rights, 1948, Preamble.

[15] United Nations Millennium Declaration, General Assembly resolution 55/2 of 8 September 2000, section 8.

[16] Xem: UN Security Council (2004), Tlđđ, đoạn 6.

[17] 2005 World Summit Outcome. Resolution adopted by the General Assembly on 16 September 2005. A/RES/60/1.

[18] United Nations (2012), *Declaration of the High-level Meeting of the General Assembly on the Rule of Law at the National and International Levels*. Resolution adopted by the General Assembly, A/RES/67/1, 30 November 2012, <https://www.un.org/ruleoflaw/files/A-RES-67-1.pdf>.

[19] Tlđđ, đoạn 7.

[20] Tlđđ, đoạn 7.

**XÂY DỰNG VÀ HOÀN THIỆN NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN XÃ HỘI
CHỦ NGHĨA CỦA NHÂN DÂN, DO NHÂN DÂN, VÌ NHÂN DÂN
THEO QUAN ĐIỂM ĐẠI HỘI XIII CỦA ĐẢNG**

TS. Phạm Thị Lệ Ngọc

Giảng viên Khoa Lý luận cơ sở

Khái niệm “Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa” lần đầu tiên được nêu ra tại Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá VII (ngày 29/11/1991). Tại các kỳ Đại hội của Đảng tiếp theo đã có bước phát triển về chất trong nhận thức về xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Đến Đại hội XII của Đảng khẳng định quan điểm nhất quán của Đảng về đẩy mạnh nhiệm vụ xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa trong giai đoạn phát triển mới: Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa do Đảng lãnh đạo là nhiệm vụ trọng tâm của đổi mới hệ thống chính trị. Hoàn thiện thể chế, chức năng, nhiệm vụ, phương thức và cơ chế vận hành, nâng cao hiệu lực, hiệu quả của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

Để tiếp tục phát huy hơn nữa những kết quả đạt được và khắc phục những hạn chế, khuyết điểm còn tồn tại trong nhiệm kỳ Đại hội XII về xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng Cộng sản Việt Nam tiếp tục quyết nghị nhiều quan điểm, mục tiêu, chủ trương, phương hướng, giải pháp quan trọng về xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân giai đoạn 2021 - 2030 và những năm tiếp theo, trong đó những tư tưởng, quan điểm nổi bật về xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam giai đoạn 2021 -2030, bao gồm:

1. Định hướng xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam giai đoạn 2021-2030 trong Văn kiện Đại hội XIII của Đảng

Trên cơ sở đánh giá toàn diện những kết quả đạt được, cũng như những hạn chế, khuyết điểm còn tồn tại trong thực hiện Nghị quyết Nhiệm kỳ Đại hội XII,

Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng tiếp tục quyết nghị chủ trương: “Xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa trong sạch, vững mạnh, tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, vì nhân dân phục vụ và vì sự phát triển của đất nước. Tăng cường công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình, kiểm soát quyền lực gắn với siết chặt kỷ cương, kỷ luật trong hoạt động của Nhà nước và của cán bộ, công chức, viên chức. Tiếp tục đẩy mạnh đấu tranh, phòng chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu, tội phạm và tệ nạn xã hội”. Đây, là những định hướng lớn, bao trùm mục tiêu và phương hướng, giải pháp xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân trong giai đoạn 2021 - 2030, quan điểm đó, thể hiện rõ những mục tiêu bao trùm, đồng thời cũng là những định hướng lớn, cụ thể gồm:

Thứ nhất, xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa trong sạch, vững mạnh, tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, vì nhân dân phục vụ và vì sự phát triển của đất nước.

Mọi chủ trương, biện pháp xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa trong giai đoạn này đều phải hướng đến mục tiêu nhằm bảo đảm cho Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam thật sự “*trong sạch, vững mạnh, tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, vì nhân dân phục vụ và vì sự phát triển của đất nước*”. Mục tiêu này, được xác lập trên cơ sở bắt nguồn từ ngọn gốc ra đời và phản ánh bản chất căn bản, cốt lõi của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam - Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; nhà nước là công cụ quyền lực của nhân dân, do nhân dân tổ chức ra và nắm quyền điều hành hoạt động; mọi hoạt động của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa đều nhằm thực hiện quyền và lợi ích chính đáng của nhân dân, chăm lo và bảo vệ nhân dân.

Thực tiễn công cuộc đổi mới toàn diện đất nước và kiến thiết đất nước trong tình hình mới, đặc biệt là để vươn tới tầm nhìn vào giữa thế kỷ XXI, nếu nhà nước không được xây dựng thật sự trong sạch, vững mạnh, hoạt động hiệu lực, hiệu quả

thì không thể đảm đương được trọng trách là đại diện cho quyền và lợi ích chính đáng của nhân dân, không thể đáp ứng ngang tầm yêu cầu công cuộc xây dựng, kiến thiết và phát triển đất nước trong tình hình mới.

Thứ hai, tăng cường công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình, kiểm soát quyền lực gắn với siết chặt kỷ cương, kỷ luật trong hoạt động của Nhà nước và của cán bộ, công chức, viên chức.

Đây là chủ trương, giải pháp lớn, có ý nghĩa cốt lõi, bao trùm toàn bộ hoạt động xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn 2021 - 2030. Đồng thời, thể hiện quyết tâm chính trị quan trọng của Đảng Cộng sản Việt Nam trong nỗ lực bám nắm tình hình tìm ra nội dung trọng tâm, khâu then chốt, nhiệm vụ cốt lõi để lãnh đạo, chỉ đạo nhằm tạo sự chuyển biến thực sự trong xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Việc xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam hiện nay, đòi hỏi Đảng cần phải quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ, Nhà nước phải tăng cường đổi mới sự quản lý, điều hành và phát huy tốt vai trò của nhân dân bảo đảm xây dựng sao cho Nhà nước thực sự xứng đáng là cơ quan quyền lực của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân, có đủ năng lực, sức mạnh để thực hiện có hiệu lực, hiệu quả việc quản lý, điều hành xã hội theo đúng nguyện vọng của toàn dân trong thời kỳ đổi mới, hội nhập quốc tế hiện nay.

Thứ ba, tiếp tục đẩy mạnh đấu tranh, phòng chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu, tội phạm và tệ nạn xã hội.

Nghị quyết Đại hội XIII chỉ rõ: “Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân do Đảng lãnh đạo là nhiệm vụ trọng tâm của đổi mới hệ thống chính trị”. Vấn đề phòng, chống tham nhũng, lãng phí là một nội dung, giải pháp hết sức quan trọng trong xây dựng đổi mới chính đôn Đảng và xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Xây dựng đổi mới, chính đôn Đảng, đổi

mới hệ thống chính trị và xây dựng hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa có quan hệ mật thiết tác động tương hỗ lẫn nhau, không thể tách rời biệt lập. Trong đó, vấn đề phòng chống tham ô, tham nhũng, quan liêu, lãng phí trong đội ngũ cán bộ của Đảng, đội ngũ công chức, viên chức của Nhà nước đang vừa là nhiệm vụ trọng tâm, then chốt trong xây dựng, đổi mới chính đôn Đảng, đổi mới hệ thống chính trị, đồng thời là vấn đề then chốt trong xây dựng hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng xác định: “Tiếp tục đổi mới, hoàn thiện tổ chức bộ máy của Đảng và hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, đồng bộ với đổi mới kinh tế, văn hóa, xã hội, con người..., đáp ứng yêu cầu nâng cao năng lực lãnh đạo, cầm quyền của Đảng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và nền dân chủ xã hội chủ nghĩa. Tiếp tục hoàn thiện mô hình tổ chức của hệ thống chính trị. Tổng kết các mô hình thí điểm về tổ chức bộ máy của Đảng và hệ thống chính trị, khắc phục sự chồng chéo và những bất hợp lý trong tổ chức của Đảng và tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị. Đẩy mạnh thực hiện tinh giản biên chế gắn với cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo vị trí việc làm”.

2. Quan điểm Đại hội XIII của Đảng tiếp tục khẳng định bản chất của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam là Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân.

Nghiên cứu về tư tưởng Nhà nước pháp quyền trong lịch sử tư tưởng nhân loại có thể thấy đặc trưng bản chất nổi bật của Nhà nước pháp quyền nói chung là tinh thần “thượng tôn pháp luật”, ở đó mọi tổ chức và công dân đều phải sống và hành động tuân theo hiến pháp, pháp luật. Đặc trưng bản chất này được thể hiện cụ thể bao gồm: *Một là*, Nhà nước pháp quyền là tổ chức chính trị của nhân dân, bảo đảm chủ quyền của nhân dân. *Hai là*, Nhà nước pháp quyền là nhà nước tôn trọng pháp luật, bảo đảm tính tối cao của hiến pháp và pháp luật trong đời sống xã hội. *Ba là*, Nhà nước pháp quyền công nhận, tôn trọng thực hiện và bảo vệ

quyền công dân. *Bốn là*, Nhà nước pháp quyền là nhà nước chịu trách nhiệm trước công dân về những hoạt động của mình, còn công dân phải thực hiện các nghĩa vụ đối với nhà nước và chịu trách nhiệm pháp lý về những hành vi vi phạm pháp luật của mình. *Năm là*, Nhà nước pháp quyền phải có hình thức tổ chức quyền lực nhà nước thích hợp với từng quốc gia và có cơ chế giám sát sự tuân thủ pháp luật, xử lý các vi phạm pháp luật, bảo đảm cho pháp luật được thực hiện. *Sáu là*, Nhà nước pháp quyền là nhà nước bảo đảm sự độc lập của tòa án và tính dân chủ, minh bạch của pháp luật.

Bước sang thời kỳ đổi mới và hội nhập quốc tế hiện nay, Đảng ta luôn nhất quán chủ trương xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa là vấn đề tất yếu để đưa công cuộc đổi mới đến thành công. Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng tiếp tục xác định: “Xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa trong sạch, vững mạnh, tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, vì nhân dân phục vụ và vì sự phát triển của đất nước. Tăng cường công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình, kiểm soát quyền lực gắn với siết chặt kỷ cương, kỷ luật trong hoạt động của Nhà nước và của cán bộ, công chức, viên chức. Tiếp tục đẩy mạnh đấu tranh, phòng chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu, tội phạm và tệ nạn xã hội”. Đây, vừa là mục tiêu, vừa là phương hướng xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong tình hình mới.

3. Những nội dung và giải pháp cơ bản xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam theo Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng.

Một là, tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân do Đảng lãnh đạo là nhiệm vụ trọng tâm của đổi mới hệ thống chính trị. Nâng cao năng lực, hiệu lực, hiệu quả hoạt động của Nhà nước. Xác định rõ hơn vai trò, vị trí, chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của các cơ quan nhà nước...

Hai là, tiếp tục đổi mới tổ chức và hoạt động của Quốc hội, bảo đảm Quốc hội thực sự là cơ quan đại biểu cao nhất của nhân dân, cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất. Đổi mới phương thức, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động, phát huy dân chủ, pháp quyền, tăng tính chuyên nghiệp trong tổ chức và hoạt động của Quốc hội, trong thực hiện chức năng lập pháp, quyết định những vấn đề quan trọng của đất nước và giám sát tối cao...

Ba là, xây dựng nền hành chính nhà nước phục vụ nhân dân, dân chủ, pháp quyền, chuyên nghiệp, hiện đại, trong sạch, vững mạnh, công khai, minh bạch. Tiếp tục đổi mới tổ chức và hoạt động của Chính phủ theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả trên cơ sở tổ chức hợp lý các bộ đa ngành, đa lĩnh vực; phát huy đầy đủ vị trí, vai trò, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Chính phủ là cơ quan hành chính nhà nước cao nhất, thực hiện quyền hành pháp, là cơ quan chấp hành của Quốc hội,...

Bốn là, tiếp tục xây dựng nền tư pháp Việt Nam chuyên nghiệp, hiện đại, công bằng, nghiêm minh, liêm chính, phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân. Nghiên cứu, ban hành Chiến lược xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam đến năm 2030, định hướng đến năm 2045...

Năm là, tiếp tục hoàn thiện tổ chức chính quyền địa phương phù hợp với địa bàn nông thôn, đô thị, hải đảo, đơn vị hành chính, kinh tế đặc biệt theo luật định; thực hiện và tổng kết việc thí điểm chính quyền đô thị nhằm xây dựng và vận hành các mô hình quản trị chính quyền đô thị theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Gắn kết và đổi mới tổ chức bộ máy và cơ chế hoạt động của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội ở các cấp...

Sáu là, tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức có đủ phẩm chất, năng lực, uy tín, phục vụ nhân dân và sự phát triển của đất nước. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương đi đôi với cải cách tiền lương, chế độ, chính sách đãi ngộ, tạo môi trường, điều kiện làm việc để thúc đẩy đổi mới sáng tạo, phục vụ phát triển; có cơ chế lựa chọn, đào tạo, thu hút, trọng dụng nhân tài, đồng thời, có cơ chế sàng lọc,

thay thế kịp thời những người không hoàn thành nhiệm vụ, vi phạm pháp luật, đạo đức công vụ, đạo đức nghề nghiệp, bị xử lý kỷ luật, không còn uy tín đối với nhân dân...

Bây là, gắn kết chặt chẽ giữa xây dựng pháp luật với tổ chức thi hành pháp luật. Tập trung chỉ đạo quyết liệt, đầu tư hợp lý nguồn lực và các điều kiện để thực hiện tốt các nhiệm vụ nâng cao hiệu lực, hiệu quả tổ chức thi hành pháp luật, thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật; cải cách thủ tục hành chính; kiện toàn tổ chức, tinh giảm hợp lý đầu mối, bỏ cấp trung gian, tinh giản biên chế. Thúc đẩy xây dựng chính quyền điện tử, tăng cường sự kết nối, trao đổi thông tin thường xuyên giữa chính quyền các cấp, giữa chính quyền với người dân và doanh nghiệp.

Mỗi nội dung quan điểm của Đảng về xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa trong Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII có vị trí, vai trò, nội dung cụ thể khác nhau, song giữa các nội dung đó luôn có mối quan hệ khăng khít, tác động tương hỗ lẫn nhau tạo cơ sở định hướng và chỉ đạo toàn bộ quá trình xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong thời kỳ mới.

**TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ TỔ CHỨC BỘ MÁY NHÀ NƯỚC
VÀ VIỆC VẬN DỤNG TRONG XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN
XÃ HỘI CHỦ NGHĨA HIỆN NAY**

Ths. Trần Thị Thu Trang

Phó trưởng Khoa Nhà nước và Pháp luật

Trong di sản tư tưởng Hồ Chí Minh, vấn đề Nhà nước và pháp luật giữ một vị trí đặc biệt quan trọng và có ý nghĩa to lớn đối với sự nghiệp xây dựng, củng cố một nhà nước kiểu mới của dân, do dân, vì dân. Các tư tưởng Hồ Chủ Tịch về Nhà nước thật sự to lớn, sâu sắc không chỉ được thể hiện trong các bài viết, các bài phát biểu, trong các văn kiện quan trọng do Người trực tiếp chỉ đạo xây dựng và ban hành mà cả trong hành động thực tiễn của Người trên cương vị là người lãnh đạo cao nhất của Đảng và Nhà nước. Nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước pháp quyền có thể khái quát trên các quan điểm về Nhà nước của dân, do dân, vì dân; về mô hình tổ chức bộ máy nhà nước; về một Nhà nước được tổ chức và hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật... Trong nội dung khuôn khổ bài viết này, tác giả tập trung bàn về mô hình tổ chức bộ máy nhà nước theo tư tưởng Hồ Chí Minh và việc vận dụng trong xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa hiện nay.

Cách mạng Tháng 8 năm 1945 thành công, Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hoà ra đời, mở đầu một chính thể nhà nước mới ở Việt Nam: chính thể dân chủ cộng hoà. Sự ra đời của chính thể dân chủ cộng hoà thể hiện một tư duy sáng tạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong việc lựa chọn mô hình tổ chức nhà nước, vừa tiếp thu được các giá trị phổ biến của nền dân chủ nhân loại, vừa phù hợp với các đặc điểm của đất nước. Tư tưởng của Người về nhà nước và pháp luật thể hiện trong những quy định về tổ chức bộ máy nhà nước do Người trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo thiết kế. Chủ tịch Hồ Chí Minh trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo thiết kế mô hình tổ chức bộ máy nhà nước rất đặc sắc, thể hiện trong nội dung các bản Hiến pháp và các sắc lệnh, đạo luật lúc Người còn sinh thời. Cụ thể trong hai bản Hiến pháp

1946, 1959 do Chủ tịch Hồ Chí Minh trực tiếp chỉ đạo soạn thảo và 613 sắc lệnh kể từ 1945 đến 1969, trong đó có 243 sắc lệnh liên quan đến bộ máy nhà nước và luật pháp do Người ký ban hành đã hình thành một thể chế bộ máy nhà nước vừa hiện đại vừa dân tộc kết tinh sâu sắc tư tưởng Hồ Chí Minh về một chính quyền mạnh mẽ và sáng suốt của nhân dân.

Hiến pháp năm 1946 được xem là một bản Hiến pháp mang đậm dấu ấn của tư tưởng Hồ Chí Minh - một bản Hiến pháp cô đúc, khúc chiết, mạch lạc và dễ hiểu với tất cả mọi người. Đó là một bản Hiến pháp mẫu mực trên nhiều phương diện. Hiến pháp năm 1946 đã được thiết kế theo tư tưởng dân chủ, pháp quyền, tạo nên nguyên tắc và phương thức tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước sao cho lạm quyền, lạm quyền không thể xảy ra và quyền tự do, dân chủ của nhân dân được ghi nhận, tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm. Bộ máy nhà nước có các thành tố cơ bản như Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ, Tòa án nhân dân và chính quyền địa phương được tổ chức trên nguyên tắc: *“Đoàn kết toàn dân...; Đảm bảo các quyền tự do dân chủ; Thực hiện chính quyền mạnh mẽ và sáng suốt của nhân dân”*, được thể hiện trong Lời nói đầu của Hiến pháp năm 1946. Với mỗi thành tố cơ bản trong bộ máy nhà nước, Chủ tịch Hồ Chí Minh đều có những chỉ dẫn khá cụ thể về cách thức tổ chức và hoạt động, bảo đảm các thành tố đó thể hiện được bản chất của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân. Theo đó, Quốc hội (mà Hiến pháp năm 1946 gọi là Nghị viện nhân dân) được hiến định là “cơ quan có quyền cao nhất của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa”(Điều thứ 22), giải quyết mọi vấn đề chung cho toàn quốc; Chính phủ là “Cơ quan hành chính cao nhất của toàn quốc” (Điều thứ 43); Tòa án: “Trong khi xét xử, các viên thẩm phán chỉ tuân theo pháp luật, các cơ quan khác không được can thiệp” (Điều thứ 69). Trong tổ chức quyền lực nhà nước, Hiến pháp năm 1946 đã có sự phân công khá rạch ròi giữa lập pháp (Nghị viện), hành pháp (Chính phủ), tư pháp (Tòa án), đồng thời có sự kiểm soát quyền lực giữa các cơ quan này. Với chính quyền địa phương, Người

đã quan tâm thiết kế mô hình chính quyền địa phương có tính tới đặc điểm khác biệt của nông thôn và đô thị.

Tuy không tiếp nhận tư tưởng phân quyền vốn là nền tảng lý luận của mô hình nhà nước dân chủ phương Tây, nhưng Hồ Chí Minh đã đưa vào mô hình tổ chức bộ máy nhà nước những yếu tố hợp lý và khoa học của nguyên tắc phân quyền. Theo đó, bộ máy nhà nước được thiết kế trên cơ sở phân chia quyền lực uyển chuyển giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện quyền lập pháp, quyền hành pháp và quyền tư pháp. Trong mô hình tổ chức bộ máy nhà nước này, không có một cơ quan nào là độc quyền quyền lực, có quyền đứng trên cơ quan khác. Nghị viện nhân dân là cơ quan có quyền cao nhất của nước Việt Nam dân chủ cộng hoà (Điều 22 - Hiến pháp 1946), nhưng không thể là cơ quan toàn quyền; Chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hoà là cơ quan hành chính cao nhất của toàn quốc (Điều 43 - Hiến pháp 1946) nhưng không phải là cơ quan chấp hành của Quốc hội như các quy định của Hiến pháp 1992. Cơ quan tư pháp là hệ thống toà án được tổ chức theo cấp xét xử. Với quy định của Hiến pháp 1946 bộ máy nhà nước về cơ bản được cấu tạo theo ba quyền: quyền lập pháp (Nghị viện nhân dân); quyền hành pháp (Chủ tịch nước và Chính phủ); quyền tư pháp (Hệ thống toà án được tổ chức theo cấp xét xử).

Giá trị lớn nhất của mô hình tổ chức nhà nước theo tư tưởng Hồ Chí Minh là sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa bản chất giai cấp công nhân và tính nhân dân, tính dân tộc sâu sắc. Đó là Nhà nước dân chủ nhân dân, trong đó tất cả quyền bính trong nước thuộc về toàn thể nhân dân Việt Nam. Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: “Chính phủ sau đây phải là một Chính phủ toàn dân đoàn kết và tập hợp nhân tài không đảng phái”, “Chính phủ này là Chính phủ toàn quốc có đủ nhân tài Trung, Nam, Bắc tham gia”. Trong thực tiễn tổ chức nhà nước, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã thể hiện tinh thần đoàn kết dân tộc qua việc thu nhận nhân sĩ, trí thức lớn, kể cả quan lại cao cấp của chế độ cũ tham gia Chính phủ. Bên cạnh đó, Hiến pháp năm 1946 đã ghi nhận sự thể hiện quyền lực cao nhất thuộc về nhân dân

thông qua các quy định về quyền phúc quyết của nhân dân với Hiến pháp và các vấn đề quan trọng của đất nước.

Trong giai đoạn hiện nay, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa là một bước đột phá trong tư duy về xây dựng nhà nước trong thời kỳ đổi mới của Đảng ta trên nền tảng tư tưởng Hồ Chí Minh về Nhà nước kiểu mới ở Việt Nam. Đó là cơ sở chính trị cho việc tiếp tục đẩy mạnh việc nghiên cứu về nhà nước pháp quyền và thúc đẩy việc đổi mới một cách căn bản, có hệ thống tổ chức và phương thức hoạt động của nhà nước ở Việt Nam hiện nay. Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, khẳng định “Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân do Đảng lãnh đạo là nhiệm vụ trọng tâm của đổi mới hệ thống chính trị”. Do vậy, trong thực hiện cần tiếp tục quán triệt và vận dụng linh hoạt, sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng tổ chức bộ máy nhà nước hiệu lực, hiệu quả.

Phương hướng cơ bản hiện nay là nâng cao chất lượng hoạt động và kiện toàn tổ chức quốc hội. Nâng cao hơn nữa chất lượng hoạt động lập pháp: Căn cứ vào định hướng phát triển đất nước, xuất phát từ nhu cầu thực tiễn và điều kiện, khả năng thực hiện mà xác định rõ thứ tự ưu tiên trong chương trình xây dựng pháp luật dài hạn và hằng năm. Các luật ban hành cần bảo đảm tính khả thi, dễ hiểu, quy định cụ thể để giảm bớt tình trạng phải chờ đợi quá nhiều văn bản hướng dẫn mới thi hành được. Tăng cường công tác tuyên truyền, giải thích, giáo dục pháp luật để nhân dân hiểu và tự giác chấp hành.

Tiếp tục kiện toàn tổ chức Quốc hội. Đại biểu Quốc hội phải có đủ tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật để đảm bảo thực hiện nhiệm vụ của người đại biểu, đại diện cho ý chí, nguyện vọng của tầng lớp nhân dân. Cần tăng thêm hợp lý số đại biểu nguyên trách cho các Ủy ban trong Quốc hội. Cải tiến và nâng cao chất lượng hoạt động của đại biểu Quốc hội và sinh hoạt của Quốc hội. Có các hình thức thu hút các chuyên gia giỏi làm tư vấn cho các Ủy ban của Quốc hội

trong các hoạt động thẩm định và giám sát. Nghiên cứu và thành lập thêm một số Ủy ban của Quốc hội.

Thứ hai: Tiếp tục cải chính nền hành chính của nhà nước mà trọng tâm là nâng cao hiệu quả hoạt động của Chính phủ; đẩy mạnh phân cấp quản lý, phân định trách nhiệm, thẩm quyền giữa các cấp chính quyền theo hướng phân cấp rõ hơn cho địa phương, kết hợp chặt chẽ quản lý ngành và quản lý lãnh thổ, thực hiện đúng nguyên tắc tập trung dân chủ; Tăng cường tổ chức và hoạt động thanh tra, kiểm tra, coi đó là công cụ quan trọng và hữu hiệu để bảo đảm hiệu lực quản lý nhà nước, thiết lập kỷ cương xã hội.

Thứ ba: Đổi mới tổ chức và hoạt động của chính quyền địa phương, kiện toàn, đổi mới tổ chức, hoạt động của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp để đảm bảo thực hiện tốt nhiệm vụ và thẩm quyền đã được phân cấp; đồng thời, đề cao trách nhiệm tham gia cùng chính quyền cấp trên thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với tổ chức theo ngành dọc trên địa bàn lãnh thổ.

NHIỆM VỤ CỦA NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM THEO TINH THẦN CỦA VĂN KIẾN ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC LẦN THỨ XIII CỦA ĐẢNG

ThS. Nguyễn Thị Ngọc Lan

Giảng viên Khoa Nhà nước và pháp luật

Trong xã hội đương đại, khi nhu cầu tôn trọng, đề cao, bảo đảm và bảo vệ quyền con người, quyền công dân ngày càng được quan tâm, thì mục tiêu xây dựng một xã hội dân chủ, công bằng và bình đẳng đã trở nên phổ biến ở nhiều quốc gia trên thế giới trong đó có Việt Nam. Để xây dựng được xã hội đáp ứng các mục tiêu trên thì vai trò và trách nhiệm đầu tiên và nặng nề nhất phải thuộc về nhà nước - tổ chức quyền lực chung của toàn xã hội và cũng là tổ chức có nhiều ưu thế nhất trong số các tổ chức của xã hội. Tuy nhiên không phải nhà nước nào cũng đủ khả năng xây dựng được xã hội lý tưởng như trên mà sứ mệnh lịch sử chỉ có thể thuộc về nhà nước pháp quyền. Do vậy có thể khẳng định nhà nước pháp quyền sẽ trở thành mẫu hình lý tưởng, thành ước mơ vươn tới của tất cả các nhà nước dân chủ, tiến bộ trên thế giới và Việt Nam. Thêm vào đó, xuất phát từ đòi hỏi của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay, việc xây dựng nhà nước pháp quyền là một nhu cầu tất yếu và “*sự đòi hỏi cần phải xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa không phải là ý muốn kỳ quặc của ai đó mà là mệnh lệnh khách quan của thời đại*”. Ý thức được điều này, văn kiện Đại hội Đảng từ Đại hội VII đến Đại hội XIII đều coi nhiệm vụ xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân là một trong những nhiệm vụ trọng tâm trong sự nghiệp đổi mới, xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

1. Quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa

Trong tiến trình văn minh nhân loại, ngay từ thời kỳ cổ đại Hy Lạp – La Mã, trước những hiện tượng chiến tranh, loạn lạc, bất công xã hội, coi thường

tính mạng người dân đã xuất hiện tư tưởng về nhà nước pháp quyền ở một số đại diện tiêu biểu như Xôcrat, Đêmocrit, Platon, Arixtot... Tư tưởng này thể hiện trí tuệ và khát vọng của nhân loại về hoà bình, tự do, dân chủ, bình đẳng, bác ái, không có áp bức, bất công. Sang thời kỳ trung đại, cuộc sống con người có được cải thiện hơn nhưng về cơ bản vẫn bị lệ thuộc hoàn toàn vào quyền lực của nhà vua. Đến thời kỳ Phục hưng ở châu Âu, giai cấp tư sản đã phát động cách mạng lật đổ chế độ phong kiến chuyên chế và hô hào xây dựng nền cộng hoà, tự do, bình đẳng, bác ái. Quan điểm đó cũng chính là thể hiện cao nhất của tư tưởng xây dựng nhà nước pháp quyền mà các học giả như Charles – Louis de Secondat và Jean – Jacques Rousseau đã khởi xướng. Hình mẫu về một xã hội lý tưởng trong đó pháp luật là công cụ để đề cao quyền con người và kiểm chế cá nhân chuyên quyền độc đoán đã được các học giả tư sản khắc hoạ rõ nét và phát triển để xây dựng nhà nước tư sản. Đến thời hiện đại, khi chủ nghĩa tư bản ngày càng thể hiện tính chất bóc lột thậm tệ đối với người lao động, chủ nghĩa Mác – Lênin ra đời đã hiệu triệu giai cấp vô sản tất cả các nước đoàn kết lại đập tan nhà nước của giai cấp bóc lột giành lấy chính quyền, xây dựng nhà nước của giai cấp vô sản. Trong nhà nước vô sản tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân, đề cao giải phóng con người và bảo đảm tự do phát triển toàn diện con người. Nhà nước sử dụng pháp luật đảm bảo quyền tự do dân chủ của nhân dân, giới hạn quyền lực nhà nước và quy định trách nhiệm của nhà nước.

Tiếp thu và vận dụng chủ nghĩa Mác – Lênin vào thực tiễn cách mạng Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh mong muốn xây dựng một nhà nước thực sự của dân, do dân, vì dân, tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân. Ngay từ Bản yêu sách tám điểm gửi tới Hội nghị Vécxay (Pari) năm 1919, Người đã chỉ rõ: “*Bảy xin hiến pháp ban hành/ Trăm điều phải có thân linh pháp quyền*”. Trong toàn bộ quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã luôn thể hiện tinh thần thượng tôn pháp luật, mọi hoạt động của nhà nước đều vì lợi ích của nhân dân. Năm 2011, trong cương lĩnh chính trị, thuật ngữ Nhà nước pháp quyền

xã hội chủ nghĩa lần đầu tiên xuất hiện khi Đảng khẳng định XHCN mà nhân dân ta xây dựng là một xã hội “*có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân do Đảng Cộng sản lãnh đạo*”. Đến nay nhận thức về nhà nước pháp quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam đã được phát triển qua nhiều kỳ đại hội và ngày càng đầy đủ, cụ thể, toàn diện hơn để đảm bảo tiếp thu được những đặc trưng cơ bản, phù hợp với cách mạng Việt Nam, đó là:

Thứ nhất, nhận thức về các giá trị đặc trưng cơ bản có tính phổ quát của nhà nước pháp quyền trong tư tưởng nhân loại như: đảm bảo nhân dân là chủ thể của quyền lực nhà nước; Tính tối cao của pháp luật; Tôn trọng quyền con người, quyền công dân; Đảm bảo sự phân công và kiểm soát quyền lực nhà nước.

Thứ hai, nhận thức rõ sự ưu việt của nhà nước pháp quyền là một chế độ nhà nước mà khi vận hành nó sẽ giúp mang lại sự thịnh vượng cho xã hội, đảm bảo hữu hiệu cho sự tiến bộ, văn minh xã hội nên việc xây dựng và vận hành nhà nước pháp quyền phải có nguyên tắc và đặc trưng cơ bản đó là theo định hướng XHCN, đảm bảo nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân, quán triệt sâu sắc mối liên minh chính trị giữa giai cấp công nhân, nông dân và đội ngũ trí thức...

Nhận thức về nhà nước pháp quyền XHCN của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân do Đảng Cộng sản lãnh đạo tiếp tục được tăng cường trên các phương diện, thể hiện tại báo cáo chính trị Đại hội Đảng Toàn quốc lần thứ XIII, cụ thể là:

Một là: tiếp tục xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng và khẳng định đây là nhiệm vụ trọng tâm của đổi mới hệ thống chính trị.

Hai là: tiếp tục nâng cao năng lực, hiệu lực, hiệu quả hoạt động của nhà nước pháp quyền XHCN thông qua việc xác định rõ nét hơn vai trò, vị trí, chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp trên cơ sở đảm bảo các nguyên tắc pháp quyền XHCN. Đồng thời cũng đảm bảo quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp và kiểm soát.

Ba là: tiếp tục đẩy mạnh xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật để đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất, hiện đại, khả thi, công khai, minh bạch, ổn định. Hệ thống pháp luật được ban hành cần đặt quyền và lợi ích hợp pháp của nhân dân lên cao nhất.

2. Những định hướng phát triển đất nước trong Văn kiện Đại hội XIII và nhiệm vụ đặt ra đối với nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam.

Trên cơ sở nhận thức sâu sắc các giá trị phổ quát của nhà nước pháp quyền, Đảng đã đúc rút các giá trị phù hợp với văn hoá, xã hội Việt Nam, Báo cáo chính trị tại Đại hội Đảng lần thứ XIII nêu rõ định hướng phát triển đất nước giai đoạn 2021 – 2030 với các định hướng có sự gắn kết chặt chẽ với nhiệm vụ của nhà nước pháp quyền XHCN ở nước ta hiện nay.

Về phát triển kinh tế: định hướng đưa ra cần tiếp tục phát huy các thành quả về kinh tế trong 35 năm đổi mới. Kiên trì phát triển nền kinh tế thị trường định hướng XHCN, tạo môi trường thuận lợi để huy động, phân bổ và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực của đất nước, tăng cường đầu tư sản xuất kinh doanh. Bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô, đổi mới mạnh mẽ mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước; tập trung xây dựng kết cấu hạ tầng và phát triển kinh tế - xã hội đô thị; phát triển kinh tế - xã hội nông thôn - gắn với xây dựng nông thôn mới; đẩy mạnh chuyển đổi số quốc gia và phát triển kinh tế số trên nền tảng khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế. Nhiệm vụ quan trọng này đòi hỏi nhà nước pháp quyền Việt Nam cần phải tăng cường xây dựng và hoàn thiện các thể chế về kinh tế thị trường định hướng XHCN, cụ thể cần tiếp tục tăng cường hoạt động lập pháp, lập quy của các cơ quan chức năng như ban hành mới, sửa đổi, bổ sung các văn bản pháp luật không còn phù hợp. Trong đó, nội dung của việc lập pháp, lập quy hướng đến là dỡ bỏ các rào cản đối với nhân dân, doanh nghiệp trong hoạt động đầu tư sản xuất kinh doanh... Hạn chế sự can thiệp trực tiếp của Nhà nước vào hoạt động sản xuất, kinh doanh - cụ thể là Nhà

nước cần rút lui khỏi những lĩnh vực sản xuất, kinh doanh mà khối tư nhân có thể làm tốt hơn để tập trung nguồn lực đầu tư vào những lĩnh vực quan trọng hơn, lớn hơn như lĩnh vực quốc phòng, an ninh, đặc biệt có ứng dụng công nghệ của cách mạng 4.0 như trí tuệ nhân tạo, thành phố thông minh

- *Về phát triển con người và xây dựng nền văn hoá*: Nhiệm vụ đặt ra đối với nhà nước pháp quyền ở Việt Nam là tiếp tục xây dựng và hoàn thiện thể chế về văn hoá, cần thúc đẩy hoạt động lập pháp, lập quy với các nội dung hướng tới định hình rõ lại các chuẩn mực văn hoá trong các mối quan hệ cơ bản giữa cá nhân với cộng đồng, trách nhiệm dân tộc trong mối quan hệ giữa cá nhân với cộng đồng và Nhà nước. Các giá trị tốt đẹp của gia đình truyền thống cần phải có những nhận thức mới và chuẩn mực mới để con người phát triển nhưng vẫn phải đảm bảo mối quan hệ gia đình tốt đẹp, tiến bộ, hài hoà. Nhà nước pháp quyền cần phải đưa ra định hình rõ chuẩn mực ứng xử trong quan hệ cá nhân – gia đình - cộng đồng – nhà nước để mỗi người dân Việt Nam tham gia vào quá trình hội nhập kinh tế quốc tế có thể tự hào về văn hoá Việt Nam, thể hiện bản lĩnh, trí tuệ của người Việt.

Về phát triển giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ: tiếp tục đẩy mạnh và tạo đột phá trong đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, tập trung thúc đẩy phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, thu hút và trọng dụng nhân tài, tăng cường kết nối với các quốc gia có nền khoa học tiên tiến để Việt Nam kịp thời bắt kịp với thành tựu công nghệ thế giới. Trong bối cảnh đó, hoạt động lập pháp, lập quy cần chú trọng tới việc nâng cao giáo dục công dân, đảm bảo quyền bình đẳng trong học tập, bình đẳng về cơ hội tiếp cận vị trí việc làm để tránh việc thất thoát nguồn chất xám.

Về quản lý phát triển xã hội: nhà nước pháp quyền cần phải đảm bảo thúc đẩy đồng bộ các hoạt động hoàn thiện thể chế pháp luật, chính sách để làm cơ sở cho việc xây dựng môi trường xã hội an toàn và có các biện pháp cụ thể hạn chế

các tiêu cực trong xã hội như bất bình đẳng, quan liêu, cửa quyền, hách dịch, tham ô, những nhiễu của khối sử dụng ngân sách nhà nước.

Về thích ứng với biến đổi khí hậu, bảo vệ môi trường: nhà nước pháp quyền cần tiếp tục chủ động quản lý, khai thác, sử dụng hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả và bền vững tài nguyên thiên nhiên; coi trọng bảo vệ môi trường sống và sức khỏe nhân dân, loại bỏ những dự án gây ô nhiễm môi trường, bảo đảm chất lượng môi trường sống, bảo vệ đa dạng sinh học và hệ sinh thái; xây dựng nền kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, thân thiện với môi trường.

Về đối ngoại và bảo vệ Tổ quốc: Đây là nhiệm vụ hết sức nặng nề, đòi hỏi nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam tiếp tục tăng cường hoàn thiện thể chế pháp luật về an ninh đối ngoại, quốc phòng toàn dân, an ninh nội bộ trong nước, mạng xã hội... để tạo lập môi trường pháp lý cần thiết để tăng cường thực thi quyền hành pháp đủ mạnh, đủ trấn áp các thế lực phản kháng trong nước và phản động nước ngoài.

Về đại đoàn kết toàn dân tộc: Tạo điều kiện để Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên được hoạt động theo quy định của pháp luật để củng cố truyền thống đại đoàn kết toàn dân tộc.

3. Giải pháp đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ của nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam theo định hướng trong Văn kiện Đại hội XIII

Với vị trí là trung tâm của hệ thống chính trị và mang tính chất thượng tôn pháp luật nên nhà nước pháp quyền Việt Nam sẽ chú trọng việc xây dựng, hoàn thiện thể chế pháp luật, chính sách để đảm bảo quá trình tổ chức và hoạt động của nhà nước được thực hiện trên cơ sở luật pháp, lấy luật pháp làm thước đo cho ứng xử giữa Nhà nước và công dân. Lấy hiệu quả thực thi pháp luật làm thước đo cho tính thượng tôn pháp luật của Nhà nước. Lấy sự hài lòng của đại bộ phận nhân dân làm thước đo cho tính chất của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân của nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam, điều này có thể thực hiện được ví như V.I.Lênin đã chỉ rõ: “*Nếu quyền lực chính trị trong nước nằm trong tay một giai*

cấp có quyền lợi phù hợp với quyền lợi của đa số, thì mới có thể thực hiện việc điều khiển công việc quốc gia thực sự theo đúng nguyện vọng của đa số”. Trong quá trình thực thi các nhiệm vụ của mình, vì là nhà nước của quảng đại quần chúng nhân dân lao động nên khi đối diện trước những khó khăn, vướng mắc, nhà nước sẽ thực hiện các biện pháp pháp luật tháo gỡ thông qua các đại biểu của nhân dân trong các cơ quan dân cử là Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp hoặc là trung cầu dân ý để có thể giải quyết, đồng thời cũng nhằm bảo vệ cao nhất quyền lợi của nhân dân và tránh áp dụng những biện pháp cực đoan gây bất ổn xã hội và đất nước. Để hoạt động của nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam không đi chệch hướng, cần phải tuân thủ sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam về đường lối, chủ trương và quá trình thể chế hoá các đường lối, chủ trương và quá trình thể chế hoá các đường lối, chủ trương đó thành pháp luật. Các hoạt động thực thi quyền lực nhà nước và bảo vệ pháp luật trong nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam cũng cần phải đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng trên cơ sở Hiến pháp và pháp luật để đảm bảo có thể kiểm soát quyền lực Nhà nước, đồng thời kiểm soát được quyền lực lãnh đạo, gắn với siết chặt kỷ cương, kỷ luật trong hoạt động lãnh đạo: “Các tổ chức của Đảng và đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật”. Mặc dù đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng nhưng vẫn phải đảm bảo chế độ dân chủ “chịu sự giám sát của nhân dân, chịu trách nhiệm trước nhân dân về những quyết định của mình” và cần đặc biệt chú trọng một số giải pháp sau:

- Đối với nhà nước:

+ Đảm bảo quyền làm chủ thực sự của nhân dân: Tiếp tục hoàn thiện các thiết chế dân chủ gián tiếp như Quốc hội và HĐND các cấp, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên...; phát huy các thiết chế dân chủ trực tiếp như công dân giải quyết khiếu nại, tố cáo, tiếp xúc cử tri, chịu trách nhiệm trước cử tri, chịu trách nhiệm trước hội viên, đoàn viên nhằm nâng cao ý nghĩa của hoạt động bầu cử, đại diện và dân chủ đề hướng đến thực hiện phát triển kinh tế - văn hoá, xây

dựng môi trường xã hội lành mạnh, xoá đói giảm nghèo, phòng chống tệ nạn, giữ gìn an ninh trật tự, ổn định chính trị - xã hội, tổ chức đời sống văn hoá tinh thần, xây dựng đạo đức, lối sống...

+ *Hoàn thiện hệ thống pháp luật*: Trong thời gian tới cần đồng bộ, thống nhất để tăng tính khả thi của pháp luật trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động tổ chức thực hiện pháp luật bao gồm phổ biến, tuyên truyền, giáo dục pháp luật cho mọi đối tượng; nâng cao chất lượng hoạt động hỗ trợ tư pháp của luật sư, công chứng, thừa phát lại, trợ giúp pháp lý, giám định tư pháp... chú trọng đổi mới tổ chức hoạt động của các cơ quan tư pháp, bảo đảm cho các tổ chức, cơ quan này thực hiện đúng chức năng luật định.

+ *Tăng cường trách nhiệm giải trình và tính chịu trách nhiệm của bộ máy nhà nước*: Thực hiện triệt để trách nhiệm giải trình khi được nhân dân yêu cầu và chịu trách nhiệm về kết quả thực thi công vụ sai hoặc không đạt hiệu quả do lỗi của mình, lỗi của cán bộ, công chức thuộc cơ quan, đơn vị gây ra nhằm khắc phục hậu quả.

- *Đối với công dân*:

Công dân cần tuân thủ lối sống theo Hiến pháp, pháp luật, chủ động, tích cực tham gia các hoạt động xã hội nhằm đấu tranh với các biểu hiện tiêu cực của xã hội, của các cá nhân, cơ quan công quyền nhằm bảo vệ pháp luật, bảo vệ nhà nước, bảo vệ các quyền của con người theo quy định của pháp luật. Trên cương vị, vị trí công tác dù là ai, ở bất kỳ vị trí nào cần quán triệt tinh thần thượng tôn pháp luật, tuân thủ quy tắc chung của cộng đồng, các quy chế tại đơn vị... Đối với các giảng viên, nhân viên, học viên của Trường Đào tạo cán bộ Nguyễn Văn Cừ cần đề cao ý thức trách nhiệm với đất nước, có trách nhiệm với nhiệm vụ chính trị được giao. Giảng viên lý luận chính trị cần đề cao ý thức tuân thủ pháp luật, nâng cao đạo đức nghề nghiệp, tuyên truyền, định hướng chính trị cho học viên, hỗ trợ học viên để họ luôn là những người cán bộ, công chức, viên chức đặt lợi

ích của mình dưới lợi ích của nhà nước và nhân dân, chấp hành tuyệt đối pháp luật trong quá trình thực thi nhiệm vụ, công vụ.

Như vậy có thể nhận thấy rằng, việc xây dựng nhà nước pháp quyền là mục tiêu hướng tới của mọi quốc gia dân chủ trên thế giới, ở Việt Nam, với định hướng XHCN, việc xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân là yêu cầu cấp thiết. Để thực hiện được điều đó cần sự chung tay, vào cuộc của cả một hệ thống chính trị nhằm đảm bảo thiết lập nên những nguyên tắc căn bản nhất của nhà nước pháp quyền, đặc biệt là nguyên tắc thượng tôn Hiến pháp và pháp luật. Thực hiện những nhiệm vụ đã được đặt ra trong Văn kiện Đại hội Đảng Toàn quốc lần thứ XIII sẽ là những bước đi đầu tiên trong hành trình tiếp tục xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền mà Đảng và Nhân dân, dân tộc Việt Nam vẫn luôn mong đợi./.

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

Ths. Tô Thị Thanh Lê

Giảng viên Khoa Nhà nước và pháp luật

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã để lại một hệ thống quan điểm lý luận về con đường hình thành nhà nước kiểu mới ở Việt Nam - Nhà nước của dân, do dân, vì dân, về bản chất, tính chất, chức năng, nhiệm vụ, cơ chế hoạt động, tổ chức bộ máy, xây dựng đội ngũ cán bộ công chức của nhà nước đó. Vai trò của Người đối với sự ra đời của Nhà nước là hết sức to lớn, tư tưởng của Người về tổ chức và xây dựng Nhà nước là di sản to lớn của Đảng và dân tộc ta.

Trong di sản tư tưởng Hồ Chí Minh, vấn đề Nhà nước và pháp luật giữ một vị trí đặc biệt quan trọng và có ý nghĩa to lớn đối với sự nghiệp xây dựng, củng cố một nhà nước kiểu mới của dân, do dân, vì dân. Các tư tưởng Hồ Chủ Tịch về Nhà nước thật sự to lớn, sâu sắc không chỉ được thể hiện trong các bài viết, các bài phát biểu, trong các văn kiện quan trọng do Người trực tiếp chỉ đạo xây dựng và ban hành mà cả trong hành động thực tiễn của Người trên cương vị là người lãnh đạo cao nhất của Đảng và Nhà nước.

Nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước pháp quyền có thể khái quát trên các quan điểm sau:

1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về Nhà nước của dân, do dân, vì dân

Hồ Chí Minh luôn nhấn mạnh “Nước ta là một nước dân chủ, địa vị cao nhất là dân vì dân là chủ”; “Chế độ ta là chế độ dân chủ, tức là nhân dân là chủ”. Với Hồ Chí Minh, nhân dân là chủ thể tối cao và duy nhất của quyền lực nhà nước. Toàn bộ quyền lực nhà nước đều bắt nguồn từ nhân dân, do nhân dân ủy quyền cho bộ máy nhà nước thực hiện, nhằm phụng sự lợi ích của nhân dân. Bộ máy nhà nước được thiết lập là bộ máy thừa hành ý chí, nguyện vọng của nhân dân, đội ngũ cán bộ, công chức nhà nước không thể là các ông quan cách mạng mà là công bộc của nhân dân. “Chúng ta hiểu rằng, các cơ quan của Chính phủ từ

toàn quốc cho đến các làng, đều là công bộc của dân, nghĩa là để gánh việc chung cho dân, chứ không phải để đè đầu dân như trong thời kỳ dưới quyền thống trị của Pháp, Nhật”.

Là nhà nước của dân, do chính nhân dân lập qua thông qua chế độ bầu cử dân chủ. Bầu cử dân chủ là phương thức thành lập bộ máy nhà nước đã được xác lập trong nền chính trị hiện đại, đảm bảo tính chính đáng của chính quyền khi tiếp nhận sự uỷ quyền quyền lực từ nhân dân. Chính vì vậy, để thật sự là nhà nước của dân, ngay từ những ngày đầu giành được nền độc lập, Hồ Chí Minh đã đặc biệt quan tâm đến tổ chức cuộc tổng tuyển cử để nhân dân trực tiếp bầu ra các đại biểu xứng đáng thay mặt mình gánh vác việc nước.

Chỉ một ngày sau khi đọc Tuyên ngôn độc lập vào 3/9/1945 Hồ Chủ Tịch đã họp và đề ra những nhiệm vụ cấp bách của Nhà nước, trong đó Người đề nghị “Chính phủ tổ chức càng sớm càng hay cuộc tổng tuyển cử với chế độ phổ thông đầu phiếu”.

Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, một nhà nước của dân, không chỉ do dân lập ra thông qua bầu cử dân chủ mà còn là nhà nước chịu sự kiểm tra, giám sát, định đoạt của nhân dân. Người khẳng định: “Chế độ ta là chế độ dân chủ, Chính phủ là đầy tớ của nhân dân. Nhân dân có quyền đôn đốc phê bình Chính phủ. Chính phủ thì việc to nhỏ đều nhằm mục đích phục vụ nhân dân”. “Nhân dân có quyền bãi miễn đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân nếu những đại biểu ấy tỏ ra không xứng đáng với tín nhiệm của nhân dân. Nguyên tắc ấy bảo đảm quyền kiểm soát của nhân dân đối với đại biểu của mình”. Người nhắc nhở: “Nước ta là nước dân chủ; địa vị cao nhất là dân, vì dân là chủ. Trong bộ máy cách mạng từ người quét nhà, nấu ăn cho đến Chủ tịch nước đều là phân công làm đầy tớ cho dân”. Người còn viết: “Chính phủ cộng hoà dân chủ là gì? là đầy tớ của dân từ Chủ tịch toàn quốc đến Đảng - Dân là chủ thì Chính phủ là đầy tớ... Nếu Chính phủ làm hại dân thì dân có quyền đuổi Chính phủ”. Đối với Hồ Chí Minh, một nhà nước của dân thật sự phải là một nhà nước do dân và vì dân. Người viết: “Kinh

nghiệm trong nước và các nước chứng tỏ cho chúng ta biết: có lực lượng dân chúng, việc to tát mấy, khó khăn mấy cũng làm được. Không có, thì việc gì làm cũng không xong. Dân chúng biết giải quyết nhiều vấn đề một cách giản đơn, mau chóng, đầy đủ mà những người tài giỏi, những đoàn thể to lớn, nghĩ mãi không ra”; “Không có lực lượng nhân dân, thì việc nhỏ mấy, dễ mấy làm cũng không xong...”. Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, nhân dân là nguồn sức mạnh của Nhà nước, là nguồn trí tuệ của Nhà nước, là nguồn sáng kiến vô tận, nhà nước có chức năng khơi nguồn, phát hiện, tiếp thu và hoàn thiện các sáng kiến của nhân dân để xây dựng chính sách và luật pháp. Một nhà nước của dân, do dân, vì dân theo Hồ Chí Minh là một nhà nước nếu biết lắng nghe và học hỏi nhân dân, biết tôn trọng bồi dưỡng và nâng cao sức dân, thấu hiểu tâm tư, nguyện vọng, ý chí của nhân dân thì sẽ thấy nhân dân không chỉ nói lên những mong muốn của mình mà còn chỉ ra được nhà nước cần phải hành động như thế nào để giải quyết các vấn đề quốc kế dân sinh. Chính vì lẽ đó Nhà nước được thành lập không vì mục đích làm thay cho dân, mà thực hiện vai trò người cầm lái, người tổ chức để nhân dân bằng trí tuệ, sức mạnh của mình giải quyết các vấn đề của chính mình. Người viết: “Nếu không có nhân dân thì Chính phủ không đủ lực lượng. Nếu không có Chính phủ thì nhân dân không ai dẫn đường. Vậy nên Chính phủ với nhân dân phải đoàn kết thành một khối”. Nhà nước của dân, do dân không có mục đích tự thân, ý nghĩa, mục tiêu và sứ mệnh của Nhà nước là phụng sự hạnh phúc của nhân dân, vì nhân dân. Vì lẽ đó Hồ Chủ Tịch cho rằng “... Ngày nay, chúng ta đã xây dựng nên nước Việt Nam dân chủ cộng hoà. Nhưng nếu nước nhà độc lập mà dân không hưởng hạnh phúc, tự do, thì độc lập cũng chẳng có ý nghĩa gì... Chính phủ ta đã hứa với dân sẽ gắng sức làm cho ai nấy đều có phần hạnh phúc...”. Người nhắc nhở: “Việc gì lợi cho dân thì phải hết sức làm. Việc gì có hại đến dân phải hết sức tránh...”.

Tư tưởng Hồ Chí Minh về một nhà nước vì dân, tất cả vì hạnh phúc của nhân dân là tư tưởng nhất quán trong suốt cuộc đời của Người. Cả cuộc đời Người

là một tấm gương trong sáng thể hiện sinh động tư tưởng, đạo đức của một con người suốt đời vì dân, vì nước. Khi đảm nhận chức vụ Chủ tịch nước, Hồ Chủ Tịch đã trả lời các nhà báo “Tôi tuyệt nhiên không ham muốn công danh phú quý chút nào. Bây giờ phải gánh vác chức chủ tịch là vì đồng bào uỷ thác thì tôi phải gắng làm, cũng như một người lính vâng lệnh quốc dân ra trước mặt trận”.

2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về mô hình tổ chức bộ máy nhà nước

Cách mạng Tháng 8 năm 1945 thành công, Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hoà ra đời, mở đầu một chính thể nhà nước mới ở Việt Nam: chính thể dân chủ cộng hoà. Sự ra đời của chính thể dân chủ cộng hoà thể hiện một tư duy sáng tạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong việc lựa chọn mô hình tổ chức nhà nước, vừa tiếp thu được các giá trị phổ biến của nền dân chủ nhân loại, vừa phù hợp với các đặc điểm của đất nước.

Tư tưởng Hồ Chí Minh về mô hình bộ máy nhà nước của dân, do dân, vì dân được thể hiện sâu sắc trong các văn kiện pháp lý quan trọng của đất nước do chính Người chỉ đạo xây dựng và ban hành. Có thể thấy rằng hai bản Hiến pháp 1946, 1959 do Chủ tịch Hồ Chí Minh trực tiếp chỉ đạo soạn thảo và 613 sắc lệnh kể từ 1945 đến 1969, trong đó có 243 sắc lệnh liên quan đến bộ máy nhà nước và luật pháp do Người ký ban hành đã hình thành một thể chế bộ máy nhà nước vừa hiện đại vừa dân tộc kết tinh sâu sắc tư tưởng Hồ Chí Minh về một chính quyền mạnh mẽ và sáng suốt của nhân dân.

Tuy không tiếp nhận tư tưởng phân quyền vốn là nền tảng lý luận của mô hình nhà nước dân chủ phương Tây, nhưng Hồ Chí Minh đã đưa vào mô hình tổ chức bộ máy nhà nước những yếu tố hợp lý và khoa học của nguyên tắc phân quyền. Theo đó bộ máy nhà nước theo Hiến pháp 1946, được thiết kế trên cơ sở phân chia quyền lực uyển chuyển giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện quyền lập pháp, quyền hành pháp và quyền tư pháp. Trong mô hình tổ chức bộ máy nhà nước này, không có một cơ quan nào là độc quyền quyền lực, có quyền đứng trên cơ quan khác. Nghị viện nhân dân là cơ quan có quyền cao nhất của

nước Việt Nam dân chủ cộng hoà (Điều 22 - Hiến pháp 1946), nhưng không thể là cơ quan toàn quyền; Chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hoà là cơ quan hành chính cao nhất của toàn quốc (Điều 43 - Hiến pháp 1946) nhưng không phải là cơ quan chấp hành của Quốc hội như các quy định của Hiến pháp 1992. Cơ quan tư pháp là hệ thống toà án được tổ chức theo cấp xét xử. Với quy định của Hiến pháp 1946 bộ máy nhà nước về cơ bản được cấu tạo theo ba quyền: quyền lập pháp (Nghị viện nhân dân); quyền hành pháp (Chủ tịch nước và Chính phủ); quyền tư pháp (Hệ thống toà án được tổ chức theo cấp xét xử).

3. Tư tưởng Hồ Chí Minh về một Nhà nước được tổ chức và hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật

Tiếp xúc với nền văn minh Âu - Mỹ, nhất là kinh nghiệm tổ chức, hoạt động của nhà nước trong quản lý các lĩnh vực của đời sống xã hội, Hồ Chí Minh cho rằng, quản lý xã hội bằng pháp luật là dân chủ, tiến bộ và có tính chất phổ biến đối với các xã hội hiện đại.

Nhận thức được tầm quan trọng của luật pháp, từ rất sớm, Hồ Chí Minh đã đề cập đến vai trò của chúng trong điều hành và quản lý xã hội. Năm 1919, tám yêu sách của nhân dân An Nam gửi tới Hội nghị Véc - xây đã có 4 điểm liên quan đến vấn đề pháp quyền, còn lại liên quan đến công lý và quyền con người. Bản Yêu sách của nhân dân An Nam được Hồ Chí Minh chuyển thành “*Việt Nam yêu cầu ca*”, trong đó yêu cầu thứ bảy là: “*Bảy xin hiến pháp ban hành, Trăm điều phải có thần linh pháp quyền*”. Đây là tư tưởng rất đặc sắc của Hồ Chí Minh, phản ánh nội dung cốt lõi của Nhà nước dân chủ mới - Nhà nước quản lý xã hội bằng pháp luật. Đồng thời, đây cũng là nguyên tắc xuyên suốt trong hoạt động quản lý nhà nước của Người.

Sau Cách mạng Tháng Tám, năm 1945, Hồ Chí Minh đề ra một trong sáu nhiệm vụ cấp bách của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hoà là: Chúng ta phải có một Hiến pháp dân chủ. Ngày 20/9/1945, Chủ tịch lâm thời nước Việt Nam dân chủ cộng hoà ký Sắc lệnh thành lập Ban dự thảo Hiến pháp gồm 7 thành viên

do Chủ tịch Hồ Chí Minh làm trưởng ban. Bản dự thảo Hiến pháp hoàn thành khẩn trương và nghiêm túc dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Hồ Chủ tịch. Tại kỳ họp thứ 2 của Quốc hội khoá I vào tháng 10/1946, Quốc hội đã thảo luận dân chủ và thông qua bản dự thảo Hiến pháp này. Đó là bản hiến pháp đầu tiên của nước Việt Nam: Hiến pháp năm 1946. Trong phiên họp Quốc hội thông qua hiến pháp, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã phát biểu: “... Hiến pháp đã nêu một tinh thần đoàn kết chặt chẽ giữa các dân tộc Việt Nam và một tinh thần liêm khiết, công bình của các giai cấp”. Và nhấn mạnh rằng: “Chính phủ cố gắng làm theo đúng 3 chính sách: dân sinh, dân quyền và dân tộc”.

Sau năm 1954, khi miền Bắc bước vào thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, đất nước đạt được nhiều thành tựu quan trọng, nhiều quy định trong Hiến pháp năm 1946 không còn phù hợp, Hồ Chí Minh đã chủ trương sửa đổi và ban hành Hiến pháp mới - Hiến pháp năm 1959. Trong tư duy Hồ Chí Minh, một khi điều kiện kinh tế - xã hội thay đổi thì pháp luật, nhất là đạo luật “gốc” - Hiến pháp, cũng phải thay đổi để bảo đảm khả năng điều chỉnh hợp lý các quan hệ xã hội đã phát sinh và định hình.

Ngoài hai bản Hiến pháp năm 1946, 1959, từ năm 1945 đến 1969, Hồ Chí Minh còn chỉ đạo soạn thảo, ký quyết định công bố 16 đạo luật và 1.300 văn bản dưới luật, trong đó có 243 Sắc lệnh quy định về tổ chức nhà nước đã hình thành một thể chế bộ máy nhà nước có nhiều nhân tố cơ bản của một nhà nước pháp quyền.

Hồ Chí Minh luôn khẳng định: Pháp luật của ta là pháp luật dân chủ, phải nghiêm minh và phát huy hiệu lực thực tế. Nhà nước sử dụng pháp luật để quản lý xã hội. Song pháp luật của ta đã có sự thay đổi về chất, mang bản chất của giai cấp công nhân, là một loại hình pháp luật kiểu mới, pháp luật thật sự dân chủ, vì nó bảo vệ quyền tự do, dân chủ rộng rãi cho nhân dân lao động. Báo cáo tại hội nghị chính trị đặc biệt, ngày 27/3/1964, một trong 5 nhiệm vụ để hoàn thành sự nghiệp cách mạng, Chủ tịch Hồ Chí Minh nêu lên là “Tăng cường không ngừng

chính quyền nhân dân. Nghiêm chỉnh thực hiện dân chủ với nhân dân, chuyên chính với kẻ địch. Triệt để chấp hành mọi chế độ và pháp luật của Nhà nước”.

Nét đặc sắc trong tư tưởng của Hồ Chí Minh về tổ chức nhà nước là các cơ quan nhà nước hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ theo quy định của pháp luật nhưng trong điều kiện của một nước thuộc địa nửa phong kiến ở phương Đông, Hồ Chí Minh sử dụng linh hoạt pháp trị và đức trị trong tổ chức hoạt động của Nhà nước và quản lý nhà nước.

Cán bộ trực tiếp thực thi luật pháp phải thật sự công tâm và nghiêm minh. Hồ Chí Minh yêu cầu cán bộ, đảng viên có nhiệm vụ “gương mẫu chấp hành pháp luật của Nhà nước, kỷ luật của các đoàn thể cách mạng của quần chúng mà mình tham gia”. Trong việc giữ vững tính nghiêm minh và hiệu lực của pháp luật, cán bộ làm công tác tư pháp có vai trò quan trọng. Họ chính là người trực tiếp thực thi luật pháp, đại diện cụ thể cho “cán cân công lý”. Vì thế, Hồ Chí Minh yêu cầu ở họ phải có phẩm chất đạo đức cần thiết: Trong công tác xử án phải công bằng, liêm khiết, trong sạch như thế cũng chưa đủ vì không thể chỉ hạn chế hoạt động của mình trong khung toà án mà còn phải gần dân, giúp dân, học dân, hiểu dân để giúp mình thêm liêm khiết thêm công bằng, trong sạch.

Với Hồ Chí Minh, pháp luật không phải là để trừng trị con người mà là công cụ bảo vệ, thực hiện lợi ích của con người. Tư tưởng pháp quyền trong tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước thông qua đội ngũ cán bộ, công chức của Người thấm đượm một tấm lòng thương yêu nhân dân, chăm lo cho ấm no, hạnh phúc của nhân dân, thấm đượm lòng nhân ái, nghĩa đồng bào theo đạo lý truyền thống ngàn năm của dân tộc Việt Nam. Vì thế, kết hợp giữa đức trị và pháp trị trong tổ chức nhà nước của Hồ Chí Minh có nội hàm triết lý, mang đậm tính dân tộc và dân chủ sâu sắc.

Quá trình xây dựng và phát triển của Nhà nước ta trong mỗi giai đoạn sau này đã có không ít những thay đổi về mô hình bộ máy dưới tác động của nhiều yếu tố chủ quan và khách quan, nhưng xuyên suốt mạch phát triển ấy vẫn là tư

tưởng của Hồ Chí Minh về một chính quyền mạnh mẽ và sáng suốt của nhân dân. Ngày nay, trong bối cảnh phát triển mới của đất nước, dưới tác động mạnh mẽ của thời đại và thế giới, trong xu thế toàn cầu hoá, nhiều điểm đã thay đổi, nhưng tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước pháp quyền của dân, do dân, vì dân vẫn còn nguyên giá trị, tiếp tục định hướng cho các nỗ lực nghiên cứu, tìm kiếm giải pháp đổi mới mô hình bộ máy nhà nước trong các điều kiện phát triển mới.

**TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ NHÀ NƯỚC CỦA DÂN, DO DÂN, VÌ DÂN
VÀ VẬN DỤNG XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN XÃ HỘI CHỦ
NGHĨA Ở VIỆT NAM HIỆN NAY**

Ths. Phạm Thị Vân Anh

Giảng viên Khoa Lý luận cơ sở

*“Bác Hồ, Người là tình yêu thiết tha nhất
Trong lòng dân và trong trái tim nhân loại
Cả cuộc đời Bác chăm lo cho hạnh phúc nhân dân
Cả cuộc đời Bác hi sinh cho dân tộc Việt Nam”.*

Từ khi còn là cậu thanh niên với hoài bão lớn: “Tôi muốn đi ra nước ngoài, xem Pháp và các nước khác. Sau khi xem xét họ làm như thế nào, tôi sẽ trở về giúp đồng bào chúng ta”, ngày 05/6/1911, tại bến cảng Nhà Rồng (Sài Gòn), tàu Đô đốc Amiran Latouche Torévin nhỏ neo đi Mác-xây (Pháp), người thanh niên Việt Nam 21 tuổi Nguyễn Tất Thành rời Tổ quốc bắt đầu cuộc hành trình 30 năm đi tìm đường cứu nước để đem lại độc lập, tự do cho dân tộc bằng đôi bàn tay lao động chân chính của mình. Cho đến khi cuối đời: “Cả đời tôi chỉ có một mục đích, là phấn đấu cho quyền lợi Tổ quốc và hạnh phúc của quốc dân”.

Trong sự nghiệp cách mạng giành độc lập và xây dựng, phát triển đất nước ta, mọi mục tiêu, quyết sách và hành động, việc làm của Bác từ nhỏ đến lớn đều vì lợi ích của nhân dân. Bác đã tìm một con đường phát triển phù hợp với điều kiện cụ thể của dân tộc Việt Nam – Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, trong đó đặc biệt quan trọng là cách thức tổ chức bộ máy nhà nước để quản lý, điều hành đất nước. Trên hành trình tìm đường cứu nước, Hồ Chí Minh đã nghiên cứu nhiều mô hình tổ chức bộ máy nhà nước trên cả phương diện lý luận và thực tiễn. Nghiên cứu mô hình bộ máy nhà nước tư sản ở Mỹ, Pháp, Hồ Chí Minh nhận thấy, mặc dù các kiểu nhà nước đó đã có bước tiến bộ hơn hẳn so với nhà nước phong kiến chuyên chế, song về bản chất, các nhà nước đó chỉ là sự thay thế ách thống trị của giai cấp bóc lột này bằng sự thống trị của giai cấp bóc lột khác; vẫn

chỉ là nhà nước của một thiểu số người trong xã hội, ẩn nấp sau những khẩu hiệu mỹ miều: “*Tự do - Bình đẳng - Bác ái*”, vẫn chủ yếu là phục vụ lợi ích của thiểu số những kẻ bóc lột, trong khi số đông quần chúng vẫn bị bóc lột và sống trong nghèo đói, bất công.

Nghiên cứu mô hình nhà nước Xôviết, Hồ Chí Minh cho rằng, đó là một nhà nước kiểu mới, bởi nó phục vụ lợi ích của đại đa số người dân trong xã hội - những người lao động. Và việc hình thành mô hình nhà nước dân chủ cộng hòa - nhà nước đại biểu cho khối đại đoàn kết toàn dân tộc, nhà nước của dân, do dân, vì dân là một bước chuyển hết sức tiến bộ, là sự lựa chọn đúng đắn của Hồ Chí Minh và Đảng ta.

Ngày 2-9-1945, thay mặt cho Chính phủ cách mạng lâm thời và toàn thể dân tộc Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã trình trọng tuyên bố trước toàn thể quốc dân đồng bào và nhân dân thế giới sự khai sinh của Nhà nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa.

Ngày 6-1-1946, dù các lực lượng phản động tìm mọi cách ngăn cản, phá hoại, dưới sự chỉ đạo của Trung ương Đảng và Chính phủ lâm thời do Hồ Chí Minh đứng đầu, cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội khóa I được tổ chức thành công trên toàn quốc. Tháng 3-1946, tại Kỳ họp thứ nhất Quốc hội khóa I, Chính phủ chính thức của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa do Hồ Chí Minh đứng đầu được Quốc hội cử ra. Tháng 11-1946, Quốc hội đã thông qua bản Hiến pháp đầu tiên của nước Việt Nam mới (Hiến pháp năm 1946), do Chủ tịch Hồ Chí Minh là Trưởng ban soạn thảo, với những nội dung hết sức tiến bộ.

Những sự kiện trên có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, đánh dấu sự ra đời của một nhà nước kiểu mới trong lịch sử dân tộc Việt Nam - Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Hồ Chí Minh chính là người sáng lập nhà nước kiểu mới ở Việt Nam.

Tư tưởng Hồ Chí Minh về Nhà nước của dân, do dân, vì dân:

Hồ Chí Minh đã nhấn mạnh: “Nước ta là nước dân chủ. Bao nhiêu lợi ích đều vì dân. Bao nhiêu quyền hạn đều *của dân*. Công việc đổi mới, xây dựng là

trách nhiệm của dân. Sự nghiệp kháng chiến, kiến quốc là công việc của dân. Chính quyền từ xã đến Chính phủ Trung ương do dân cử ra. Đoàn thể từ Trung ương đến xã do dân tổ chức nên. Nói tóm lại, quyền hành và lực lượng đều ở nơi dân”. Đây là quan điểm thể hiện rõ tư tưởng của Người về nhà nước kiểu mới ở Việt Nam Nhà nước của dân, do dân và vì dân.

(1) *Nhà nước của dân*: dân là chủ, xác định vị thế và tư cách của người dân đối với nhà nước, nhân dân là chủ thể của quyền lực nhà nước. Điều 1 của Hiến pháp năm 1946 đã ghi rõ: “Tất cả quyền bính trong nước là của toàn thể nhân dân Việt Nam, không phân biệt nòi giống, gái trai, giàu nghèo, giai cấp, tôn giáo”. Dân có địa vị cao nhất, có quyền quyết định những vấn đề quan trọng nhất của đất nước. Vị thế và tư cách là chủ của người dân được khẳng định trong Hiến pháp. Điều 4 của Hiến pháp 1959 cũng khẳng định: “Toàn bộ quyền lực trong Nhà nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa thuộc về nhân dân lao động”.

Theo Hồ Chí Minh, cơ quan nhà nước là công cụ để thực hiện quyền của nhân dân; cán bộ, công chức nhà nước là người được nhân dân ủy quyền, trao quyền, đại diện cho nhân dân để gánh vác, giải quyết những công việc chung của đất nước. Nhân dân có quyền làm tất cả những gì pháp luật không cấm.

(2) *Nhà nước do dân*: Nhà nước do dân làm chủ trên cả hai phương diện quyền và nghĩa vụ.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân là người tổ chức nên các cơ quan nhà nước từ Trung ương đến địa phương thông qua chế độ tổng tuyển cử phổ thông, trực tiếp, bỏ phiếu kín bầu các đại biểu xứng đáng vào các cơ quan quyền lực nhà nước. Nhân dân có quyền bãi miễn các cá nhân hoặc Chính phủ, khi cá nhân hoặc Chính phủ đó không còn thực hiện sự ủy thác của nhân dân, đi ngược lại lợi ích của nhân dân. Hồ Chí Minh giải thích: Nhân dân cử ra những người đại diện cho mình, đồng thời “có quyền bãi miễn đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân nếu những đại biểu ấy tỏ ra không xứng đáng với sự tín nhiệm của nhân dân”.

Nhà nước do dân còn thể hiện ở một nội dung quan trọng: Dân có quyền tham gia công việc quản lý của Nhà nước, phê bình, kiểm tra, kiểm soát, giám sát hoạt động của các cơ quan nhà nước, các đại biểu do mình cử ra. Hồ Chí Minh viết: “Chính phủ rất mong đồng bào giúp đỡ, đôn đốc, kiểm soát và phê bình để làm tròn nhiệm vụ của mình là: người đầy tớ trung thành tận tụy của nhân dân”.

Theo Hồ Chí Minh, dân có quyền làm chủ thì phải có nghĩa vụ làm tròn bổn phận công dân. Bổn phận đó được Người gọi là “đạo đức công dân”. Người nói rõ: “Làm chủ sao cho ra làm chủ, không phải làm chủ là muốn ăn bao nhiêu thì ăn, muốn làm bao nhiêu thì làm”, làm chủ thì chớ nên “ăn cỗ đi trước, lội nước theo sau”. *Nhà nước do dân* còn thể hiện ở nội dung dân là người bảo vệ, ủng hộ, giúp đỡ, đóng thuế để có chi phí hoạt động cho Nhà nước.

(3) *Nhà nước vì dân*: là nhà nước phục vụ lợi ích và nguyện vọng chính đáng của nhân dân. Hồ Chí Minh nói, dân là chủ thì Chính phủ là đầy tớ, là công bộc của dân, chứ không phải là “quan cách mạng”; không phải để “đè đầu cưỡi cổ dân”. Người căn dặn: “Chúng ta phải hiểu rằng, các cơ quan của Chính phủ từ toàn quốc cho đến các làng, đều là công bộc của dân, nghĩa là để gánh việc chung cho dân, chứ không phải để đè đầu dân như trong thời kỳ dưới quyền thống trị của Pháp, Nhật. Việc gì lợi cho dân, ta phải hết sức làm. Việc gì hại đến dân, ta phải hết sức tránh. Chúng ta phải yêu dân, kính dân thì dân mới yêu ta, kính ta”.

Những cán bộ, công chức trong bộ máy nhà nước phải luôn ý thức rõ được nhân dân ủy quyền và phải thực hiện chức trách, nhiệm vụ công chức xứng đáng với sự ủy quyền đó. Đặc biệt, họ phải hết sức chú ý tránh việc lạm quyền, thậm chí lộng quyền, cửa quyền. Hồ Chí Minh cảnh báo: “Cậy thế mình ở trong ban này ban nọ, rồi ngang tàng phóng túng, muốn sao được vậy, coi khinh dư luận, không nghĩ đến dân. Quên rằng dân bầu mình ra là để làm việc cho dân, chứ không phải để cậy thế với dân”.

Được nhân dân giao phó trọng trách, Hồ Chí Minh là tấm gương sáng về tinh thần tận tụy phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân. Người nói rõ: “Tôi tuyệt nhiên không ham muốn công danh phú quý chút nào. Bây giờ phải gánh chức

Chủ tịch là vì đồng bào ủy thác thì tôi phải gắng sức làm, cũng như một người lính vâng mệnh lệnh của quốc dân ra trước mặt trận. Bao giờ đồng bào cho tôi lui, thì tôi rất vui lòng lui...”.

Nhà nước vì dân không có nghĩa là sẽ làm thay mọi việc cho dân. Nhà nước có trách nhiệm hướng dẫn nhân dân nhằm phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của nhân dân để tự chăm lo đời sống của mình. Trách nhiệm của Nhà nước là: “đem tài dân, sức dân, của dân để làm lợi cho dân”. Bên cạnh việc chăm lo lợi ích của nhân dân nói chung, nhà nước phải biết kết hợp, điều chỉnh các lợi ích khác nhau giữa các giai cấp, các tầng lớp, các bộ phận dân cư một cách hài hòa, đảm bảo ổn định xã hội.

Người khẳng định: “Nếu dân đói, Đảng và Chính phủ có lỗi; nếu dân rét là Đảng và Chính phủ có lỗi; nếu dân dốt là Đảng và Chính phủ có lỗi; nếu dân ốm là Đảng và Chính phủ có lỗi”. Sự quan tâm của Chủ tịch Hồ Chí Minh đến đời sống vật chất của nhân dân không chỉ bằng lời nói, mà bằng những việc làm rất cụ thể thiết thực hàng ngày. Người luôn quan tâm đến đời sống tinh thần của nhân dân như nhu cầu được học hành, nâng cao dân trí; quyền làm chủ của nhân dân phải được phát huy rộng rãi trong các lĩnh vực của đời sống xã hội. Ngay sau cách mạng tháng Tám thành công, Người nêu ra những nhiệm vụ cấp bách của Chính phủ là diệt giặc đói, giặc dốt và giặc ngoại xâm, nâng cao đời sống tinh thần, cải thiện đời sống của nhân dân.

Chủ tịch Hồ Chí Minh cho rằng: Muốn đem sức dân, tài dân, của dân để làm lợi cho dân thì cán bộ từ trên xuống dưới, từ Trung ương đến địa phương; từ Đảng, chính quyền cho đến các cơ quan, tổ chức, đoàn thể; từ cán bộ lãnh đạo cho đến mọi đảng viên, tất cả phải hết lòng hết sức vì dân, một lòng một dạ phục vụ nhân dân, phải là người đầy tớ thật sự trung thành của nhân dân. “Chúng ta phải

hiểu rằng, các cơ quan của Chính phủ từ toàn quốc cho đến các làng, đều là công bộc của dân, nghĩa là để gánh việc chung cho dân, chứ không phải để đè đầu dân như trong thời kỳ dưới quyền thống trị của Pháp, Nhật. Việc gì lợi cho dân, ta phải hết sức làm. Việc gì hại đến dân, ta phải hết sức tránh. Chúng ta phải yêu dân, kính dân thì dân mới yêu ta, kính ta”.

Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân ở Việt Nam hiện nay

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam ngày càng được bổ sung, hoàn thiện về thể chế, cơ cấu tổ chức bộ máy theo Hiến pháp và Pháp luật. Nhận thức của các cấp, các ngành, của cán bộ, đảng viên và nhân dân về xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân được nâng cao.

Nguyên tắc tổ chức quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp, kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp. Chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy và cơ chế hoạt động của tổ chức bộ máy nhà nước được xác định rõ hơn và có những bước tiến trong hoạt động. Vai trò của pháp luật trong tổ chức và hoạt động của Nhà nước, trong quản lý xã hội ngày càng được đề cao. Cơ chế phân công, phối hợp và kiểm soát quyền lực trong tổ chức và hoạt động của Nhà nước được xác định rõ hơn và trong tổ chức thực hiện đã có những bước tiến nhất định. Quốc hội, Chính phủ và các cơ quan tư pháp có nhiều bước tiến bộ trong hoạt động theo hướng đáp ứng tốt hơn những nhu cầu, nguyện vọng của nhân dân.

Bên cạnh những thành tựu đạt được, việc xây dựng nhà nước pháp quyền ở nước ta thời gian qua còn tồn tại một số hạn chế. Đảng ta nhận định, trong thời gian qua việc: “Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam có mặt chưa đáp ứng tốt yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và quản lý đất nước trong tình hình mới”. Trước hết, đó là việc chưa chế định rõ, đồng bộ, hiệu quả cơ chế phân công, phối hợp và kiểm soát quyền lực nhà nước ở các cấp.

Sự chồng chéo, vướng mắc về chức năng, nhiệm vụ giữa các thiết chế chưa được khắc phục, làm ảnh hưởng tới sự thống nhất quyền lực nhà nước và hiệu quả hoạt động của Nhà nước. Mặc dù đã có nhiều cố gắng trong xây dựng, sửa đổi, hoàn thiện, nhưng hệ thống pháp luật còn cho thấy thiếu đồng bộ, nhiều nội dung chưa đáp ứng yêu cầu xây dựng nhà nước pháp quyền; tính công khai, minh bạch, khả thi, ổn định còn hạn chế. Đồng thời, kỷ cương, kỷ luật trong quản lý nhà nước, thực thi công vụ còn nhiều yếu kém; nhiều cán bộ, công chức, thậm chí cả cán bộ cấp cao chưa thực sự làm đúng quy định và nêu cao tinh thần trách nhiệm trong thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao; Khâu cải cách hành chính còn chậm, thiếu đồng bộ, chưa đáp ứng yêu cầu; thủ tục hành chính còn phức tạp, phiền hà, đang là rào cản lớn đối với việc tạo lập môi trường xã hội, môi trường kinh doanh lành mạnh, minh bạch, hiệu quả cho sự phát triển.

Đối với tổ chức và hoạt động của chính quyền địa phương: Còn chậm đổi mới; hiệu lực, hiệu quả ở nhiều nơi chưa cao. Trách nhiệm giải trình của các cấp chính quyền chưa được quy định rõ ràng. Việc triển khai một số nhiệm vụ cải cách tư pháp còn chậm; vẫn còn tình trạng nhũng nhiễu, tiêu cực, oan, sai, bỏ lọt tội phạm. Công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí chưa đạt yêu cầu đề ra; tham nhũng, lãng phí vẫn còn nghiêm trọng.

Đất nước ta đang đẩy mạnh thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa xã hội chủ nghĩa với mục tiêu đến năm 2030, kỷ niệm 100 năm ngày thành lập Đảng, Việt Nam là nước đang phát triển có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao; đến năm 2045, kỷ niệm 100 năm thành lập nước, Việt Nam trở thành nước phát triển, thu nhập cao. Để thực hiện được những mục tiêu này, đòi hỏi bộ máy Nhà nước tiếp tục được hoàn thiện theo hướng tinh gọn, hiệu lực và hiệu quả.

Trong bối cảnh hiện nay của đất nước, tiếp tục vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về “nhà nước của dân, do dân, vì dân” vào xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, Đảng chỉ đạo: “Xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa trong sạch, vững mạnh, tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả,

vì nhân dân phục vụ và vì sự phát triển của đất nước. Tăng cường công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình; kiểm soát quyền lực gắn với siết chặt kỷ cương, kỷ luật trong hoạt động của Nhà nước và của cán bộ, công chức, viên chức. Tiếp tục đẩy mạnh đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu, tội phạm và tệ nạn xã hội”. Vì vậy cần có một số giải pháp cơ bản sau đây.

Một là, tiếp tục xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa do Đảng lãnh đạo là nhiệm vụ trọng tâm của đổi mới hệ thống chính trị. Xây dựng Nhà nước trong sạch, vững mạnh, tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Xây dựng và hoàn thiện nền quản trị quốc gia hiện đại, hiệu lực, hiệu quả.

Hai là, xác định rõ, thực hiện tốt hơn cơ chế phân công, phối hợp và kiểm soát quyền lực giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp trên cơ sở quyền lực nhà nước là thống nhất. Thực hành dân chủ đi đôi với tăng cường pháp chế, kỷ luật, kỷ cương.

Ba là, tiếp tục đổi mới tổ chức và hoạt động của Quốc hội; nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác lập pháp, giám sát tối cao và quyết định những vấn đề quan trọng của đất nước. Tăng cường sự gắn kết giữa giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân với kiểm tra, giám sát của Đảng, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và giám sát của nhân dân.

Bốn là, tiếp tục đổi mới, hoàn thiện cơ cấu tổ chức của Chính phủ, các bộ, ngành theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, tập trung vào quản lý vĩ mô, xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, luật pháp, cơ chế, chính sách; nâng cao năng lực chỉ đạo, điều hành và hiệu quả tổ chức thực hiện; tăng cường công tác thanh tra, giám sát. Bảo đảm dân chủ, công khai, minh bạch, chuyên nghiệp, phục vụ nhân dân. Đẩy nhanh tiến trình xây dựng chính quyền điện tử.

Năm là, đổi mới quy trình lập pháp, tập trung xây dựng hệ thống pháp luật đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới.

Sáu là, nâng cao chất lượng, hiệu lực, hiệu quả hoạt động của tòa án nhân dân, viện kiểm sát nhân dân, cơ quan điều tra, hoạt động luật sư và hỗ trợ tư pháp.

Bây là, tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức liêm chính, có phẩm chất đạo đức tốt, bản lĩnh chính trị, năng lực, uy tín, tính chuyên nghiệp cao, sức khỏe tốt, tận tụy phục vụ nhân dân.

Bây là, tiếp tục đổi mới hoàn thiện hệ thống tổ chức chính quyền địa phương phù hợp với điều kiện mới.

Những tư tưởng của Hồ Chí Minh về xây dựng nhà nước pháp quyền của dân, do dân và vì dân vẫn còn nguyên giá trị, tiếp tục soi sáng và tiếp sức cho quyết tâm chính trị của Đảng và Nhà nước ta trong tiến trình xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển toàn diện, bền vững của đất nước trong thời kỳ mới, đó là tiền đề, là nhân tố quan trọng trên hành trình đưa đất nước ta hiện thực hóa khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc.

**QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC VÌ NHÂN DÂN, PHỤC VỤ NHÂN
DÂN TRONG BÀI VIẾT CỦA TỔNG BÍ THƯ NGUYỄN PHÚ TRỌNG**

Ths. Đàm Thị Thu

Giảng viên Khoa Lý luận cơ sở

Nhân dịp kỷ niệm 131 năm Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh (19/5/1890-19/5/2021) và cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV, đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 (ngày 23/5/2021), Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã có bài viết quan trọng **“Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam”**.

Trong bối cảnh toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta đang ra sức học tập, quán triệt, đưa Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng vào cuộc sống, bài viết của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng góp phần làm sáng tỏ, chứng minh sự nhất quán, tính đúng đắn của sự lựa chọn mang tính lịch sử con đường đi lên của dân tộc mà Đảng, Bác Hồ, nhân dân ta lựa chọn mấy chục năm qua. Bài viết của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã luận giải hết sức thuyết phục, sâu sắc một vấn đề lớn rất cơ bản, quan trọng đặt ra trong sự nghiệp cách mạng nước ta về CNXH và con đường đi lên CNXH trên cơ sở kết hợp nhuần nhuyễn giữa lý luận và thực tiễn. Bài viết đã đề cập toàn diện, thấu đáo tất cả các lĩnh vực trong sự nghiệp xây dựng CNXH trên đất nước ta. Bài viết cũng làm sâu sắc hơn những chủ trương, đường lối do Đảng đề ra ở Đại hội XIII để tạo sự thống nhất, đồng thuận trong xã hội nhằm thực hiện thắng lợi mục tiêu đề ra.

Trong bài viết, Tổng Bí thư đã làm sáng tỏ những giá trị đích thực tốt đẹp của nhà nước CNXH là thực sự vì con người, vì sự phát triển bền vững cả về kinh tế, xã hội và môi trường cho thế hệ hôm nay và mai sau. Đó là một xã hội nhân ái đoàn kết, hỗ trợ lẫn nhau, hướng tới các giá trị tiến bộ, nhân văn. Một hệ thống chính trị mà quyền lực phục vụ nhân dân, do nhân dân vì nhân dân. Các giá trị đó là vì con người, vì sự phát triển bền vững cả về kinh tế, xã hội và môi trường cho

thế hệ hôm nay và mai sau. Tất cả đều vì lợi ích của nhân dân, lấy hạnh phúc của nhân dân làm mục tiêu phấn đấu. Những quan điểm về xây dựng nhà nước vì nhân dân, phục vụ nhân dân trong bài viết của Tổng Bí thư được thể hiện ở một số phía cạnh sau:

Một là, nhà nước đưa ra mục tiêu phát triển kinh tế đảm bảo đi đôi với tiến bộ và công bằng xã hội, đảm bảo xây dựng một xã hội vì con người. Ngay từ đầu bài viết, Tổng Bí thư đã khẳng định mục tiêu phát triển kinh tế của Việt Nam: “Chúng ta cần một xã hội mà trong đó sự phát triển là thực sự vì con người, chứ không phải vì lợi nhuận mà bóc lột và chà đạp lên phẩm giá con người. Chúng ta cần sự phát triển về kinh tế đi đôi với tiến bộ và công bằng xã hội, chứ không phải gia tăng khoảng cách giàu nghèo và bất bình đẳng xã hội”. Tổng Bí thư đặt ra yêu cầu hiện nay là phát triển về kinh tế đi đôi với tiến bộ và công bằng xã hội, chứ không phải gia tăng khoảng cách giàu nghèo và bất bình đẳng xã hội. Tổng Bí thư đã khẳng định, ở nước ta phát triển kinh tế đi đôi với phát triển xã hội, chính sách kinh tế phải đi đôi với chính sách xã hội. Chúng ta không hy sinh tiến bộ, công bằng xã hội để chạy theo tăng trưởng kinh tế đơn thuần, trái lại mỗi chính sách kinh tế đều phải hướng đến mục tiêu phát triển xã hội, đồng thời mỗi chính sách xã hội đều phải nhằm tạo ra động lực phát triển kinh tế. Chúng ta khuyến khích làm giàu hợp pháp nhưng phải đi đôi với xóa đói giảm nghèo bền vững, chăm sóc người có công, người có hoàn cảnh khó khăn. Trong bài viết, Tổng Bí thư khẳng định, đây là vấn đề mang tính nguyên tắc để đảm bảo định hướng XHCN của nền kinh tế nước ta.

Hai là, Tổng Bí thư đã phân tích sâu sắc hơn quy luật của cách mạng Việt Nam là độc lập dân tộc gắn liền với CNXH, quá độ lên CNXH là con đường tất yếu của cách mạng Việt Nam, là mục tiêu lý tưởng của Đảng, là nguyện vọng thiết tha của nhân dân. Trong bài viết Tổng Bí thư đã khẳng định những đặc trưng của xã hội XHCN mà Đảng ta, nhân dân ta đang phấn đấu xây dựng. Tổng Bí thư phân tích trên cơ sở lý luận và thực tiễn vững chắc, xác đáng, đầy sức thuyết phục

về con đường đi lên CNXH của nước ta trên tất cả các lĩnh vực, chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa... Tổng Bí thư phân tích thời kỳ quá độ lên CNXH bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa là bỏ qua cái gì và kế thừa cái gì. Tổng Bí thư viết: *“Nói bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa là bỏ qua chế độ áp bức, bóc lột tư bản chủ nghĩa; bỏ qua những thói hư tật xấu, những thiết chế, thể chế chính trị không phù hợp với chế độ xã hội chủ nghĩa, chứ không phải bỏ qua cả những thành tựu, giá trị văn minh mà nhân loại đã đạt được trong thời kỳ phát triển chủ nghĩa tư bản.”* Việc kế thừa những thành tựu này phải có chọn lọc trên quan điểm khoa học, phát triển. Xã hội XHCN là xã hội hướng tới các giá trị tiến bộ, nhân văn, dựa trên nền tảng lợi ích chung của toàn xã hội hài hoà với lợi ích chính đáng của con người. Tất cả đều vì lợi ích của nhân dân, lấy hạnh phúc của nhân dân làm mục tiêu phấn đấu.

Bà là, Tổng Bí thư khẳng định, xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCH thực sự của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Sự lãnh đạo của Đảng là nhân tố quyết định thắng lợi của công cuộc đổi mới và bảo đảm cho đất nước phát triển theo đúng định hướng xã hội chủ nghĩa: *“Chúng ta chủ trương không ngừng phát huy dân chủ, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa thực sự của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân, trên cơ sở liên minh giữa công nhân, nông dân và trí thức do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo. Nhà nước đại diện cho quyền làm chủ của nhân dân, đồng thời là người tổ chức thực hiện đường lối của Đảng; có cơ chế để nhân dân thực hiện quyền làm chủ trực tiếp và dân chủ đại diện trên các lĩnh vực của đời sống xã hội, tham gia quản lý xã hội.”* Bằng lý luận và thực tiễn hiện nay chúng ta thấy về bản chất, nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa khác với nhà nước pháp quyền tư sản là ở chỗ: pháp quyền dưới chế độ tư bản chủ nghĩa về thực chất là công cụ bảo vệ và phục vụ cho lợi ích của giai cấp tư sản, còn pháp quyền dưới chế độ xã hội chủ nghĩa là công cụ thể hiện và thực hiện quyền làm chủ của nhân dân, bảo đảm và bảo vệ lợi ích của đại đa số nhân dân. Thông qua thực thi pháp luật, Nhà nước bảo đảm các điều kiện để nhân dân là chủ

thể của quyền lực chính trị, thực hiện chuyên chính với mọi hành động xâm hại lợi ích của Tổ quốc và nhân dân. Xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa trong sạch, vững mạnh, tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, vì nhân dân phục vụ và vì sự phát triển của đất nước. Tăng cường công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình; kiểm soát quyền lực gắn với siết chặt kỷ cương, kỷ luật trong hoạt động của Nhà nước và của cán bộ, công chức, viên chức. Tiếp tục đẩy mạnh đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu, tội phạm và tệ nạn xã hội.

XHCN mà chúng ta xây dựng là ở đó tất cả quyền lực phục vụ nhân dân. Tất cả chủ trương, đường lối của Đảng cũng xuất phát vì lợi ích của nhân dân, phục vụ nhân dân. Nhà nước pháp quyền XNCH cũng là Nhà nước của dân, do dân và vì nhân dân. Tất cả đều vì lợi ích của nhân dân chứ không phải phục vụ cho một nhóm nhỏ nào đó trong xã hội.

Bốn là, Tổng Bí thư cũng nhấn mạnh phải đặc biệt chú trọng công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, coi đây là nhiệm vụ then chốt, có ý nghĩa sống còn để củng cố niềm tin của nhân dân với Đảng. Phải vận dụng hiệu quả cơ chế Đảng lãnh đạo, nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ. Những thành tựu to lớn mà chúng ta đạt được trong 35 năm đổi mới được Tổng Bí thư nêu ra để chứng minh con đường đi lên CNXH mà Bác Hồ, Đảng ta, nhân dân ta lựa chọn là hoàn toàn đúng đắn, kết quả đạt được là không thể phủ nhận. Tổng Bí thư khẳng định: “Với tất cả sự khiêm tốn, chúng ta vẫn có thể nói rằng: Đất nước ta chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế như ngày nay”. Đồng thời, Tổng Bí thư cũng chỉ ra những khuyết điểm, hạn chế và những thách thức mà chúng ta đang phải đối mặt.

Theo Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng: “xây dựng chủ nghĩa xã hội là kiến tạo một kiểu xã hội mới về chất, hoàn toàn không hề đơn giản, dễ dàng. Đây là cả một sự nghiệp sáng tạo vĩ đại, đầy thử thách, khó khăn, một sự nghiệp tự giác, liên tục, hướng đích lâu dài, không thể nóng vội. Vì vậy, bên cạnh việc xác định

chủ trương, đường lối đúng, bảo đảm vai trò lãnh đạo của Đảng, phải phát huy mạnh mẽ vai trò sáng tạo, sự ủng hộ và tham gia tích cực của nhân dân. Nhân dân tiếp nhận, ủng hộ và nhiệt tình tham gia thực hiện đường lối của Đảng vì thấy đường lối đó đáp ứng đúng yêu cầu, nguyện vọng của mình. Sức mạnh nhân dân là cội nguồn sâu xa của thắng lợi, của phát triển.” Điều hết sức quan trọng được Tổng Bí thư nhấn mạnh là phải hết sức kiên định, vững vàng trên nền tảng tư tưởng lý luận chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh con đường đi lên CNXH.

Qua bài viết của Tổng Bí thư, chúng ta thấy những quan điểm về xây dựng nhà nước vì nhân dân, phục vụ nhân dân được khẳng định và làm sâu sắc hơn qua các nội dung bài viết đề cập đến: mục tiêu của CNXH xác định đó là một xã hội vì con người; phát triển kinh tế gắn với mục tiêu nâng cao đời sống, thu nhập của người dân; xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; tăng cường công tác xây dựng chính đồn Đảng để củng cố niềm tin của nhân dân. Những nội dung trên bổ sung và làm sâu sắc hơn quan điểm của Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về bản chất vì nhân dân, phục vụ nhân dân của CNXH; về xây dựng Nhà nước của dân, do dân, vì dân trong giai đoạn hiện nay. Đây là cơ sở lý luận và thực tiễn quan trọng để Đảng, Nhà nước và nhân dân ta tiếp tục tin tưởng và kiên định thực hiện con đường đi lên CNXH mà chúng ta đã lựa chọn./.

**VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC
DÂN CHỦ MỚI VÀO XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN
Ở VIỆT NAM HIỆN NAY**

Ths. Đặng Thị Kiều Liên

Giảng viên Khoa Nhà nước và pháp luật

Từ tiếp thu, vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, mà trực tiếp là chủ nghĩa Lênin về xây dựng nhà nước kiểu mới - nhà nước vô sản - trong xây dựng Nhà nước dân chủ ở Việt Nam - Nhà nước dân chủ đầu tiên ở Đông Nam châu Á, một kiểu nhà nước hoàn toàn mới, chưa từng có trong lịch sử dân tộc và cũng chưa có mô hình trên thế giới lúc đó, Hồ Chí Minh đã nêu lên một loạt luận điểm về xây dựng nhà nước dân chủ nhân dân ở nước ta, bao gồm các quan điểm về bản chất, nhiệm vụ của nhà nước, về mục tiêu, yêu cầu, điều kiện và phương châm, biện pháp xây dựng bộ máy nhà nước mới.

1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Nhà nước dân chủ mới ở Việt Nam

Về mục tiêu, yêu cầu của xây dựng nhà nước dân chủ mới ở Việt Nam

Mục tiêu của việc xây dựng nhà nước dân chủ mới ở Việt Nam được Hồ Chí Minh xác định là để xây dựng được một nhà nước thực sự là nhà nước của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân, để nó có thể làm tròn nhiệm vụ tổ chức thực hiện, quản lý công cuộc cải tạo, xây dựng và bảo vệ toàn bộ đất nước, đưa Việt Nam từ một nước nghèo nàn lạc hậu trở thành một nước Việt Nam giàu mạnh và tiến bộ toàn diện vì độc lập, tự do và hạnh phúc của nhân dân, của dân tộc Việt Nam.

Yêu cầu của xây dựng nhà nước dân chủ kiểu mới ở Việt Nam theo tư tưởng Hồ Chí Minh bao gồm những yêu cầu cơ bản sau:

Thứ nhất, Người khẳng định bản chất giai cấp công nhân của nhà nước, Người cũng khẳng định sự thống nhất giữa bản chất giai cấp công nhân, tính chất nhân dân và dân tộc của nhà nước kiểu mới vì nó đại diện cho toàn thể nhân dân và toàn dân tộc. Điều đầu tiên mà Hồ Chí Minh đề cập đến để đạt được một nhà

nước kiểu mới đó là phải đi xây dựng một nhà nước dân chủ với nhân dân, chuyên chính với kẻ thù của nhân dân. Một mặt, Hồ Chí Minh nhấn mạnh phải thực hiện, phát huy quyền dân chủ và sinh hoạt chính trị của nhân dân; mặt khác, Người yêu cầu phải thực hiện chuyên chính với các thế lực, các phần tử phản động chống lại lợi ích của nhân dân, chống lại chế độ xã hội chủ nghĩa. Một nhà nước tất cả quyền lực đều thuộc về nhân dân, nhà nước đó là nhà nước của dân, do dân, vì dân, nhưng dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Thứ hai, Nhà nước kiểu mới phải là một nhà nước thật sự trong sạch vững mạnh. Xây dựng nhà nước trong sạch, vững mạnh đòi hỏi phải tẩy trừ những thói cậy mình là người trong cơ quan, chính quyền hách dịch với dân, lạm quyền, đồng thời để vợ vét tiền của, lợi dụng chức quyền để làm lợi cho cá nhân mình. Hồ Chí Minh coi tham ô, lãng phí, quan liêu là “giặc nội xâm” thứ giặc ấy còn nguy hiểm hơn nhiều so với giặc ngoại xâm, Người nhấn mạnh: “Tham ô, lãng phí và bệnh quan liêu dù có cố ý hay không, cũng là bạn đồng minh của thực dân và phong kiến...Tội lỗi ấy cũng nặng như tội lỗi Việt gian, mật thám”. Do đó, muốn trừ sạch được nạn tham nhũng thì phải quyết sạch bệnh quan liêu. Hồ Chí Minh cũng kịch liệt lên án tệ kéo bè, kéo cánh, cậy thế, kiêu ngạo “tưởng mình ở trong cơ quan chính quyền là thần thánh rồi”, cử chỉ lúc nào cũng vác mặt làm quan cách mạng, làm mất uy tín của Nhà nước, của Chính phủ.

Thứ ba, Hồ Chí Minh đã khẳng định bộ máy nhà nước phải gọn nhẹ, trong sạch, đủ năng lực và bản lĩnh để chấp hành pháp luật. Con người trong bộ máy nhà nước phải được lựa chọn theo những tiêu chí cụ thể và công khai, phải có uy tín trong dân chúng, có năng lực và liêm, chính. Tại phiên họp ngày 31-10-1946, kỳ họp thứ hai, Quốc hội khoá I, sau khi được Quốc hội nhất trí giao trách nhiệm thành lập Chính phủ mới, Hồ Chí Minh đã tuyên bố như sau: “Chính phủ sau đây phải là một Chính phủ toàn dân đoàn kết và tập hợp nhân tài không đảng phái... Chính phủ sau đây phải là một Chính phủ liêm khiết... Chính phủ sau đây phải là một Chính phủ biết làm việc”. Phải có chính sách dùng người đúng, tạo cơ hội

nhau cho bất cứ ai, không phân biệt dân tộc, tôn giáo, sang hèn, giàu nghèo... hễ là công dân Việt Nam đều có thể thi tuyển vào cơ quan nhà nước, được giao những nhiệm vụ tương xứng với tài năng và đức độ của họ. Người được tuyển lựa làm cán bộ, công chức phải cam kết trung thành với nhà nước và dân tộc Việt Nam, phải hoàn thành công vụ, không tham nhũng, lãng phí của công, không xách nhiễu dân; được thăng tiến, đãi ngộ về vật chất xứng đáng nhưng cũng sẽ bị trừng phạt, thậm chí truy tố trước toà án nếu có lỗi.

Về biện pháp xây dựng bộ máy nhà nước dân chủ mới ở Việt Nam

Một là, xây dựng nhà nước của dân, do dân, vì dân phát triển dân chủ và sinh hoạt chính trị của nhân dân, vì vậy nhân dân cũng phải có vai trò, trách nhiệm làm chủ của mình đối với các hoạt động của nhà nước dân chủ. Nhân dân phải thường xuyên giúp đỡ, đôn đốc, kiểm soát và phê bình các hoạt động của nhà nước được thực hiện chứng tỏ vai trò, trách nhiệm của mình, mặt khác, nhà nước cũng phải tạo ra những điều kiện để thực hiện đầy đủ vai trò, trách nhiệm của nhân dân. Sự giúp đỡ, đôn đốc, kiểm soát và phê bình của nhân dân đối với chính quyền là phương thức tốt nhất nhằm làm cho hoạt động của chính quyền nhân dân ngày một hiệu quả hơn. Dưới sự tác động thường xuyên của vai trò và trách nhiệm của nhân dân sẽ làm cho nhà nước tránh khỏi quá trình quan liêu hóa, điều chỉnh xu hướng xa rời nhân dân của nhà nước, làm gia tăng bản chất dân chủ của nhà nước xã hội chủ nghĩa. Nhà nước phải tổ chức tốt quá trình giáo dục, động viên quần chúng tham gia xây dựng nhà nước, xây dựng hệ thống pháp luật và giám sát các cơ quan cũng như đội ngũ công chức thi hành nhiệm vụ. Đề cao tinh thần dân chủ, quyền làm chủ của mọi người, làm chủ phải gắn với kỷ cương, kỷ luật, hiến pháp, pháp luật của nhà nước, thực hiện tốt nghĩa vụ của người công dân đối với đất nước.

Hai là, đội ngũ cán bộ, viên chức nhà nước kiểu mới phải là những người có phẩm chất đạo đức và năng lực chuyên môn tốt. Người nói: “Cán bộ là cái gốc của mọi công việc”, “có cán bộ tốt việc gì cũng xong”[1]. Cán bộ tốt phải là người vừa

có đức, vừa có tài – vừa “hồng” vừa “chuyên”. Không có đạo đức cách mạng thì “dù giỏi đến mấy cũng không lãnh đạo được nhân dân”, “không có tài thì làm việc gì cũng khó”. Đức và tài thống nhất với nhau và thể hiện ra trên hàng loạt các yêu cầu và tiêu chí cụ thể, nhưng trước hết và có ý nghĩa chi phối tất cả, đó là người cán bộ, viên chức nhà nước phải hiểu dân là gốc, phải luôn luôn, mọi lúc, mọi nơi, phải hiểu và thực hành đúng: “Bao nhiêu lợi ích đều vì dân. Bao nhiêu quyền hạn đều của dân. Công việc đổi mới, xây dựng là trách nhiệm của dân. Sự nghiệp kháng chiến, kiến quốc là công việc của dân. Chính quyền từ xã đến Chính phủ trung ương do dân cử ra. Đoàn thể từ Trung ương đến xã do dân tổ chức nên. Nói tóm lại, quyền hành và lực lượng đều ở nơi dân”[2]; “Đặt lợi ích của nhân dân lên trên hết; Liên hệ chặt chẽ với nhân dân; Việc gì cũng phải bàn với nhân dân, giải thích cho nhân dân hiểu rõ; Có khuyết điểm thì thật thà tự phê bình trước nhân dân, và hoan nghênh nhân dân phê bình mình; Sẵn sàng học hỏi nhân dân”[3]; “các cơ quan của Chính phủ từ toàn quốc cho đến các làng, đều là công bộc của dân, nghĩa là để gánh việc chung cho dân, chứ không phải để đè đầu dân như trong thời kỳ dưới quyền thống trị của Pháp, Nhật. Việc gì có lợi cho dân, thì phải hết sức làm. Việc gì hại đến dân, ta phải hết sức tránh”[4]. Với quan điểm như vậy, Hồ Chí Minh đặc biệt quan tâm đến vấn đề giáo dục, đào tạo, rèn luyện và tuyển chọn đội ngũ cán bộ, viên chức nhà nước. Nói chung, những người được tuyển chọn vào các cơ quan nhà nước theo quan điểm của Hồ Chí Minh phải là những người có phẩm chất và năng lực tốt, toàn tâm toàn ý phục vụ nhân dân, phục vụ cách mạng, được quần chúng thật sự tin yêu và kính trọng.

2. Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào xây dựng Nhà nước pháp quyền của Nhân dân, do Nhân dân và vì Nhân dân trong tình hình mới

Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa là một bước đột phá trong tư duy về xây dựng nhà nước trong thời kỳ đổi mới của Đảng ta trên nền tảng tư tưởng Hồ Chí Minh về Nhà nước kiểu mới ở Việt Nam. Đó là cơ sở chính trị cho việc tiếp tục đẩy mạnh việc nghiên cứu về nhà nước pháp quyền và thúc đẩy việc

đổi mới một cách căn bản, có hệ thống tổ chức và phương thức hoạt động của nhà nước ở Việt Nam hiện nay. Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, khẳng định “Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của Nhân dân, do Nhân dân và vì Nhân dân do Đảng lãnh đạo là nhiệm vụ trọng tâm của đổi mới hệ thống chính trị”[5]. Do vậy, trong thực hiện cần tiếp tục quán triệt và vận dụng linh hoạt, sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân và vì Nhân dân.

Trước hết, nắm vững mục tiêu là tôn trọng, bảo vệ, phát huy quyền làm chủ của nhân dân, tất cả vì độc lập dân tộc, dân chủ, tự do, hạnh phúc của nhân dân. Lựa chọn ra và thực thi những cơ chế, hình thức dân chủ hữu hiệu để nhân dân quyết định những công việc trọng đại của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Thực tiễn đã chỉ rõ, chừng nào và khi nào Nhà nước chưa tạo đủ điều kiện để nhân dân thực hiện phát huy quyền làm chủ của mình ở cơ sở, hoặc để xảy ra dân chủ cực đoan, dân chủ quá trớn, gây trở ngại cho hoạt động điều hành và quản lý của bộ máy chính quyền cơ sở, thì chừng đó quyền lực Nhà nước ở địa phương bị suy giảm, cản trở việc thực hiện quyền làm chủ của nhân dân.

Nội dung này có ý nghĩa rất quan trọng, nhất là khi các thế lực thù địch đang lợi dụng chiêu bài “dân chủ” và “nhân quyền” cũng như các thủ đoạn khác để vu cáo, xuyên tạc chế độ dân chủ, chống phá cách mạng nước ta. Vì vậy, phải nâng cao dân trí, động viên, giáo dục và tạo điều kiện thuận lợi để nhân dân sử dụng quyền làm chủ, quyền lực của mình tham gia vào quản lý nhà nước, quản lý xã hội.

Thứ hai, xây dựng nhà nước luôn đi đôi khắc phục được những căn bệnh cố hữu của các nhà nước kiểu cũ. Tuyệt đối không mơ hồ trước những luận điệu xuyên tạc của các thế lực thù địch đối với các giá trị văn hóa dân chủ xã hội chủ nghĩa. Đồng thời, kiên quyết chống luận điệu xuyên tạc, mị dân, núp dưới chiêu bài “tự do”, “dân chủ”, “nhân quyền” tư sản để xuyên tạc những giá trị dân chủ xã hội chủ nghĩa mà Đảng và nhân dân ta đã xây dựng, vun đắp trong cuộc đấu tranh cách

mạng lâu dài, gian khổ giải phóng dân tộc, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Thứ ba, tăng cường pháp luật đi đôi với đẩy mạnh giáo dục đạo đức. Theo Hồ Chí Minh, để xây dựng Nhà nước trong sạch, vững mạnh, hiệu quả phải kết hợp chặt chẽ giữa “đức trị” và “pháp trị”, kết hợp giữa “xây” và “chống”, không được coi nhẹ mặt nào. Xây là ra sức giáo dục, bồi dưỡng, nâng cao đạo đức cách mạng cho nhân dân, trước hết là cán bộ, công chức, đảng viên, những người có chức, có quyền, đi đôi với việc chống chủ nghĩa cá nhân, dùng pháp luật nghiêm trị những kẻ vi phạm pháp luật và thoái hóa đạo đức, làm hại dân, hại nước. Cán bộ các cấp trong bộ máy công quyền nhà nước từ Trung ương đến cơ sở phải thực sự gần dân, biết lắng nghe ý kiến, nguyện vọng của nhân dân, làm việc gì cũng phải bàn bạc kỹ và học hỏi kinh nghiệm của nhân dân, thực sự yêu dân, kính dân, tin cậy và trọng dân.

Thứ tư, luôn đề phòng và chủ động khắc phục những tiêu cực trong hoạt động của Nhà nước, kiên quyết chống ba thứ giặc nội xâm là tham ô, lãng phí, quan liêu. Theo Hồ Chí Minh, sức mạnh, hiệu lực, hiệu quả hoạt động của Nhà nước phụ thuộc vào tính nghiêm minh của việc thi hành pháp luật và sự trong sạch, gương mẫu về đạo đức của những người cầm quyền. Vì vậy, phải luôn nêu cao cảnh giác với những biểu hiện tha hóa, biến chất của đội ngũ cán bộ, công chức, giữ cho Nhà nước luôn trong sạch, vững mạnh.

Thứ năm, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức trong các cơ quan quyền lực của Nhà nước về phẩm chất chính trị, đạo đức, phong cách, năng lực lãnh đạo, quản lý để họ thực sự là “người đầy tớ thật trung thành của nhân dân”, toàn tâm, toàn ý phục vụ lợi ích của nhân dân. Cùng với nâng cao bản lĩnh chính trị, giáo dục đạo đức cách mạng, phải đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ công chức nhà nước có đủ tri thức về chính trị học, xã hội học, về hệ thống chính trị, pháp luật, quản lý hành chính nhà nước, về tổ chức lao động khoa học và tâm lý quản lý, v.v.

Thứ sáu, tăng cường vai trò lãnh đạo và đổi mới phương thức cầm quyền, lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước pháp quyền của dân, do dân và vì dân, đáp ứng đòi hỏi của sự nghiệp đổi mới đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa thời kỳ mới. Bởi, thực tiễn đã chỉ rõ: sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước và xã hội là nhân tố quyết định để bảo đảm Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam là Nhà nước của dân, do dân, vì dân, bảo đảm cho hệ thống chính trị có đủ khả năng đưa đất nước ta từng bước vượt qua nguy cơ, thách thức, vững vàng đi theo con đường cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Nhà nước dân chủ kiểu mới vẫn mãi có ý nghĩa về lý luận và thực tiễn sâu sắc. Ngày nay, trước yêu cầu của sự nghiệp đổi mới và hội nhập, Đảng ta tiếp tục kế thừa tư tưởng của Người để xây dựng Nhà nước pháp quyền của Nhân dân, do Nhân dân và vì Nhân dân là điều vô cùng cần thiết và đúng đắn./.

Tài liệu tham khảo:

[1]. Hồ Chí Minh. Toàn tập, tập 5, (2000), Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.240-241.

[2]. Hồ Chí Minh. Toàn tập, tập 5, (2000), Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.698.

[3]. Hồ Chí Minh. Toàn tập, tập 6, (1995), Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.293.

[4]. Hồ Chí Minh. Toàn tập, tập 4, (1995), Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.56.

[5]. ĐCSVN - Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Tập I, Nxb CTQG ST, H. 2021, tr. 174.

**VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH TRONG VIỆC XÂY DỰNG
NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM HIỆN NAY**

Ths. Đào Thị Mai Hương

Phó Trưởng khoa Xây dựng Đảng

Tư tưởng Hồ Chí Minh về “nhà nước của dân, do dân và vì dân” là sự nhận thức và vận dụng sáng tạo tư tưởng của chủ nghĩa Mác- Lê nin về vấn đề chính quyền “vấn đề chủ yếu nhất của mọi cuộc cách mạng”

Nội dung của tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước của dân, do dân và vì dân gồm nhiều nội dung, xong dưới bài viết này tác giả xin bàn về những nội dung về xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa (XHCHN) ở nước ta hiện nay.

Như học thuyết Mác - Lênin khẳng định, vấn đề cơ bản của chính quyền là quyền lực nhà nước thuộc về ai, ai là chủ quyền lực nhà nước. Để có một nhà nước pháp quyền trên đất nước Việt Nam thì đầu tiên quyền lực nhà nước là của nhân dân, nhân dân là chủ tối cao và duy nhất của quyền lực nhà nước. Nếu quyền lực nhà nước thuộc về thiểu số người thì không thể có Nhà nước pháp quyền XHCHN. Trước đó có những quan điểm cho rằng: Nhà nước có quyền lực siêu nhiên từ tự nhiên ở bên trên và bên ngoài nhân dân, quyền lực đó được trao cho người có nhiệm vụ cai trị dân, hay có quan điểm khác đó là: quyền lực nhà nước nảy sinh từ đạo đức, lý trí tối thượng, nhà nước là hiện thân của đạo đức, lý trí áp đặt cho mọi người. Tuy nhiên đến quan điểm mác- xít chân chính xác định quyền lực nhà nước là của “dân”. Kế thừa tư tưởng của chủ nghĩa Mác- Lênin, chủ tịch Hồ Chí Minh đã làm sáng tỏ dân là những ai và làm thế nào để quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân. Theo Hồ Chí Minh dân là phạm trù rộng lớn bao gồm tất cả những người lao động, những người làm chủ thực sự. Dân chính là người cử ra một cách trực tiếp hay gián tiếp các đại biểu của mình để thực thi quyền lực nhà nước. Hồ Chí Minh viết: “Chính quyền từ xã đến chính phủ Trung ương do dân của ra. Đoàn thể từ trung ương đến xã do dân tổ chức nên”, theo đó mà “bao nhiêu quyền hạn đều của dân”, Tại phiên họp đầu tiên của chính phủ lâm thời

nước Việt Nam dân chủ cộng hòa vào sau ngày đọc “Tuyên ngôn độc lập”, Hồ Chí Minh đã đề nghị Chính phủ “phải” tổ chức càng sớm càng tốt cuộc Tổng tuyển cử, coi đây là một dịp cho toàn thể quốc dân tự do lựa chọn những người có tài, có đức để gánh vác công việc nước nhà. Trong cuộc tổng tuyển cử hễ là những người muốn lo việc nước thì đều có quyền ra ứng cử, hễ là công dân thì đều có quyền đi bầu cử... Do tổng tuyển cử mà toàn dân bầu ra Quốc hội, Quốc hội sẽ cử ra Chính phủ. Chính phủ đó thực sự là Chính phủ của toàn dân”. Qua đây cho thấy Hồ Chí Minh đã xem bầu cử là một hình thức đặc biệt quan trọng để nhân dân lựa chọn những người thay mặt mình thực thi quyền lực do chính mình giao cho. Theo tư tưởng của Người, Nhân dân không chỉ có quyền lực chọn những người đủ tiêu chuẩn vào cơ quan quyền lực Nhà nước mà còn có quyền trong việc thay đổi Chính quyền và nhân viên trong bộ máy Nhà nước khi họ không còn đủ tư cách nữa. Hồ Chí Minh nói: Hễ chính phủ nào có hại cho dân chúng thì dân chúng phải đập đổ Chính phủ ấy đi và gây nên chính phủ khác và “nhân dân có quyền bãi miễn đại biểu quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân, nếu những đại biểu ấy tỏ ra không xứng đáng với sự tín nhiệm của nhân dân”, “nhân dân có quyền đôn đốc vào phê bình Chính phủ”. Và theo Người chỉ có Đảng Cộng sản là đội tiên phong của giai cấp công nhân Việt Nam trực tiếp lãnh đạo Nhà nước thì Nhà nước mới có đầy đủ bản chất giai cấp công nhân và từ đó mới có tính chất nhân dân triệt để, bảo đảm được mọi quyền lực Nhà nước thuộc về nhân dân lao động. Có sự lãnh đạo của Đảng mới thực sự quyết định để Nhà nước thực sự do nhân dân lao động làm chủ quyền lực.

Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa là nhà nước hợp hiến, thực hiện việc quản lý điều hành xã hội bằng hiến pháp và pháp luật. Hiện nay Đảng và Nhà nước ta, Nhân dân ta xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN của dân, do dân và vì dân. Nhà nước phải có được giá trị cơ bản là thật sự đề cao pháp luật và các giá trị của pháp luật; đề cao hiến pháp, coi hiến pháp là đạo luật cơ bản của Nhà nước, có hiệu lực pháp lý cao nhất. Trong tư tưởng của Người vấn đề này đã được quan

tâm từ rất sớm. Trong tám yêu sách gửi các nước đồng minh họp tại Versailles đầu năm 1919, Nguyễn Ái Quốc đã viết: “Bây xin Hiến pháp ban hành/ Trăm điều phải có thần Linh pháp quyền” và trong sách “Nhời hô hoán cùng vạn quốc hội” Nguyễn Ái Quốc viết “Nếu được độc lập ngay thì nước chúng tôi... xếp đặt một nền Hiến pháp theo những lý tưởng dân quyền”, tại phiên họp đầu tiên của Chính phủ Lâm thời nước Việt Nam dân chủ Cộng hòa ngày 3 tháng 9 năm 1945, Bác chỉ rõ: “Chúng ta phải có một Hiến pháp dân chủ” và sau thắng lợi của cuộc tổng tuyển cử, bản Hiến pháp đầu tiên đã được thông qua.

Ngày nay làm theo lời Người căn dặn Đảng ta xác định “Nhà nước quản lý xã hội bằng pháp luật. Mọi cơ quan, tổ chức, cán bộ, công chức, mọi công dân có nghĩa vụ chấp hành Hiến pháp và pháp luật”. Mọi người dân sống và làm việc theo hiến pháp và pháp luật là lối sống có trật tự và lành mạnh của xã hội. Nhà nước làm ra và ban hành pháp luật nhưng lại phải tự đặt mình trong sự giàng buộc thẩm quyền và trách nhiệm trước pháp luật, trong khuôn khổ các quy định của pháp luật. Phục tùng pháp luật là phục tùng lợi ích và ý chí của nhân dân, đường lối, chính sách của Đảng. Vì thế, nhiệm vụ hàng đầu, cấp bách trong xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN, của dân, do dân và vì dân ở nước ta là phải đổi mới hoàn thiện hệ thống pháp luật và thực thi pháp luật nghiêm minh.

Quyền lực nhà nước của nhân dân được giao cho những cá nhân, do vậy mà khi cá nhân thoái hóa thì quyền lực của nhân dân sẽ không còn. Vấn đề đặt ra là phải có đội ngũ cán bộ công chức thật sự vì dân, đặt lợi ích của nhân dân lên trên hết, không chuyển quyền lực nhà nước thành quyền lực cá nhân để áp bức, chiếm đoạt của cải của dân. Hồ Chí Minh viết: “Các cơ quan của Chính phủ từ toàn quốc cho đến các làng, đều là công bộc của dân, nghĩa là gác việc chung ... Việc gì lợi cho dân, ta phải hết sức làm/ việc gì hại đến dân, ta phải hết sức tránh” Và Người yêu cầu “Để xứng đáng với vinh dự to lớn là đầy tớ tuyệt đối trung thành của nhân dân, các đại biểu quốc hội và cán bộ chính quyền cần phải: Thực hành cần, kiệm, liêm, chính, chí công, vô tư/ Gương mẫu về mọi mặt: đoàn kết

công tác, học tập, lao động, luôn giữ vững tác phong khiêm tốn, chất phác và hòa mình với quần chúng thành một khối” Đảng ta vận dụng tư tưởng của Người vào quan điểm xây dựng Nhà nước Pháp quyền XHCN cần phải “xây dựng đội ngũ cán bộ công chức trong sạch, có năng lực”.

Nhìn chung, thực tế những năm qua cho thấy nhà nước ta luôn có sự đổi mới tổ chức và hoạt động (như xác định chức năng, nhiệm vụ quyền hạn của bộ máy cơ quan nhà nước) để đáp ứng những yêu cầu được đặt ra trong từng thời kỳ lịch sử, nhất là trong thời kỳ đổi mới hiện nay. Nhà nước ta cũng dần dần hoàn thiện cơ chế thu hút sự tham gia của nhân dân ngày càng nhiều vào việc xây dựng chính quyền nhà nước các cấp. Tuy nhiên, cũng phải nhìn nhận rằng : tổ chức và hoạt động của bộ máy Nhà nước còn nặng nề, chồng chéo, những phân định về trách nhiệm, quyền hạn và sự phối hợp giữa các cơ quan quyền lực, cơ quan nhà nước chưa tốt, hoạt động giám sát của Quốc hội ngày càng tốt hơn nhưng hoạt động lập pháp còn nhiều hạn chế. Để khắc phục những hạn chế trên, việc hoàn thiện bộ máy nhà nước được Đảng xác định bao gồm một số công tác như sau : Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện nhà nước của dân, do dân và vì dân dưới sự lãnh đạo của Đảng nhằm phát huy quyền làm chủ của nhân dân trong việc xây dựng và quản lý nhà nước : mở rộng, đa dạng hóa thông tin, nâng cao chất lượng thông tin làm cơ sở cho dân bàn bạc, tham gia xây dựng các chủ trương của Đảng, chính sách của nhà nước, thực hiện quyền làm chủ của mình ở địa phương, cơ sở. Xây dựng cơ chế và các hình thức thích hợp để nhân dân, cán bộ, công chức được bàn bạc, tham gia ý kiến, lấy ý kiến của nhân dân đối với các chủ trương, chính sách lớn của Đảng và nhà nước. Đổi mới nâng cao chất lượng công tác lập pháp và giám sát tối cao của quốc hội đối với toàn bộ hoạt động của nhà nước. Cải cách nền hành chính nhà nước: là trọng tâm của việc xây dựng, hoàn thiện nhà nước, trước mắt tập trung những nhiệm vụ cơ bản: Về cải cách thể chế hành chính: đẩy mạnh cải cách thể chế và thủ tục hành chính trên những lĩnh vực liên quan trực tiếp đến đời sống nhân dân, giảm tối đa cơ chế “xin-cho”; tổng kết kinh nghiệm

thực hiện cơ chế thực hiện cơ chế một cửa để chỉ đạo áp dụng rộng rãi trên toàn quốc. Đồng thời với việc sắp xếp tinh gọn, cắt bỏ khâu trung gian những bộ phận chéo chức năng, nhiệm vụ, ngăn chặn tệ cửa quyền, tham nhũng, hối lộ, vi phạm pháp luật. Về tổ chức bộ máy: chấn chỉnh cơ cấu tổ chức, biên chế, quy chế hoạt động của bộ máy hành chính các cấp làm cho bộ máy tinh gọn và thực thi có hiệu lực từ TW đến địa phương, cơ sở. Xác định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của mỗi cấp nhằm tạo điều kiện thuận lợi giải quyết kịp thời những vấn đề đặt ra mà nhân dân đòi hỏi. Cải cách tổ chức và hoạt động tư pháp: các cơ quan tư pháp phải là mẫu mực trong việc tuân thủ pháp luật, phải thể hiện công lý, tính dân chủ, công khai trong hoạt động, hình thành các toà án chuyên ngành và nâng cao năng lực xét xử. Phân định rõ chức năng công tố và kiểm sát của VKSND, nâng cao chất lượng công tố (điều tra, luận tội) tránh những chồng chéo giữa thanh tra nhà nước và Viện kiểm sát. Đồng thời với việc khắc phục tình trạng tồn đọng án quá nhiều, quá lâu hoặc dây dưa kéo dài thời gian thi hành án. Kiên quyết đấu tranh thường xuyên và có hiệu quả tệ nạn tham nhũng trong bộ máy nhà nước các cấp nhằm xây dựng một nhà nước trong sạch, vững mạnh. Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức “xây dựng đội ngũ cán bộ công chức, trước hết là cán bộ lãnh đạo và quản lý ở các cấp, vững vàng về chính trị, gương mẫu về đạo đức, trong sạch về lối sống, có trí tuệ, kiến thức, năng lực hoạt động thực tiễn, gắn bó với nhân dân”. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với nhà nước trong tình hình mới trên cơ sở xây dựng, chỉnh đốn Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo, năng lực cầm quyền và sức chiến đấu của Đảng trong tình hình mới.

Tóm lại, Hồ Chí Minh luôn dành tâm trí và sức lực cho việc xây dựng và củng cố Nhà nước, bảo đảm Nhà nước thực sự do nhân dân lao động làm chủ. Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam là một nhà nước được tổ chức và vận hành theo nguyên tắc “chủ quyền tối thượng thuộc về nhân dân”, lấy pháp luật XHCN làm công cụ để điều hành - quản lý xã hội, lấy liên minh công – nông – đội ngũ trí thức làm nền tảng dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, hoạt động theo

nguyên tắc thống nhất về quyền lực nhưng có sự phân công và phối hợp giữa các cơ quan trong ba mặt hành pháp, tư pháp và lập pháp. Đổi mới tổ chức, hoạt động của nhà nước theo nguyên tắc trên là công việc vừa cơ bản, vừa cấp bách và cần phải tính toán kỹ từng bước đi thích hợp. Nếu chúng ta quán triệt đầy đủ và thực hiện tốt nhưng yêu cầu và phương hướng đã được Đảng đề ra trong việc kiện toàn hoạt động bộ máy nhà nước thì nhà nước pháp quyền XHCNVN sẽ được thiết định vững chắc, ngày càng phát triển về mọi mặt, đủ sức xây dựng thành công CNXH ở nước ta.

**TƯ TƯỞNG CỐT LÕI VỀ NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN CỦA CHỦ
NGHĨA MÁC - LÊNIN VÀ SỰ VẬN DỤNG TRONG XÂY DỰNG NHÀ
NƯỚC PHÁP QUYỀN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM HIỆN NAY**

Ths. Nguyễn Đức Phương

Giảng viên Khoa Nhà nước và Pháp luật

1. Tư tưởng cốt lõi về nhà nước pháp quyền của chủ nghĩa Mác - Lênin

Trong học thuyết chuyên chính vô sản, học thuyết về nhà nước kiểu mới của chủ nghĩa Mác - Lênin, thuật ngữ nhà nước pháp quyền với ý nghĩa đầy đủ nhất chưa được các nhà kinh điển sử dụng. Song những tư tưởng cốt lõi về nhà nước pháp quyền đã được các ông đề cập đến trong những bối cảnh khác nhau. Có thể thấy những tư tưởng nổi bật về nhà nước pháp quyền của các ông khi các ông bàn về chế độ dân chủ mới - dân chủ vô sản, đó là dân chủ “do nhân dân tự quy định”; là bước chuyển từ “nhân dân của nhà nước” sang “nhà nước của nhân dân”, là chế độ dân chủ xuất phát từ con người và pháp luật cũng vì con người. Đặc biệt là tư tưởng của các ông về nhà nước kiểu mới - nhà nước chuyên chính vô sản, nhà nước dân chủ cao nhất, triệt để nhất. Các ông chủ trương xây dựng nhà nước hợp hiến, hợp pháp; là nhà nước đảm bảo cho “tự do của mỗi người là điều kiện cho sự phát triển tự do của tất cả mọi người”. Nhà nước đó xây dựng và phát triển một xã hội có khả năng tạo ra những điều kiện cơ bản để “giải phóng cá nhân” theo phương châm “xã hội sẽ không thể giải phóng nếu không giải phóng mỗi cá nhân riêng biệt”... Những tư tưởng cốt lõi đó của C.Mác và Ph.Ăngghen đã được V.I.Lênin vận dụng và làm rõ hơn khi Người lãnh đạo nhân dân Nga xây dựng nền pháp luật kiểu mới, nền pháp chế xã hội chủ nghĩa.

Tựu trung về tư tưởng cốt lõi của nhà nước pháp quyền trong học thuyết Mác-Lênin tập trung vào một số điểm chính sau:

Thứ nhất: Bản chất dân chủ trong nhà nước

Ở nhiều tác phẩm, C.Mác và Ph.Ăngghen đã luận bàn về dân chủ, về xã hội công dân với tư cách là những tiêu chí của nhà nước, xã hội tiến bộ

Trong tác phẩm Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản, hai ông đã viết: “...bước thứ nhất trong cuộc cách mạng công nhân là giai cấp vô sản biến thành giai cấp thống trị, là giành lấy dân chủ...; Nhà nước, tức là giai cấp vô sản được tổ chức thành giai cấp thống trị” ... và “Mục đích trước mắt của những người cộng sản là... lật đổ sự thống trị của giai cấp tư sản, giai cấp vô sản giành lấy chính quyền” .

Trong tác phẩm Phê phán Cương lĩnh Ghôta, C.Mác đã chỉ rõ: Từ “dân chủ” nếu chuyển qua tiếng Đức thì có nghĩa là “nhân dân nắm chính quyền” . Điều đó có nghĩa là dân chủ chính là dân là chủ thể quyền lực nhà nước, nhân dân tạo nên nhà nước chứ không phải nhà nước tạo nên nhân dân. Mác viết: “Chế độ dân chủ xuất phát từ con người và biến nhà nước thành con người được khách thể hóa. Cũng giống như tôn giáo không tạo ra con người mà con người tạo ra tôn giáo, ở đây cũng vậy: không phải chế độ nhà nước tạo ra nhân dân mà nhân dân tạo ra nhà nước” .

Chủ nghĩa Mác cho rằng, chế độ dân chủ hoàn toàn khác với chế độ quân chủ chuyên chế, nó xứng đáng dành cho con người, bởi: “Dưới chế độ quân chủ, tổng thể tức nhân dân, bị đặt vào một trong những hình thức tồn tại, tức chế độ chính trị của họ. Còn trong chế độ dân chủ thì bản thân chế độ nhà nước thể hiện ra là một trong những tính quy định, cụ thể là sự tự quy định của nhân dân” .

Sự khác biệt giữa chế độ dân chủ với chế độ chuyên chế, theo C.Mác chính còn là do chế độ dân chủ có đặc trưng cơ bản là luật pháp tồn tại vì con người: “Dưới chế độ dân chủ, không phải con người tồn tại vì pháp luật, mà pháp luật tồn tại vì con người; ở đây sự tồn tại của con người là pháp luật, trong khi đó thì ở những hình thức khác nhau của chế độ nhà nước, con người lại là tồn tại được bởi quy định của luật pháp. Dấu hiệu đặc trưng cơ bản của chế độ dân chủ là như vậy” .

Thứ hai: Chủ thể quyền lực nhà nước phải thuộc về đa số

Không chỉ làm rõ sự khác biệt giữa chế độ dân chủ với chuyên chế mà C.Mác còn chỉ ra sự khác biệt cơ bản giữa dân chủ vô sản và dân chủ tư sản, phê

phản sự hạn chế dân chủ trong nhà nước tư sản. C.Mác khẳng định dân chủ chính là chế độ nhà nước do dân nắm quyền lực. Nhà nước luôn luôn mang bản chất giai cấp, không có nhà nước chung chung, dân chủ phi giai cấp. Theo đó, nhà nước tư sản dù có bước tiến bộ so với các chế độ nhà nước trước đó, song do dựa trên cơ sở kinh tế, chính trị - xã hội của nó, nhà nước tư sản chỉ là và khi nào (dù điều chỉnh) cũng vẫn là nhà nước của giai cấp bóc lột bảo vệ lợi ích của giai cấp bóc lột, chống lại nhân dân, không phải là nhà nước do nhân dân nắm quyền, tổ chức thực hiện và kiểm soát quyền lực. Nhà nước tư sản dù tồn tại dưới hình thức quân chủ hay cộng hoà thì bản chất vẫn là một “chuyên chính tư sản”. Để thiết lập nhà nước chuyên chính vô sản trong điều kiện chủ nghĩa tư bản tự do cạnh tranh, C.Mác cho rằng, phải thông qua chế độ cộng hòa dân chủ. Điều này đã được Lênin nhắc lại sau này trong tác phẩm Nhà nước và cách mạng: “Tư tưởng xuyên suốt trong các tác phẩm của Mác là chế độ cộng hòa dân chủ là con đường ngắn nhất đưa đến chuyên chính vô sản”.

Trên cơ sở quan điểm của chủ nghĩa Mác và trong điều kiện mới, V.I.Lênin tiếp tục khẳng định bản chất giai cấp của nhà nước và phân biệt sự khác nhau giữa nhà nước của giai cấp bóc lột với nhà nước của giai cấp vô sản. Ông cho rằng, nhà nước là một hiện tượng lịch sử, nó chỉ là một tổ chức thống trị của một giai cấp, bất cứ nhà nước nào cũng là một bộ máy để giai cấp này trấn áp giai cấp khác: “Bất cứ một nhà nước nào cũng đều có nghĩa là dùng bạo lực, nhưng toàn bộ sự khác nhau là ở chỗ dùng bạo lực đối với những người bị bóc lột hay đối với kẻ đi bóc lột, ở chỗ có dùng bạo lực đối với giai cấp những người lao động và những người bị bóc lột không”. Lênin đã cho rằng, chỉ có nhà nước mà quyền lực thuộc về nhân dân thì nhà nước mới có thể quản lý được xã hội phù hợp với quy luật, phục vụ lợi ích nhân dân, bởi vì: “Nếu quyền lực chính trị nằm trong tay một giai cấp có quyền lợi phù hợp với quyền lợi của đa số, thì mới có thể thực hiện việc điều khiển công việc quốc gia thực sự theo đúng nguyện vọng của đa số. Nhưng nếu quyền lực chính trị nằm trong tay một giai cấp có quyền lợi khác quyền

lợi của đa số thì việc điều khiển công việc quốc gia theo nguyện vọng của đa số không khỏi trở thành một sự lừa gạt, hoặc đưa đến chỗ đàn áp đa số ấy” .

Với cách phân tích như vậy, Lênin đã nhấn mạnh làm rõ nhà nước tư sản là bộ máy bạo lực có tổ chức của giai cấp tư sản đi trấn áp giai cấp công nhân và nhân dân lao động. Ông phê phán nền dân chủ trong nhà nước tư sản, một thứ dân chủ nửa vờ, cắt xén, giả hiệu, đồng thời ông cũng phê phán những luận điệu ca ngợi chế độ cộng hòa dân chủ (tư sản) là “chính quyền toàn dân” hay dân chủ nói chung, xem nhà nước tư sản là nhà nước chung chung phi giai cấp. Theo Lênin, chế độ cộng hòa dân chủ chẳng qua chỉ là chuyên chính của giai cấp tư sản, chuyên chính của những kẻ bóc lột đối với quần chúng lao động: “Bất luận nhà nước nào kể cả cộng hòa dân chủ nhất, cũng chỉ là một bộ máy mà giai cấp này dùng để đàn áp giai cấp khác... Nghị viện tư sản dù là nghị viện dân chủ nhất trong một nhà nước cộng hòa dân chủ nhất, trong đó quyền sở hữu của bọn tư bản và chính quyền của chúng vẫn được duy trì thì vẫn là bộ máy để cho một nhóm người bóc lột dùng để đàn áp người lao động...” .

Trái lại, nhà nước vô sản, theo Lênin, trong thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội có thể có nhiều hình thức nhà nước, nhưng tất cả các hình thức đó đều mang một bản chất duy nhất- bản chất giai cấp công nhân, là chuyên chính vô sản. Bản chất giai cấp của nhà nước vô sản được thể hiện ở chỗ, nhà nước đó do Đảng của giai cấp công nhân lãnh đạo, thể hiện ý chí của giai cấp công nhân, thực hiện dân chủ thực sự với nhân dân, bảo vệ quyền lợi thực sự của nhân dân, chuyên chính với kẻ thù của nhân dân. Bản chất này do cơ sở kinh tế và chế độ chính trị xã hội của chủ nghĩa xã hội quy định.

Thứ ba: Bản chất giai cấp công nhân và tính nhân dân rộng rãi trong nhà nước pháp quyền

Các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác-Lênin, một mặt đã khẳng định bản chất giai cấp công nhân trong nhà nước chuyên chính vô sản, mặt khác, do bản chất dân chủ vô sản đòi hỏi, nhà nước xã hội chủ nghĩa phải mang tính nhân dân

rộng rãi, lôi cuốn đông đảo nhân dân tham gia quản lý nhà nước. Sau khi giành được chính quyền, giai cấp vô sản trở thành giai cấp thống trị duy nhất trong xã hội phải tập trung xây dựng nhà nước vô sản mà mục tiêu cao nhất là phục vụ lợi ích cho đa số.

Khi bàn về chức năng của nhà nước vô sản, chủ nghĩa Mác - Lênin cho rằng, cũng như mọi nhà nước khác, nhà nước vô sản cũng có hai chức năng cơ bản là chức năng giai cấp và chức năng xã hội, nhưng nội dung, cơ chế và mục đích thực hiện các chức năng đã thay đổi căn bản. Đối với các nhà nước trước đây chức năng xã hội là cơ sở để thực hiện chức năng giai cấp. Đối với nhà nước vô sản, vì bản chất giai cấp công nhân với tính nhân dân và tính dân tộc của nhà nước là thống nhất nên chức năng giai cấp của nhà nước vô sản trở thành phương tiện, công cụ để thực hiện chức năng xã hội của nó. Theo ý nghĩa trên, chức năng giai cấp chỉ là cơ sở để nhà nước vô sản thực hiện chức năng xã hội của mình.

Theo Lênin, dưới sự bảo trợ của nhà nước xã hội chủ nghĩa, quyền lực của nhân dân thực sự được hoàn mỹ, tuy nhiên mới chỉ là khả năng. Lênin chỉ rõ: việc giai cấp công nhân giữ vai trò thống trị tuyệt nhiên chưa đồng nhất với việc một nền dân chủ cao hơn tự nhiên xuất hiện sau sự kiện ấy. Đây mới chỉ là điều kiện cần nhưng chưa đủ. Giai cấp công nhân đại diện cho nhân dân lao động nắm chính quyền và lãnh đạo xã hội vì lợi ích của họ là thống nhất. Tuy nhiên, Lênin cảnh báo nguy cơ tha hoá của nhà nước vẫn luôn tiềm ẩn và dễ xảy ra do tính gián tiếp và trung gian giữa chủ thể của quyền lực là nhân dân và cơ quan được nhân dân uỷ quyền, đó là nhà nước. Lênin chỉ ra rằng: không phải ngày mai ngủ dậy là đã có chủ nghĩa cộng sản, trái lại đó là một quá trình xây dựng lâu dài trên cơ sở con người nhận thức đúng được quy luật phát triển của xã hội và của lịch sử.

Tuy nhiên, Lênin cũng nhắc nhở những người cộng sản, trong xã hội xã hội chủ nghĩa, nhà nước chưa thể “tự tiêu vong” hoàn toàn được vì vẫn còn các giai cấp và sự khác biệt giữa các giai cấp thậm chí vẫn còn một nhà nước kiểu tư sản nhưng không có giai cấp tư sản. Lênin viết: “Trong một thời gian nhất định, dưới

chế độ cộng sản, không những vẫn còn pháp quyền tư sản, mà vẫn còn cả nhà nước kiểu tư sản nhưng không có giai cấp tư sản” .

Thứ tư: Những điều kiện cơ bản để xây dựng nhà nước vô sản

Chủ nghĩa Mác, đặc biệt là Lênin đã dự đoán rằng trong quá trình tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước, nhất là thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, không tránh khỏi có những cán bộ, công chức nhà nước lạm dụng quyền lực, thoái hoá biến chất, xa rời quần chúng làm xuất hiện chủ nghĩa quan liêu trong nhà nước vô sản. Để chống nguy cơ quan liêu đồng thời đảm bảo tính hiệu quả của bộ máy nhà nước, muốn cho nhà nước không đứng trên nhân dân, cai trị nhân dân, theo Lênin, đòi hỏi nhiều điều kiện, trong đó vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản giữ yếu tố quan trọng hàng đầu, sau đó là yếu tố dân trí, xã hội công dân, cơ chế pháp luật đảm bảo quyền tự do cá nhân, quyền làm chủ nhà nước, quyền tham gia vào các quyết sách của nhà nước, thực hiện chính sách đối nội, đối ngoại hòa bình, hữu nghị hợp tác, xây dựng khối sức mạnh liên minh công – nông trong quyền lực nhà nước. Lênin đặc biệt chú ý đến việc đảm bảo tính hiệu quả trong hoạt động của bộ máy nhà nước, đề phòng và chống những biểu hiện tiêu cực trong bộ máy nhà nước cũng như trong đội ngũ công chức. Tiếp thu kinh nghiệm của Công xã Paris, Lênin rất quan tâm đến công tác kiểm tra, kiểm soát bộ máy nhà nước, giám sát các thành viên của Chính phủ trên cơ sở xây dựng chế độ trách nhiệm cá nhân công chức, viên chức trong những việc mà họ đang đảm nhận; thực hành dân chủ hoá trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, lôi cuốn đông đảo công nhân và nông dân tham gia công việc quản lý nhà nước...

Với cách nhìn biện chứng và cách mạng, Lênin đã khẳng định Nhà nước Xô viết là hình thức tốt nhất của chuyên chính vô sản, nhưng ông cũng nhấn mạnh những người cộng sản phương Đông không nên sao chép một cách máy móc, mà cần vận dụng cho phù hợp với hoàn cảnh của nước mình. Điều này hoàn toàn phù hợp quy luật, bởi vì trong cái chung, cái phổ biến có cái riêng, cái đặc thù.

2. Vận dụng tư tưởng cốt lõi về nhà nước pháp quyền của chủ nghĩa Mác-Lênin vào xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân ở Việt Nam hiện nay

Chủ tịch Hồ Chí Minh - người sáng lập và rèn luyện Đảng ta đã tiếp thu tinh hoa tư tưởng của nhân loại vào quá trình tổ chức và lãnh đạo cách mạng, trong đó có kế thừa tư tưởng cốt lõi về xây dựng nhà nước pháp quyền trong học thuyết Mác-Lênin để hình thành quan niệm về một nhà nước Việt Nam mới.

Năm 1927, trong tác phẩm Đường Cách mệnh, Nguyễn Ái Quốc đã cho rằng, làm cách mạng là để chuyển giao quyền lực cho dân chúng số nhiều, chứ để trong tay một số ít người. Trong Chánh cương vắn tắt năm 1930 ý tưởng về một nhà nước nhân dân đã được cụ thể hoá bằng khái niệm "chính phủ công nông binh". Sau Cách mạng Tháng Tám, với Tuyên ngôn độc lập và sự ra đời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta đã thể hiện tư tưởng về một nhà nước độc lập, dân chủ, cộng hoà, một nhà nước của dân, do dân, vì dân. Hiến pháp đầu tiên của Nhà nước Việt Nam năm 1946, Điều 1 đã khẳng định: "Nước Việt Nam dân chủ cộng hoà là một nhà nước dân chủ. Tất cả quyền bính trong nước là của toàn thể nhân dân Việt Nam, không phân biệt nòi giống, gái trai, giai cấp, tôn giáo". Điều này đã khẳng định, quan điểm của Hồ Chí Minh và của Đảng ta hướng đến một nhà nước kiểu mới, mà trong đó các quyền công dân và quyền con người được ghi nhận trong Hiến pháp, được đảm bảo bằng pháp luật.

Tư tưởng về một nhà nước pháp quyền của dân, do dân, vì dân do Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng khởi xướng, xây dựng đã được quán triệt thực hiện trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng nước ta, nhất là từ khi đất nước bước vào thời kỳ đổi mới.

Tinh thần dân chủ hoá đời sống xã hội mà Đảng ta đề xuất từ Đại hội VI đã khơi nguồn sáng tạo cho nhân dân trong lao động, sản xuất, tham gia xây dựng nhà nước của dân, do dân, vì dân. Các nhiệm kỳ Đại hội VII, Đại hội VIII của Đảng đã dành sự chú ý, quan tâm nhiều đến vấn đề dân chủ và đã đặt ra một cách

dứt khoát mục tiêu xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, cải cách nền hành chính quan liêu bao cấp trước đây. Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX (năm 2001) tiếp tục khẳng định mục tiêu xây dựng một chế độ dân chủ thông qua nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, cải cách các thể chế và phương thức hoạt động của nhà nước, mở rộng và đa dạng hoá các hình thức tập hợp nhân dân, coi đoàn kết là động lực của sự phát triển xã hội.

Đến Đại hội X (năm 2006), nhà nước pháp quyền đã được Đảng xác định là một trong tám đặc trưng chủ yếu của chủ nghĩa xã hội mà nhân dân xây dựng, đó là "có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản". Tinh thần này tiếp tục được Đảng ta xác định trong văn kiện Đại hội XI và Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011).

Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng tiếp tục nhấn mạnh: “Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của Nhân dân, do Nhân dân và vì Nhân dân do Đảng lãnh đạo là nhiệm vụ trọng tâm của đổi mới hệ thống chính trị, nâng cao năng lực, hiệu lực, hiệu quả hoạt động của Nhà nước”.

Bản chất cốt lõi của nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân là:

- Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nhà nước thực sự của dân, do dân, vì dân; mọi quyền lực nhà nước thực sự thuộc về nhân dân.
- Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nhà nước mà ở đó quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp và kiểm soát chặt chẽ giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp.
- Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nhà nước đảm bảo sự thống nhất giữa bản chất giai cấp công nhân với tính nhân dân và tính dân tộc sâu sắc.

- Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nhà nước được tổ chức và hoạt động trên cơ sở Hiến pháp, pháp luật và bảo đảm tính tối cao của Hiến pháp và pháp luật trong đời sống.

- Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nhà nước tôn trọng và thực hiện bảo vệ quyền con người, tất cả vì hạnh phúc của con người. Nâng cao trách nhiệm pháp lý giữa Nhà nước và công dân, thực hành dân chủ đồng thời tăng cường kỷ cương, kỷ luật.

- Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nhà nước do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo, đồng thời bảo đảm sự giám sát của nhân dân, sự phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận.

Để xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân, Đảng ta chỉ rõ cần phải xây dựng cơ chế vận hành của nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, bảo đảm nguyên tắc tất cả quyền lực nhà nước đều thuộc về nhân dân; quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp kiểm soát giữa các cơ quan trong việc thực hiện quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp. Hoàn thiện hệ thống pháp luật, tăng tính cụ thể, khả thi của các quy định trong văn bản pháp luật. Xây dựng, hoàn thiện cơ chế kiểm tra, giám sát tính hợp hiến, hợp pháp trong các hoạt động và quyết định của các cơ quan công quyền.

Đồng thời, Đảng ta khẳng định lãnh đạo xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân là trọng trách của Đảng cầm quyền, là một tất yếu khách quan và yêu cầu mà thực tiễn đấu tranh cách mạng của Đảng và nhân dân ta đặt ra. Giành được độc lập dân tộc, giành được chính quyền về tay nhân dân mới chỉ là bước đầu của sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa. Muốn xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản còn phải xây dựng nhà nước cách mạng và hệ thống chính trị tiên tiến mà Đảng là hạt nhân lãnh đạo. Nhà nước là công cụ hùng mạnh và sắc bén để tổ chức thực hiện thắng lợi đường lối, chính sách của Đảng, bảo đảm cho Đảng thực hiện được sự lãnh

đạo của mình nhằm xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản. Những đặc trưng của nhà nước và nhiệm vụ xây dựng nhà nước mà Đảng ta đặt ra chính là sự vận dụng sáng tạo tư tưởng của học thuyết Mác-Lênin về nhà nước kiểu mới với những tư tưởng cốt lõi về pháp quyền trong điều kiện cụ thể của Việt Nam. Đây cũng là những căn cứ lý luận và thực tiễn để chúng ta khẳng định Điều 4 trong Hiến pháp hiện nay là không thể thay đổi. Không được mơ hồ về vai trò lãnh đạo của Đảng đối với nhà nước nói riêng, xã hội nói chung./.

**GIÁ TRỊ HỌC THUYẾT PHÁP TRỊ CỦA THƯƠNG ƯƠNG
ĐỐI VỚI CÔNG CUỘC XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN
Ở NƯỚC TA HIỆN NAY**

Ths. Đặng Thành Dương

Giảng viên Khoa Xây dựng Đảng

Lịch sử phát triển nhân loại từ khi hình thành Nhà nước, luôn xuất hiện một vấn đề nổi bật là: thuật quản lý đất nước. Mỗi quốc gia, qua mỗi thời kỳ khác nhau lại có những cách thức quản lý riêng biệt, tất cả đều nhằm mục tiêu ổn định xã hội để phát triển đất nước. Nếu nhìn vào lịch sử, có thể thấy, Trung Quốc là đất nước xuất hiện rất nhiều tư tưởng trị nước đặc trưng. Một trong số đó là tư tưởng Pháp trị với đại diện tiêu biểu là Thương Ương

1. Học thuyết pháp trị của Thương Ương

Thương Ương (năm 390 - năm 338 trước công nguyên), người nước Vệ , họ Công Tôn đánh bại nước Ngụy được ban tước Hầu, phong 15 ấp ở đất Thương (nay là phía đông, tên Ương. Từ nhỏ ông đã thích học hình danh, từng nhậm chức ở nước Ngụy . Tần Hiếu Công nguyên niên (năm 391 trước công nguyên) “hạ lệnh tìm người hiền trong nước”, Thương Ương rời Ngụy sang Tần và giúp vua Tần cải cách pháp luật hành chính và kinh tế làm cho nước Tần trở nên hùng mạnh. Ông chủ trì 2 lần biến pháp cho nước Tần, đó là vào năm Hiếu Công thứ 3 và năm thứ 12 đạt được thành công lớn. Về sau nhân có công nam huyện Thương tỉnh Thiểm Tây), lấy hiệu là Thương Quân, nên người đời gọi ông là Thương Ương.

Trong phép trị nước Thương Ương đề cao "Pháp" theo nguyên tắc "Dĩ hình khử hình" (dùng hình phạt để trừ bỏ hình phạm). Chủ trương của ông là pháp luật phải nghiêm, ban bố khắp trong nước cho ai cũng biết, và từ trên xuống dưới ai cũng phải thi hành, không phân biệt giai cấp; “Pháp” đã định rồi thì không ai được bàn ra bàn vào, không được “dùng lời khéo mà làm hại pháp”. "Pháp" được hiểu theo hai nghĩa: Nghĩa rộng "Pháp" là thể chế quốc gia là chế độ chính trị xã hội

của đất nước; Nghĩa hẹp "Pháp" là những điều luật, luật lệ, những luật lệ mang tính nguyên tắc và khuôn mẫu. Tuy vậy, khi lập pháp vua cũng phải dựa trên những nguyên tắc chính như: 1- Pháp luật phải hợp thời; 2- Pháp luật phải soạn sao cho dân dễ hiểu, dễ thi hành; 3- Pháp luật phải công bằng; 4- Pháp luật có tính cách phổ biến. Với Thương Ưởng, "Pháp" thật sự là tiêu chuẩn khách quan để phân định danh phận, phải trái, tốt, xấu, thiện ác và sẽ làm cho nhân tâm và vạn sự đều qui về một mối, đều lấy pháp làm chuẩn. Vì vậy, "Pháp" trở thành cái gốc của thiên hạ.

Trải qua biến pháp của Thương Ưởng, kinh tế nước Tần phát triển, xuất hiện cảnh tượng phồn vinh. Nhân dân cả nước xem việc đánh nhau vì việc riêng là nhục, xem chiến đấu lập công cho đất nước là việc vinh, quân đội không ngừng lớn mạnh, nước Tần với nước giàu quân mạnh đã trở thành nước mạnh nhất ở hậu kì thời Chiến quốc. Như Hàn Phi đã đánh giá: Thương Quân tử nhi Tần pháp vị bại (Thương Quân mất nhưng biến pháp của nước Tần vẫn không bị phế bỏ).

Những tư tưởng của Thương Ưởng cùng với các đại diện khác như Thân Bất Hại (401-337 TCN), Thận Đáo (370-290 TCN), Hàn Phi Tử (280-233 TCN), Quản Trọng (Thế kỷ VI TCN) đã góp phần hình thành nên tư tưởng Pháp gia đầy đủ, hoàn thiện.

2. Đánh giá về học thuyết Pháp trị

Ưu điểm

Trong học thuyết Pháp trị có rất nhiều các điểm tiến bộ mà đến ngày nay vẫn còn giá trị trong việc xây dựng cũng như quản lý nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

Một là, Nhà nước tập trung vào tay một người, do đó bảo đảm quyền lực thống nhất không bị phân tán. Các hoạt động chính sách được thực hiện xuyên suốt, không có sự tranh giành quyền lực giữa các đảng phái.

Hai là, coi trọng quyền lực của nhà lãnh đạo, cho rằng “nhu cầu quan trọng nhất của một quân vương là quyền lực” nên dễ dàng thực hiện, bắt buộc tuân theo.

Ba là, chứng minh được hiệu lực tối ưu của pháp luật, tạo tiền đề hoàn thiện hệ thống pháp luật, tạo chuẩn mực mới điều chỉnh hành vi con người, các mối quan hệ trong xã hội.

Bốn là, coi trọng năng lực nhà lãnh đạo, khuyến khích và trọng dụng được nhân tài, phát huy được hiệu quả trong quản lý.

Nhược điểm

Bỏ qua giá trị nhân văn của con người và độc tôn pháp luật.

Trị nước xuất phát từ một phía duy ý chí, độc quyền, áp đặt và lạm dụng quyền lực không đảm bảo quyền lợi của người dân dẫn đến dân không ủng hộ.

Quá đề cao pháp luật, pháp luật mà học thuyết pháp trị đề cao là thứ pháp luật hà khắc, tàn bạo khác xa với pháp luật ngày nay; con người phải vì pháp luật, chứ pháp luật không vì con người; mặt khác pháp luật dù ở vị trí thượng tôn, trên muôn dân, nhưng lại dưới một người (nhà vua), gây nên sự sợ hãi trong lòng người dân.

Pháp gia chỉ chú trọng đến hành chính, pháp luật và làm thế nào để quốc gia phú cường chứ không chú trọng giáo dục dân, bất chấp nguyện vọng của dân, bảo vệ giai cấp giàu và quý tộc “quan hệ giữa người quản lý và kẻ bị quản lý là quan hệ một chiều trong đó có sự mâu thuẫn với nhau”.

Quan niệm về bản chất con người trong xã hội là quan điểm thực dụng, bản tính con người là ác, chỉ nhìn thấy con người ở góc độ vụ lợi, cho đến nhà nước, chỉ quy về chủ nghĩa thực dụng, không thấy được lý tưởng cao đẹp và sẵn sàng quên mình cho lý tưởng ấy của những con người có tâm có đức.

Tuyệt đối hóa pháp luật ở những khía cạnh biểu hiện cụ thể của nó, mà không thấy được còn có những công cụ khác kết hợp để trị nước, ví dụ như kết hợp cả đức trị.

3. Vận dụng học thuyết Pháp trị vào xây dựng Nhà nước pháp quyền ở nước ta hiện nay

Từ khi ra đời đến nay, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn đặt lên hàng đầu quan điểm xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Quá trình đổi mới tư duy, bổ sung, hoàn thiện cả về lý luận cũng như thực tiễn về xây dựng Nhà nước pháp quyền ở nước ta đã được xác định ngày càng rõ hơn. Đại hội XIII của Đảng đã nhấn mạnh: “Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân do Đảng lãnh đạo là nhiệm vụ trọng tâm của đổi mới hệ thống chính trị”. Học thuyết pháp trị do phản ánh đúng quy luật khách quan nên đã đáp ứng được yêu cầu của lịch sử. Ngày nay, chúng ta đang xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân thì một yêu cầu quan trọng là phải xây dựng hệ thống pháp luật thống nhất, đồng bộ, tạo môi trường pháp lý ổn định cho phát triển kinh tế- xã hội. Trên thực tế cũng xuất hiện tình trạng chồng chéo, khủng hoảng thiếu hay thừa về luật trong một số lĩnh vực. Pháp luật của chúng ta lại thiếu tính ổn định và sự cụ thể chặt chẽ; ý thức pháp luật của một bộ phận cán bộ và nhân dân còn thấp dẫn đến việc coi thường trong chấp hành hoặc áp dụng pháp luật tùy tiện... là những nguyên nhân của kỷ cương phép nước không nghiêm. Những hạt nhân tiến bộ của Học thuyết pháp trị chắc chắn sẽ cho chúng ta nhiều suy nghĩ trong công tác xây dựng và hoàn thiện bộ máy nhà nước và hệ thống pháp luật hiện nay.

**XÂY DỰNG VÀ HOÀN THIỆN NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN XÃ HỘI
CHỦ NGHĨA - YẾU TỐ QUAN TRỌNG BẢO ĐẢM
QUYỀN CON NGƯỜI Ở VIỆT NAM**

Ths. Hoàng Thị Thu Hiền

Giảng viên Khoa Xây dựng Đảng

Quyền con người và Nhà nước pháp quyền đều là thành tựu của văn minh nhân loại, phản ánh trình độ phát triển về tổ chức và hoạt động nhà nước, về pháp luật và thực hiện pháp luật. Do đó, xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền đang trở thành một xu thế khách quan đối với các quốc gia dân chủ trong thế giới hiện đại và là yếu tố quan trọng bảo đảm các quyền con người.

Ngay trong Lời mở đầu của Tuyên ngôn thế giới về quyền con người (1948) đã khẳng định mối quan hệ chặt chẽ, không thể tách rời giữa nhà nước pháp quyền và các quyền con người: “*Xét vì điều cốt yếu là các quyền con người phải được bảo vệ bằng nhà nước pháp quyền...*”. Nhận thức được mối quan hệ này, ngay từ năm 1919, Nguyễn Ái Quốc đã gửi Bản yêu sách tám điểm của nhân dân An Nam tới Hội nghị Véc- xây, trong đó có bốn điểm liên quan đến vấn đề pháp quyền, còn bốn điểm liên quan đến công lý và quyền con người.

Trên cơ sở nhận thức vai trò và ý nghĩa quan trọng của nhà nước pháp quyền và các quyền con người, Đảng và Nhà nước Việt Nam khẳng định việc bảo đảm quyền con người là một yêu cầu trọng tâm trong xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, đồng thời cũng là một yếu tố cốt lõi trong quá trình hoàn thiện thể chế và bảo đảm đất nước luôn được ổn định, phát triển.

Khái niệm “Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa” lần đầu tiên được nêu ra tại Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá VII (1991) và tiếp tục được khẳng định trong nhiều văn kiện khác của Đảng và Nhà nước sau này. Quá trình xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam trước hết được thể hiện ở việc xây dựng hệ thống pháp luật, tạo dựng một không gian pháp lý điều chỉnh một cách hiệu quả, sát với thực tiễn các quan

hệ xã hội cơ bản, quan trọng và cần thiết của đời sống con người, qua đó góp phần đảm bảo và phát huy các quyền cơ bản của con người.

Tại Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011) và Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011-2020 tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI Đảng Cộng sản Việt Nam đã khẳng định yêu cầu phải bảo đảm quyền con người, quyền công dân và các điều kiện để mọi người được phát triển toàn diện. Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa phải là Nhà nước tôn trọng và bảo đảm các quyền con người, quyền công dân, chăm lo hạnh phúc, sự phát triển tự do của mỗi người. Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa phải là một nhà nước phục vụ nhân dân, gắn bó mật thiết với nhân dân, thực hiện đầy đủ quyền dân chủ của nhân dân và chịu sự giám sát của nhân dân.

Trong Hiến pháp năm 2013, mối quan hệ giữa Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa với quyền con người ở nước ta đã được thể chế hóa rõ hơn với năm đặc điểm cơ bản trong đó đặc điểm thứ năm là bảo đảm công lý, quyền con người, quyền công dân. Trên cơ sở Điều 3, Hiến pháp Việt Nam 2013, nội dung bảo đảm quyền con người của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở nước ta được quy định và thực hiện đầy đủ các cấp độ: *“Nhà nước công nhận, tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm quyền con người, quyền công dân”*. Với nội dung này, Nhà nước Việt Nam phải tham gia một cách tối đa các điều ước quốc tế về quyền con người trên cơ sở phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh của mình đồng thời thể chế hoá các quyền con người quốc tế thành các quyền công dân quy định trong Hiến pháp và pháp luật. Các chủ chương, chính sách và pháp luật của Việt Nam đều được xây dựng với sự quan tâm đầy đủ các tác động của chúng đối với việc thực hiện quyền con người. Đặc biệt, công tác xây dựng pháp luật của Việt Nam phải hết sức chú trọng cụ thể hoá các quyền con người, không được có các điều khoản tiềm ẩn hoặc tạo kẽ hở cho các hành vi xâm phạm quyền con người. Nếu vi phạm, nhà nước sẽ áp dụng các biện pháp chế tài pháp lý để xử lý, qua đó ngăn ngừa các vi phạm mới tái diễn và tạo ra sự tôn trọng chung đối với quyền con người trong toàn xã hội.

Không chỉ có thế, theo nguyên tắc công nhận, tôn trọng, bảo vệ quyền con người, Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa có trách nhiệm hình thành đầy đủ những điều kiện, cơ sở vật chất để bảo đảm cho các quyền con người. Nhà nước có thể áp dụng đa dạng các chính sách để huy động các nguồn vốn khác nhau cho công cuộc này, song trách nhiệm bảo đảm cuối cùng vẫn thuộc về Nhà nước.

Trên cơ sở quy định của Hiến pháp, Nhà nước Việt Nam đã nỗ lực cụ thể hóa bằng hệ thống văn bản quy phạm pháp luật để đảm bảo toàn diện việc thực hiện các quyền con người như: Luật quốc tịch, Luật khiếu nại, Luật tố cáo, Luật trách nhiệm bồi thường của nhà nước, Bộ luật lao động, Bộ luật dân sự, Luật bảo hiểm xã hội, Luật khám bệnh và chữa bệnh, Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng, Luật lao động... và thường xuyên, kịp thời sửa đổi, bổ sung các luật, các văn bản dưới luật một cách đồng bộ, từng bước phù hợp với thực tiễn.

Cùng với việc thúc đẩy, nâng cao hiệu quả hoạt động thực thi pháp luật về quyền con người, Việt Nam đặc biệt chú trọng tới việc xây dựng và củng cố các thiết chế bảo đảm quyền con người. Ngoài thiết chế nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức xã hội và truyền thông, báo chí cũng tham gia tích cực bảo vệ, bảo đảm quyền con người, quyền công dân. Thành lập các cơ quan chuyên trách về quyền con người như: Ban chỉ đạo về nhân quyền của Chính phủ và các địa phương; xây dựng và hoàn thiện báo cáo nhân quyền trong khuôn khổ cơ chế rà soát định kỳ phổ quát (UPR) của Hội đồng Nhân quyền Liên hợp quốc...

Bên cạnh đó, Việt Nam đã gia nhập hầu hết các điều ước nhân quyền quốc tế chủ chốt như: Công ước về các Quyền Dân sự và Chính trị, Công ước về các Quyền Kinh tế, Xã hội và Văn hóa; Công ước về Xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ; Công ước về Xóa bỏ mọi hình thức phân biệt chủng tộc; Công ước về Quyền Trẻ em; Công ước về Quyền của Người khuyết tật; Công ước Chống tra tấn và các hình thức đối xử hoặc trừng phạt tàn bạo, vô nhân đạo hoặc hạ nhục con người...

Có thể thấy, những thể chế pháp lý của nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam đang dần hình thành và ngày càng hoàn thiện, qua đó tạo khuôn khổ pháp lý vững chắc để bảo đảm trên thực tế các quyền con người ở nước ta trong thời gian tới.

Để thực hiện quan điểm của Đảng tạo Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII “tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa trong sạch, vững mạnh, tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, vì nhân dân phục vụ và vì sự phát triển của đất nước” và hiện thực hóa mục tiêu mà Chủ tịch nước Nguyễn Xuân Phúc đã nhấn mạnh tại Hội thảo quốc gia với chủ đề: “Những vấn đề mới, đột phá trong xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam đến năm 2030, định hướng đến năm 2045” ngày 16/3/2022 là “Phấn đấu đến năm 2045, hoàn thiện cơ bản mô hình nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa thực sự của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân do Đảng lãnh đạo; lấy phát triển con người làm trung tâm; tôn trọng, bảo đảm, bảo vệ quyền con người, quyền công dân; bảo đảm chủ quyền nhân dân; thượng tôn Hiến pháp và pháp luật; có hệ thống pháp luật đầy đủ, đồng bộ, thống nhất, khả thi, công khai, minh bạch, ổn định, dễ tiếp cận, có hiệu lực cao, đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế, cần chú trọng một số vấn đề sau:

Một là, tiếp tục hoàn thiện cơ chế pháp lý bảo vệ và ghi nhận quyền con người, quyền công dân theo Hiến pháp, văn kiện Đại hội XIII của Đảng và các công ước, điều ước quốc tế mà Việt Nam tham gia là thành viên.

Hai là, thực hiện tốt phương châm "Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng" thông qua thiết lập đồng bộ, gắn kết cơ chế giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và Nhân dân để kịp thời ngăn ngừa, đấu tranh khắc phục các hiện tượng quan liêu, cửa quyền, hách dịch, sách nhiễu, hay thờ ơ, vô cảm trước những khó khăn, bức xúc, nguyện vọng chính đáng của nhân dân, vi phạm các quyền của công dân của đội ngũ cán bộ, đảng viên.

Ba là, chú trọng đổi mới quy trình lập pháp hướng đến mục tiêu con người, lấy quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của người dân, doanh nghiệp làm trọng tâm. Với trách nhiệm và nghĩa vụ của Nhà nước là tạo điều kiện cho mọi người dân tham gia quản lý nhà nước và xã hội, bình đẳng trước pháp luật về cơ hội thụ hưởng phúc lợi xã hội,... hướng đến mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh trên nền tảng hệ thống pháp luật đồng bộ, tôn trọng và bảo vệ con người. Như vậy, mới thực sự là nhà nước pháp quyền xã hội vì nhân dân phục vụ.

Bốn là, Xây dựng nền hành chính nhà nước phục vụ Nhân dân, dân chủ, pháp quyền, chuyên nghiệp, hiện đại, trong sạch, vững mạnh, công khai, minh bạch”. Để thực hiện tốt giải pháp này cần tiếp tục đổi mới tổ chức và hoạt động của Chính phủ theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, trên cơ sở tổ chức hợp lý các bộ đa ngành, đa lĩnh vực; Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, xác định rõ trách nhiệm giữa Chính phủ với các bộ, ngành; giữa Chính phủ, các bộ, ngành với chính quyền địa phương; khắc phục triệt để tình trạng chồng chéo, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn; Phát huy vai trò chủ động, sáng tạo, tinh thần trách nhiệm của từng cấp, từng ngành; nâng cao chất lượng dịch vụ công; tiếp tục sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp công lập theo hướng tinh gọn, bảo đảm chất lượng, hoạt động hiệu quả

Ngoài ra, cần quan tâm hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; bảo vệ Hiến pháp, bảo vệ quyền con người, quyền công dân; nền tư pháp Việt Nam chuyên nghiệp, hiện đại, công bằng, nghiêm minh, liêm chính, phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân; hoàn thiện tổ chức chính quyền địa phương phù hợp với từng địa bàn từ nông thôn, đô thị, hải đảo đến các đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt; xây dựng đội ngũ cán bộ công chức có đủ phẩm chất, năng lực, uy tín, phục vụ Nhân dân và sự phát triển của đất nước; gắn kết chặt chẽ giữa xây dựng pháp luật với thi hành pháp luật.

Nói tóm lại, nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa là yếu tố quan trọng góp phần thực hiện quyền làm chủ của nhân dân, bảo đảm các quyền và lợi ích

chính đáng của con người. Xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam nhằm hiện thực hóa mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, phồn vinh, hạnh phúc./.

Tài liệu tham khảo:

1. Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, HN, 2021.
2. Giáo trình lý luận và pháp luật về Quyền con người, ĐHQG Hà Nội, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2016.
3. Hiến pháp nước Cộng hòa XHCN Việt Nam năm 2013.
4. <https://www.quanlynhanuoc.vn/2019/08/21/nha-nuoc-phap-quyen-xa-hoi-chu-nghia-voi-bao-dam-quyen-con-nguoi-quyen-cong-dan/>

**TIẾP TỤC XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN XÃ HỘI CHỦ
NGHĨA KIẾN TẠO PHÁT TRIỂN, LIÊM CHÍNH, HÀNH ĐỘNG THEO
QUAN ĐIỂM ĐẠI HỘI XIII CỦA ĐẢNG**

Ths. Ngô Thị Tâm

Giảng viên khoa xây dựng Đảng

Qua hơn 35 năm tiến hành công cuộc đổi mới, nhận thức về mô hình tổ chức quyền lực nhà nước đã có sự phát triển về chất để chỉ đạo quá trình xây dựng và hoàn thiện bộ máy nhà nước. Từ Nhà nước hành chính, quan liêu bao cấp, tổ chức và hoạt động theo mô hình tập quyền xã hội chủ nghĩa sang tổ chức quyền lực nhà nước theo mô hình Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa với những nguyên tắc tổ chức và hoạt động mới, là một bước đột phá về nhận thức tư duy, lý luận để từng bước chỉ đạo quá trình cải cách bộ máy nhà nước, xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân. Nhà nước “Một trong những vấn đề phức tạp nhất, khó khăn nhất”⁽¹⁾ nhưng “là một vấn đề rất cơ bản, rất máu chốt trong toàn bộ chính trị”⁽²⁾. Đại hội XIII của Đảng đã nhấn mạnh: “Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân do Đảng lãnh đạo là nhiệm vụ trọng tâm của đổi mới hệ thống chính trị”⁽³⁾.

Đầu tiên, *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* năm 1991 đã đề ra một nguyên tắc tổ chức quyền lực nhà nước mới là: Nhà nước Việt Nam thống nhất ba quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp với sự phân công rành mạch ba quyền. Tuy trong nguyên tắc này chưa có yếu tố kiểm soát quyền lực nhà nước, nhưng là bước đổi mới rất cơ bản trong tư duy để đề ra chủ trương “xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân” mà Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ khóa VII (năm 1994) khẳng định. Từ đó, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân trở thành một chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước ta, có tầm chiến lược, bao gồm toàn bộ tổ chức và hoạt động

của bộ máy nhà nước, là một định hướng cho quá trình cải cách bộ máy nhà nước trong điều kiện xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Năm 2001, Nhà nước ta đã tiến hành sửa đổi một số điều của Hiến pháp năm 1992 về tổ chức bộ máy nhà nước để thể chế hóa kịp thời các quan điểm, đường lối của Đảng về xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và lần đầu tiên trong Hiến pháp nước ta đã trang trọng ghi nhận: “Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân... Quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công và phối hợp giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp”⁽⁴⁾.

Đại hội XI của Đảng đề cập đến vấn đề này và khẳng định: “Tiếp tục xây dựng, từng bước hoàn thiện cơ chế kiểm tra, giám sát tính hợp hiến, hợp pháp trong hoạt động và quyết định của các cơ quan công quyền”⁽⁵⁾, trong đó đề cập đến vấn đề xây dựng cơ chế phán quyết về những vi phạm Hiến pháp trong hoạt động lập pháp, hành pháp và tư pháp. Có thể coi đây là một nhận thức mới, một sự thay đổi về chất trong tư duy, lý luận để tiến tới vấn đề kiểm soát quyền lực nhà nước mà *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* (Bổ sung, phát triển năm 2011) được ghi nhận thành nguyên tắc: “Quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp và kiểm soát giữa các cơ quan trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp”.

Hiến pháp năm 2013 thể chế hóa thành nguyên tắc hiến định và hình thành các cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước (cơ chế nhân dân kiểm soát quyền lực nhà nước, cơ chế kiểm soát quyền lực lẫn nhau giữa các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp và cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước theo luật định). Những quy định của Đảng và các quy định của Hiến pháp về xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân đã đóng vai trò đặc biệt quan trọng trong công cuộc xây dựng, phát triển đất nước hơn 35 năm qua, đặc biệt là trong 10 năm thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế

- xã hội 2011 - 2020. Hiến pháp năm 2013 và nhiều văn bản quy phạm pháp luật của Nhà nước về xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa đã nâng cao nhận thức, năng lực, hiệu quả quản lý, điều hành và năng lực kiến tạo phát triển của Nhà nước.

Qua hơn 35 năm đổi mới, đặc biệt là 10 năm thực hiện *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* (Bổ sung, phát triển năm 2011), việc xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa đạt được những kết quả nhất định:

Một là: Việc xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa có bước phát triển mới, hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước đã từng bước được đổi mới, phù hợp hơn với yêu cầu phát triển của đất nước và thông lệ quốc tế. Bộ máy nhà nước được sắp xếp ngày càng tinh gọn, gắn với tinh giản biên chế; hoạt động hiệu lực và hiệu quả hơn trước.

Hai là, cải cách hành chính, cải cách tư pháp trên một số lĩnh vực có bước tiến rõ rệt. Nền hành chính quốc gia đã được cải cách theo hướng phục vụ nhân dân, phục vụ doanh nghiệp. Tổ chức bộ máy của các cơ quan tư pháp, như tòa án nhân dân và viện kiểm sát nhân dân, cơ quan điều tra, cơ quan bảo trợ tư pháp tiếp tục được kiện toàn, chất lượng hoạt động có tiến bộ, bảo vệ tốt hơn lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân và doanh nghiệp.

Ba là, nhận thức về cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước ngày càng đầy đủ, rõ nét, góp phần đấu tranh có hiệu quả với những biểu hiện lạm dụng, tha hóa quyền lực trong bộ máy Đảng và Nhà nước, mà đặc biệt là tình trạng tham nhũng, tiêu cực, được nhân dân và dư luận xã hội đồng tình và ủng hộ. Cơ chế nhân dân kiểm soát quyền lực được hình thành với chức năng giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc và các thành viên của Mặt trận bằng việc thể chế hóa các quy định của Hiến pháp năm 2013 thành hai chương, 11 điều về giám sát và phản biện xã hội trong Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam năm 2015. Cơ chế giám sát và phản biện xã hội bước đầu phát huy hiệu quả trong việc góp phần xây dựng Đảng

và Nhà nước. Cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước bên trong mỗi quyền và giữa các quyền được tăng cường. Quốc hội và hội đồng nhân dân các cấp tăng cường các hoạt động giám sát đối với việc thực hiện các quyền hành pháp và tư pháp. Bên trong mỗi quyền cũng đều tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra để sớm phát hiện những biểu hiện tiêu cực, tham nhũng. Có thể nói, từ sau Hiến pháp năm 2013 đến nay, từ nhận thức đến tổ chức thực hiện, kiểm soát quyền lực đã được coi trọng, góp phần làm trong sạch bộ máy của Đảng và Nhà nước.

Bốn là, vai trò của pháp luật và thực thi pháp luật ngày càng được chú trọng trong tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước. Chỉ trong nhiệm kỳ Quốc hội khóa XIV vừa qua, Quốc hội đã xem xét và thông qua 72 dự án luật và 18 nghị quyết có quy phạm pháp luật, bao quát hầu khắp các lĩnh vực của đời sống chính trị, kinh tế, xã hội. Từ việc xây dựng và hoàn thiện pháp luật về tổ chức và hoạt động của các thiết chế nhà nước, về công chức, công vụ, về bảo đảm quyền tự do, dân chủ của công dân, về thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đến việc xây dựng và hoàn thiện pháp luật về giáo dục, đào tạo, khoa học - công nghệ, y tế, văn hóa và quốc phòng - an ninh đều có bước nâng lên về chất lượng làm cho hệ thống pháp luật của nước ta ngày càng đồng bộ, khả thi, chứa đựng nhiều giá trị trong nước cũng như của nhân loại. Cùng với việc hoàn thiện pháp luật, việc tổ chức thi hành pháp luật cũng được coi trọng. Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật được tăng cường; ý thức pháp luật của đội ngũ cán bộ, công chức được nâng lên một bước.

Bên cạnh đó, công cuộc xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân trong những năm qua cũng còn một số hạn chế, bất cập mà Văn kiện Đại hội XIII của Đảng chỉ ra cần phải khắc phục:

Thứ nhất, vấn đề đổi mới đồng bộ, phù hợp giữa kinh tế với chính trị, văn hóa, xã hội, giữa đổi mới kinh tế với đổi mới tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước có một số mặt còn lúng túng.

Thứ hai, cơ chế kiểm soát quyền lực chưa hoàn thiện. Vai trò giám sát của nhân dân chưa được phát huy mạnh mẽ. Theo Hiến pháp năm 2013 thì giữa các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp kiểm soát lẫn nhau trong việc thực hiện quyền lực nhà nước, nhưng mới chỉ coi trọng kiểm soát của quyền lập pháp đối với hành pháp và tư pháp thông qua giám sát tối cao của Quốc hội và giám sát của các cơ quan của Quốc hội. Cơ chế kiểm soát quyền lực bên trong mỗi quyền chưa độc lập và đủ mạnh. Cơ chế giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp hoạt động chưa thực chất, còn có biểu hiện hình thức.

Thứ ba, hệ thống pháp luật còn có những quy định mâu thuẫn, chồng chéo, thiếu thống nhất, chưa đáp ứng kịp thời nhu cầu điều chỉnh các quan hệ xã hội mà thực tiễn đòi hỏi. Chấp hành pháp luật nhìn chung chưa nghiêm; kỷ cương phép nước có nơi, có lúc còn bị xem nhẹ; xử lý vi phạm pháp luật chưa kịp thời, chế tài xử lý chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu phát triển đất nước.

Thứ tư, tổ chức và hoạt động của chính quyền địa phương ở một số nơi chưa được đổi mới một cách mạnh mẽ; chức năng, nhiệm vụ, phân cấp, phân quyền chưa thật rõ ràng, hiệu lực, hiệu quả hoạt động còn hạn chế. Số lượng cán bộ cấp xã và đội ngũ viên chức trong các đơn vị sự nghiệp công lập vẫn còn quá lớn; phẩm chất, năng lực, uy tín còn hạn chế, thiếu tính chuyên nghiệp, chưa đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới.

Trong Văn kiện Đại hội XIII chỉ ra những định hướng tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa kiến tạo phát triển, liêm chính, hành động trong thời gian tới:

Một là, Đại hội XIII của Đảng xác định tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân do Đảng lãnh đạo là nhiệm vụ trọng tâm của đổi mới hệ thống chính trị. Định hướng chung là: “Nâng cao năng lực, hiệu lực, hiệu quả hoạt động của Nhà nước. Xác định rõ hơn vai trò, vị trí, chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của các cơ quan

nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp trên cơ sở các nguyên tắc pháp quyền, bảo đảm quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công rành mạch, phối hợp chặt chẽ và tăng cường kiểm soát quyền lực nhà nước. Xây dựng hệ thống pháp luật đầy đủ, kịp thời, đồng bộ, thống nhất, khả thi, công khai, minh bạch, ổn định, lấy quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của người dân, doanh nghiệp làm trọng tâm thúc đẩy đổi mới sáng tạo, bảo đảm yêu cầu phát triển nhanh, bền vững”⁽⁶⁾. Theo định hướng đó, Đại hội XIII của Đảng đã chỉ ra trong thời gian tới phải: *“Tiếp tục xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa kiến tạo phát triển, liêm chính, hành động; đẩy mạnh phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, tạo đột phá trong cải cách hành chính”*⁽⁷⁾ là nhiệm vụ trọng tâm của đổi mới hệ thống chính trị trong những năm tới.

Hai là, Đại hội XIII của Đảng chỉ rõ việc xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân theo các nội dung cụ thể sau:

Đối với việc xây dựng và hoàn thiện thiết chế Quốc hội, cần phải: *“Tiếp tục đổi mới tổ chức và hoạt động của Quốc hội, bảo đảm Quốc hội thực sự là cơ quan đại biểu cao nhất của nhân dân, cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất”*⁽⁸⁾ theo các định hướng cụ thể và có nhiều điểm mới.

Đối với việc xây dựng và hoàn thiện thiết chế Chính phủ: Định hướng tổng quát xây dựng thiết chế Chính phủ trong những năm tới được Đại hội XIII của Đảng xác định là: *“Xây dựng nền hành chính nhà nước phục vụ nhân dân, dân chủ, pháp quyền, chuyên nghiệp, hiện đại, trong sạch, vững mạnh, công khai, minh bạch”*⁽⁹⁾.

Đối với việc xây dựng và hoàn thiện các cơ quan tư pháp: Định hướng tổng quát xây dựng nền tư pháp Việt Nam là: *“Tiếp tục xây dựng nền tư pháp Việt Nam chuyên nghiệp, hiện đại, công bằng, nghiêm minh, liêm chính, phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân”*⁽¹⁰⁾.

Đối với việc xây dựng và hoàn thiện chính quyền địa phương, định hướng chung là: “Tiếp tục hoàn thiện tổ chức chính quyền địa phương phù hợp với địa bàn nông thôn, đô thị, hải đảo, đơn vị hành chính, kinh tế đặc biệt theo luật định”⁽¹¹⁾.

Về xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức: Văn kiện Đại hội XIII của Đảng nhấn mạnh: “Tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có tính chuyên nghiệp cao, có năng lực sáng tạo dựa trên cơ chế cạnh tranh về tuyển dụng, chế độ đãi ngộ và đề bạt; có phẩm chất đạo đức tốt và bản lĩnh chính trị vững vàng”⁽¹²⁾

Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa là một thành tố trung tâm của hệ thống chính trị nước ta. Xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân là nhiệm vụ trọng tâm của đổi mới hệ thống chính trị. Đồng thời, tiếp tục xây dựng và đổi mới đồng bộ các thành tố khác của hệ thống chính trị cũng là điều kiện để tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa./.

(1), (2) V.I. Lê-nin: *Toàn tập*, Nxb. Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1977, t. 39, tr. 75, 76

(3) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, t. I, tr. 174

(4) *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam* (năm 2013, 1992, 1980, 1959, 1946), Nxb. Lao động, Hà Nội, 2014, tr. 67

(5) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, tr. 247

(6), (7) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, *Sđd*, t. I, tr. 174 - 175, 284

(8), (9), (10) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, *Sđd*, t. I, tr. 175, 176, 285

(11), (12), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, *Sđd*, t. I, tr. 178, 288.

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN VÀ VẬN DỤNG TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

Ths. Đàm Thị Thu

Giảng viên Khoa Lý luận cơ sở

Tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước pháp quyền là sự kế thừa truyền thống văn hóa và những kinh nghiệm xây dựng, quản lý nhà nước của ông cha ta, là kết quả của sự trải nghiệm, nghiên cứu, khảo sát nhiều cuộc cách mạng, nhiều nhà nước điển hình như Mỹ, Pháp, Liên Xô..., đồng thời, sự thấm nhuần và vận dụng sáng tạo quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin về nhà nước kiểu mới vào điều kiện nước ta. Mặc dù Hồ Chí Minh không dùng khái niệm nhà nước pháp quyền, nhưng tư tưởng về nhà nước pháp quyền đã được thể hiện không chỉ trong các bài viết, bài phát biểu của Người về tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước, mà còn trong toàn bộ cuộc đời hoạt động cách mạng vẻ vang của Hồ Chí Minh với tư cách là người sáng lập Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, người trực tiếp chỉ đạo việc xây dựng và hoàn thiện bộ máy nhà nước và hệ thống pháp luật của nước Việt Nam mới, phấn đấu để Nhà nước ta thực sự trở thành Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước pháp quyền được thể hiện trên những quan điểm cơ bản sau:

Nhà nước pháp quyền trước hết là một Nhà nước hợp pháp. Sau khi giành được chính quyền trong cả nước, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã thay mặt chính phủ lâm thời đọc bản tuyên ngôn độc lập, tuyên bố với quốc dân đồng bào với thế giới về sự khai sinh của Nhà nước Việt Nam mới, qua đó biểu dương lực lượng và ý chí của toàn thể dân tộc Việt Nam quyết tâm giữ vững quyền tự do, độc lập của mình. Nhờ đó chính phủ lâm thời do cách mạng của nhân dân lập nên có địa vị hợp pháp.

Nhà nước pháp quyền là một Nhà nước Hợp hiến. Ngay tại phiên họp đầu tiên của chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hòa (3/9/1945) Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đề ra nhiệm vụ: *Chúng ta phải có hiến pháp dân chủ. Tôi đề nghị chính phủ tổ chức càng sớm càng hay cuộc tổng tuyển cử với chế độ phổ thông đầu*

phiếu để sớm có một Nhà nước hợp hiến do nhân dân bầu ra. Ở Việt Nam, sau khi giành được chính quyền, Hồ Chí Minh đã thay mặt chính phủ đọc bản "Tuyên ngôn độc lập" khai sinh ra nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, vì chính phủ lâm thời đã có được địa vị hợp pháp, đồng thời tuyên ngôn độc lập cũng đóng góp những giá trị tương xứng với sự phát triển nền pháp lý tiến bộ của loài người.

Tiếp đó, ngay phiên họp đầu tiên của chính phủ, Người đã đề ra sáu nhiệm vụ cấp bách, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đề ra nhiệm vụ thứ 3: chúng ta phải có một hiến pháp dân chủ. Tôi đề nghị chính phủ tổ chức càng sớm càng hay cuộc tổng tuyển cử với chế độ phổ thông đầu phiếu, để sớm có một nhà nước hợp hiến do nhân dân bầu. Ngày 20/9/1945, Bác ký sắc lệnh số 34 thành lập ủy ban dự thảo hiến pháp của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa.

Nhà nước điều hành, quản lý xã hội bằng pháp luật phải làm cho pháp luật có hiệu lực trong thực tế; mọi người được tôn trọng, bảo đảm quyền công dân của mọi người, dân chủ được mở rộng, người dân sống và làm việc theo Hiến pháp và luật định. Để tăng cường cơ sở pháp lý (về mặt tổ chức và hoạt động) của NN PQ XHCN cũng như bảo đảm và thực hiện ngày càng tốt hơn quyền làm chủ của nhân dân trong điều kiện mới, việc tiến hành sửa đổi, bổ sung Hiến pháp, pháp luật cho phù hợp với yêu cầu mới là cần thiết và phải được coi trọng.

Khi trực tiếp chủ trì việc chỉ đạo sửa đổi HP năm 1946, HCM khẳng định: *“đó là bản HP dân chủ đầu tiên của nước ta, thích hợp với tình hình và nhiệm vụ cách mạng trong thời kỳ đó. Nó đã hoàn thành sứ mệnh của nó. Nhưng so với tình hình mới và nhiệm vụ cách mạng mới hiện nay thì nó không thích hợp nữa. Vì vậy mà chúng ta phải sửa đổi HP ấy”.*

Một vấn đề quan trọng khác của nhà nước pháp quyền theo Hồ Chí Minh: tính hiệu quả, tính nghiêm minh trong thực thi pháp luật XHCN, phải có cơ chế thực hiện pháp luật bảo đảm tính nghiêm minh và công bằng. nhận thức sâu sắc điều đó, Hồ Chí Minh đòi hỏi pháp luật xã hội chủ nghĩa phải đủ mạnh, được thực hiện nghiêm minh, việc xét xử phải khách quan, công bằng, không thiên vị.

Hồ Chí Minh nhấn mạnh: *Pháp luật của ta là pháp luật dân chủ; mọi công dân của Việt Nam dân chủ Cộng hòa đều bình đẳng trước pháp luật cả về quyền lợi và nghĩa vụ, ai vi phạm điều phải xử lý nghiêm khắc, cho dù người đó ở vị trí nào trong bộ máy lãnh đạo, quản lý của Đảng, Nhà nước.*

Nhà nước pháp quyền trong tư tưởng Hồ Chí Minh, là nhà nước phải có sự kết hợp giữa vai trò của đạo đức và vai trò của pháp luật. Đây là nét đặc sắc, một sáng tạo của Hồ Chí Minh trong các quan điểm về xây dựng nhà nước. Với trí tuệ và kinh nghiệm của một chính trị gia uyên bác, Hồ Chí Minh đã chất lọc, kế thừa và phát triển các quan niệm trên và kết hợp khéo léo vai trò của đạo đức và vai trò của pháp luật. Người đã nhiều lần giải thích mối quan hệ giữa đạo đức và pháp luật. Theo Hồ Chí Minh pháp luật là hình thức, biện pháp khẳng định chuẩn mực, giá trị của đạo đức; chuẩn mực đạo đức càng cao thì vai trò của pháp luật càng quan trọng. Hồ Chí Minh yêu cầu cán bộ công chức trong bộ máy Nhà nước phải thượng tôn pháp luật, thực hành đạo đức công vụ, phải tu dưỡng đạo đức cách mạng: *Trung với nước, Hiếu với dân*; Cần, Kiệm, Liêm, Chính, Chí công vô tư. Người coi những kẻ bất liêm (tham nhũng, ăn cắp, ăn hối lộ, tham ô, lãng phí) là phạm tội nặng như tội phản quốc (tội như làm Việt gian, mật thám) và đòi hỏi phải bị nghiêm trị theo pháp luật. Phải xây dựng cơ chế kiểm tra, giám sát việc thực thi quyền lực.

Trong quá trình xây dựng và phát triển, Đảng và Nhà nước ta tiếp tục vận dụng những tư tưởng của Bác trong xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Khái niệm “nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa” ở Việt Nam lần đầu tiên được nêu ra tại Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá VII (ngày 29/11/1991) và tiếp tục được khẳng định tại Hội nghị toàn quốc giữa nhiệm kỳ khóa VII của Đảng (năm 1994) cũng như trong các văn kiện khác của Đảng và Nhà nước.

Tại Hiến pháp năm 2013, bản chất và đặc điểm của nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở nước ta đã được thể chế hóa rõ hơn. Xuất phát từ bản chất là

Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân, nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam có 5 đặc điểm cơ bản sau:

Một là, quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp, kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp.

Hai là, thượng tôn Hiến pháp và pháp luật, mọi chủ thể trong xã hội đều phải tôn trọng và nghiêm chỉnh thực hiện pháp luật mà Hiến pháp là đạo luật tối cao, bộ luật gốc mang tính nền tảng.

Ba là, khẳng định và bảo vệ quyền con người, quyền công dân, tôn trọng sự bình đẳng của mọi cá nhân và thể nhân trong thụ hưởng và phát triển quyền, không có sự phân biệt đối xử, trước tiên và chủ yếu trong việc tham gia vào công tác quản lý nhà nước và xã hội.

Bốn là, sự cầm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật. Vai trò của Đảng Cộng sản Việt Nam được Hiến định trong các Hiến pháp trước đây và tiếp tục được khẳng định tại Điều 4 Hiến pháp năm 2013.

Năm là, bảo vệ công lý, quyền con người, quyền công dân. Quyền và nghĩa vụ của tất cả mọi người, mọi công dân và của mỗi người, mỗi công dân được pháp luật và các chủ thể trong xã hội, đặc biệt là Nhà nước thừa nhận, tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm thực hiện và thúc đẩy trong khuôn khổ luật pháp.

Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam vừa mang những đặc điểm của nhà nước pháp quyền nói chung, nhất là tính thượng tôn Hiến pháp, pháp luật, vừa có những đặc thù của riêng Việt Nam, được nhấn mạnh ở ba điểm chính sau:

Thứ nhất, cơ sở kinh tế của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Tính định hướng xã hội chủ nghĩa của nền kinh tế thị trường không phủ nhận các quy luật khách quan của thị trường, mà là cơ sở để xác định sự khác nhau giữa kinh tế thị trường trong chủ nghĩa tư bản và kinh tế thị trường trong chủ nghĩa xã hội. Do vậy, đặc tính của nền kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa tạo ra sự khác nhau giữa nhà nước

pháp quyền tư sản và nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, đồng thời tạo ra nét đặc trưng của nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

Thứ hai, cơ sở xã hội của nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa là khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Với khối đại đoàn kết toàn dân tộc, nhà nước pháp quyền có được cơ sở xã hội rộng lớn và khả năng to lớn trong việc tập hợp, tổ chức các tầng lớp nhân dân thực hành và phát huy dân chủ. Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa tuy không loại bỏ được sự phân tầng xã hội theo hướng phân hoá giàu nghèo, nhưng có khả năng xử lý tốt hơn công bằng xã hội. Những mâu thuẫn xã hội phát sinh trong điều kiện phát triển nền kinh tế thị trường do được điều tiết thông qua pháp luật, chính sách và các công cụ khác của nhà nước nên ít có nguy cơ trở thành các mâu thuẫn đối kháng và tạo ra các xung đột có tính chất chia rẽ xã hội. Đây là một trong những điều kiện đảm bảo ổn định chính trị, đoàn kết các lực lượng xã hội vì mục tiêu chung của sự phát triển.

Thứ ba, tính nhất nguyên chính trị và sự lãnh đạo của một Đảng duy nhất cầm quyền tạo khả năng đồng thuận xã hội, tăng cường khả năng hợp tác và giúp đỡ lẫn nhau giữa các giai tầng, các cộng đồng dân cư và các dân tộc. Nhờ vậy, nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa có được sự ủng hộ rộng rãi từ phía xã hội, nguồn sức mạnh từ sự đoàn kết toàn dân, phát huy được sức sáng tạo của các tầng lớp dân cư trong việc nâng cao quyền làm chủ của nhân dân. Tuy nhiên, thách thức từ việc thiếu cơ chế cạnh tranh, kiểm soát quyền lực của Đảng đặt ra yêu cầu phải xác định rõ nội hàm và phân định rõ chức năng lãnh đạo, cầm quyền của Đảng đối với Nhà nước và cả hệ thống chính trị.

Với những giá trị khoa học to lớn, có ý nghĩa lý luận và thực tiễn sâu sắc, tư tưởng Hồ Chí Minh về Nhà nước pháp quyền của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân chính là cơ sở, định hướng cho việc xây dựng, củng cố và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN mà Đảng ta xác định là một nhiệm vụ trọng tâm của quá trình đổi mới hệ thống chính trị ở nước ta hiện nay./.

**LUẬN ĐIỂM NHÀ NƯỚC QUẢN LÝ XÃ HỘI TRONG TƯ TƯỞNG
XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH**

ThS. Nguyễn Thế Vinh

Phó Trưởng phòng Quản lý đào tạo và nghiên cứu khoa học

Chủ tịch Hồ Chí Minh, anh hùng giải phóng dân tộc, danh nhân văn hoá kiệt xuất của thế giới, người sáng lập, rèn luyện Đảng ta và xây dựng Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, Nhà nước của dân, do dân, vì dân. Tư tưởng Hồ Chí Minh có ảnh hưởng sâu sắc đến cách mạng Việt Nam. Tên tuổi và sự nghiệp cách mạng vĩ đại của Người gắn liền với thời đại mới, thời đại Hồ Chí Minh. Việt Nam - Hồ Chí Minh đã đi vào lịch sử thế giới hiện đại như một bản anh hùng ca bất diệt. Tư tưởng của Người soi đường cho cách mạng Việt Nam đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác trong suốt 77 năm qua.

Những cống hiến của chủ tịch Hồ Chí Minh về vấn đề Nhà nước rất rộng lớn, phong phú, trong khuôn khổ của bài viết, tác giả đề cập, làm rõ, lý giải hai vấn đề trong những nội dung phong phú đó.

1. Nhà nước điều hành và quản lý xã hội bằng pháp luật, mọi tổ chức, cá nhân đều tuân thủ, bình đẳng trước pháp luật.

Nhà nước và pháp luật là hai bộ phận của kiến trúc thượng tầng luôn có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. Nhà nước là trụ cột của hệ thống chính trị, quyền lực nhà nước chỉ có thể thực hiện và có hiệu lực trên cơ sở pháp luật. Pháp luật là hệ thống những quy tắc xử sự do nhà nước ban hành và luôn thể hiện quan điểm, đường lối chính trị của đảng cầm quyền và ý chí của nhân dân. Nhà nước khó có thể tồn tại nếu thiếu pháp luật. Còn pháp luật tồn tại và có hiệu lực khi dựa vào sức mạnh quyền lực của nhà nước. Nhà nước quản lý xã hội bằng pháp luật, nhưng các cơ quan nhà nước cũng phải chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật, pháp luật phải phù hợp với lợi ích nhân dân; C.Mác cho rằng: Pháp luật phải lấy xã hội làm cơ sở, pháp luật phải là sự biểu hiện lợi ích và nhu cầu chung của xã hội.

Kế thừa tư tưởng nhà nước pháp quyền của nhân loại, Hồ Chí Minh ý thức rõ vai trò của luật pháp trong quản lý xã hội. Tư tưởng Hồ Chí Minh về một nhà nước pháp quyền quản lý xã hội bằng pháp luật đã xuất hiện trong quá trình người đi tìm đường cứu nước. Năm 1919 Hồ Chí Minh đã viết bản yêu sách của nhân dân An Nam gồm 8 điều gửi đến Hội nghị Véc-xây. Người đề nghị: Thay đổi chế độ cai trị bằng sắc lệnh, hiện thân của phép trị nước không dân chủ dẫn đến độc tài bằng chế độ cai trị theo pháp luật, bằng những đạo luật. Người nói: “Thay đổi chế độ sắc lệnh bằng chế độ ra các đạo luật, cải cách nền công lý ở Đông Dương, người bản xứ cũng có quyền hưởng những bảo đảm pháp luật như người Âu Châu, xoá bỏ toà án đặc biệt”¹. Trong bức thư Nguyễn Ái Quốc gửi cho Hội Quốc Liên năm 1920 cùng với việc đòi phải trả quyền tự quyết độc lập hoàn toàn tức khắc cho nhân dân Việt Nam, Người nói rõ hơn về vấn đề hiến pháp. Bản yêu sách khẳng định: nếu được độc lập ngay thì Việt Nam sẽ tự sắp xếp lấy một nền hiến pháp theo những lý tưởng dân quyền. Khi trở về nước, lãnh đạo cách mạng Việt Nam, tại Đại hội quốc dân ở Tân trào Hồ Chí Minh đã soạn thảo chương trình 10 điểm và có thể ví như là hiến pháp lâm thời của nhà nước kiểu mới. Định cao là ý thức pháp quyền của Hồ Chí Minh trong bản Tuyên ngôn độc lập ngày 2 tháng 9 năm 1945, Người khẳng định: “Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà là chính phủ hợp pháp duy nhất của toàn thể nhân dân Việt Nam”². Ý thức được tầm quan trọng của pháp luật đối với sự tồn tại và phát triển của một nhà nước, Hồ Chí Minh đã ký sắc lệnh số 34 ngày 20 tháng 9 năm 1945 thành lập ban soạn thảo hiến pháp. Dưới sự chủ trì của Người, ban soạn thảo đã làm việc hết sức nhanh chóng và được Quốc hội thông qua Hiến pháp ngày 9 tháng 11 năm 1946. Hiến pháp 1946 đánh dấu một bước ngoặt quan trọng trong lịch sử phát triển của nước ta. Trong quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam Hồ Chí Minh là người đứng đầu nhà nước đã chủ trì biên soạn 2 bản hiến pháp có ý nghĩa lịch sử là Hiến pháp 1946 và 1959 và ban hành nhiều văn bản đạo luật, sắc lệnh nhằm không ngừng ổn định tình hình chính trị, xây dựng tổ chức bộ máy nhà nước phát

triển kinh tế xã hội, đưa sự nghiệp kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ đi đến thắng lợi.

Theo Hồ Chí Minh, Nhà nước ta là nhà nước dân chủ, bản chất của pháp luật phải thể hiện ý chí của toàn thể nhân dân lao động, thể hiện nhu cầu và nguyện vọng của đông đảo nhân dân, khác căn bản về chất so với pháp luật của nhà nước phong kiến, nhà nước tư sản. Người khẳng định: pháp luật cũ là ý chí của thực dân Pháp, không phải là ý chí chung của toàn thể nhân dân ta, luật pháp cũ đặt ra để giữ gìn trật tự xã hội thật nhưng trật tự xã hội đó chỉ có lợi cho thực dân phong kiến, không có lợi cho toàn thể nhân dân, vì vậy luật pháp của nhà nước ta phải thể hiện được tính dân chủ là công cụ để nhân dân lao động làm chủ xã hội. Người còn khẳng định: phải cố gắng làm cho luật pháp dân chủ ngày càng nhiều hơn và tốt hơn, luật pháp của nhà nước ta phải bảo đảm được “nam nữ bình quyền, dân tộc bình đẳng”, bảo đảm công bằng xã hội, không phân biệt địa vị xã hội, thăng tay trừng trị những kẻ bất liêm, bất kì kẻ ấy ở địa vị nào, nghề nghiệp gì. Hồ Chí Minh đã đề ra quốc lệnh "Trong một nước thương phạt phải nghiêm minh thì nhân dân mới yên ổn, kháng chiến mới thắng lợi, kiến quốc mới thành công. Vậy Chính phủ ra quốc lệnh rõ ràng gồm có 10 điểm thưởng và 10 điểm phạt, cho quân dân biết rõ những tội nên tránh, những việc nên làm"³. Trong quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam ngay từ buổi đầu Hồ Chí Minh đã có một thái độ hết sức nghiêm khắc đối với cán bộ cách mạng và kiên quyết xử lý những vụ việc tiêu cực, tham ô, hủ hoá làm ảnh hưởng đến uy tín danh dự của nhà nước, điển hình như vụ án Trần Dụ Châu...

Do đó, ở Hồ Chí Minh, khi xem xét nguyên nhân hành vi phạm pháp, Người thường nêu quan điểm lịch sử cụ thể, quan điểm khách quan, vì vậy, những vụ án tử hình mà Người ký hầu hết là đúng với mức độ tội phạm. Người cho rằng, bản chất chung nhất của con người không phải là ác. Sở dĩ nảy sinh cái ác là do không kiểm chế được dục vọng trước những lợi ích cá nhân. Quan điểm của Người rất rõ ràng: lợi ích riêng phù hợp với lợi ích chung thì xã hội chấp nhận, khi lợi ích

riêng đi ngược lại với lợi ích chung là phạm pháp. Người nói: "Cho nên, lợi ích cá nhân là nằm trong lợi ích tập thể, là một bộ phận của lợi ích tập thể. Lợi ích chung của tập thể được bảo đảm thì lợi ích riêng của các nhân mới có điều kiện để thoả mãn"³. Để thực hiện pháp luật nghiêm minh, Theo Hồ Chí Minh, biện pháp phòng ngừa phạm pháp luôn nằm trong sự mong muốn của chúng ta. Phải nhìn sự việc khi mới nhú lên để có biện pháp ngăn ngừa. Muốn vậy phải làm tốt công tác giáo dục chấp hành pháp luật, đồng thời phải tổ chức thật tốt trật tự xã hội. Một xã hội có trật tự, kỷ cương là xã hội ổn định.

Xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam, thực hiện quản lý xã hội bằng pháp luật là biện pháp chủ yếu bảo đảm hiệu lực quản lý của nhà nước. Muốn vậy, theo Hồ Chí Minh, pháp luật phải đúng, phải đủ và pháp luật phải đi “vào giữa dân gian” để dân hiểu, dân biết và sử dụng.

Trong việc xây dựng hệ thống pháp luật, Hồ Chí Minh rất quan tâm đến tính nhân văn, nhân đạo, vì pháp luật là do con người đặt ra, không theo kiểu pháp luật độc tôn. Kết hợp quản lý xã hội bằng pháp luật với giáo dục đạo đức, trong xử phạt pháp luật phải có lý, có tình, kế thừa truyền thống nhân đạo, nhân ái của dân tộc. Phải thật sự bảo đảm tất cả lợi ích thuộc về nhân dân, mọi tổ chức và hoạt động của nhà nước đều nhằm phục vụ nhân dân, trước hết vì lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và vì sự nghiệp giải phóng con người. Nhà nước phải bảo đảm cho mọi người dân được hưởng trọn vẹn quyền công dân và quyền con người.

2. Kết hợp giữa pháp luật và đạo đức trong điều hành quản lý xã hội

Nghiên cứu bộ "Hồ Chí Minh: toàn tập" chúng ta thấy yếu tố đức trị và pháp trị được Người thực hiện đồng thời cả hai. Đức trị nhằm khuyên người ta những điều nên làm, pháp trị nhằm khuyên người ta những điều nên tránh. Đức trị là trị nước bằng tình, pháp trị là trị nước bằng lý. Qua quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam, Hồ Chí Minh có nhận xét rằng, con người ta tốt hay xấu "phần

nhiều do giáo dục mà nên" và "không dùng xử phạt là không đúng", song "chút gì cũng dùng đến xử phạt cũng không đúng".

Khác với các học thuyết phương Đông, phương Tây, Hồ Chí Minh chủ trương quản lý nhà nước, quản lý xã hội, vừa bằng đức trị, vừa bằng pháp luật, vừa có tình, vừa có lý. Phương pháp lãnh đạo quản lý nhà nước của Hồ Chí Minh vừa mang tính cách mạng, vừa mang tính khoa học, vừa phù hợp với thời đại, vừa phù hợp với hoàn cảnh, vừa phù hợp với phương Đông, vừa phù hợp với lòng người.

Tư tưởng "pháp trị" và "đức trị" của Hồ Chí Minh. Có thể khẳng định hai lĩnh vực pháp luật và đạo đức cùng tồn tại như hai hình thái ý thức có những đặc điểm và quy luật riêng nhưng có mối quan hệ mật thiết với nhau, chi phối lẫn nhau.

Tư tưởng đức trị của Hồ Chí Minh thể hiện trước hết ở tư cách của người lãnh đạo thông qua các đức tính: "trí, tín, nhân, dũng, liêm". Người nói: "Vì muốn giải phóng cho dân tộc, giải phóng cho loài người là một công việc to tát, mà tự mình không có đạo đức, không có căn bản, tự mình đã hủ hoá, xấu xa thì còn làm nổi việc gì"⁴, tức là người lãnh đạo muốn quản lý nhà nước và quản lý xã hội tốt thì phải có tâm. Một trong những nguyên tắc đức trị của Hồ Chí Minh nêu lên là: Điều mà mình không muốn thì đừng làm cho người khác. Nghiên cứu những luận chứng triết lý về đức trị của Hồ Chí Minh chỉ ra cho ta sự hướng định về quản lý nhà nước, quản lý xã hội đó là: muốn trị nước tốt, trước hết người lãnh đạo phải "tu thân" rèn luyện cá nhân mình, nếu không tu thân thì không thể nào "bình" được thiên hạ, tức là không thể thực hiện được chức năng quản lý nhà nước, quản lý xã hội. Người coi đó là yêu cầu số một của người lãnh đạo, muốn thực hành đức trị đối với dân tộc mình thì trước hết mình phải là người tốt. Với cách triết lý phương đông Hồ Chí Minh đã chỉ ra sau khi tu được thân thì mới ra trị nước, đó là lúc mà người cán bộ lãnh đạo có đủ tư cách để làm nhiệm vụ của mình. Thể hiện được vai trò lãnh đạo quản lý đối với nhân dân.

Pháp trị trong quan niệm của Hồ Chí Minh, trước hết là phải sửa đổi pháp luật, pháp chế đảm bảo tính khả thi trong thực tế, có như thế thì mới quản lý được nhà nước, quản lý được xã hội bằng pháp luật. Muốn quản lý tốt xã hội thì pháp luật phải thường xuyên được bổ sung, sửa đổi để ngày càng hoàn thiện. Đồng thời Hồ Chí Minh cũng chỉ ra muốn pháp luật đi vào đời sống nhân dân, đòi hỏi nhà nước, những người quản lý, lãnh đạo khi thực thi pháp luật phải thật sự bình đẳng, công minh chính trực, quản lý điều hành phải căn cứ vào luật pháp để xét xử các hành vi vi phạm đúng theo pháp luật, chứ không xét xử theo lệ, thưởng phạt phải công minh. Như vậy vị trí, vai trò của pháp luật trong quản lý điều hành xã hội có ý nghĩa hết sức quan trọng.

Đạo đức và pháp luật là một chỉnh thể thống nhất trong tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng nhà nước pháp quyền của dân, do dân và vì dân. Nó được thể hiện trong bản Tuyên ngôn độc lập khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. Bằng cách trích dẫn tuyên ngôn độc lập của cách mạng dân chủ tư sản Mỹ năm 1776, tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền của cách mạng tư sản Pháp năm 1789, Hồ Chí Minh đã mở rộng quyền con người ra thành quyền của cả một cộng đồng, một dân tộc, vừa khẳng định chân lý: "Tất cả mọi người đều sinh ra có quyền bình đẳng. Tạo hoá cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được; trong những quyền ấy, có quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc"². Mặt khác Người còn suy rộng ra thành quyền bình đẳng, quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do của các dân tộc. Các quyền đó vừa là đạo lý tự nhiên, vừa là pháp lý nhân bản của con người, ở đây đạo đức và pháp luật đã hoà quyền vào nhau trong một thể thống nhất bắt nguồn từ tính thiện tạo hoá.

Trong bản Hiến pháp đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà năm 1946, đạo lý này tiếp tục khẳng định và nó được luật hoá, đó là quyền bình đẳng của con người, của các dân tộc, bình đẳng giới đã được quy định hết sức cụ thể trong Điều 6,7,8 và 9 của Hiến pháp năm 1946. Đặc biệt có ý nghĩa với mỗi người dân Việt Nam nói chung và với phụ nữ nói riêng là quyền bình đẳng giới “Đàn bà

ngang quyền với đàn ông về mọi phương diện”. Đây là một điểm hết sức tiến bộ của nhà nước kiểu mới mà trước đây Nhà nước phong kiến không thể có, đồng thời quyền tự do công dân được quy định trong Điều 10 Hiến pháp năm 1946 cũng là luật hoá một đạo lý. Tư tưởng Hồ Chí Minh về kết hợp giữa pháp luật với đạo đức trong quản lý xã hội thể hiện một cách sinh động và tiến bộ ở chỗ nó không chỉ thể hiện trong văn bản pháp lý mà được biểu hiện trong thực tế.

Như vậy tư tưởng Hồ Chí Minh coi trọng phương pháp quản lý nhà nước bằng pháp luật kết hợp với giáo dục đạo đức cách mạng, giáo dục, thuyết phục là chính, trừng phạt theo đúng nguyên tắc thông qua pháp luật để quản lý xã hội, song nhà nước kiểu mới của ta vừa là thành quả, vừa là công cụ chính trị mạnh mẽ nhất của sự nghiệp cách mạng cho nên kết hợp giữa "pháp trị" và "đức trị" đó là kế sách uyên bác của Hồ Chí Minh. Trong quan niệm của Người bao giờ cũng phải giữ tư tưởng cho ngay thẳng, chính tâm, có như vậy thì nước mới yên, dân mới hạnh phúc. Câu nói nổi tiếng của Chủ tịch Hồ Chí Minh là: "Việc gì cũng phải công bình chính trực, không nên vì tư ân, tư huệ, hoặc tư thù, tư oán"⁴. Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa là một bước đột phá trong tư duy về xây dựng nhà nước trong thời kỳ đổi mới của Đảng ta trên nền tảng tư tưởng Hồ Chí Minh về Nhà nước kiểu mới ở Việt Nam. Đó là cơ sở chính trị cho việc tiếp tục đẩy mạnh việc nghiên cứu về nhà nước pháp quyền và thúc đẩy việc đổi mới một cách căn bản, có hệ thống tổ chức và phương thức hoạt động của nhà nước ở Việt Nam hiện nay. Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, khẳng định: “Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân do Đảng lãnh đạo là nhiệm vụ trọng tâm của đổi mới hệ thống chính trị”⁵. Do vậy, trong thực hiện cần tiếp tục quán triệt và vận dụng linh hoạt, sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân và vì dân.

SỰ PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC CỦA ĐẢNG VỀ XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Ths. Nguyễn Thị Nhị

Giảng viên khoa Xây dựng Đảng

Trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn chú trọng đến việc xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và xác định xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân là nhiệm vụ trọng tâm của đổi mới hệ thống chính trị. Trải qua các kỳ đại hội, quan điểm, định hướng, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam được Đảng ta đã đề cập ngày càng sâu sắc, toàn diện và có bước phát triển mới.

Từ các Đại hội IV, V, VI của Đảng đến *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* (năm 1991), Đảng ta xác định xây dựng nhà nước chuyên chính vô sản.

Đến Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ khoá VII (1994) lần đầu tiên Đảng ta chính thức sử dụng thuật ngữ “nhà nước pháp quyền” và nêu khá cụ thể, toàn diện những quan điểm, nguyên tắc, nội dung xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN của dân, do dân, vì dân ở Việt Nam: “Đó là nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân, quản lý mọi mặt đời sống xã hội bằng pháp luật, đưa đất nước phát triển theo định hướng XHCN. Nhà nước pháp quyền Việt Nam được xây dựng trên cơ sở tăng cường, mở rộng khối đại đoàn kết toàn dân, lấy liên minh giai cấp công nhân với nông dân và tầng lớp trí thức làm nền tảng, do Đảng ta lãnh đạo”.

Đánh dấu một bước quan trọng trong việc cụ thể hoá quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về Nhà nước pháp quyền XHCN của dân, do dân, vì dân ở nước ta đó là Nghị quyết Hội nghị Trung ương 8 khóa VII “*Về tiếp tục xây dựng*

và hoàn thiện Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, trọng tâm là cải cách một bước nền hành chính” (1/1995). Nghị quyết đề ra 5 quan điểm cơ bản:

Một là, xây dựng Nhà nước xã hội chủ nghĩa của dân, do dân và vì dân, lấy liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức làm nền tảng, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo. Thực hiện đầy đủ quyền làm chủ của nhân dân, giữ nghiêm kỷ cương xã hội, chuyên chính với mọi hành động xâm phạm lợi ích của Tổ quốc và của nhân dân.

Hai là, quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công và phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện ba quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp.

Ba là, quán triệt nguyên tắc tập trung dân chủ trong tổ chức và hoạt động của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Bốn là, tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa; xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam quản lý xã hội bằng pháp luật, đồng thời coi trọng giáo dục, nâng cao đạo đức xã hội chủ nghĩa.

Năm là, tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước.

Hội nghị Trung ương lần thứ ba khoá VIII đã thông qua nghị quyết “*Phát huy quyền làm chủ của nhân dân, tiếp tục xây dựng Nhà nước Cộng hoà XHCN Việt Nam trong sạch, vững mạnh*”. Nghị quyết khẳng định cần tiếp tục thực hiện Nghị quyết lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương khoá VII và nhấn mạnh ba yêu cầu:

Một là, tiếp tục phát huy tốt hơn và nhiều hơn quyền làm chủ của nhân dân qua các hình thức dân chủ đại diện và dân chủ trực tiếp để nhân dân tham gia xây dựng và bảo vệ Nhà nước, nhất là việc giám sát, kiểm tra của nhân dân đối với hoạt động của cơ quan và cán bộ công chức Nhà nước.

Hai là, tiếp tục xây dựng và hoàn thiện nhà nước Cộng hoà XHCN Việt Nam trong sạch, vững mạnh, hoạt động có hiệu lực, hiệu quả; cán bộ công chức Nhà nước thật sự là công bộc, tận tụy phục vụ nhân dân.

Ba là, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước; xây dựng và hoàn thiện nội dung, phương thức lãnh đạo của Đảng phù hợp với đặc điểm, tính

chất của cơ quan nhà nước ở từng cấp, chú trọng sự lãnh đạo của tổ chức đảng đối với việc kiểm kê, kiểm soát trong quản lý kinh tế, tài chính.

Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ IX (tháng 4/2002) và Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ X (tháng 4/2006) đã tiếp tục khẳng định nhiệm vụ xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa dưới sự lãnh đạo của Đảng, bảo đảm nguyên tắc tất cả quyền lực nhà nước đều thuộc về nhân dân; quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp giữa các cơ quan trong việc thực hiện quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp.

Đại hội XI (tháng 1/2011) và *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* (Bổ sung, phát triển năm 2011) đã làm sâu sắc thêm nhận thức về xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Lần đầu tiên trong văn kiện Đại hội của Đảng, nguyên tắc về kiểm soát quyền lực đã được ghi nhận. Xác định mô hình Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa mà chúng ta đang xây dựng là: “*Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân mà nền tảng là liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo. Quyền lực nhà nước là thống nhất; có sự phân công, phối hợp và kiểm soát giữa các cơ quan trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp. Nhà nước ban hành pháp luật; tổ chức, quản lý xã hội bằng pháp luật và không ngừng tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa*”.

Đại hội XII của Đảng (1/2016) kiên định quan điểm đẩy mạnh xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân trong giai đoạn phát triển mới. Đây là lần đầu tiên trong văn kiện đại hội, Đảng chính thức khẳng định phải tuân thủ *các nguyên tắc pháp quyền* trong tổ chức và hoạt động của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa: “Trong tổ chức và hoạt động của Nhà nước, phải thực hiện dân chủ, tuân thủ các nguyên tắc pháp quyền”.

Quan điểm tiếp tục xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam trong văn kiện Đại hội XIII của Đảng vừa bảo đảm sự kế thừa, vừa có nhiều bổ sung, phát triển, thể hiện từ quan điểm chỉ đạo, tầm nhìn, định hướng đến các yêu cầu cụ thể.

Một là, trong quan điểm chỉ đạo, tiếp nối chủ trương từ các kỳ đại hội trước, đặc biệt là từ văn kiện Đại hội XII và các hội nghị của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII, Đảng ta khẳng định “xây dựng Nhà nước tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả” là một trong những nhân tố có ý nghĩa quyết định thành công sự nghiệp xây dựng, phát triển đất nước, bảo vệ Tổ quốc.

Hai là, trên cơ sở quan điểm chỉ đạo đó, Đảng chỉ rõ định hướng giai đoạn 2021 - 2030 là “Xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa trong sạch, vững mạnh, tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, vì nhân dân phục vụ và vì sự phát triển của đất nước. Tăng cường công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình, kiểm soát quyền lực gắn với siết chặt kỷ luật, kỷ cương trong hoạt động của Nhà nước và của cán bộ, công chức, viên chức”. Định hướng trên vừa thể hiện sự kế thừa, vừa thể hiện sự phát triển trong quan điểm của Đảng đối với việc xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Điểm nổi bật trong định hướng là nhấn mạnh yếu tố vì nhân dân phục vụ. Đồng thời, qua đó khẳng định rõ các mục tiêu cần đạt được của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam đến năm 2030.

Ba là, từ quan điểm chỉ đạo và định hướng xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền, nhiều yêu cầu vừa có tính kế thừa, vừa có tính đột phá đã được đề ra nhằm “Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân do Đảng lãnh đạo là nhiệm vụ trọng tâm của đổi mới hệ thống chính trị”.

Có thể khẳng định, trải qua các kỳ đại hội, quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam ngày càng được bổ sung, phát triển.

**QUAN ĐIỂM CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM VỀ
NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA CỦA NHÂN DÂN,
DO NHÂN DÂN, VÌ NHÂN DÂN**

Ths. Chu Lữ Hồng Trang

Giảng viên khoa Xây dựng đảng

Nhà nước pháp quyền là một mô hình, phương thức tổ chức nhà nước và xã hội dựa trên nền tảng dân chủ và tinh thần thượng tôn pháp luật. Đảng Cộng sản Việt Nam đã nhận thức được tính tất yếu khách quan, cấp thiết việc xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam, như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã sớm chỉ rõ: “Trăm điều phải có thần linh pháp quyền”. Từ Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ khóa VII (tháng 1-1994), Đảng ta đã chính thức nêu vấn đề xây dựng Nhà nước pháp quyền thực sự của dân, do dân, vì dân. Trải qua các hội nghị và các kỳ Đại hội Đảng, nhất là từ Đại hội VIII (năm 1996) đến nay, nhận thức của Đảng ta về Nhà nước pháp quyền XHCN và việc xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN ngày càng được bổ sung và có những bước phát triển quan trọng. Tại Đại hội XIII, Đảng ta có những bổ sung, phát triển lý luận về xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN, trong đó vừa làm sâu sắc thêm những quan điểm, tư tưởng đã được thể hiện nhất quán trong các văn kiện trước đó của Đảng, vừa có những phát triển mới đáp ứng đòi hỏi của tình hình thực tiễn.

Sau Cách mạng Tháng 8 năm 1945, Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hoà ra đời. Đó là một nhà nước kiểu mới, nhà nước công nông đầu tiên ở Đông Nam Á. “Cách mạng Tháng Tám đã lật đổ nền quân chủ mấy mươi thế kỷ, đã đánh tan xiềng xích thực dân gần một trăm năm, đã đưa chính quyền lại cho nhân dân, đã xây dựng nền tảng cho nước Việt Nam dân chủ cộng hoà độc lập, tự do, hạnh phúc. Đó là một cuộc thay đổi cực kỳ to lớn trong lịch sử nước nhà...”

Dưới sự lãnh đạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh, các quan điểm của Đảng về Nhà nước, tổ chức bộ máy nhà nước đã được thể chế hoá trong bản Hiến pháp đầu tiên - Hiến pháp 1946. Đảng ta chủ trương thực hiện “chính quyền mạnh mẽ và

sáng suốt của nhân dân” nhằm đoàn kết toàn dân, không phân biệt giống nòi, gái trai, giai cấp, tôn giáo, đảm bảo các quyền tự do dân chủ. Hiến pháp 1959 đã thể chế hoá quan điểm Đảng ta về “sử dụng chính quyền dân chủ nhân dân, làm nhiệm vụ lịch sử của chuyên chính vô sản”.

Đại hội lần thứ IV của Đảng (1976) đã xác định: “Nhà nước XHCN là Nhà nước chuyên chính vô sản, một tổ chức thực hiện quyền làm chủ tập thể của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, một tổ chức thông qua đó Đảng thực hiện sự lãnh đạo của mình đối với tiến trình phát triển xã hội...”

Quan điểm của Đảng về Nhà nước chuyên chính vô sản đã được thể chế hoá trong Hiến pháp 1980 “Nhà nước Cộng hoà XHCN Việt Nam là nhà nước chuyên chính vô sản. Sứ mệnh lịch sử của Nhà nước đó là thực hiện quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, động viên và tổ chức nhân dân tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng: quan hệ sản xuất, khoa học kỹ thuật, tư tưởng và văn hoá. Trong đó cách mạng khoa học kỹ thuật là then chốt, xoá bỏ chế độ người bóc lột người, đập tan mọi sự chống đối của bọn phản cách mạng trong nước, mọi hành động xâm lược và phá hoại của kẻ thù bên ngoài, xây dựng thành công XHCN, tiến tới chủ nghĩa cộng sản; góp phần củng cố hoà bình và đẩy mạnh sự nghiệp cách mạng của nhân dân thế giới” (Điều 2 - Hiến pháp 1980).

Đại hội lần thứ VI (1986) của Đảng Cộng sản Việt Nam với đường lối đổi mới đã đặt ra những cơ sở quan trọng cho việc đổi mới tư duy, quan điểm về xây dựng nhà nước trong các điều kiện tiến hành cải cách kinh tế. Đảng ta khẳng định “Nhà nước ta là công cụ của chế độ làm chủ tập thể XHCN, do giai cấp công nhân và nhân dân lao động tổ chức thành cơ quan quyền lực chính trị. Trong thời kỳ quá độ, đó là Nhà nước chuyên chính vô sản thực hiện chế độ dân chủ XHCN. Mặc dù vẫn dùng khái niệm “Nhà nước chuyên chính vô sản”, nhưng chức năng, nhiệm vụ của Nhà nước trong quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam tại Đại hội VI đã có đổi mới: “Dưới sự lãnh đạo của Đảng, chức năng của Nhà nước là thể chế hoá bằng pháp luật, quyền hạn, lợi ích, nghĩa vụ của nhân dân lao động và

quản lý kinh tế, xã hội theo pháp luật. Nhà nước ta phải bảo đảm quyền dân chủ thật sự của nhân dân lao động, đồng thời kiên quyết trừng trị những kẻ vi phạm quyền làm chủ của nhân dân. Xoá bỏ cơ chế tập trung quan liêu bao cấp là cơ sở để đổi mới, hoàn thiện tổ chức bộ máy nhà nước. Đồng thời, cải cách bộ máy nhà nước sẽ thúc đẩy việc xoá bỏ cơ chế quản lý tập trung quan liêu, bao cấp, tạo ra cơ chế quản lý mới phù hợp với các yêu cầu, đòi hỏi của cải cách kinh tế.

Đại hội lần thứ VII, để đổi mới, kiện toàn hệ thống chính trị, Đảng chủ trương tiếp tục đẩy mạnh cải cách bộ máy nhà nước theo hướng: Nhà nước thực sự là của dân, do dân, vì dân. Nhà nước quản lý xã hội bằng pháp luật, dưới sự lãnh đạo của Đảng; tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc tập trung dân chủ, thực hiện thống nhất quyền lực nhưng phân công, phân cấp rành mạch; bộ máy tinh giản, gọn nhẹ và hoạt động có chất lượng cao trên cơ sở ứng dụng các thành tựu khoa học, kỹ thuật, quản lý...

Quan điểm của Đảng về Nhà nước trong Cương lĩnh 1991 đã nhấn mạnh đến những vấn đề có tính nền tảng đối với tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước trong một chế độ dân chủ – pháp quyền: có đủ quyền lực và đủ khả năng định ra luật pháp, quản lý xã hội bằng pháp luật; thống nhất quyền lực (thống nhất ba quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp) với sự phân công rành mạch ba quyền đó. Tuy chưa đề cập trực tiếp đến phạm trù nhà nước pháp quyền, nhưng sự thể hiện các vấn đề cơ bản có tính pháp quyền trong tổ chức nhà nước ở tầm cương lĩnh chính trị cho thấy quyết tâm chính trị của Đảng ta trong đổi mới tổ chức và hoạt động của Nhà nước theo các yêu cầu, đòi hỏi của nhà nước pháp quyền XHCN trong bối cảnh cụ thể nước ta.

Đến Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ khoá VII (1994) lần đầu tiên Đảng ta chính thức sử dụng thuật ngữ “nhà nước pháp quyền” và nêu khá cụ thể, toàn diện những quan điểm, nguyên tắc, nội dung xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN của dân, do dân, vì dân ở Việt Nam “tiếp tục xây dựng và từng bước hoàn thiện nhà nước pháp quyền Việt Nam. Đó là nhà nước của nhân dân, do nhân dân,

vì nhân dân, quản lý mọi mặt đời sống xã hội bằng pháp luật, đưa đất nước phát triển theo định hướng XHCN. Nhà nước pháp quyền Việt Nam được xây dựng trên cơ sở tăng cường, mở rộng khối đại đoàn kết toàn dân, lấy liên minh giai cấp công nhân với nông dân và tầng lớp trí thức làm nền tảng, do Đảng ta lãnh đạo.

Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ IX (tháng 4/2002) và Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ X (tháng 4/2006) đã tiếp tục khẳng định nhiệm vụ xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa dưới sự lãnh đạo của Đảng, bảo đảm nguyên tắc tất cả quyền lực nhà nước đều thuộc về nhân dân; quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp giữa các cơ quan trong việc thực hiện quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp.

Đại hội XI (tháng 1/2011) đã làm sâu sắc thêm nhận thức về xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và khẳng định “tiếp tục đẩy mạnh việc xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, bảo đảm nhà nước ta thực sự là của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân do Đảng lãnh đạo, thực hiện tốt chức năng quản lý kinh tế, quản lý xã hội, giải quyết đúng mối quan hệ giữa nhà nước với các tổ chức khác trong hệ thống chính trị, với nhân dân, với thị trường”.

Tại Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII đánh giá: “Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa có nhiều tiến bộ, tổ chức bộ máy nhà nước tiếp tục được hoàn thiện, hoạt động hiệu lực và hiệu quả hơn; bảo đảm thực hiện đồng bộ các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp”; nội dung, phương thức xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa từng bước được điều chỉnh phù hợp với yêu cầu phát triển đất nước và thông lệ quốc tế.

Báo cáo Chính trị và Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm (2021 - 2030) dành dung lượng đáng kể đề cập đến nhiệm vụ xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa trong thời gian tới. Từ đó, Đại hội XIII xác định vị trí của nhiệm vụ, đến các nội dung, biện pháp xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam thể hiện tư duy mới và những bước phát triển mới về chất so với các kỳ đại hội trước. Về vị trí của nhiệm vụ, Văn kiện xác định: “Tiếp tục xây

dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân do Đảng lãnh đạo là nhiệm vụ trọng tâm của đổi mới hệ thống chính trị”. Đây là sự cụ thể hóa thành tổ đầu tiên của chủ đề Đại hội “Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh”. Bởi, Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam là một thành phần cơ bản của hệ thống chính trị Việt Nam, lực lượng chính trị có vai trò quyết định trong việc thể chế hóa chủ trương, quan điểm, nghị quyết của Đảng thành thực tiễn sinh động. Do vậy, bên cạnh nhiệm vụ xây dựng Đảng là then chốt, vấn đề xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa được Đảng ta dành sự quan tâm đặc biệt, coi đó là nhiệm vụ trọng tâm của đổi mới hệ thống chính trị.

Về nội dung, biện pháp xây dựng, được Đại hội XIII của Đảng đề cập rất toàn diện, phong phú; không chỉ xây dựng Nhà nước có tính chuyên nghiệp, hiện đại, mà còn coi trọng việc xây dựng Nhà nước về bản chất chính trị; không chỉ quan tâm xây dựng và hoàn thiện hệ thống luật pháp mà còn coi trọng khía cạnh chấp hành luật pháp; không chỉ quan tâm đến yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, mà còn phải đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế; không chỉ quan tâm đến việc xây dựng các thiết chế của bộ máy nhà nước: Quốc hội, Chính phủ, chính quyền địa phương và cơ quan tư pháp, mà còn coi trọng xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức của bộ máy nhà nước.

Như vậy, từ khi ra đời cho đến nay, trong đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam luôn luôn quán triệt tư tưởng xây dựng nhà nước của dân, do dân và vì dân ở Việt Nam, coi trọng việc xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật - phương tiện quan trọng trong quản lý nhà nước. Xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN là nhiệm vụ của toàn bộ hệ thống chính trị và của toàn dân. Trên cơ sở nắm vững đường lối, quan điểm của Đảng, mỗi tổ chức, cá nhân cần xác định rõ trách nhiệm của mình trong việc đóng góp công sức, trí tuệ để xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN, góp phần củng cố chế độ, đưa nước ta hội nhập sâu rộng với quốc tế, ngày càng phồn vinh, phát triển./.

**GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CƠ CHẾ KIỂM SOÁT QUYỀN LỰC NHÀ
NƯỚC, GÓP PHẦN XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN
XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM HIỆN NAY**

ThS. Phan Hữu Chánh

Trưởng khoa Nhà nước và pháp luật

Trường Chính trị Nguyễn Chí Thanh tỉnh Thừa Thiên Huế

Vấn đề kiểm soát quyền lực Nhà nước được đặt ra ở tất cả các quốc gia, không phân biệt đó là quốc gia phát triển, đang phát triển hay kém phát triển. Ở Việt Nam, vấn đề kiểm soát quyền lực là một trong những nội dung quan trọng được đề cập tới trong các văn kiện Đại hội của Đảng, Cương lĩnh xây dựng và phát triển đất nước thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, quy định trong các bản Hiến pháp và các văn bản quy phạm pháp luật khác, tạo cơ sở chính trị và cơ sở pháp lý cho hoạt động kiểm soát quyền lực Nhà nước ở Việt Nam.

1. Cơ sở chính trị

- Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011) khẳng định: “*Nhà nước ta là Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân. Tất cả quyền lực Nhà nước thuộc về Nhân dân... Quyền lực Nhà nước là thống nhất; có sự phân công, phối hợp và kiểm soát giữa các cơ quan trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp*”; “*Nhà nước phục vụ Nhân dân, gần bó mật thiết với Nhân dân, thực hiện đầy đủ quyền dân chủ của Nhân dân, tôn trọng, lắng nghe ý kiến của Nhân dân và chịu sự giám sát của Nhân dân; có cơ chế và biện pháp kiểm soát, ngăn ngừa và trừng trị tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí, vô trách nhiệm, lạm quyền, xâm phạm quyền dân chủ của công dân*”;

- Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá” trong nội bộ nhấn mạnh “*các*

cấp uỷ, tổ chức Đảng chỉ đạo rà soát, hoàn thiện và thực hiện nghiêm cơ chế kiểm tra, giám sát, kiểm soát việc thực thi quyền lực của người có chức, có quyền, theo hướng quyền hạn đến đâu trách nhiệm đến đó; phân định rõ thẩm quyền và trách nhiệm tập thể, cá nhân trong từng công đoạn giải quyết công việc và có chế tài xử lý nghiêm những hành vi vi phạm”.

- Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 19/5/2018 của Ban Chấp hành Trung ương Khóa XII về tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược đủ phẩm chất, năng lực và uy tín ngang tầm nhiệm vụ nêu rõ quan điểm: “*Phân công, phân cấp gắn với giao quyền, ràng buộc trách nhiệm, đồng thời tăng cường kiểm tra, giám sát, kiểm soát quyền lực và xử lý nghiêm minh sai phạm...*”, về mục tiêu cụ thể đến năm 2020 được Nghị quyết xác định, đó là: “*Hoàn thiện cơ chế kiểm soát quyền lực; kiên quyết xóa bỏ tệ chạy chức, chạy quyền; ngăn chặn và đẩy lùi tình trạng suy thoái, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong cán bộ, đảng viên*”. Một trong những nhiệm vụ, giải pháp được Nghị quyết chỉ rõ, đó là: “*Thể chế hóa, cụ thể hóa các chủ trương, đường lối của Đảng về công tác cán bộ theo hướng: Đồng bộ, liên thông, nhất quán trong hệ thống chính trị và phù hợp với thực tế; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền; ràng buộc trách nhiệm và kiểm soát chặt chẽ quyền lực; siết chặt kỷ luật, kỷ cương; tạo môi trường, điều kiện để thúc đẩy đổi mới, sáng tạo; bảo vệ cán bộ dám nghĩ, dám làm, dám đột phá, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung*”.

2. Cơ sở pháp lý

Lần đầu tiên vấn đề kiểm soát quyền lực Nhà nước được quy định một cách chính thức trong Hiến pháp năm 2013, văn bản quy phạm pháp luật có giá trị pháp lý cao nhất trong hệ thống văn bản quy pháp luật của Việt Nam. Điều 2 Hiến pháp năm 2013 khẳng định:

“1. Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa (XHCN) Việt Nam là Nhà nước pháp quyền XHCN của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân.

2. *Nước Cộng hòa XHCN Việt Nam do Nhân dân làm chủ; tất cả quyền lực Nhà nước thuộc về Nhân dân mà nền tảng là liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức.*

3. *Quyền lực Nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp, kiểm soát giữa các cơ quan Nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp”.*

Thể chế hóa Hiến pháp năm 2013, các đạo luật liên quan đến kiểm soát quyền lực Nhà nước không ngừng được bổ sung, hoàn thiện, hình thành và thiết lập cơ chế kiểm soát quyền lực phù hợp với vị trí, tính chất của từng thiết chế quyền lực như: Luật Tổ chức Quốc hội, Luật Tổ chức Chính phủ, Luật Tổ chức Tòa án nhân dân, Luật Tổ chức Viện Kiểm sát nhân dân, Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Luật Phòng, chống tham nhũng, Luật Thanh tra, Luật Khiếu nại, Luật Tố cáo, Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Luật Tiếp công dân...

Có thể nói hoạt động kiểm soát quyền lực Nhà nước ở Việt Nam được Đảng và Nhà nước ta đặc biệt quan tâm, chỉ đạo sát sao và rất quyết liệt. Qua đó, đã đạt được những kết quả rất đáng ghi nhận: “*Cơ chế phân công, phối hợp và kiểm soát quyền lực giữa các cơ quan Nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp ngày càng rõ hơn và có chuyển biến tích cực*”[1]; “*công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật Đảng được chỉ đạo tập trung, quyết liệt, toàn diện, đồng bộ, có nhiều đổi mới, có hiệu lực, hiệu quả, nhất là ở cấp Trung ương; hoạt động của cấp ủy, ủy ban kiểm tra các cấp được tăng cường, ngày càng siết chặt kỷ luật, kỷ cương*” [2].

Cùng với hoạt động kiểm soát quyền lực nhà nước của Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp, kiểm soát quyền lực nhà nước còn được thực hiện bởi các thiết chế thanh tra trong bộ máy hành pháp, các cơ quan tiến hành tố tụng thông qua hoạt động điều tra, truy tố, xét xử các vụ án kinh tế, tham nhũng nghiêm trọng, phức tạp. Văn kiện Đại hội Đảng lần thứ XIII khẳng định: “*Hoạt động thanh tra hành chính và chuyên ngành được tăng cường và đạt kết quả tích cực*”[3]; đồng

thời, “tổ chức bộ máy của Toà án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, cơ quan điều tra, cơ quan bảo trợ tư pháp tiếp tục được kiện toàn, chất lượng hoạt động có tiến bộ...”[4]. Do vậy, thời gian qua, công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng “với quyết tâm chính trị rất cao, không có vùng cấm, không có ngoại lệ, đạt nhiều kết quả rất quan trọng, được cán bộ, đảng viên và nhân dân đồng tình, ủng hộ. Tham nhũng từng bước được kiềm chế, ngăn chặn và có chiều hướng giảm[5], “tạo hiệu ứng lan toả mạnh mẽ trong toàn xã hội, được nhân dân đồng tình, đánh giá cao, các tổ chức quốc tế ghi nhận”[6].

Đảng cầm quyền kiểm soát quyền lực nhà nước bằng việc định ra chủ trương, đường lối và lãnh đạo, kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện chủ trương, đường lối đó. Báo cáo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tổng kết công tác xây dựng Đảng và thi hành Điều lệ Đảng tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII khẳng định “Bộ Chính trị, Ban Bí thư đã chỉ đạo từng bước hoàn thiện thể chế về công tác cán bộ; xây dựng, bổ sung, sửa đổi và ban hành mới nhiều quy định, quy chế về đánh giá, quy hoạch, luân chuyển, bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử và kiểm soát quyền lực, chống chạy chức, chạy quyền; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền đi đôi với tăng cường kiểm tra, giám sát, kiểm soát quyền lực”[7]. Do đó, “việc chống chạy chức, chạy quyền được coi trọng, đã có tác động cảnh báo, răn đe và ngăn chặn”[8].

Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, truyền thông báo chí “tiếp tục đổi mới nội dung và phương thức hoạt động, vận động đông đảo nhân dân tham gia các phong trào thi đua yêu nước, phát huy ngày càng tốt hơn vai trò chăm lo, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên, hội viên và nhân dân; chủ động tham gia giám sát và phản biện xã hội”[9]. Quyền làm chủ của nhân dân không ngừng được “chú trọng thực hiện dân chủ cả trực tiếp và đại diện, nhất là ở cơ sở, bảo đảm công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình; người đứng đầu ở nhiều cấp uỷ đảng, chính quyền

đã tăng cường tiếp xúc, đối thoại, lắng nghe, tiếp thu, giải quyết những bức xúc và nguyện vọng chính đáng của nhân dân”[10].

Quá trình thực hiện cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước luôn bảo đảm “sự phối hợp giữa kiểm tra, giám sát của Đảng với thanh tra, kiểm toán nhà nước và điều tra, truy tố, xét xử ngày càng chặt chẽ, đồng bộ, hiệu quả hơn, hạn chế sự chồng chéo trong thực hiện chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền; kịp thời phát hiện những sơ hở, thiếu sót trong lãnh đạo, quản lý để đề xuất bổ sung, sửa đổi các văn bản có liên quan cho phù hợp”[11]. Sự phối hợp đó góp phần thực hiện có hiệu quả cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước.

Trên cơ sở những kết quả đạt được, cơ chế pháp lý kiểm soát quyền lực nhà nước còn bộc lộ một số hạn chế sau:

- “Việc thể chế hoá, cụ thể hoá chủ trương của Đảng về một số nội dung trong công tác cán bộ còn chậm, có nội dung chưa thống nhất giữa pháp luật của Nhà nước và quy định của Đảng”[12];

- Việc điều tra, phát hiện, xử lý những vụ án tham nhũng “vẫn còn hạn chế, nhất là việc tự kiểm tra, tự phát hiện và xử lý tham nhũng, lãng phí trong nội bộ cơ quan, đơn vị còn yếu”[13];

- Vẫn còn tình trạng lợi ích cục bộ, sách nhiễu người dân, doanh nghiệp trong giải quyết thủ tục hành chính. Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020 và phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025 nhận định “việc công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình còn hạn chế”[14];

- Hoạt động kiểm soát quyền lực của Đảng được thể hiện thông qua quá trình kiểm tra, giám sát việc thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng đối với đảng viên, cán bộ, công chức, cơ quan nhà nước. Tuy nhiên, Ủy ban kiểm tra của các tổ chức Đảng chỉ hoạt động khi có khiếu nại, tố cáo, nên thiếu tính chủ động và không mang tính thường xuyên của kiểm soát quyền lực. Vì vậy, công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng chưa đủ sức răn đe, ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái.

- Một bộ phận đảng viên, cán bộ lãnh đạo quản lý có dấu hiệu vi phạm điều lệ đảng, vi phạm pháp luật nhưng chưa được xử lý kịp thời và công khai. Đảng ta nhận định “công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu trong tình hình mới, chất lượng, hiệu quả chưa đồng đều ở các cấp. Việc kiểm tra, giám sát thực hiện một số nghị quyết của Đảng chưa thường xuyên. Công tác kiểm tra ở một số nơi thiếu trọng tâm, trọng điểm; việc tự kiểm tra, phát hiện và xử lý vi phạm của nhiều cấp ủy, tổ chức đảng vẫn là khâu yếu”[15].

- Cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước chưa tạo ra sự gắn kết hiệu quả giữa các thiết chế kiểm soát quyền lực nhà nước. Hoạt động giám sát của Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp, hoạt động kiểm tra của Đảng, hoạt động thanh tra, kiểm tra của các cơ quan nhà nước chưa có sự phối hợp chặt chẽ với hoạt động giám sát của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội và tổ chức xã hội.

- Vai trò lãnh đạo, cầm quyền của Đảng và chức năng quản lý nhà nước của Nhà nước chưa được phân định rõ. Hệ thống chính trị công kênh, có hiện tượng chồng chéo về chức năng, nhiệm vụ giữa cơ quan Đảng và Nhà nước, “phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị còn chậm đổi mới, có mặt còn lúng túng. Cơ chế kiểm soát quyền lực trong Đảng và Nhà nước chưa đầy đủ, đồng bộ; hiệu lực, hiệu quả chưa cao”[16].

- Hiến pháp quy định nhân dân thực hiện quyền giám sát đối với bộ máy nhà nước thông qua Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội và cá nhân, công dân. Tuy nhiên, trình tự, thủ tục để các cơ quan nhà nước tiếp thu, xử lý những kiến nghị về giám sát của nhân dân chưa thật sự hiệu quả. Trong khi đó, pháp luật hiện hành chưa quy định về các biện pháp theo dõi, kiểm tra việc thực hiện kiến nghị, đề nghị giám sát của nhân dân. Một số kiến nghị, phản ánh trong hoạt động giám sát của nhân dân gửi đến cơ quan nhà nước chưa kịp thời xử lý, hoặc chưa được giải quyết thấu đáo. Văn kiện Đại hội lần thứ XIII của Đảng nhận định “một bộ phận cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức chưa gương mẫu, chưa thực sự tôn trọng ý kiến, kiến nghị của nhân dân và giải quyết

kip thời các quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của người dân”^[17]. Do đó, hoạt động kiểm soát quyền lực nhà nước từ phía nhân dân thời gian qua chưa thực sự hiệu quả, “vai trò giám sát của nhân dân chưa được phát huy mạnh mẽ”^[18].

- Mô hình hoạt động giám sát của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội chưa hoàn toàn độc lập với các cơ quan nhà nước. Các thiết chế này vẫn lệ thuộc vào chính đối tượng bị giám sát, phản biện về ngân sách, biên chế. Mặt trận Tổ quốc các cấp mới chỉ đóng vai trò là cơ quan phối hợp, tham gia thực hiện giám sát chứ chưa thể hiện được hết vai trò giám sát một cách chủ động so với các thiết chế khác. Trên thực tế, “việc đổi mới nội dung và phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội có mặt chưa theo kịp yêu cầu của tình hình mới, chưa thật sâu sát các tầng lớp nhân dân và cơ sở; chất lượng, hiệu quả hoạt động giám sát, phản biện xã hội chưa đều”^[19]. Chính vì vậy, Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng nhận định: “cơ chế kiểm soát quyền lực chưa hoàn thiện”^[20].

Những nguyên nhân dẫn tới bất cập nêu trên là:

- Do chưa có sự thống nhất trong nhận thức về yêu cầu hoàn thiện và thực hiện cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước;

- Những sửa đổi, hoàn thiện pháp luật về kiểm soát quyền lực nhà nước chưa mang tính tổng thể. Do vậy, cơ chế pháp lý kiểm soát quyền lực nhà nước thiếu tính đồng bộ;

- Bên cạnh đó, hoạt động nghiên cứu, tổng kết thực tiễn về hoạt động của các thiết chế thực hiện nhiệm vụ kiểm soát quyền lực nhà nước chưa được quan tâm kịp thời để có những kiến nghị lập pháp phù hợp.

3. Giải pháp tiếp tục hoàn thiện cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước góp phần xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam theo quan điểm của Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng

Để khắc phục những hạn chế nêu trên, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng tiếp tục nhấn mạnh vị trí, vai trò, tầm quan trọng và những quan

điểm, định hướng nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động kiểm soát quyền lực Nhà nước ở Việt Nam trong thời gian tới. Cụ thể: Một trong những định hướng phát triển đất nước giai đoạn 2021 - 2030 được nêu trong Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đó là: “*Xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN trong sạch, vững mạnh, tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, vì Nhân dân phục vụ và vì sự phát triển đất nước. Tăng cường công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình; kiểm soát quyền lực gắn với siết chặt kỷ cương, kỷ luật trong hoạt động của Nhà nước và của cán bộ, công chức, viên chức*”; [21] “*chú trọng công tác bảo vệ Đảng, bảo vệ chính trị nội bộ; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật Đảng, công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng và công tác dân vận của Đảng*” [22] đồng thời khẳng định các đột phá chiến lược đó là: “*Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền hợp lý, hiệu quả, đồng thời tăng cường kiểm tra, giám sát, kiểm soát quyền lực bằng hệ thống pháp luật*” [23].

Như vậy, để hoàn thiện cơ chế pháp lý kiểm soát quyền lực Nhà nước theo tinh thần Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng cần thực hiện tốt một số giải pháp sau:

Thứ nhất, hoàn thiện cơ chế kiểm soát quyền lực bên trong bộ máy Nhà nước:

Đổi mới tổ chức và hoạt động của Quốc hội theo hướng đổi mới phương thức, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động, phát huy dân chủ, pháp quyền, tăng tính chuyên nghiệp trong tổ chức và hoạt động của Quốc hội, trong thực hiện chức năng lập pháp, quyết định những vấn đề quan trọng của đất nước và giám sát tối cao. Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng quy trình lập pháp, tập trung xây dựng, hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; tôn trọng, bảo đảm, bảo vệ quyền con người, quyền công dân; hoàn thiện cơ chế bảo vệ Hiến pháp, cơ chế giám sát, lấy phiếu, bỏ phiếu tín nhiệm đối với những người giữ chức vụ do Quốc hội, Hội đồng nhân dân bầu hoặc phê chuẩn. Bảo đảm tiêu chuẩn, cơ cấu, nâng cao chất lượng đại biểu Quốc hội, tăng hợp lý số lượng đại

biểu hoạt động chuyên trách; giảm số lượng đại biểu công tác ở các cơ quan hành pháp, tư pháp.

Cần tiếp tục sắp xếp tinh gọn lại hệ thống cơ quan hành chính Nhà nước theo hướng thu gọn đầu mối, tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Xây dựng nền hành chính Nhà nước phục vụ Nhân dân, dân chủ, pháp quyền, chuyên nghiệp, hiện đại, trong sạch, vững mạnh, công khai, minh bạch. Bảo đảm tính độc lập, có đủ thực quyền của hệ thống cơ quan thanh tra Nhà nước nhằm nâng cao chất lượng của hoạt động kiểm soát quyền lực trong nội bộ hệ thống hành pháp.

Xây dựng nền tư pháp Việt Nam chuyên nghiệp, hiện đại, công bằng, nghiêm minh, liêm chính, phụng sự Tổ quốc, phục vụ Nhân dân. Tiếp tục đổi mới tổ chức, nâng cao chất lượng, hiệu lực, hiệu quả hoạt động và uy tín của toà án nhân dân, viện kiểm sát nhân dân, cơ quan điều tra, cơ quan thi hành án và các cơ quan, tổ chức tham gia vào quá trình tố tụng tư pháp.

Thứ hai, tiếp tục nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật Đảng:

Tập trung kiểm tra, giám sát tổ chức Đảng, người đứng đầu, cán bộ chủ chốt ở những nơi dễ xảy ra vi phạm, nơi có nhiều bức xúc nổi cộm, dư luận quan tâm; xử lý kịp thời, kiên quyết, triệt để, đồng bộ, nghiêm minh các tổ chức Đảng, đảng viên vi phạm. Tăng cường quản lý, kiểm tra, giám sát cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý chủ chốt các cấp để kịp thời phát hiện, ngăn chặn ngay từ xa, từ đầu, giải quyết từ sớm, không để vi phạm nhỏ tích tụ thành sai phạm lớn, kéo dài và lan rộng. Đẩy mạnh kiểm tra, giám sát của tổ chức Đảng cấp trên đối với cấp dưới.

Kết hợp chặt chẽ và nâng cao hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát của Đảng với giám sát, thanh tra, kiểm toán Nhà nước và điều tra, truy tố, xét xử của các cơ quan bảo vệ pháp luật. Tăng cường phối hợp giữa giám sát, kiểm tra của Đảng với giám sát, thanh tra của Nhà nước và giám sát của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội để tăng cường sức mạnh tổng hợp và nâng cao hiệu lực, hiệu quả

giám sát, kiểm tra, tránh chồng chéo, trùng lặp, lãng phí nguồn lực, không hiệu quả. Tăng cường kiểm tra, giám sát công tác cán bộ, gắn với kiểm soát quyền lực, chống chạy chức, chạy quyền. Chú trọng đổi mới, kiện toàn tổ chức bộ máy ủy ban kiểm tra các cấp; xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ kiểm tra các cấp theo hướng chuyên nghiệp hoá.

Thứ ba, hoàn thiện cơ chế pháp lý Nhân dân kiểm soát quyền lực Nhà nước:

Hoàn thiện cơ chế, chính sách phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, các đoàn thể Nhân dân và các cơ quan thông tin đại chúng trong quá trình hoạch định chiến lược, chính sách phát triển kinh tế - xã hội và trong việc phát hiện, đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí.

Hoạt động kiểm soát quyền lực Nhà nước của các tổ chức chính trị - xã hội cần được thực hiện có trọng tâm, trọng điểm, tránh tổ chức tràn lan, dàn trải nhằm nâng cao hiệu quả trong điều kiện năng lực kiểm soát còn nhiều hạn chế. Trước mắt, cần lựa chọn và chú trọng tập trung triển khai các hình thức kiểm soát quyền lực phù hợp với năng lực thực tế của các tổ chức chính trị - xã hội như: Tham gia bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND; tổ chức các hoạt động lấy ý kiến đóng góp của Nhân dân đối với các dự án luật; phản ánh ý kiến, kiến nghị của cử tri và Nhân dân, tổ chức việc tiếp công dân, tham gia công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo, đặc xá; giám sát và phản biện xã hội ở một số nội dung, lĩnh vực phù hợp với điều kiện, năng lực của các tổ chức chính trị - xã hội.

Các tổ chức chính trị - xã hội cần xây dựng kế hoạch, chương trình phối hợp kiểm soát với các cơ quan báo chí truyền thông. Các cơ quan này với ưu thế về mặt cung cấp, truyền tải thông tin rộng rãi, kịp thời đến với các tầng lớp nhân dân sẽ góp phần quan trọng nâng cao hiệu quả, hiệu lực kiểm soát quyền lực Nhà nước của các tổ chức chính trị - xã hội. Các tổ chức chính trị - xã hội có thể thông qua các phương tiện báo chí, truyền thông công bố kết quả kiểm soát quyền lực Nhà nước; chuyển tải các đề xuất, kiến nghị đến các cơ quan quyền lực Nhà nước;

đồng thời tạo dựng sức ép từ dư luận xã hội để buộc các cơ quan được kiểm soát nhanh chóng có ý kiến phản hồi, tiếp thu hoặc thu hút sự chú ý để các cơ quan chức năng sớm có động thái điều tra, xử lý các sai phạm. Với việc mở rộng sự tham gia của người dân, các tổ chức chính trị - xã hội sẽ tiết kiệm được chi phí cho hoạt động kiểm soát, đa dạng hóa các nguồn thông tin từ “tai, mắt” của các tầng lớp nhân dân, tạo áp lực dư luận xã hội để nâng cao hiệu quả, hiệu lực của hoạt động kiểm soát quyền lực Nhà nước, góp phần xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân./.

Chú thích:

[1] [2] [3] Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, tập 1*, Nxb Chính trị quốc gia 2021, tr.72; tr.75; tr.89;

[4] Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, tập 1*, Nxb. Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội, 2021, tr.72- 73.

[5] Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, tập 1*, Nxb. Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội, 2021, tr.76.

[6] Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, tập 2*, Nxb. Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội, 2021, tr.54.

[7] Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, tập 2*, Nxb. Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội, 2021, tr.191-192.

[8] Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, tập 1*, Nxb. Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội, 2021, tr.75.

[9] Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, tập 1*, Nxb. Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội, 2021, tr.70.

[10] Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, tập 1*, Nxb. Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội, 2021, tr.71.

[11] Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, tập 2*, Nxb. Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội, 2021, tr.199.

[12] Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, tập 1, Nxb. Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội, 2021, tr.91.

[13] Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, tập 1, Nxb. Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội, 2021, tr.92-93.

[14] Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, tập 2, Nxb. Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội, 2021, tr.74-75.

[15] Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, tập 2, Nxb. Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội, 2021, tr.201.

[16] Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, tập 1, Nxb. Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội, 2021, tr.93.

[17] Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, tập 1, Nxb. Chính trị quốc gia. Hà Nội, tr.89.

[18] Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, tập 1, Nxb. Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội, 2021, tr.89.

[19] Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, tập 1, Nxb. Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội, 2021, tr.88.

[20] Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, tập 1, Nxb. Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội, 2021, tr.88-89.

[21] [22] [23] Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, tập 1, Nxb Chính trị quốc gia 2021 tr.118; 119; 203.

Tài liệu tham khảo:

1. *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, tập 1, tập 2 Nxb Chính trị quốc gia, năm 2021;

2. *Hiến pháp năm 2013*;

3. *Điểm mới trong Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb Chính trị - Sự thật, năm 2021.

BẢO VỆ NỀN TẢNG TƯ TƯỞNG, ĐẤU TRANH PHẢN BÁC CÁC QUAN ĐIỂM SAI TRÁI, THÙ ĐỊCH, XUYỀN TẠC VỀ THÀNH TỰU CŨNG NHƯ ĐỊNH HƯỚNG XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Dương Hồng Thái

Học viên TCLLCT – C282

Nền tảng tư tưởng của Đảng Cộng sản Việt Nam là hệ tư tưởng xã hội chủ nghĩa, (chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh). Nếu nền tảng tư tưởng thay đổi, tất yếu sẽ dẫn tới sự thay đổi về mục tiêu, lý tưởng, nguyên tắc tổ chức, phương hướng hoạt động chính trị của Đảng. Do đó, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh chống quan điểm sai trái, thù địch là yêu cầu tất yếu để xây dựng và phát triển Đảng Cộng sản Việt Nam trong sạch, vững mạnh.

1. Bảo vệ nền tảng tư tưởng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, xuyên tạc về thành tựu cũng như định hướng xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam.

Đại hội XIII: "Tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, kiên quyết và thường xuyên đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, cơ hội chính trị; đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ" là yêu cầu cấp bách, có ý nghĩa quan trọng trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; là nhiệm vụ hết sức quan trọng của toàn Đảng, của toàn hệ thống chính trị và toàn dân".

Bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh chống lại các quan điểm sai trái, thù địch với tư tưởng của Đảng có mối quan hệ biện chứng với nhau. Muốn bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, thì phải đấu tranh chống lại các quan điểm sai trái, thù địch; ngược lại, đấu tranh chống lại các quan điểm sai trái, thù địch để luôn giữ vững, kiên định với nền tảng tư tưởng của Đảng. Do đó, trong mọi hoàn cảnh, mọi thời điểm lịch sử, nhất là ở những thời điểm có tính bước ngoặt thì bảo vệ và đấu tranh phải là một quá trình cần phải được tiến hành song song; phải thể hiện được sự thống nhất biện chứng giữa “xây” và “chống”; phải kết hợp giữa nhiệm vụ trước mắt và nhiệm vụ lâu dài; đồng thời phải nâng cao khả năng tự phòng, chống của cán bộ, đảng viên và nhân dân trước âm mưu, thủ đoạn và hoạt động của các thế lực thù địch, đối tượng phản động, cơ hội chính trị.

Vai trò, tầm quan trọng của tư tưởng, lý luận đã được Hồ Chí Minh và Đảng ta khẳng định từ đầu trong tiến trình lịch sử của cách mạng Việt Nam do Đảng Cộng sản lãnh đạo. Ngay từ khi Đảng còn chưa ra đời, năm 1927, trong tác phẩm “Đường cách mệnh”, Nguyễn Ái Quốc đã nhấn mạnh, “phải giữ chủ nghĩa cho vững”, “Đảng phải có chủ nghĩa làm cốt” và chủ nghĩa chân chính, cách mạng nhất là chủ nghĩa Lênin, chủ nghĩa Mác - Lênin”. Không giữ vững chủ nghĩa thì không thể có phương hướng chính trị đúng, không thể vạch rõ đường lối và phương pháp cách mạng, chiến lược và sách lược cách mạng để tập hợp lực lượng, gây dựng phong trào, giáo dục, rèn luyện cán bộ, đảng viên và quần chúng trong đấu tranh thực hiện lý tưởng, mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản ở nước ta.

Tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh về xây dựng Nhà nước pháp quyền là sự vận dụng sáng tạo lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin về xây dựng nhà nước kiểu mới, có sự kế thừa, chọn lọc tinh hoa nhân loại. Trong sự nghiệp đổi mới đất nước hiện nay cần phải tiếp tục xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong sạch, vững mạnh, ngang tầm với nhiệm vụ, thúc đẩy xã hội phát triển, thực hiện thắng lợi mục tiêu “Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”.

Mục đích của các thế lực thù địch chống phá nền tảng tư tưởng của Đảng Cộng sản Việt Nam chính là nhằm làm cho Đảng, đội ngũ cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân Việt Nam xa rời, từ bỏ tư tưởng xã hội chủ nghĩa, chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và mục tiêu, lý tưởng độc lập dân tộc gắn liền chủ nghĩa xã hội... Thực tế cho thấy, cùng với sự phát triển của khoa học và công nghệ, việc lợi dụng ưu thế của internet, mạng xã hội, các hình thức truyền thông mới, hệ thống phát thanh, báo chí, xuất bản ở nước ngoài, v.v. để tuyên truyền chống phá Đảng Cộng sản Việt Nam trong một thế trận nhiều tầng, nhiều lớp, có kịch bản rõ ràng theo kiểu mưa dầm thấm lâu, góp gió thành bão đã được các thế lực thù địch, phản động và các phần tử cơ hội chính trị sử dụng triệt để. Bên cạnh đó các thế lực xấu còn thông qua việc tuyên truyền giật tít, đưa tin thật giả lẫn lộn để “câu view”; tạo lập các website, blog, facebook, fanpage giả mạo của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có uy tín; sử dụng dịch vụ thư điện tử (email), dịch vụ chat (nhắn tin, hội thoại), diễn đàn... các thế lực thù địch đã để tung tin, bài xấu độc, âm mưu tạo dựng những nhận thức sai lệch, hoài nghi, hoang mang,

dao động, thúc đẩy sự “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ. Từ đó, làm lung lay, xói mòn niềm tin của cán bộ, đảng viên và nhân dân vào vai trò lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước; gây kích động nhân tâm, tạo tâm lý bức xúc, chống đối trong xã hội; làm cho cán bộ, đảng viên, các tầng lớp nhân dân xa rời hoặc từ bỏ nền tảng tư tưởng

Lợi dụng những diễn biến phức tạp, khó lường của tình hình quốc tế, khu vực và trong nước, các thế lực thù địch tăng cường các hoạt động tuyên truyền, kích động, xuyên tạc, chống phá, phủ định và đòi xóa bỏ chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, ngấm ngấm truyền bá tư tưởng đi ngược lại với chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; đòi xóa bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, nhằm chuyển hóa thể chế chính trị ở Việt Nam... Tuy nhiên, có thể khẳng định rằng, hơn 92 năm xây dựng và phát triển, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn coi trọng công tác "bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng là bảo vệ Đảng, Cương lĩnh chính trị, đường lối của Đảng; bảo vệ nhân dân, Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam; bảo vệ công cuộc đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế; bảo vệ lợi ích quốc gia, dân tộc; giữ gìn môi trường hòa bình, ổn định để phát triển đất nước" gắn liền với việc chủ động và kiên quyết đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch. Đặc biệt, đáp ứng yêu cầu của tình hình và nhiệm vụ cách mạng trong bối cảnh toàn cầu hóa, Nghị quyết 35- NQ/TW đã khẳng định: Bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng và đấu tranh, phản bác có hiệu quả các quan điểm sai trái, thù địch là một nội dung cơ bản, hệ trọng, sống còn của công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, để Đảng luôn trong sạch vững mạnh về chính trị, tư tưởng, tổ chức và đạo đức.

Vì thế, để kiên định lý tưởng cách mạng, kiên định hệ tư tưởng xã hội chủ nghĩa và mục tiêu mà Đảng, Chủ tịch Hồ Chí Minh và nhân dân ta đã lựa chọn: độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, thì bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác quan điểm sai trái, thù địch (bảo vệ và đấu tranh, cuộc đấu tranh này) là nhiệm vụ vừa cấp bách, vừa thường xuyên và lâu dài, góp phần quan trọng vào quá trình xây dựng, tồn tại và phát triển của Đảng, phát triển kinh tế xã hội của đất nước trong công cuộc cách mạng mới với nhiều khó khăn và thách thức, trong thời kỳ công nghiệp 4.0.

Để xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam gắn với bảo vệ nền tảng tư tưởng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, xuyên tạc về thành tựu và định hướng xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam, chúng ta mỗi người dân đất Việt, là một đảng viên hãy là một lá chắn thép để bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng và đấu tranh, phản bác có hiệu quả các quan điểm sai trái, thù địch coi đây là một nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân, trong đó lực lượng tuyên giáo các cấp là nòng cốt; là công việc tự giác, thường xuyên của cấp uỷ, tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và đoàn thể chính trị - xã hội các cấp; của từng địa phương, cơ quan, đơn vị, của từng cán bộ, đảng viên phối hợp với người lao động, quần chúng, nhân dân nắm chắc âm mưu chiến lược, chiến thuật, thủ đoạn, chiêu trò, biện pháp, hình thức, phương tiện chống phá của thế lực thù địch, phản động, cơ hội chính trị mà còn khẳng định tính thiết thực, hiệu quả của việc xây dựng và phát triển các lực lượng, sự phối hợp giữa các lực lượng trong bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các luận điệu sai trái, thù địch. Sự phối hợp, vào cuộc đó không chỉ góp phần phát hiện, vạch trần sự giả dối, xảo biện của những thông tin xấu, độc mà còn ngăn chặn âm mưu, thủ đoạn phá hoại tư tưởng, tình cảm con người, phá hoại tổ chức, chế độ từ bên trong. Bên cạnh đó đi đôi với giáo dục đạo đức, phải kiên quyết với những hành vi vi phạm pháp luật, trừng trị nghiêm khắc những người phạm tội, vi phạm quy định của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước; không ngừng quan tâm và xây dựng một đội ngũ cán bộ, đảng viên, người lao động vừa là người lãnh đạo, vừa là người đầy tớ trung thành của nhân dân, chủ động và làm tốt công tác tuyên truyền, phổ biến các đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước Việt Nam

2. Vận dụng quan điểm, nội dung xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam trong công cuộc xây dựng, phát triển tỉnh Quảng Ninh hiện nay.

Trong thành tựu chung của đất nước, Quảng Ninh tự hào về truyền thống hào hùng, lịch sử chiến đấu, chiến thắng và giành độc lập của Đảng, Nhà nước, dân tộc Việt Nam. Nhân dân các dân tộc Quảng Ninh luôn một lòng đi theo Đảng, kề vai, sát cánh, góp sức cùng Đảng bộ tỉnh trong suốt quá trình đấu tranh giành độc lập dân tộc. Sau 35 năm đổi mới, Đảng bộ, chính quyền, nhân dân các dân tộc tỉnh Quảng Ninh tiếp tục phát huy truyền thống “Kỷ luật và đồng tâm”, không

ngừng đổi mới, sáng tạo, đã đạt được nhiều thành tựu đáng tự hào. Ngày 06/4/2022 Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã thăm và làm việc tại tỉnh Quảng Ninh, Bác có bài phát biểu, trong đó có nói “...*Quảng Ninh vươn lên, đã và đang trở thành một trong những tỉnh đi đầu trong công cuộc đổi mới sáng tạo của vùng Đồng bằng Bắc Bộ, một cực tăng trưởng của khu vực phía Bắc...*”

Cụ thể hóa chỉ đạo của Trung ương, Tỉnh ủy, các cấp ủy, tổ chức đảng, xây dựng và hoàn thiện thể chế; cải cách, đổi mới tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước; cải cách hành chính; kiểm soát quyền lực ở các cấp; tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng, phát huy vai trò làm chủ của nhân dân. Từ Tỉnh đến cơ sở tiếp tục nâng cao nhận thức, trách nhiệm, tạo sự thống nhất, quyết tâm cao trong đội ngũ cán bộ, đảng viên và của cả hệ thống chính trị

Để kiên định mục tiêu: Bảo vệ nền tảng tư tưởng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, xuyên tạc về thành tựu cũng như định hướng xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam và đối với riêng tỉnh Quảng Ninh, em xin tham gia một số giải pháp sau:

Một là: Kiên trì bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng; kiên định chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh; thực sự coi trọng công tác lý luận, nâng cao chất lượng, hiệu quả học tập, nghiên cứu, giáo dục, truyền bá, vận dụng và phát triển chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong tình hình mới, góp phần giữ vững định hướng chính trị, mục tiêu, lý tưởng của Đảng. Phấn đấu xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân do Đảng Cộng sản lãnh đạo, nhà nước quản lý.

Phát huy tốt hơn và nhiều hơn quyền làm chủ của nhân dân qua các hình thức dân chủ đại diện và dân chủ trực tiếp để nhân dân tham gia xây dựng và bảo vệ Nhà nước, nhất là việc giám sát, kiểm tra của nhân dân đối với hoạt động của cơ quan và cán bộ, công chức nhà nước, cán bộ, công chức nhà nước thật sự là công bộc, tận tụy phục vụ nhân dân. Coi trọng lấy gương “người tốt, việc tốt” để tuyên truyền, giáo dục, tạo hiệu ứng tích cực, ngăn chặn và đẩy lùi tình trạng suy thoái tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống trong một bộ phận cán bộ, đảng viên. Xử lý nghiêm các vi phạm chuẩn mực đạo đức cách mạng của đảng viên, đồng thời cổ vũ, biểu dương các tấm gương đạo đức để tạo ảnh hưởng lan tỏa trong Đảng và xã hội.

Hai là: Nâng cao nhận thức, phát huy tính tích cực, tự giác rèn luyện bản lĩnh chính trị cho cán bộ, đảng viên làm tiền đề, nền tảng để định hướng, tác động đến nhận thức của quần chúng nhằm tăng cường niềm tin của nhân dân với Đảng, giữ vững sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng, sự đồng thuận trong xã hội, tiếp tục củng cố vị trí, vai trò cầm quyền của Đảng ta trong giai đoạn hiện nay.

Ba là: Thực hiện nghiêm chế độ học tập lý luận chính trị trong Đảng; từng bước nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị; chú trọng tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận để làm rõ, bổ sung, hoàn thiện nền tảng tư tưởng của Đảng; xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN; Đẩy mạnh phân cấp quản lý, phân định trách nhiệm, thẩm quyền giữa các cấp chính quyền theo hướng phân cấp rõ hơn cho địa phương, kết hợp chặt chẽ quản lý ngành và quản lý địa phương, thực hiện đúng nguyên tắc tập trung dân chủ.

Bốn là: Không ngừng đẩy mạnh hơn nữa cuộc đấu tranh tư tưởng, phản bác quan điểm, luận điệu sai trái của các thế lực thù địch, bảo vệ vững chắc nền tảng tư tưởng, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, để nhân dân hiểu được bản chất dân chủ của Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam, nắm vững và thực hiện quyền làm chủ và nghĩa vụ công dân của mình.

Việt Nam đang trên con đường xây dựng CNXH với nhiều thời cơ, thuận lợi và cũng không ít khó khăn, thách thức thông qua công tác đấu tranh, phản bác những luận điệu xuyên tạc, sai trái, thù địch, bảo vệ nền tảng tư tưởng có sự tham gia của cả hệ thống chính trị và các tầng lớp nhân dân; trong đó, đi đầu là đội ngũ cán bộ, đảng viên, là lực lượng nòng cốt tham gia đấu tranh của Ban Chỉ đạo 35 ở tất cả các cấp. Không ngừng vạch trần âm mưu, thủ đoạn của các đối tượng thù địch, phản động và có hình thức, biện pháp xử lý phù hợp tùy theo mức độ vi phạm; định hướng tuyên truyền, cung cấp đầy đủ thông tin chính thống, quản lý tốt nguồn thông tin, ngăn chặn kịp thời các thông tin, tài liệu sai trái; đẩy mạnh công tác nghiên cứu, tuyên truyền, giáo dục về cuộc đời, sự nghiệp vĩ đại của Chủ tịch Hồ Chí Minh; lấy những kết quả từ sự vận dụng sáng tạo và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh trong thực tiễn cách mạng nước ta làm minh chứng sống động, thuyết phục để phản bác lại những luận điệu xuyên tạc, phản động để tăng thêm niềm tin vững chắc của nhân dân đối với Đảng, nhà nước và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam là hoàn toàn đúng đắn./.

CHỐNG QUAN LIÊU MỘT GIẢI PHÁP QUAN TRỌNG ĐỂ XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

Ths. Tạ Văn Tú

Phó Trưởng phòng Đào tạo

Quan liêu là con đẻ vốn có của các chế độ thống trị bóc lột, nó khác xa với bản chất nhà nước xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân mà chúng ta đang xây dựng. Lênin chỉ rõ những đặc trưng của tệ quan liêu là: “Những nhân vật có đặc quyền thoát ly quần chúng và đứng trên quần chúng..., đem lợi ích của sự nghiệp phục tùng lợi ích của tư tưởng thăng quan tiến chức, tức là hết sức chú trọng vào địa vị an nhàn hưởng lợi mà không biết đến công tác, tức là tranh giành nhau để được bổ tuyền”⁽¹⁾.

Tuy nhiên, tệ quan liêu nói trên có thể tồn tại lâu dài sau khi chế độ thống trị bóc lột đã bị lật đổ. Trong điều kiện Đảng cầm quyền lãnh đạo xây dựng chủ nghĩa xã hội, nhà nước quản lý xã hội bằng pháp luật xã hội chủ nghĩa mà cán bộ, đảng viên, công chức không tu dưỡng rèn luyện phẩm chất cách mạng và trình độ năng lực công tác thì rất có thể sa vào tệ quan liêu. Đảng, Nhà nước ra đời từ phong trào của quần chúng nhân dân, được nhân dân lao động hết lòng ủng hộ, điều đó làm cho sức mạnh và có uy tín Đảng và Nhà nước càng lớn hơn, nhưng cũng làm cho một số cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức dễ nảy sinh tự cao, tự đại, quan liêu xa rời quần chúng. Lênin đã nhiều lần nhấn mạnh: “Một nguy cơ lớn nhất và đáng sợ nhất là sự cắt đứt mối liên hệ với quần chúng, nguy cơ nhìn thấy đội tiên phong chạy quá nhanh mà không giữ liên hệ chặt chẽ với tất cả đội quân lao động, nghĩa là với đại đa số quần chúng công nhân và nông dân”⁽²⁾.

Tệ quan liêu ở nước ta hiện nay biểu hiện dưới nhiều hình thức như: coi thường quần chúng, xa rời quần chúng, xa rời thực tế không nắm chắc tình hình mọi mặt của cuộc sống, của cơ sở, quan liêu trong tổ chức bộ máy công kênh, nặng giấy tờ, hình thức rườm rà, nhiều thủ tục hành chính gây phiền hà và đi liên

với tệ quan liêu là thói cửa quyền, sách nhiễu, mệnh lệnh, tham nhũng, lãng phí trong một bộ phận cán bộ, công chức nhất là trong một số cán bộ lãnh đạo và quản lý, đang tồn tại và phát triển. Sinh thời Hồ Chủ tịch đã chỉ rõ: “Một trong những nguyên nhân phát sinh tệ nạn tham ô và lãng phí là vì bệnh quan liêu. Vì những người và những cơ quan lãnh đạo từ cấp trên đến cấp dưới không sát công việc thực tế, không theo dõi và giáo dục cán bộ, không gần gũi quần chúng, đối với công việc thì trọng hình thức mà không xem xét khắp nơi, không vào sâu vấn đề chỉ biết khai hội, viết chỉ thị, xem báo cáo trên giấy chứ không kiểm tra đến nơi đến chốn. Nói tóm lại, vì những người và những cơ quan lãnh đạo mắc bệnh “quan liêu”, thành thử có mắt mà không thấu suốt, có tai mà không nghe thấu, có chế độ mà không giữ đúng kỷ luật mà không nắm vững, kết quả là những người xấu tha hồ mà tham ô lãng phí”⁽³⁾.

Tệ quan liêu nói trên là do nhiều nguyên nhân, nhưng nguyên nhân trực tiếp là do chủ nghĩa cá nhân tự tư, tự lợi, do thiếu tinh thần trách nhiệm, do trình độ năng lực tổ chức quản lý non kém của một số cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức gây ra. Có một số cán bộ, công chức khi có chức quyền thì coi thường quần chúng, cho mình là người đứng trên; người “ban ơn” cho quần chúng, chứ không phải người phục vụ, người đầy tớ trung thành của quần chúng, không quan tâm đến lợi ích và nguyện vọng của quần chúng, hoặc vì thiếu tinh thần trách nhiệm, ngại khó ngại khổ, thích ngồi bàn giấy hơn là đi sâu sát quần chúng, sát thực tiễn và cơ sở, xen vào đó lại có tư tưởng cá nhân, thói phong thành tích, che dấu khuyết điểm, báo cáo không đúng sự thật, lừa dối cấp trên... Cũng có người do trình độ năng lực tổ chức, quản lý còn hạn chế so với yêu cầu công tác mà sa vào tệ nạn quan liêu. Mặt khác, do không nắm vững đường lối, chính sách của Đảng, luật pháp của Nhà nước và các quy chế, chế độ quản lý, thiếu kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ, không biết cách tổ chức thực hiện, hoặc do tác phong công tác đại khái qua loa hời hợt không chịu đi sâu nghiên cứu tình hình thực tiễn cụ thể, thiếu

kiểm tra sâu sát nên đề ra chủ trương, biện pháp công tác một cách chủ quan tùy tiện không thích hợp, thậm chí sai lầm gây tác hại cho sự nghiệp cách mạng và lợi ích của quần chúng. Mặt khác, còn do phô trương hình thức, tổ chức bộ máy chồng chéo, nhiều tầng nấc, chức năng nhiệm vụ, chế độ chịu trách nhiệm không rõ ràng. Đó cũng là nguyên nhân phát sinh tệ nạn quan liêu. Tệ nạn quan liêu gắn liền với mệnh lệnh, cửa quyền, con đẻ của quan điểm coi thường quần chúng, muốn dễ mình làm khó khăn cho người khác, nó đều trái với lý tưởng của Đảng, trái với phẩm chất cách mạng. Tác hại của tệ quan liêu rất lớn, nó làm cho Đảng, Nhà nước và các tổ chức chính trị không nắm chắc được tình hình thực tế kịp thời, dẫn đến những quyết định, chủ trương, biện pháp công tác không sâu sát, thậm chí sai lầm, làm tổn thương đến mối quan hệ giữa Đảng, Nhà nước và quần chúng.

Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa mà chúng ta đang xây dựng là Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân mà nền tảng là liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức. Đội ngũ cán bộ công chức do dân bầu ra để phục vụ cho lợi ích của nhân dân. Nhiệm vụ của họ là tổ chức thực thi chính sách, pháp luật, quản lý các lĩnh vực của đời sống xã hội, đảm bảo hiệu lực, hiệu quả trong quản lý nhà nước. Đội ngũ cán bộ, công chức luôn chủ động, tích cực hết lòng, hết sức phục vụ Nhân dân. Bên cạnh đó, cán bộ, công chức luôn nâng cao ý thức, trách nhiệm, văn hóa ứng xử trong giao tiếp, thường xuyên đi cơ sở tìm hiểu tâm tư, nguyện vọng của Nhân dân, từ đó đề ra các giải pháp cải tiến phương pháp làm việc giúp công tác giải quyết công việc cho người dân được tốt hơn. Vì vậy, chống tệ quan liêu với nhiều biện pháp đồng bộ, đấu tranh lâu dài, quyết liệt, không ngừng nghỉ.

Trước hết, trong công tác giáo dục chính trị, tư tưởng cho cán bộ, công chức, viên chức phải hướng vào việc nêu cao phẩm chất cách mạng, nêu cao ý thức phục vụ nhân dân vô điều kiện. Thật sự tôn trọng và bảo đảm quyền làm chủ của quần chúng, thực hiện đúng theo quy chế dân chủ ở các cơ sở đã được Chính

phủ quy định; rèn luyện phong cách làm việc cho dân chủ, khiêm tốn và khoa học, thiết thực, cụ thể đến nơi đến chốn, đi sâu sát cơ sở và quần chúng. Nâng cao kiến thức khoa học, nâng cao năng lực quản lý, kỹ thuật, chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ, đảng viên, công chức, nhất là cán bộ lãnh đạo quản lý.

Một biện pháp quan trọng nữa là phải tăng cường biện pháp tổ chức, cải tiến tổ chức bộ máy gọn nhẹ có hiệu lực. Đẩy mạnh cải cách hành chính, cắt giảm những thủ tục hành chính rườm rà, nhiều tầng nấc gây phiền hà và bằng quy chế làm việc chế độ quản lý chặt chẽ; đẩy mạnh việc kiểm tra, thanh tra việc thực hiện, kết hợp chặt chẽ giữa kiểm tra của Đảng, Thanh tra Nhà nước và giám sát của quần chúng. Qua kiểm tra, thanh tra đi tới kết luận rõ ràng và xử lý nghiêm minh, kịp thời theo đúng luật pháp và kỷ luật của Đảng.

Chống quan liêu để loại trừ bằng được những cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức thoái hoá biến chất về phẩm chất, làm trong sạch đội ngũ cán bộ trong các cơ quan, Đảng, Nhà nước, các tổ chức chính trị. Đó là việc rất quan trọng để tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng, cải cách hành chính nhà nước; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hoá" trong nội bộ, tạo được những chuyển biến tích cực trong toàn hệ thống chính trị góp phần hoàn thiện nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam

XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA TRONG THỜI ĐẠI CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP LẦN THỨ TƯ

Nguyễn Trung Trường

Phó trưởng phòng Tổ chức hành chính - TTTL

Với bản chất của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư là: dữ liệu lớn, internet vạn vật, trí tuệ nhân tạo, vật liệu tiên tiến, công nghệ nano... sẽ tạo ra sự thay đổi các mô hình kinh doanh, thay đổi mô hình quản trị, thay đổi thói quen của xã hội và cũng đặt ra những thách thức về điều hành, quản lý xã hội đối với mỗi Nhà nước, nhất là với Việt Nam - một nước đang phát triển, còn nhiều khó khăn về kinh tế - xã hội, khoa học - công nghệ.

Thành tựu của cuộc cách mạng lần thứ tư thực sự đã tạo ra nhiều mô hình kinh doanh mới và phổ biến nhất hiện nay là kinh tế tri thức, kinh tế chia sẻ; không những vậy, cách mạng lần thứ tư cũng tạo ra những ngành nghề mới lần đầu tiên xuất hiện như nhân viên tư vấn bán hàng trực tuyến, giảng viên online, youtuber...ngoài ra, còn rất nhiều ngành nghề mới khác cũng đã được công nhận và có những đóng góp nhất định cho cộng đồng, xã hội. Trong khi đó, hệ thống pháp luật về đầu tư, kinh doanh của Việt Nam lại chưa có quy định đầy đủ về các mô hình kinh doanh mới, các ngành nghề mới, hàng loạt các vấn đề về khởi nghiệp trong lĩnh vực công nghệ, đầu tư, kinh doanh, quản lý tiền ảo, tiền mã hóa...vẫn còn bỏ ngỏ. Điều đó gây khó khăn cho doanh nghiệp và người lao động chân chính, nhưng nó lại tạo môi trường cho những rủi ro cơ hội len lỏi trong các ngõ ngách của cuộc sống. Khoảng trống pháp luật đã tạo ra “sân chơi” để một số loại tội phạm thực hiện các giao dịch phi pháp khi tham gia các lĩnh vực hoàn toàn mới mẻ này.

Từ những vấn đề thực tiễn đặt ra, chúng ta cần thiết phải có những nhìn nhận, đánh giá và định hướng xây dựng một nhà nước pháp quyền hiện đại, ưu việt và đáp ứng xu thế của thời đại.

Chủ trương của Đại hội XIII: “Xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa trong sạch, vững mạnh, tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, vì nhân dân phục vụ và vì sự phát triển của đất nước”;

Theo quan điểm của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng:

Nhà nước pháp quyền là thành tựu của văn minh nhân loại, phản ánh trình độ phát triển cao về tổ chức, hoạt động nhà nước, về pháp luật và thực hiện pháp luật. Xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam là một trong những nhiệm vụ đặc biệt quan trọng để hiện thực hóa các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội trong quá trình đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta, thực tế này phù hợp xu thế vận động và phát triển của nhà nước, pháp luật đương đại, đồng thời phù hợp thực tiễn Việt Nam.

Khác với nhà nước pháp quyền tư sản, Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam đang xây dựng mang bản chất của chế độ xã hội chủ nghĩa, mà theo Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng, đó là “công cụ thể hiện và thực hiện quyền làm chủ của nhân dân, bảo đảm và bảo vệ lợi ích của đại đa số nhân dân. Thông qua thực thi pháp luật, Nhà nước bảo đảm các điều kiện để nhân dân là chủ thể của quyền lực chính trị, thực hiện chuyên chính với mọi hành động xâm hại lợi ích của Tổ quốc và nhân dân”.

Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa do Đảng Cộng sản lãnh đạo nhằm phát huy quyền làm chủ của nhân dân đã tạo ra cơ chế vận hành hệ thống chính trị xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Để cơ chế này thực sự có hiệu quả đòi hỏi Nhà nước Việt Nam phải phát huy tốt vai trò của các chủ thể trong hệ thống này, đặc biệt vai trò của nhân dân. Cho nên, Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam phải thật sự là nhà nước dân chủ, như Tổng Bí thư đã chỉ rõ, “Nhà nước đại diện cho quyền làm chủ của nhân dân...; có cơ chế để nhân dân thực hiện quyền làm chủ trực tiếp và dân chủ đại diện trên các lĩnh vực của đời sống xã hội, tham gia quản lý xã hội”.

Sự vận hành của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam phải tuân thủ nghiêm túc “nguyên tắc pháp quyền”, giải quyết tốt mối quan hệ giữa “Nhà nước, thị trường và xã hội”, từ đó nhà nước tạo lập, dẫn dắt, kiến tạo môi trường (chính trị, pháp lý, xã hội) để các chủ thể kinh tế-xã hội hoạt động thuận lợi, cạnh tranh lành mạnh, phát huy tối đa năng lực, sức sáng tạo và nguồn lực,

lợi thế của mình. Để thực hiện được định hướng này, Đại hội XIII của Đảng đã xác định rõ mục tiêu, đó là: “xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa kiến tạo phát triển, liêm chính, hành động”.

Đây là một trong những mục tiêu quan trọng trong xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa được Đảng ta chỉ rõ trong Đại hội XIII, điều này thể hiện rõ ý Đảng, lòng dân và yêu cầu “hiện thực hóa khát vọng phát triển đất nước Việt Nam hùng cường, thịnh vượng vào năm 2045”. Chính vì thế, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã nhấn mạnh rằng “Chúng ta đang xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa-một nhà nước thực sự kiến tạo khuôn khổ thể chế, pháp luật cho sự phát triển của đất nước, của dân tộc”.

Như thế, bản chất của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân, do Đảng Cộng sản lãnh đạo, kiến tạo phát triển, liêm chính, hành động, “lấy quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của người dân, doanh nghiệp làm trọng tâm thúc đẩy đổi mới sáng tạo, bảo đảm yêu cầu phát triển nhanh, bền vững”. Những phân tích của Tổng Bí thư về bản chất Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã làm sáng tỏ quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Từ quan điểm của Đại hội XIII, của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng, từ thực tiễn của xã hội trong khi cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang diễn ra mạnh mẽ, để xây dựng một nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa chúng ta có thể áp dụng một số nguyên tắc cụ thể sau:

Bổ sung thêm nhiều nội dung và quy mô, phạm vi áp dụng, hình thành nên một kiểu, một mô hình, một cơ chế kiểm soát quyền lực vừa truyền thống, vừa phi truyền thống; kiểm soát quyền lực nhà nước với những nội dung mới, phù hợp; kiểm soát tội phạm, kiểm soát xã hội; kiểm soát ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số, công nghệ sinh học, y học...

Cơ chế kiểm soát, bảo vệ hiến pháp không chỉ dừng lại ở cách quan niệm truyền thống mà kiểm soát tính hợp hiến và áp dụng các chế tài xử lý vi phạm

hiến pháp. Điều này đặc biệt quan trọng như một nguyên tắc và bản sắc của nhà nước- xã hội pháp quyền, dân chủ, thượng tôn quyền, lợi ích của con người.

Xác định nhiệm vụ và tầm quan trọng của việc bảo vệ, bảo đảm, thúc đẩy các quyền, tự do, lợi ích của con người trong xã hội công nghệ thông tin toàn cầu, nhất là vai trò, trách nhiệm, năng lực và kỹ năng của nhà nước về bảo vệ quyền con người trong xã hội công nghệ thông tin, cách mạng công nghiệp 4.0, vấn đề cân bằng lợi ích cá nhân và sự an toàn xã hội.

Nhận diện chính xác những vấn đề pháp lý phát sinh để kịp thời điều chỉnh các mối quan hệ xã hội thực tế hàng ngày đang diễn biến nhanh chóng, phức tạp và thay đổi không ngừng.

Hoàn thiện khung pháp lý về bảo vệ thông tin người dùng trên không gian mạng, trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, ranh giới giữa vật lý, kỹ thuật số và sinh học đang mờ đi, vấn đề quyền con người cần được đặc biệt quan tâm bảo vệ, bảo đảm hơn bao giờ hết. Bảo vệ dữ liệu cá nhân trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0 lại càng trở lên cấp thiết. Lợi dụng internet và sự yếu kém của hệ thống pháp luật cũ, của chế độ kiểm soát pháp lý và kỹ thuật lạc hậu, nhiều cá nhân, tổ chức sẽ có những hành vi xâm phạm quyền, lợi ích con người, xâm phạm trật tự, an toàn xã hội, an ninh quốc gia. Thách thức này đặt ra đối với vai trò, trách nhiệm của nhà nước và hệ thống pháp luật mới.

Làm tốt một số nguyên tắc trên kết hợp với việc thường xuyên bồi dưỡng, rèn luyện đội ngũ cán bộ công chức sẽ góp phần xây dựng mô hình nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa trong thời đại công nghiệp 4.0 hiện nay.

**CẢI TIẾN BỘ MÁY NHÀ NƯỚC - GIẢI PHÁP QUAN TRỌNG TRONG
XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN Ở VIỆT NAM HIỆN NAY**

ThS. Phạm Khánh Phương

Phòng QLĐT&NCKH

Thực tiễn qua 35 năm tiến hành công cuộc đổi mới đất nước, Đảng Cộng sản Việt Nam phải giải quyết nhiều mối quan hệ lớn, trong đó có mối quan hệ giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị, lấy đổi mới kinh tế làm trọng tâm, đồng thời từng bước đổi mới chính trị. Trên cơ sở vận dụng sáng tạo những tư tưởng của chủ nghĩa Mác - Lê-nin về vấn đề nhà nước, với hơn 35 năm đổi mới, dưới sự lãnh đạo của Đảng, bộ máy nhà nước ta đã có nhiều đổi mới về cấu trúc theo hướng tinh gọn và hoạt động hiệu quả hơn.

Thể hiện tính nhất quán của Đảng trong việc chủ trương xây dựng một nền hành chính trong sạch, có đủ năng lực và từng bước hiện đại hóa để quản lý có hiệu lực, hiệu quả công việc của nhà nước. Ngay từ đại hội VII, Đảng ta đề ra mục tiêu cải cách hành chính một cách nhất quán, lâu dài và thiết thực, từng bước, liên tục trong nhiều năm, không nóng vội, giản đơn. Đến đại hội VIII, Đảng ta cũng đặt vấn đề cải cách hành chính trong tổng thể đổi mới hệ thống chính trị nói chung và được coi là yếu tố, động lực quan trọng thúc đẩy kinh tế phát triển. Đại hội XII và XIII xác định rõ, cụ thể hơn, đặc biệt chú trọng đến đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước, như: Nghị quyết số 18-NQ/TW một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả và Nghị quyết số 19-NQ/TW về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập.

Tuy nhiên, hiện nay đổi mới chính trị chưa đạt yêu cầu đặt ra, chưa thực sự tạo động lực cho đổi mới kinh tế, thậm chí có biểu hiện cản trở sự phát triển kinh tế. Tại Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương (khóa XII) nhận định: “Tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị vẫn còn chồng chéo, nhiều tầng nấc, nhiều đầu mối; hiệu lực, hiệu quả vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ”.

Thực trạng trên do nhiều nguyên nhân, trong đó, chủ yếu là do mô hình tổng thể về tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị chưa được hoàn thiện. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện các nghị quyết của Đảng, quy định của Nhà nước về sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế thiếu kiên quyết, đồng bộ. Công tác quản lý tổ chức bộ máy và biên chế chưa chặt chẽ và chưa tập trung thống nhất vào một đầu mối. Cơ chế khuyến khích sắp xếp tinh gọn tổ chức, biên chế chưa phù hợp và thiếu mạnh mẽ. Sắp xếp, tinh gọn tổ chức trong hệ thống chính trị chưa gắn kết chặt chẽ với tinh giản biên chế. Công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát thiếu thường xuyên, chưa xử lý nghiêm vi phạm trong sắp xếp tổ chức bộ máy và tinh giản biên chế. Công tác tổng kết thực tiễn, nghiên cứu khoa học về tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị chưa được coi trọng và chưa được tiến hành một cách căn cơ, bài bản, thiết thực; công tác sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm, khen thưởng chưa kịp thời.

Yêu cầu đặt ra đối với Đảng Cộng sản Việt Nam là: tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; phát huy quyền làm chủ của Nhân dân. Tinh giản biên chế gắn với cơ cấu lại, nâng cao chất lượng, sử dụng hiệu quả đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

Đây là nhiệm vụ rất nặng nề và phức tạp. Nếu thực hiện không tốt việc tinh gọn tổ chức bộ máy hệ thống chính trị và tinh giản biên chế sẽ dẫn đến những hệ lụy tiêu cực, tác động xấu đến việc giải quyết mối quan hệ giữa đổi mới kinh tế với đổi mới chính trị, thậm chí gây mất ổn định chính trị – xã hội. Muốn thực hiện tốt nhiệm vụ tinh gọn tổ chức bộ máy hệ thống chính trị và tinh giản biên chế, cần phải dựa chắc vào nền tảng tư tưởng của Đảng – chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, trong đó có các quan điểm trong tác phẩm “Thà ít mà tốt” của V.I.Lênin. Theo đó, đòi hỏi tinh giản biên chế gắn với cơ cấu lại, nâng cao chất lượng, sử dụng hiệu quả đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

Đại hội XIII thể hiện mạnh mẽ quyết tâm xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam khi không chỉ một lần nữa khẳng định

lại quan điểm: “Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân do Đảng lãnh đạo là nhiệm vụ trọng tâm của đổi mới hệ thống chính trị”¹, hơn thế, còn xác định rõ: “Xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa” là một trong những *định hướng* chiến lược phát triển đất nước trong thời kỳ 2021- 20²⁵, đồng thời nhấn mạnh, “xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa” cũng là một trong những nhiệm vụ trọng tâm để đưa đất nước ta bước vào một giai đoạn phát triển mới, thực hiện thắng lợi mục tiêu *chiến lược phát triển đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045*”³.

Để thực hiện mục tiêu Nghị quyết đại hội XIII cần quán triệt phương pháp luận và vận dụng sáng tạo tư tưởng của V.I. Lê-nin, cụ thể:

Trước hết, nhà nước là một hiện tượng lịch sử, nó được hình thành từ những xã hội xác định và bị quy định bởi xã hội đã sản sinh ra nó. Tất nhiên giữa các quốc gia - dân tộc có những điểm chung nhất định, mang tính phổ biến. Vì vậy, Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa với tính cách là nhà nước pháp quyền thì cũng mang những đặc điểm *chung* nhất định. Tuy vậy, Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam phải phản ánh được những đặc điểm kinh tế, văn hoá, xã hội của Việt Nam. Nó vừa có những điểm tương đồng, vừa có những nét khác biệt với nhà nước pháp quyền ở các quốc gia - dân tộc khác. Ngay cả những nét tương đồng hay khác biệt ấy cũng chỉ có thể có được và hiểu được nếu xuất phát từ hiện thực xã hội Việt Nam, chứ không phải là được áp đặt từ bên ngoài vào.

¹. Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.2021, t.1, tr 174

². Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.2021, t.1, tr 38.

³. Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.2021, t.1, tr 40.

Thứ hai, dù quan niệm về nhà nước pháp quyền như là một mô hình nhà nước, một cách thức tổ chức quyền lực nhà nước, hay một nhà nước mang những tính chất xác định, thì đã là nhà nước đều mang tính giai cấp - kể cả nhà nước pháp quyền. Đó là một quy định lịch sử. Việc không nhận thấy bản chất giai cấp của nhà nước pháp quyền là một biểu hiện của nhận thức ấu trĩ, mơ hồ, hay cơ hội về chính trị. Không thể có một nhà nước siêu giai cấp. Chúng ta thừa nhận có nhà nước pháp quyền tư sản, thì có nghĩa là, nhà nước pháp quyền ấy, xét về bản chất, là công cụ quyền lực trong tay giai cấp tư sản, và trước hết phục vụ cho lợi ích của giai cấp tư sản. Như vậy, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa đồng nghĩa với việc chúng ta phải tính tới những đặc trưng nhất định góp phần phân biệt cái gọi là nhà nước pháp quyền với các mô hình, hay các cách thức tổ chức nhà nước khác, song chúng ta cần nhớ rằng, nhà nước ấy là Nhà nước của nhân dân, do nhân dân xây dựng nên và phải phục vụ cho lợi ích của nhân dân. Đó là đặc trưng bản chất của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

Thứ ba, nền tảng và nội dung của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam phải là dân chủ. Thực ra nhà nước ấy, cần phải được hiểu đó là một phương thức thực hiện dân chủ một cách hữu hiệu trong lĩnh vực chính trị, và nó được hình thành cùng với sự trưởng thành của xã hội dân chủ. Nhà nước pháp quyền là một khái niệm dùng để chỉ xã hội được tổ chức theo cách quyền lực của nhân dân được luật hóa và được đảm bảo thực thi bằng hệ thống chính trị, trong đó trước tiên và trực tiếp là bộ máy nhà nước.

Để thực hiện tốt nội dung này cần:

Một là, tiếp tục đẩy mạnh việc hoàn thiện cơ cấu tổ chức của bộ máy nhà nước theo hướng trong sạch, tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, giảm thiểu những bộ phận thừa, trùng chéo nhau, bao gồm cả việc hợp nhất những tổ chức có cùng hoặc gần chức năng, nhiệm vụ; tiếp tục thực hiện giảm biên chế theo nguyên tắc “thà ít mà tốt”.

Hai là, thực hiện tốt công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ đảng và nhà nước từ Trung ương đến các địa phương, cơ sở để họ thực sự là “công bộc của dân”, trong đó đặc biệt coi trọng đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ cấp cao, cấp chiến lược trong hệ thống chính trị.

Ba là, tiếp tục đẩy mạnh cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu, sách nhiễu quần chúng, vi phạm dân chủ.

**QUYỀN LỰC NHÂN DÂN NGÀY CÀNG ĐƯỢC
BỔ SUNG, HOÀN THIỆN VÀ PHÁT TRIỂN TRONG
QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN Ở VIỆT NAM**

*Đặng Thị Kiều Liên
Khoa Nhà nước và pháp luật*

Một trong những giá trị cốt lõi đầu tiên của nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa (XHCN) Việt Nam là “Tất cả quyền lực thuộc về nhân dân”. Đây là nguồn gốc, là bản chất và là sức mạnh của nhà nước pháp quyền XHCN nước ta.

Người đầu tiên ở nước ta nhận thức một cách sâu sắc và thực hiện một cách nhất quán, xuyên suốt tư tưởng về chủ quyền nhân dân trong xây dựng nhà nước kiểu mới-nhà nước dân chủ nhân dân đầu tiên ở nước ta là Chủ tịch Hồ Chí Minh. Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng là người đầu tiên đặt nền móng cho hình thức dân chủ trực tiếp ở nước ta. Hiến pháp năm 1946 do Người làm trưởng ban soạn thảo đã quy định: “Nhân dân có quyền phúc quyết về Hiến pháp và những việc quan hệ đến vận mệnh quốc gia” (Điều 21) và “Những điều thay đổi khi đã được Nghị viện ưng chuẩn thì phải đưa ra toàn dân phúc quyết” (khoản c, Điều 70 Hiến pháp năm 1946).

Tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ quyền nhân dân xuyên suốt trong tư duy lý luận và quan điểm, đường lối của Đảng ta về xây dựng nhà nước, từ nhà nước dân chủ nhân dân, rồi nhà nước chuyên chính vô sản và hiện nay là nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Cốt lõi trong quan điểm về chủ quyền nhân dân là tư tưởng chính quyền thuộc về nhân dân. Quan điểm, nhận thức của Đảng về chủ quyền nhân dân, quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân, vai trò chủ thể của nhân dân ngày càng được bổ sung, hoàn thiện và phát triển trong quá trình thực hiện chủ trương xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN ở nước ta.

Từ chủ trương xây dựng nhà nước pháp quyền thực sự của dân, do dân, vì dân ở Đại hội Đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ khóa VII (1994) đến Hội nghị Trung ương ở khóa VII chuyên đề bàn về “Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, trọng tâm là cải cách một bước nền

hành chính” (1/1995) đã đề ra 5 quan điểm cơ bản chỉ đạo xây dựng, kiện toàn bộ máy nhà nước, trong đó quan điểm đầu tiên là: “Xây dựng Nhà nước xã hội chủ nghĩa của dân, do dân và vì dân, lấy liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức làm nền tảng, do Đảng Cộng sản lãnh đạo. Thực hiện đầy đủ quyền dân chủ của nhân dân, giữ nghiêm kỷ cương xã hội”.

Các Đại hội lần thứ VIII, IX của Đảng tiếp tục khẳng định nhiệm vụ xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền XHCN bảo đảm “Phát huy quyền làm chủ của nhân dân”, bảo đảm nguyên tắc tất cả quyền lực của nhà nước thuộc về nhân dân. Làm rõ hơn nhận thức về nhà nước pháp quyền XHCN trong mối quan hệ giữa nhà nước và công dân và bắt đầu chú trọng tới vấn đề kiểm soát quyền lực nhà nước trong đó có giám sát quyền lực nhà nước của nhân dân.

Đại hội X và XI của Đảng tiếp tục làm sâu sắc hơn nhận thức về xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Đây là các Đại hội có bước phát triển về nhận thức. Văn kiện Đại hội X trong mục tiếp tục xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền XHCN của dân, do dân, vì dân đã đề cập tới vấn đề: “Xây dựng, hoàn thiện cơ chế kiểm tra, giám sát tính hợp hiến, hợp pháp trong các hoạt động và quyết định của các cơ quan công quyền”, trong đó đã đề cập sâu đến vấn đề: “Xây dựng cơ chế phán quyết về những vi phạm Hiến pháp trong hoạt động lập pháp, hành pháp và tư pháp”. Văn kiện Đại hội XI, đặc biệt là Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ (bổ sung và phát triển năm 2011) đã bổ sung vào nguyên tắc tổ chức và hoạt động của nhà nước pháp quyền XHCN một nội dung mới, đó là kiểm soát quyền lực nhà nước.

Đây là một bước nhận thức mới và là bước đột phá trong việc đề cao chủ quyền nhân dân, đảm bảo tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân, quyền lực nhà nước phải được tổ chức và hoạt động trong giới hạn mà nhân dân giao cho, phải được kiểm soát và hạn chế sự lạm quyền, lạm dụng quyền.

Đại hội XII của Đảng kiên định quan điểm xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN của dân, do dân, vì dân trong giai đoạn mới với một nhận thức mới cao

hơn, đó là Nhà nước phải tuân thủ các nguyên tắc pháp quyền trong tổ chức và hoạt động, trong đó nguyên tắc pháp quyền đầu tiên là tất cả quyền lực thuộc về nhân dân.

Đại hội XIII của Đảng đã định hướng giai đoạn 2021-2030 là Xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa trong sạch, vững mạnh, tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, vì nhân dân phục vụ và vì sự phát triển của đất nước. Tăng cường công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình, kiểm soát quyền lực gắn với siết chặt kỷ luật, kỷ cương trong hoạt động của Nhà nước và của cán bộ, công chức, viên chức.

Theo đó, khi đề cập tới việc xây dựng và hoàn thiện từng thiết chế cấu thành bộ máy nhà nước, đòi hỏi phải thực sự của dân, do dân, vì dân, phục vụ nhân dân; phải thể hiện sâu sắc quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của người dân trong hoạt động lập pháp, xây dựng nền hành chính, nền tư pháp. Đại hội XIII của Đảng còn chỉ rõ: “Tiếp tục cụ thể hóa, hoàn thiện thể chế thực hành dân chủ theo tinh thần Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011) và Hiến pháp năm 2013, bảo đảm tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân. Thực hiện đúng đắn, hiệu quả dân chủ trực tiếp, dân chủ đại diện, đặc biệt là dân chủ ở cơ sở... phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng”. Phương châm này thể hiện một bước phát triển mới trong quan điểm của Đảng về phát huy dân chủ và các giá trị đích thực của dân chủ.

Cùng với các quan điểm, nhận thức mới về chủ quyền nhân dân trong đường lối xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN của Đảng, việc tổ chức thực hiện trong thực tế cũng ngày càng được đổi mới và tăng cường.

Trước hết, Hiến pháp năm 2013 đã thể chế hóa các quan điểm của Đảng về đề cao chủ quyền nhân dân trong xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN thật sự của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân. Từ chỗ Hiến pháp không quy định nhân dân là chủ thể của quyền lập hiến (Hiến pháp năm 1980, Hiến pháp năm 1992)

đến việc ghi nhận “Nhân dân Việt Nam xây dựng, thi hành và bảo vệ Hiến pháp này” (lời nói đầu Hiến pháp năm 2013).

Kế thừa các quy định của bốn bản Hiến pháp trước đó về chủ quyền nhân dân, Hiến pháp năm 2013 quy định: "Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam do Nhân dân làm chủ; tất cả quyền lực nhà nước thuộc về Nhân dân mà nền tảng là liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức" (Điều 2). Việc khẳng định "Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam do Nhân dân làm chủ" là sự biểu hiện khái quát, đầy đủ nhất về chủ quyền nhân dân. Đồng thời, với quan điểm Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân, Hiến pháp năm 2013 tiếp tục khẳng định: "tất cả quyền lực nhà nước thuộc về Nhân dân...".

Để bảo đảm cho việc thực hiện quyền lực nhân dân, Hiến pháp năm 2013 có những quy định mới so với các Hiến pháp trước đó về các hình thức dân chủ - hình thức thực hiện quyền lực của nhân dân. "Nhân dân thực hiện quyền lực nhà nước bằng dân chủ trực tiếp, bằng dân chủ đại diện thông qua Quốc hội, HĐND và thông qua các cơ quan khác của Nhà nước" (Điều 6).

Với quan điểm quyền lực nhân dân là tối cao, nhân dân có quyền giám sát không chỉ đối với hoạt động nhà nước, mà còn giám sát đối với cả hoạt động của Đảng. Khoản 2 Điều 4 Hiến pháp năm 2013 quy định: "Đảng Cộng sản Việt Nam gắn bó mật thiết với Nhân dân, phục vụ Nhân dân, chịu sự giám sát của Nhân dân, chịu trách nhiệm trước Nhân dân về những quyết định của mình".

Với quan điểm đề cao quyền lực nhân dân, Hiến pháp năm 2013 quy định khi sửa đổi Hiến pháp, "Ủy ban dự thảo Hiến pháp soạn thảo, tổ chức lấy ý kiến nhân dân". Như vậy, việc lấy ý kiến nhân dân được xác định là một giai đoạn trong quá trình lập hiến, còn "việc trưng cầu ý dân về Hiến pháp do Quốc hội quyết định" mở ra một khả năng nhân dân tự quyết định về hiến pháp của mình.

Như vậy, xây dựng Nhà nước pháp quyền của Nhân dân, do Nhân dân và vì Nhân dân là yếu tố cơ bản đảm bảo cho việc giữ vững và thực thi có hiệu quả quyền lực chính trị, là yếu tố cơ bản đảm bảo cho nhân dân có thực quyền tham gia vào quản lý, kiểm soát bộ máy nhà nước, khắc phục sự “tha hóa” quyền lực trong bộ máy nhà nước, đồng thời, khơi dậy sức sống và sự sáng tạo của nhân dân trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc./.

NHẬN THỨC CHUNG VỀ NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN VÀ VẬN DỤNG XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

Bùi Thị Huyền

Giảng viên Khoa Lý luận cơ sở

1. Nhận thức chung về Nhà nước pháp quyền

Xây dựng Nhà nước pháp quyền là một đòi hỏi tất yếu và khách quan, phù hợp với xu thế của thời đại. Ở nước ta hiện nay việc xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân đang trở thành vấn đề thời sự cấp bách, để phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân, quyền lực Nhà nước là thống nhất có sự phân công, phối hợp và kiểm soát lẫn nhau trong việc thực hiện quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp. Đây cũng chính là nội dung được đề cập đến trong Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XIII. Việc nghiên cứu làm rõ nhận thức chung về Nhà nước pháp quyền là hết sức cần thiết.

Tư tưởng nhà nước pháp quyền đã hình thành sớm trong lịch sử tư tưởng chính trị - pháp lý của nhân loại, ngày càng được bổ sung với những nội dung mới. Nhưng nội dung căn bản của học thuyết nhà nước pháp quyền là sự đề cao pháp luật trong mối tương quan với nhà nước, pháp luật như công cụ để hạn chế quyền lực nhà nước.

Nhà nước pháp quyền được tạo bởi hai thành tố " Nhà nước" và " pháp quyền". Sự phức tạp, mâu thuẫn là ở chỗ, Nhà nước đặt ra pháp luật nhưng Nhà nước lại phải tôn trọng pháp luật, đặt mình dưới pháp luật, bị ràng buộc bởi pháp luật, coi pháp luật là những chuẩn mực cho mọi hành vi hoạt động của mình. Thêm vào đó sự phức tạp còn là ở chỗ có vô số những quan niệm về Nhà nước và về pháp luật. Đã nhiều thời đại và cho đến tận ngày nay người ta vẫn quan niệm: "*nhà nước là công cụ thống trị của giai cấp này đối với giai cấp khác trong xã hội*" hay "*nhà nước là tổ chức phúc lợi chung của xã hội*", còn pháp luật là "*ý chí của giai cấp thống trị được đề lên thành luật*". Trong khi người ta có thể thừa

nhận sự lệ thuộc của Nhà nước vào pháp luật, nhưng thực tiễn lại có vô số những hành vi vi phạm pháp luật từ phía công quyền.

Lần đầu tiên trong lịch sử lập hiến Việt Nam, Hiến pháp năm 1992 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2001 ghi nhận quan điểm xây dựng nhà nước pháp quyền. Điều 2 ghi nhận: *"Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân"*. Và nội dung này tiếp tục được khẳng định trong Điều 2 Hiến pháp năm 2013 của Nhà nước ta.

Việc ghi nhận đó là cơ sở pháp lý xác định mục tiêu xây dựng nhà nước pháp quyền ở Việt Nam. Nhưng xây dựng nhà nước pháp quyền là một quá trình lâu dài, phức tạp, các quốc gia xây dựng nhà nước pháp quyền với những xuất phát điểm khác nhau về đời sống kinh tế- xã hội và văn hóa và bằng những con đường, bước đi khác nhau, không có một mô hình chung cho mọi dân tộc. Không có tiêu chí chung về nhà nước pháp quyền áp dụng đối với mọi nhà nước, ngoại trừ yêu cầu tôn trọng tính tối thượng của các đạo luật do cơ quan lập pháp ban hành.

Nhà nước pháp quyền là một trong những thuật ngữ được phổ biến một cách rộng rãi nhất thời đại ngày nay. Nhà nước pháp quyền thường được hiểu như một dạng nguyên tắc, chuẩn mực trong tổ chức quyền lực nhà nước ở cấp độ quốc gia. Trung tâm của nhà nước pháp quyền là mối quan hệ giữa Nhà nước và pháp luật: Nhà nước hành xử bằng pháp luật, phục tùng pháp luật và pháp luật mà Nhà nước phải phục tùng chứa đựng một số thuộc tính nội tại, vượt lên trên sức mạnh của chính Nhà nước. Nghĩa là, trong Nhà nước pháp quyền, pháp luật có vai trò thống trị, nhưng nội dung của pháp luật phải được định hướng theo lẽ phải, sự đúng đắn và lẽ công bằng. Trong mô hình nhà nước này “luật pháp không chỉ là công cụ hoạt động của Nhà nước mà còn là phương tiện giới hạn sức mạnh của chính quyền” Quan hệ giữa pháp luật và chính quyền có đặc trưng hai chiều, pháp

luật cho phép chính quyền hành động nhưng đồng thời cũng đề ra nghĩa vụ cho chính quyền đó.

Như vậy, nhà nước pháp quyền buộc chính quyền phải phục tùng một tổng thể các nguyên tắc tối thượng và đến từ bên ngoài nó, áp đặt lên Nhà nước một cách có tính ràng buộc và cưỡng chế. Những nguyên tắc này trao cho Nhà nước tư cách để hành động và nó cũng xác định các phương thức chính quyền có thể sử dụng: chính quyền không được áp đặt những gì không được định liệu từ trước.

Trung tâm của nhà nước pháp quyền về cơ bản là ý niệm về sự giới hạn quyền lực và việc cấu trúc trật tự pháp luật chỉ là một phương tiện đảm bảo sự giới hạn quyền lực này. Như vậy, nhà nước pháp quyền gắn liền với quan niệm cơ bản về dân chủ, quyền tự do cơ bản của công dân và vai trò của Nhà nước, vốn là cơ sở ngầm định của trật tự pháp lý. Trong các phương diện của giới hạn quyền lực nhà nước, cần phải kể đến vấn đề bảo vệ quyền con người. Nhà nước pháp quyền bao hàm quan niệm về mối quan hệ giữa cá nhân và Nhà nước, quan niệm này là nền tảng của cấu trúc pháp lý: không chỉ sức mạnh của Nhà nước tìm thấy những giới hạn của nó trong các quyền cơ bản được thừa nhận của các cá nhân, và tạo ra khả năng “một sự đối lập với quyền lực nhà nước bằng pháp luật” mà hơn thế, tự thân sức mạnh của Nhà nước có mục đích để bảo đảm các quyền con người. Có nghĩa là, nhà nước pháp quyền là cơ chế có mục đích bảo đảm các quyền tự do của công dân, ngăn ngừa và chống lại sự lạm dụng quyền lực có thể có từ cơ quan công quyền.

Hình thành và phát triển ban đầu tại một số quốc gia Tây Âu (Đức, Pháp, Anh...), học thuyết nhà nước pháp quyền dần được du nhập, phổ biến ra các quốc gia, khu vực khác, từng bước được quốc tế hóa và được thừa nhận như một nguyên tắc, chuẩn mực điều chỉnh quan hệ giữa các quốc gia.

Có thể tóm tắt như dưới đây *những thành tố cơ bản của Nhà nước pháp quyền*.

Thứ nhất, đó là sự thượng tôn pháp luật. Nhà nước pháp quyền là nhà nước trong đó các quan chức chính quyền và công dân đều phải tuân thủ pháp luật. Định nghĩa ngắn gọn này bao hàm những nội dung cốt lõi tối thiểu nhất của một nhà nước pháp quyền. Đặc biệt, nguyên tắc pháp quyền đặt ra những giới hạn khắt khe hơn đối với nhà nước: trong khi công dân được làm những gì pháp luật không cấm, thì nhà nước chỉ được làm những gì pháp luật cho phép; mọi hành động của chính quyền đều phải tuân theo đúng thẩm quyền, đúng quy trình, thủ tục đã được xác lập.

Thứ hai, trong một nhà nước pháp quyền, pháp luật phải có tính chắc chắn, tính tiên liệu, ổn định trong khoảng thời gian đủ dài, pháp quyền liên quan đến không chỉ luật hôm nay, mà cả ngày mai; các thiết chế, luật lệ, chính sách không được phụ thuộc vào ý chí chủ quan của bất kỳ cá nhân hay nhóm người nào. Có những tác giả coi đây là đặc trưng quan trọng nhất của pháp quyền. Điều này làm cho công dân yên tâm làm ăn, sinh sống, tin tưởng vào pháp luật, tự nguyện tuân thủ pháp luật. Mặt khác, tính chắc chắn, tiên liệu không nên biến pháp luật thành hệ thống cứng nhắc, không theo kịp những biến động, thay đổi của cuộc sống.

Cuối cùng, để đảm bảo pháp quyền, không thể thiếu tư pháp độc lập. Có tác giả cho rằng, nếu một hệ thống pháp luật không có cách thức buộc các quan chức công quyền phải chịu trách nhiệm pháp lý tại tòa án thì hệ thống đó thiếu hụt pháp quyền một cách nghiêm trọng. Một tác giả khác coi sự độc lập của tòa án là yếu tố trung tâm của pháp quyền. Thậm chí các chương trình hỗ trợ thúc đẩy pháp quyền hầu như chỉ tập trung vào tư pháp, thậm chí đôi khi các khái niệm “cải cách tư pháp” và “cải cách nhà nước pháp quyền” được dùng thay nhau. Mặt khác, trong khi sự độc lập của tư pháp đóng vai trò then chốt trong việc ngăn ngừa, hạn chế sự tùy tiện của chính quyền, cả những người theo quan điểm pháp quyền về thủ tục và pháp quyền về nội dung đều thống nhất rằng, sự kiểm soát về mặt thủ tục tố tụng đối với tư pháp sẽ đảm bảo sự tuân thủ pháp quyền của tư pháp.

2. Những điểm mới trong nhận thức về Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa trong Văn kiện Đại hội XIII của Đảng

Kế thừa những nhận thức về nhà nước pháp quyền trong các kỳ Đại hội trước, Đại hội XIII phản ánh những điểm mới hơn trong nhận thức về phạm trù này. Trong quan điểm chỉ đạo Đại hội XIII xác định *“...Xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch vững mạnh, xây dựng nhà nước tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả và coi đây là một nội dung trọng tâm chiến lược trong sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước, bảo vệ tổ quốc Việt Nam.”*

Chính vì vậy, khi xác định những định hướng lớn để phát triển đất nước giai đoạn 10 năm (2021-2030) Đại hội XIII cũng nêu lên định hướng: *“Xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa trong sạch, vững mạnh, tinh gọn, hoạt động hiệu lực hiệu quả, vì nhân dân phục vụ và sự phát triển của nhân dân. Tăng cường công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình, kiểm soát quyền lực gắn với siết chặt kỷ luật, kỷ cương trong hoạt động của Nhà nước và của cán bộ, công chức, viên chức. Tiếp tục đẩy mạnh đấu tranh phòng chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu và tệ nạn xã hội”*. Như vậy, mục tiêu xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền của Đại hội lần này có chỉ ra đặc điểm của Nhà nước pháp quyền mà chúng ta phải xây dựng đó là Nhà nước trong sạch, vững mạnh, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, vì nhân dân phục vụ và vì sự phát triển của đất nước. Đồng thời cũng nêu rõ mục tiêu này chỉ đạt được khi chúng ta biết gắn tăng cường công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình đồng thời kiểm soát hiệu quả và thực chất quyền lực dựa trên việc siết chặt kỷ cương, kỷ luật.

Một trong những nhiệm vụ trọng tâm là tiếp tục đẩy mạnh chỉnh đốn Đảng, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và hệ thống chính trị toàn diện, trong sạch, vững mạnh. Đổi mới phương thức lãnh đạo cầm quyền của Đảng. Xây dựng bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Hoàn thiện đồng bộ hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách nhằm phát huy mạnh mẽ dân chủ, đồng thời xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong sạch, vững mạnh, cải cách tư pháp, tăng cường pháp chế, bảo đảm kỷ cương xã hội. Qua đó có thể thấy nội dung xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền

thực sự được coi là nhiệm vụ trọng tâm trong nhiệm kỳ Đại hội XIII.

Như vậy, có thể thấy đường lối của Đảng cộng sản Việt Nam luôn quán triệt tư tưởng xây dựng Nhà nước của dân, do dân và vì dân, coi trọng việc xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật. Những nhận thức trong Đại hội XIII của Đảng về xây dựng Nhà nước pháp quyền cho thấy sự đầy đủ, sâu sắc của Đảng ta. Đó là tiền đề cho thành công trong xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền trong thực tế.

3. Từ quan điểm của Nghị quyết Đại hội XIII đã nêu có thể vận dụng vào quá trình xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền như sau:

Cần quán triệt nhận thức tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân là phương hướng để phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa. Tất cả quyền lực nhà nước thuộc về Nhân dân, do Nhân dân làm chủ; quyền lực Nhà nước là thống nhất có sự phân công, phối hợp và kiểm soát lẫn nhau trong việc thực hiện quyền lực nhà nước. Mở rộng dân chủ đi đôi với tăng cường kỷ luật, kỷ cương. Tăng cường tổ chức hoạt động thanh tra, kiểm tra, coi đó là công cụ hiệu quả để quản lý nhà nước.

Hoàn thiện thể chế, chức năng, nhiệm vụ và phương thức vận hành và cơ chế hoạt động của quản lý nhà nước. Tiếp tục đổi mới tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước đáp ứng yêu cầu của Nhà nước pháp quyền. Nâng cao chất lượng và hoạt động của cơ quan dân cử để những cơ quan này thực sự là cơ quan đại diện cho nhân dân, cơ quan quyền lực Nhà nước trong việc xem xét và quyết định những vấn đề của địa phương. Hoàn thiện mô hình chính quyền địa phương phù hợp với nông thôn, đô thị, hải đảo, đơn vị hành chính kinh tế - đặc biệt theo quy định pháp luật.

Đẩy mạnh cải cách hành chính, thực hiện chương trình cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021- 2030. Đặc biệt quan tâm đến thủ tục hành chính trong các lĩnh vực liên quan đến doanh nghiệp và người dân. Xây dựng nền hành chính hiệu lực, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu phát triển và hội nhập.

Tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa trên cả ba lĩnh vực: xây dựng pháp luật, tổ chức thực hiện pháp luật và bảo vệ pháp luật. Tập trung xây dựng hệ thống pháp luật đồng bộ, hoàn thiện, công khai, minh bạch, phù hợp với điều kiện phát triển của đất nước và hội nhập sâu rộng, bảo đảm quán triệt sâu sắc chủ trương, đường lối của Đảng. Đề cao tinh thần thượng tôn pháp luật gắn với giáo dục chính trị, đạo đức và tư tưởng.

Xây dựng Nhà nước pháp quyền ở Việt Nam là một công việc lâu dài và mới mẻ vì vậy cần có nhận thức đúng đắn về Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa mà chúng ta xây dựng. Xây dựng Nhà nước pháp quyền ở Việt Nam phải phù hợp với thực tiễn tại Việt Nam và luôn phải đảm bảo sự lãnh đạo của Đảng. Đồng thời sự lãnh đạo của Đảng trong xây dựng Nhà nước pháp quyền cần linh hoạt để phù hợp với thực tiễn cụ thể./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội Đảng lần thứ XIII*, nxb Chính trị quốc gia, Hà nội.
2. Quốc Hội (2001), *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*
3. Quốc Hội (2013), *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*

**QUAN ĐIỂM CỦA V.I. LÊNIN VỀ NHÀ NƯỚC TRONG TÁC PHẨM
NHÀ NƯỚC VÀ CÁCH MẠNG - Ý NGHĨA ĐỐI VỚI XÂY DỰNG NHÀ
NƯỚC PHÁP QUYỀN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA Ở VIỆT NAM**

Ths. Trần Thị Thu Trang

Phó trưởng khoa Nhà nước và Pháp luật

Một trong những tư tưởng giữ vị trí đặc biệt quan trọng trong hệ thống lý luận của V.I.Lê-nin là tư tưởng về nhà nước, bởi nó không thuần túy là những lý thuyết khoa học mà gắn bó chặt chẽ với quan điểm chính trị; nó không đơn giản là những suy tư tinh thần mà gắn liền với những hoạt động thực tiễn sinh động của ông. Trong cuộc đời của mình, Lênin viết nhiều tác phẩm phát triển học thuyết của chủ nghĩa Mác về vấn đề nhà nước như: “Nhà nước và cách mạng”; “Những nhiệm vụ trước mắt của chính quyền Xô Viết”; “Kinh tế chính trị trong thời đại chuyên chính vô sản”.... Trong đó “Nhà nước và cách mạng” là tác phẩm chủ yếu nhất, tiêu biểu nhất, là một tác phẩm kinh điển xuất sắc của học thuyết Mác-xít về nhà nước, là kim chỉ nam cho chúng ta học tập và nghiên cứu lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin về nhà nước. Nghiên cứu quan điểm của V.I.Lê-nin về nhà nước đặc biệt quan trọng đối với việc xây dựng mô hình nhà nước pháp quyền Việt Nam hiện nay, bởi lẽ những quan điểm ấy đã được hiện thực hóa, trở thành một thực thể sống động trong thực tiễn đời sống.

Trong tác phẩm Nhà nước và cách mạng, những đóng góp to lớn của V.I.Lê-nin đối với lý luận về nhà nước không chỉ ở việc làm sáng tỏ những quan điểm căn bản của C.Mác và Ph.Ăng-ghe-n về nhà nước, đem lại vũ khí lý luận sắc bén cho cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân, giành lấy, tổ chức và thực thi quyền lực nhà nước, cũng như đấu tranh chống lại mọi âm mưu hòng xuyên tạc, bóp méo và nhằm bác bỏ lý luận mác-xít về nhà nước; mà còn thể hiện ở việc đi sâu, phát triển lý luận mác-xít về nhà nước trên một số phương diện, phù hợp với trình độ phát triển mới của thực tiễn.

Nhất quán với tư tưởng của C.Mác và Ph.Ăng-ghe-n, trong tác phẩm *Nhà nước và cách mạng*, V.I.Lê-nin tiếp tục khẳng định rằng, nhà nước là một *hiện tượng lịch sử*, sự tồn tại và tiêu vong của nó là tùy thuộc vào những điều kiện cụ thể; “nhà nước chỉ là một tổ chức thống trị của một giai cấp”⁽¹⁾ và “*bất cứ* nhà nước nào cũng là một bộ máy để một giai cấp này trấn áp giai cấp khác”⁽²⁾.

Đối với V.I.Lê-nin, khái niệm “nhà nước” là để chỉ bộ máy nhà nước trong xã hội có giai cấp. Ông viết: “đặc trưng của nhà nước là sự tồn tại của một giai cấp đặc biệt, tập trung *quyền lực* trong tay. Dĩ nhiên, không ai có thể dùng hai tiếng nhà nước để gọi một cộng đồng, trong đó *tất cả mọi* thành viên đều thay phiên nhau quản lý “tổ chức của trật tự””⁽³⁾. Chính sự tập trung quyền lực chính trị trong tay một giai cấp đặc biệt là đặc trưng để phân biệt nhà nước với mọi hình thức tổ chức xã hội khác. V.I.Lê-nin vạch rõ: “Nếu quyền lực chính trị trong nước nằm trong tay một giai cấp có quyền lợi phù hợp với quyền lợi của đa số, thì mới có thể thực hiện việc điều khiển công việc quốc gia thực sự theo đúng nguyện vọng của đa số. Nhưng nếu quyền lực chính trị nằm trong tay một giai cấp có quyền lợi khác với quyền lợi của đa số, thì việc điều khiển công việc quốc gia theo nguyện vọng của đa số không khỏi trở thành một sự lừa gạt, hoặc đưa đến chỗ đàn áp đa số ấy”⁽⁴⁾. Ông giải thích: “Quyền chính trị là gì, nếu không phải là cách diễn đạt, là việc ghi nhận so sánh lực lượng?”⁽⁵⁾. Đây chính là sự phát triển quan điểm: quyền lực chính trị, theo đúng nghĩa của nó, là bạo lực có tổ chức của một giai cấp để trấn áp một giai cấp khác của C.Mác và Ph.Ăng-ghe-n.

Trong tác phẩm “*Nhà nước và Cách mạng*” Lênin đã có những sự phân tích rất sâu sắc và đầy thuyết phục về nguồn gốc của nhà nước. V.I.Lê-nin dựa trên quan điểm của Ph.Ăng-ghe-n trong tác phẩm “*Nguồn gốc của gia đình, của chế độ tư hữu và của nhà nước*” để bác bỏ những quan điểm sai lầm của những nhà lý luận của giai cấp tư sản và tiểu tư sản khi cho rằng nhà nước là cơ quan điều hòa mâu thuẫn giai cấp. Đồng thời V.I.Lênin cũng khẳng định chính kiến của mình: “Nhà nước là sản phẩm và biểu hiện của những mâu thuẫn giai cấp không thể điều

hòa được. Bất cứ ở đâu, hễ lúc nào và chừng nào mà, về mặt khách quan, những mâu thuẫn giai cấp không thể điều hòa được, thì nhà nước xuất hiện. Và ngược lại: sự tồn tại của nhà nước chứng tỏ rằng những mâu thuẫn giai cấp là không thể điều hòa được”⁴

Về bản chất giai cấp của nhà nước, V.I.Lê-nin khẳng định: “Nhà nước là sản phẩm và biểu hiện của những mâu thuẫn giai cấp *không thể điều hòa được*. Bất cứ đâu, hễ lúc nào và chừng nào mà, về mặt khách quan, những mâu thuẫn giai cấp *không thể* điều hòa được, thì nhà nước xuất hiện. Và ngược lại: sự tồn tại của nhà nước chứng tỏ rằng những mâu thuẫn giai cấp là không thể điều hòa được”⁽⁶⁾.

Nếu như xã hội đã từng tồn tại không cần có nhà nước, thì cùng với sự phát triển của sản xuất, xã hội loài người sớm muộn cũng sẽ đạt tới trình độ loại bỏ nhà nước. V.I.Lê-nin viết: “Mục đích cuối cùng mà chúng ta theo đuổi, là thủ tiêu nhà nước, nghĩa là thủ tiêu mọi bạo lực có tổ chức và có hệ thống, mọi bạo lực, nói chung, đối với con người. Chúng ta không mong có một chế độ xã hội mà trong đó nguyên tắc thiểu số phục tùng đa số sẽ không được tuân theo. Nhưng khi hướng đến chủ nghĩa xã hội, chúng ta tin chắc rằng chủ nghĩa xã hội sẽ chuyển thành chủ nghĩa cộng sản, và do đó, nói chung sẽ không còn cần thiết phải dùng bạo lực đối với con người, không cần thiết phải buộc người này *phục tùng* người khác, bộ phận dân cư này *phục tùng* bộ phận dân cư khác, vì người ta sẽ *quen* tuân theo những điều kiện thông thường của đời sống tập thể, mà *không cần có bạo lực* và *không cần có phục tùng*”⁽⁷⁾. Nghĩa là, khi đó nhà nước sẽ tự tiêu vong.

Tuy nhiên, để nhà nước có thể tự tiêu vong, cần có nhiều điều kiện, trong đó, quan trọng nhất là, nhà nước phải trải qua một hình thức tồn tại đặc biệt của nó: Nhà nước chuyên chính vô sản. Nhưng để có được nhà nước chuyên chính vô sản, tất yếu phải dùng đến bạo lực cách mạng. V.I.Lê-nin chỉ rõ: “Không có cách mạng bạo lực thì không thể thay nhà nước tư sản bằng nhà nước vô sản được. Việc thủ

⁴ V.I.Lê-nin: *Toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2005, t.33, tr.9

tiêu nhà nước vô sản, nghĩa là việc thủ tiêu mọi nhà nước, chỉ có thể thực hiện được bằng con đường “tiêu vong” thôi”⁽⁸⁾. Bạo lực cách mạng là phương thức duy nhất để một giai cấp mới, tiến bộ giành lấy quyền lực chính trị. Điều đó đúng đối với giai cấp vô sản và hơn thế, với giai cấp vô sản, bạo lực cách mạng còn phải thực hiện một nhiệm vụ quan trọng nữa, đó là đập tan bộ máy nhà nước cũ trước khi bắt tay xây dựng nhà nước kiểu mới.

Tính chất đặc biệt của nhà nước chuyên chính vô sản với tư cách hình thức chuyển tiếp trước khi đạt đến trạng thái tự tiêu vong của nhà nước được V.I.Lê-nin làm rõ trong việc phân tích mối quan hệ biện chứng giữa tính *chuyên chính* và tính *dân chủ* của nhà nước. Trước hết, V.I.Lê-nin khẳng định, “trong thời kỳ *quá độ* từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa cộng sản, sự trấn áp *vẫn còn* tất yếu, nhưng nó đã là sự trấn áp của đa số bị bóc lột đối với thiểu số bóc lột. Cơ quan đặc biệt, bộ máy trấn áp đặc biệt là “nhà nước” *vẫn còn* cần thiết, nhưng nó đã là nhà nước quá độ, mà không còn là nhà nước theo đúng nghĩa của nó nữa”⁽⁹⁾ và nhà nước vô sản phải là một công cụ, một phương tiện; đồng thời, là một biểu hiện tập trung trình độ dân chủ của nhân dân lao động. Dân chủ trong xã hội xã hội chủ nghĩa chính là nhân dân tham gia vào mọi công việc của nhà nước. Người viết: “Điều cần thiết *không phải chỉ* là cơ quan đại biểu theo kiểu chế độ dân chủ, mà là toàn bộ việc quản lý nhà nước từ dưới lên phải do bản thân quần chúng tổ chức, quần chúng thực sự tham gia vào từng bước của cuộc sống và đóng vai trò tích cực trong việc quản lý”⁽¹⁰⁾.

Như vậy, sự phát triển của V.I.Lê-nin đối với quan điểm của C.Mác và Ph.Ăng-ghe-n về nhà nước, điểm quan trọng nhất chính là ở chỗ, đặc tính phổ biến của mọi nhà nước đó là giai cấp. Như thế, biểu hiện về mặt lịch sử trong suốt quá trình phát triển của xã hội loài người là mối quan hệ biện chứng của hai mặt chuyên chính và dân chủ. Rõ ràng, trên phương diện này, nhà nước là một cách thức tổ chức đời sống xã hội, một giai đoạn trong tiến trình phát triển của xã hội, là một vòng khâu của sự phát triển. Đây chính là quan niệm duy vật và biện chứng

có tính nguyên tắc trong việc lý giải đời sống xã hội nói chung, vấn đề nhà nước nói riêng và gắn liền với những cố gắng to lớn của V.I.Lê-nin trong sự phát triển chủ nghĩa Mác. Những tư tưởng ấy chứa đựng nhiều giá trị có ý nghĩa lý luận và thực tiễn quan trọng đối với công cuộc xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay.

Qua 35 năm thực hiện đổi mới được tiến hành một cách toàn diện ở nước ta đã đạt được nhiều thành tựu. Đảng ta cũng xác định đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước, phát huy vai trò và hiệu lực quản lý của Nhà nước là vấn đề được xác định là hết sức quan trọng. Tuy nhiên, bên cạnh những thuận lợi, chúng ta cũng gặp phải không ít khó khăn. Đó là các thế lực phản động tìm mọi cách xóa bỏ chế độ xã hội chủ nghĩa, đất nước ta chuyển sang nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội trong tình hình thế giới đang có những diễn biến hết sức phức tạp... Vì vậy, việc xây dựng, hoàn thiện bộ Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa là một trong những nhiệm vụ rất quan trọng của công cuộc đổi mới đất nước trong điều kiện mới. Do đó, Nhà nước pháp quyền Việt Nam, Nhà nước của dân, do dân và vì dân phải được xây dựng trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh đồng thời có sự tiếp thu những giá trị tiến bộ của Nhà nước pháp quyền tư sản. Đặc biệt là vấn đề xây dựng và củng cố bộ máy chính quyền nhà nước ta trong sự nghiệp đổi mới.

Đối với nước ta, vấn đề xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam hiện nay là một nhiệm vụ chính trị quan trọng. Để thành công, chúng ta vừa phải đứng vững trên lập trường lý luận Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, vừa phải kế thừa được những thành quả xây dựng nhà nước pháp quyền đã có trên thế giới, vừa phải xuất phát từ thực tiễn cách mạng Việt Nam.

Trước hết, vận dụng quan điểm của Lênin, nhà nước là một hiện tượng lịch sử, nó được hình thành từ những xã hội xác định và bị quy định bởi xã hội đã sản sinh ra nó. Tất nhiên giữa các quốc gia - dân tộc có những điểm chung nhất định, mang tính phổ biến. Vì vậy, Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa với tính cách là nhà nước pháp quyền thì cũng mang những đặc điểm chung nhất định. Tuy vậy,

Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam phải phản ánh được những đặc điểm kinh tế, văn hoá, xã hội của Việt Nam. Nó vừa có những điểm tương đồng, vừa có những nét khác biệt với nhà nước pháp quyền ở các quốc gia - dân tộc khác. Ngay cả những nét tương đồng hay khác biệt ấy cũng chỉ có thể có được và hiểu được nếu xuất phát từ hiện thực xã hội Việt Nam, chứ không phải là được áp đặt từ bên ngoài vào.

Thứ hai, dù quan niệm về nhà nước pháp quyền như là một mô hình nhà nước, một cách thức tổ chức quyền lực nhà nước, hay một nhà nước mang những tính chất xác định, thì đã là nhà nước đều mang tính giai cấp - kể cả nhà nước pháp quyền. Đó là một quy định lịch sử. Việc không nhận thấy bản chất giai cấp của nhà nước pháp quyền là một biểu hiện của nhận thức ấu trĩ, mơ hồ, hay cơ hội về chính trị. Không thể có một nhà nước siêu giai cấp. Chúng ta thừa nhận có nhà nước pháp quyền tư sản, thì có nghĩa là, nhà nước pháp quyền ấy, xét về bản chất, là công cụ quyền lực trong tay giai cấp tư sản, và trước hết phục vụ cho lợi ích của giai cấp tư sản. Như vậy, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa đồng nghĩa với việc chúng ta phải tính tới những đặc trưng nhất định góp phần phân biệt cái gọi là nhà nước pháp quyền với các mô hình, hay các cách thức tổ chức nhà nước khác, song chúng ta cần nhớ rằng, nhà nước ấy là Nhà nước của nhân dân, do nhân dân xây dựng nên và phải phục vụ cho lợi ích của nhân dân. Đó là đặc trưng bản chất của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

Thứ ba, nền tảng và nội dung của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam phải là dân chủ. Thực ra nhà nước ấy, cần phải được hiểu đó là một phương thức thực hiện dân chủ một cách hữu hiệu trong lĩnh vực chính trị, và nó được hình thành cùng với sự trưởng thành của xã hội dân chủ. Nhà nước pháp quyền là một khái niệm dùng để chỉ xã hội được tổ chức theo cách quyền lực của nhân dân được luật hóa và được đảm bảo thực thi bằng hệ thống chính trị, trong đó trước tiên và trực tiếp là bộ máy nhà nước.

Rõ ràng, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam hiện nay, trước hết phải đảm bảo tốt khâu luật hóa quyền lực của nhân dân. Xây dựng và ngày càng hoàn thiện hệ thống Hiến pháp, pháp luật chính là một thước đo sự hình thành nhà nước pháp quyền. Tuy nhiên, hình thức luật là quan trọng, song điều quan trọng hơn là ở nội dung của luật là quyền lực của nhân dân lao động. Hơn thế, để hình thành nhà nước pháp quyền theo đúng nghĩa của nó, khâu đảm bảo thực thi quyền lực của nhân dân dưới hình thức luật cũng hết sức quan trọng. Nếu quyền lực của nhân dân mới chỉ được luật hóa, mà không được thực thi hoặc thực thi không đầy đủ, thì rõ ràng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa mới được hình thành một phần. Thực thi quyền lực của nhân dân lao động dưới hình thức luật chính là một thước đo quan trọng đối với nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, bởi lẽ đó là bước mà tính chất pháp quyền chuyển hóa từ lĩnh vực ý thức xã hội sang lĩnh vực tồn tại xã hội, nói cách khác, chính quá trình triển khai trong đời sống mà nhà nước pháp quyền trở thành một tồn tại hiện thực.

Tuy nhiên, do nội dung của hệ thống luật chính là quyền lực của nhân dân, nên quá trình thực thi và đảm bảo thực thi quyền lực của nhân dân dưới hình thức luật còn phải được đảm bảo bởi các thiết chế khác trong hệ thống chính trị. Chỉ có một hệ thống luật với nội dung là ghi nhận và thừa nhận quyền lực của nhân dân mới có thể tạo điều kiện cho toàn thể hệ thống chính trị tham gia thực thi luật chứng tỏ nội dung của hệ thống luật ấy đã mang tính xã hội hóa cao độ. Quan hệ tương hỗ biện chứng này cũng là một thước đo phản ánh trình độ trưởng thành của nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Nhưng cũng chính ở đây, ta thấy, nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của chúng ta càng trưởng thành bao nhiêu, vai trò của các thiết chế khác nhà nước trong hệ thống chính trị trong việc đảm bảo thực thi quyền lực của nhân dân dưới hình thức luật càng lớn bao nhiêu, thì tính tự quản xã hội càng tăng lên bấy nhiêu. Điều này có nghĩa Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam chính là một nhà nước quá độ của thời kỳ quá độ và nó càng hoàn thiện thì càng có nghĩa đang tiến nhanh trên con đường đi đến tự

“tiêu vong” đúng theo lô-gích mà các nhà sáng lập chủ nghĩa Mác - Lê-nin từng chỉ rõ, khi chúng ta tiến tới chủ nghĩa cộng sản.

Tác phẩm *"Nhà nước và cách mạng"* của Lênin đã cung cấp những nguyên lý về nhà nước, giữ vai trò định hướng chỉ đạo giai cấp vô sản khi đấu tranh giành chính quyền và củng cố giữ vững chính quyền cách mạng trong tiến trình đi lên chủ nghĩa xã hội. Đối với Việt Nam trong quá trình xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa hiện nay chúng ta cần vận dụng những nguyên lý đó vào điều kiện cụ thể ở Việt Nam hiện nay để tiến hành sự nghiệp đổi mới đất nước, điều này được thể hiện ở việc Nhà nước ta luôn đổi mới tư duy, thay đổi nếp nghĩ, thói quen, cung cách quản lý cũ, tìm ra những giải pháp phù hợp để phát huy quyền làm chủ của nhân dân, củng cố vai trò lãnh đạo của Đảng và quản lý của nhà nước để ngang tầm với nhiệm vụ hiện nay. Có như vậy, Nhà nước ta mới thể hiện được sức mạnh, quyền lực và ý chí, nguyện vọng của nhân dân, đồng thời thể hiện được sức mạnh và trí tuệ của Đảng cũng như vai trò lãnh đạo của Đảng. Đó chính là sự thể hiện mối quan hệ hữu cơ giữa vai trò lãnh đạo của Đảng và sự quản lý của nhà nước

1. C.Mác và Ph.Ăngghen, Tuyển tập, NXB CTQG Sự thật, H, 1994. Tập 20
2. C.Mác và Ph.Ăngghen, Toàn tập, tập 21, Nxb.Chính trị quốc gia, H. 1995.
3. V.I.Lê-nin Toàn tập, t.33.,Nxb.Tiến bộ,Mát-xcô-va, 1976
4. Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Nxb. CTQG Sự thật, 2021, tập I
5. Đảng Cộng sản Việt Nam, Nghị quyết Hội nghị Trung ương 6 khóa X, (NQ20/NQTW), Nxb CTQG, H. 2008
6. <https://baochinhphu.vn/Cac-bai-phat-bieu-cua-Thu-tuong/Toan-van-Bao-cai-cong-tac-nhiem-ky-20162021-cua-Chinh-phu/427641.vgp>

**NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG PHẢN BIỆN XÃ HỘI CỦA MẶT TRẬN TỔ
QUỐC, GÓP PHẦN XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN XÃ HỘI
CHỦ NGHĨA Ở VIỆT NAM**

*Th.S Nguyễn Thị Hương Giang
Phó Trưởng khoa Xây dựng Đảng*

Trong suốt quá trình hình thành và phát triển, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, với tư cách là một bộ phận cấu thành hệ thống chính trị Việt Nam, đã thể hiện rất rõ nét vai trò của mình trong việc tập hợp, xây dựng, củng cố và phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc trong công cuộc kháng chiến chống ngoại xâm cũng như trong công cuộc đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế sâu rộng. Với vai trò là cơ quan chủ quản thực hiện phản biện xã hội, Mặt trận tổ quốc Việt Nam đang góp phần xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở nước ta.

1. Vai trò phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc trong xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa

“Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là tổ chức liên minh chính trị, liên hiệp tự nguyện của tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội và các cá nhân tiêu biểu trong các giai cấp, tầng lớp xã hội, dân tộc, tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài.

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là cơ sở chính trị của chính quyền nhân dân; đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của Nhân dân; tập hợp, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, thực hiện dân chủ, tăng cường đồng thuận xã hội; giám sát, phản biện xã hội; tham gia xây dựng Đảng, Nhà nước, hoạt động đối ngoại nhân dân góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”⁵.

Mặt trận là tổ chức liên minh chính trị, là cơ sở chính trị, cơ sở xã hội của Nhà nước pháp quyền. Về mặt lý luận, liên minh mọi giai cấp, tầng lớp là một trong những vấn đề sống còn của cách mạng và của chế độ chính trị XHCN theo quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Một dân tộc chỉ trở thành một lực lượng to lớn, vô địch khi quảng đại quần chúng nhân dân được tập hợp, tổ chức lại thành một khối vững chắc, được trang bị một lý luận khoa học

⁵ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, 2013.

cách mạng, và được lãnh đạo bởi một chính đảng tiên phong. Xem xét trên khía cạnh thực tiễn, đại đoàn kết dân tộc chính là vấn đề then chốt, là sợi chỉ đỏ xuyên suốt con đường cách mạng của dân tộc ta. Nhìn lại lịch sử nước nhà có thể thấy rõ sự hưng thịnh của chính quyền nhà nước luôn có sự hậu thuẫn rất lớn của khối đại đoàn kết dân tộc. Sự thất bại của các phong trào yêu nước và giải phóng dân tộc vào đầu thế kỷ XX ở nước ta một phần xuất phát từ việc chưa huy động được sức mạnh của tinh thần đoàn kết trong nhân dân. Ngược lại, sự ra đời của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (năm 1945) là minh chứng hùng hồn cho sức mạnh bất diệt, vô song của tình đoàn kết dân tộc, tiếp thêm sức mạnh tinh thần để dân tộc ta đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác.

Ngày 12/12/2013, Ban Chấp hành Trung ương ban hành quyết định 217-QĐ/TW về việc ban hành Quy chế giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội đã tạo thêm nhiều công cụ quan trọng để Mặt trận Tổ quốc phát huy vai trò của mình trong xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. “Phản biện xã hội” là việc nhận xét, đánh giá, nêu chính kiến, kiến nghị đối với dự thảo các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước”⁶. Mục đích của phản biện xã hội “nhằm phát hiện những nội dung còn thiếu, chưa sát, chưa đúng, chưa phù hợp trong các văn bản dự thảo của các cơ quan Đảng, Nhà nước; kiến nghị những nội dung thiết thực, góp phần bảo đảm tính đúng đắn, phù hợp với thực tiễn đời sống xã hội và tính hiệu quả trong việc hoạch định chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của nhân dân; phát huy dân chủ, tăng cường đồng thuận xã hội”⁷.

Với tính chất là một liên minh chính trị và là tổ chức rộng lớn nhất của các tầng lớp nhân dân, đại diện cho ý chí, nguyện vọng chính đáng của toàn dân, việc giao chức năng phản biện xã hội cho Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là việc vô cùng cần thiết và đúng đắn.

⁶ BCHTW, Quyết định 217- QĐ/TW về việc ban hành Quy chế giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội, 12/12/2013.

⁷ BCHTW, Quyết định 217- QĐ/TW về việc ban hành Quy chế giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội, 12/12/2013.

Bản chất của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam đã được khẳng định tại Điều 2 của Hiến pháp năm 2013: “*Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân. Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam do Nhân dân làm chủ; tất cả quyền lực nhà nước thuộc về Nhân dân mà nền tảng là liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức. Quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp, kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp*”⁸.

Như vậy, bản chất của nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa mà Việt Nam đang xây dựng là nhà nước của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân; là nhà nước do Nhân dân làm chủ. Cho nên, rất cần Mặt trận Tổ quốc Việt Nam làm tốt chức năng phản biện xã hội của mình, tạo ra một môi trường dân chủ thực sự để người dân thực hiện quyền làm chủ của mình đối với đất nước; đồng thời tăng cường sự đồng thuận của nhân dân đối với các chủ trương, chính sách lớn của Đảng và Nhà nước, từ đó tạo nên sức mạnh vô song thúc đẩy đất nước ngày càng phát triển vững mạnh. Có thể khẳng định, hoạt động phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là một công cụ quan trọng để phát huy dân chủ và Nhân dân thực hiện quyền làm chủ của mình đối với các vấn đề trọng đại của đất nước, góp phần xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam dân giàu nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

2. Thực trạng hoạt động phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thời gian qua

Theo báo cáo của Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, công tác phản biện xã hội đã đạt kết quả bước đầu, MTTQ Việt Nam các cấp đã tích cực triển khai thực hiện phản biện xã hội, nhất là đối với các dự thảo văn bản của cơ quan nhà nước cùng cấp có liên quan trực tiếp đến quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của Nhân dân, quyền trách nhiệm của MTTQ Việt Nam. Qua đó, phát hiện những nội dung còn thiếu, chưa sát, chưa đúng, chưa phù hợp với thực tế cũng như với quy định của pháp luật và chủ trương của Đảng. Từ đó, có kiến nghị điều chỉnh, bổ sung những nội dung thiết thực, phù hợp, góp phần bảo đảm tính

⁸ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, 2013.

đúng đắn, phù hợp, đáp ứng với đòi hỏi thực tiễn và chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Trong 5 năm (2015-2020), Ban Thường trực Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam đã tổ chức phản biện xã hội được 8 dự án Luật, chủ yếu bằng hình thức hội nghị phản biện xã hội. Theo báo cáo chưa đầy đủ trong 5 năm qua, Ủy ban MTTQ Việt Nam các cấp ở cơ sở đã chủ trì tổ chức được 44.619 cuộc phản biện xã hội. Trong đó, MTTQ cấp tỉnh chủ trì phản biện xã hội được 2.166 cuộc; MTTQ cấp huyện chủ trì phản biện xã hội được 8.350 cuộc; MTTQ cấp xã chủ trì phản biện xã hội được 35.454 cuộc.

Nhiều ý kiến phản biện xã hội của MTTQ Việt Nam và của các tổ chức thành viên đã được các cơ quan soạn thảo tiếp thu, đánh giá cao, đã và đang trở thành một kênh thông tin quan trọng, cần thiết giúp Đảng, Nhà nước khi xem xét, quyết định các vấn đề trong công tác lãnh đạo, quản lý, điều hành đất nước. Hoạt động phản biện xã hội của MTTQ Việt Nam các địa phương đã tạo điều kiện để các tầng lớp nhân dân phát huy quyền làm chủ trong việc tham gia vào quá trình xây dựng các chính sách, quy định và các đề án, dự án, chương trình của địa phương có liên quan đến quyền và nghĩa vụ của nhân dân.

Tuy nhiên, công tác phản biện xã hội còn một số hạn chế, như: nhiều nơi còn lúng túng trong lựa chọn nội dung phản biện xã hội; chưa đưa ra được tiêu chí để lựa chọn nội dung phù hợp; kết quả phản biện xã hội chưa đều, phản biện còn ít; một số nơi làm hình thức, thụ động... Những hạn chế này có những nguyên nhân do phạm vi phản biện xã hội rộng, yêu cầu cao, trong khi nguồn lực con người và điều kiện vật chất của MTTQ Việt Nam có hạn; nhận thức của cán bộ Mặt trận và đối tượng được giám sát, của cấp ủy, chính quyền còn nhiều biểu hiện chưa đúng, chưa đầy đủ về nhiệm vụ này.

3. Một số giải pháp nâng cao chất lượng phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, góp phần xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa

Một là, hoàn thiện cơ chế pháp lý về phản biện xã hội

Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện cơ chế pháp lý, nhằm bảo đảm cho nhân dân kiểm tra, giám sát hoạt động của đảng viên, cán bộ, công chức và các tổ chức, cơ quan Đảng, Nhà nước, cũng như thực hiện phản biện xã hội đối với quá trình

xây dựng, hoạch định chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước. Hoàn thiện cơ chế về phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phải trên cơ sở quán triệt quan điểm của Đảng về mở rộng dân chủ, tạo điều kiện để nhân dân tham gia quản lý xã hội, thảo luận và quyết định những vấn đề quan trọng, tăng cường hoạt động giám sát của nhân dân, đồng thời luôn suy tôn quyền tối thượng của Hiến pháp và bảo đảm thực hiện nguyên tắc quyền lực nhà nước là thống nhất, song có sự phân công, phối hợp giữa các cơ quan trong việc thực hiện quyền lực nhà nước, xây dựng các thiết chế giám sát có hiệu quả, tránh sự chồng chéo về chức năng, nhiệm vụ, bảo đảm được tính thống nhất trong một cơ chế pháp lý hữu hiệu để nhân dân thực hiện quyền phản biện xã hội thông qua Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Nghiên cứu, xây dựng các dự án “Luật về hoạt động giám sát và phản biện xã hội”, cần quy định rõ về trách nhiệm của các bộ, ngành trước các yêu cầu phản biện của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, cũng như bảo đảm những điều kiện cần thiết cho việc thực hiện quyền và trách nhiệm của Mặt trận. Đó là những cơ sở pháp lý quan trọng để thực hiện tốt và có hiệu quả chức năng phản biện xã hội của Mặt trận đối với hoạt động của cơ quan Đảng, Nhà nước, góp phần tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước và phát huy quyền làm chủ của nhân dân thông qua Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Tổ chức tốt việc triển khai Luật Phòng, chống tham nhũng, chú trọng việc tăng cường hoạt động giám sát của nhân dân đối với cán bộ, đảng viên, công chức và các tổ chức, cơ quan Đảng, Nhà nước.

Hai là, tuyên truyền, phổ biến, giám sát việc thực hiện các quy định của Đảng và Nhà nước về phản biện xã hội

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cần phải có sự quan tâm thực hiện tổng hợp nhiều biện pháp, từ việc tiếp tục triển khai, tuyên truyền, tổ chức thực hiện có hiệu quả của các cấp Mặt trận các quy định về phản biện xã hội, kết quả, tác dụng của phản biện xã hội đến việc tổ chức hội nghị, hội thảo, nhằm rút kinh nghiệm, làm rõ những vướng mắc, bất cập, từ đó nâng cao nhận thức về phản biện xã hội.

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp phát huy vai trò chủ trì trong xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch phản biện xã hội hàng năm của Ủy ban Mặt trận Tổ

quốc Việt Nam. Lựa chọn nội dung mà nhân dân đang bức xúc, các cấp và cả xã hội đang quan tâm để phản biện xã hội. Phải soạn thảo tài liệu, xây dựng kế hoạch bồi dưỡng, tập huấn chuyên sâu cho cán bộ Mặt trận theo nội dung hàng năm. Mỗi cán bộ Mặt trận phải hiểu rõ quy định, quy trình, cách làm phản biện; phân công cán bộ làm phản biện xã hội; thực hiện tốt quy trình phản biện xã hội, từ khâu chuẩn bị, tổ chức thực hiện đến kiến nghị và theo dõi thực hiện kiến nghị sau phản biện; rút kinh nghiệm từng việc, biểu dương, khen thưởng kịp thời, từ đó nâng cao năng lực phản biện xã hội một cách thực chất.

Phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp phải phát huy các hình thức vận động, tuyên truyền, tập hợp, đoàn kết nhân dân thông qua các cuộc vận động, phong trào thi đua yêu nước để sâu sát, kịp thời nắm bắt và phản ánh ý kiến của nhân dân; phát hiện những vướng mắc, bất cập, sai sót trong tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật; thường xuyên, đột xuất, định kỳ phản ánh đến cấp ủy, chính quyền. Kết hợp nhiệm vụ lắng nghe ý kiến nhân dân, tuyên truyền vận động nhân dân thực hiện chính sách, pháp luật với nhiệm vụ phản biện xã hội, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân; lựa chọn thực hiện có hiệu quả 3 hình thức phản biện xã hội để đưa ra các ý kiến phản biện sắc sảo, sát thực, góp phần tăng đồng thuận xã hội, ổn định và phát triển.

Ba là, kết hợp góp ý với phản biện xã hội trong việc tham gia xây dựng chính sách, pháp luật

Coi trọng việc tham gia xây dựng chính sách, pháp luật của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, xem đây là một kênh quan trọng thể hiện ý chí, nguyện vọng của nhân dân. Xây dựng cơ chế cụ thể để việc lấy ý kiến tham gia xây dựng chính sách, pháp luật của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thực sự có hiệu quả với những hình thức và phương pháp thực hiện khoa học; phạm vi và hình thức tham gia tương xứng và phù hợp với vai trò, chức năng, nhiệm vụ của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức thành viên và các tổ chức xã hội khác, với chủ trương thực hiện xã hội hóa hoạt động xây dựng chính sách, pháp luật, tránh tình trạng nhiều dự án, dự thảo chính sách, pháp luật sau khi được đưa ra các cơ quan nhà nước có thẩm quyền thảo luận thì mới nhận được phản ứng từ phía dư luận xã hội.

Quy trình về xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật cần phải được thực hiện một cách dân chủ, khoa học. Đặc biệt là phải công khai lấy ý kiến rộng rãi của nhiều đối tượng khác nhau trong xã hội, nhất là đối tượng liên quan trực tiếp, chịu tác động trực tiếp của văn bản, có như vậy, văn bản quy phạm pháp luật được ban hành mới có tính khả thi cao.

Việc sửa đổi Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật cần làm rõ được các hình thức lấy ý kiến nhân dân, các nhà khoa học, các chuyên gia về dự thảo văn bản quy phạm pháp luật, cũng như giá trị pháp lý của mỗi loại; làm rõ thời điểm cần tiến hành lấy ý kiến, phạm vi lấy ý kiến, nội dung lấy ý kiến; bổ sung quy định về trách nhiệm giải trình, tiếp thu ý kiến đóng góp của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đối với các văn bản quy phạm pháp luật.

Bốn là, đào tạo, bồi dưỡng nhằm nâng cao kỹ năng phản biện xã hội cho đội ngũ cán bộ làm công tác Mặt trận.

Tổ chức biên tập, phổ biến tài liệu và tổ chức tập huấn thường xuyên về kỹ năng tổ chức phản biện xã hội cho đội ngũ cán bộ làm công tác Mặt trận các cấp (kể cả cán bộ của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và cán bộ của các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức thành viên khác của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam). Chú trọng bồi dưỡng và rèn luyện kỹ năng theo dõi, đôn đốc việc tiếp thu, phản hồi ý kiến phản biện xã hội của các cơ quan, tổ chức được phản biện. Tăng cường việc giao lưu, học hỏi kinh nghiệm và nhân rộng những mô hình tốt trong hoạt động phản biện xã hội; kịp thời rút kinh nghiệm đối với những cơ quan, tổ chức còn chưa quan tâm hoặc chưa thực hiện tốt hoạt động phản biện xã hội.

Năm là, tiếp tục xây dựng, hoàn thiện cơ chế huy động sự tham gia phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam của nhân dân, của báo chí và toàn xã hội. Theo dõi sát, đôn đốc kịp thời việc tiếp thu, phản hồi ý kiến của các cơ quan, tổ chức được phản biện xã hội và kịp thời phản ánh, kiến nghị với các cơ quan có thẩm quyền. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp, các tổ chức chính trị - xã hội chủ trì phản biện xã hội cần thường xuyên đôn đốc việc tiếp thu, phản hồi ý kiến của các cơ quan, tổ chức được phản biện xã hội.

Xây dựng Nhà nước pháp quyền là cách thức cơ bản để phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm tất cả quyền lực thuộc về Nhân dân; quyền lực nhà

nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp và kiểm soát giữa các cơ quan trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp. Chức năng phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là một chủ trương lớn và đúng đắn của Đảng và Nhà nước, qua đó giúp mặt trận thể hiện được đầy đủ vai trò lớn của mình trong việc xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc và xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân.